

---

---

# ĐẠI THỪA KHỞI TÍN LUẬN

---

GIẢNG GIẢI

---

---



## LỜI ĐẦU SÁCH

**G**iao pháp của đức Thích Tôn được truyền thừa qua các thời kỳ. Thời Nguyên thủy Phật giáo là thời đức Thích Tôn còn tại thế cho đến khoảng hai trăm năm sau khi đức Phật nhập Niết-bàn. Kế tiếp là thời kỳ Bộ phái Phật giáo, phân kỳ này giáo nghĩa Phật dạy được chư thánh đệ tử bàn thảo tận nguồn cao thâm, sau Phật Niết-bàn tám trăm năm, khoảng thế kỷ thứ III, các bộ phái Phật giáo phân lập đầy đủ và ý nghĩa Đại thừa Phật giáo cũng được tuyên bày. Chư tổ truyền thừa, chư đại Bồ-tát xuất thế. Bấy giờ những bậc tư tưởng lớn ra đời như Mã Minh, Long Thọ, Đề-bà, Vô Trước, Thế Thân... lần lượt phát huy giáo nghĩa Tâm học Đại thừa.

Tổ Mã Minh tạo Đại Thừa Khởi Tín Luận, nhằm chỉ ra thể đại, tướng đại, dụng đại của tâm. Luận dẫn “Tất cả pháp chân như bình đẳng không thêm không bớt.

Như Lai tạng tánh đầy đủ vô lượng công đức, hay sanh nhân quả thiện của thế và xuất thế gian... Chư Phật xưa nương đây, chư đại Bồ-tát cũng nương pháp này mà đến được đất Như Lai.”

Hòa thượng Trúc Lâm cũng nói đây là chỗ chí yếu. Tổ Mã Minh cốt chỉ cho chúng ta nhận ra tâm thể rộng lớn trùm khắp của mình, vững tin tu hành chắc chắn thành Phật. Từ chỗ lập cước này, Hòa thượng ân sư đã nhiều lần đem quyển Đại Thừa Khởi Tín Luận ra giảng dạy cho tăng ni tứ chúng trong các thiền viện. Lời giảng này được các học chúng ghi lại và biên tập thành sách. Tất cả đều chung một tấm lòng mong muốn cống hiến cho các thiện hữu tri thức học Phật, từ lời giảng dạy rạch ròi này mà có chỗ vào.

Thay mặt toàn thể chư huynh đệ trong Ban biên tập, tôi kính cẩn ghi đôi dòng giới thiệu. Nguyện đem công đức này hồi hướng về Hòa thượng ân sư được an tường, sống lâu nơi đời, giáo hóa chúng sanh viên mãn. Đồng nguyện khắp pháp giới chúng sanh đều trọn thành Phật đạo.

Thường Chiếu, ngày 08-12-2011

TM. BAN VĂN HÓA THƯỜNG CHIẾU

**THÍCH NHẬT QUANG**

# **SƠ LƯỢC TIỂU SỬ BỒ-TÁT MÃ MINH (AŚVAGHOṢA)**

(Cuối thế kỷ thứ V sau Phật Niết-bàn)

Bồ-tát người nước Ba-la-nại, hiệu Mã Minh cũng có hiệu là Công Thắng. Lúc sanh ngài ra và lúc nghe tiếng ngài thuyết pháp, các con ngựa ở gần đó đều cảm được mà hý vang, nên gọi ngài là Mã Minh. Lúc chưa xuất gia, ngài là một biện sĩ lỗi lạc, danh tiếng đồn vang cả quốc nội và quốc ngoại.

Sau khi được tổ Phú-na-dạ-xa độ cho xuất gia và truyền tâm ấn, ngài lại nổi tiếng là một nhà thuyết pháp tài tình. Bao nhiêu tà thuyết ngoại đạo đều bị ngài bẻ dẹp. Chính ngài là người thấp sáng ngọn đuốc Đại thừa ở đầu thế kỷ thứ VI sau Phật Niết-bàn.

Về sau ngài phó pháp cho tổ thứ mười ba là Ca-tỳ-ma-la với bài kệ:

*Ẩn hiển tức bốn pháp,  
Minh ám nguyên bất nhị.  
Kim phó ngộ liễu pháp,  
Phi thủ diệt phi khí.*

Dịch:

*Ẩn hiển tức pháp này,  
Sáng tối nguyên không hai.  
Nay truyền pháp liễu ngộ,  
Không lấy cũng chẳng bỏ.*

Truyền pháp xong, ngài vào chánh định hiện tướng viên tịch. Tổ Ca-tỳ-ma-la và đồ chúng đem chân thể của ngài để vào khám thờ.

Ngài là vị tổ thứ mười hai của Thiền tông, cũng là một vị Pháp sư làm sáng tỏ giáo pháp Đại thừa. Ngài sáng tác ba bộ luận.

- Đại Thừa Khởi Tín Luận.
- Đại Tông Địa Huyền Văn Bản Luận.
- Sự Sư Pháp Ngũ Thập Tụng.

Nổi tiếng nhất là bộ Đại Thừa Khởi Tín Luận, đến hiện giờ những nước Phật giáo Đại thừa vẫn truyền dạy bộ luận này.



# LƯỢC KHẢO LỊCH SỬ PHIÊN DỊCH

## I. Dịch Phạn - Hán

Từ chữ Phạn ra chữ Hán có hai nhà:

1. Ngài Ba-la-mật-đà (Paramārtha 499-569 TL), Trung Hoa dịch là Chân Đế. Ngài người Tây Ấn, ở nước Ưu-thiên-ni (Ujjayana). Ngài sang Trung Hoa đến Quảng Châu nhằm niên hiệu Đại Đồng thứ mười hai (546), đến Trung Áp yết kiến vua Lương Võ Đế vào niên hiệu Thái Thanh thứ hai (548). Vua Lương Võ Đế thỉnh ở lại dịch kinh, nhưng gặp lúc loạn Hầu Cảnh nổi lên, ngài phải đi lánh nạn nhiều nơi. Đến niên hiệu Thừa Thánh thứ ba (554), ngài ở lại chùa Kiến Hưng quận Thủy Hưng xứ Hàng Châu, hợp tác với ngài Trí Khải dịch nhiều bộ luận khác.

Như vậy, bộ luận này dịch từ chữ Phạn ra chữ Hán vào giữa thế kỷ thứ VI.

2. Ngài Thật-xoa-nan-đà (Śikṣānda 652-710 TL), Trung Hoa dịch là Học Hỷ. Ngài người nước Vu Điền

(Kustana - Cù-đát-tát-na), sang Trung Hoa vào đời Đường niên hiệu Chứng Thánh năm đầu (695), hoàng đế Võ Tắc Thiên thỉnh ngài ở tại Lạc Dương. Đến niên hiệu Thánh Lịch năm thứ ba (700) ngài ở tại chùa Thọ Ký dịch kinh Hoa Nghiêm và bộ luận này.

Như vậy lần dịch thứ hai vào đầu thế kỷ thứ VIII.

Đó là hai bản dịch từ chữ Phạn ra chữ Hán trước sau hơn một thế kỷ.

## II. Phân số giải

1. Ngài Trí Khải đời Trần, “Khởi Tín Luận nhất tâm nhị môn đại ý”, một quyển.

2. Ngài Đàm Diên đời Tùy, “Khởi Tín Luận nghĩa số”.

3. Ngài Huệ Viễn đời Tùy, “Đại Thừa Khởi Tín Luận nghĩa số”, bốn quyển.

4. Ngài Nguyên Hiểu người Triều Tiên, “Khởi Tín Luận số ký hội bản”, sáu quyển.

5. Ngài Thái Hiền người Triều Tiên, “Khởi Tín Luận nội nghĩa lược thám ký”, một quyển.

6. Ngài Kiến Đăng đời Đường, “Khởi Tín Luận đồng dị lược tập”, hai quyển.

7. Ngài Pháp Tạng đời Đường, “Đại Thừa Khởi Tín Luận nghĩa ký”, ba quyển; “Đại Thừa Khởi Tín Luận nghĩa ký biệt ký”, một quyển.

8. Ngài Chân Giới đời Minh, “Khởi Tín Luận toàn chú”, hai quyển.

9. Ngài Chánh Viễn đời Minh, “Khởi Tín Luận tiếp yếu”, hai quyển.

10. Ngài Thông Nhuận đời Minh, “Khởi Tín Luận tục số”.

11. Ngài Đức Thanh đời Minh, “Khởi Tín Luận trực giải”, hai quyển.

12. Ngài Tục Pháp đời Thanh, “Khởi Tín Luận số ký hội duyệt quyển thủ” một quyển. “Khởi Tín Luận số ký hội duyệt”, mười quyển.

13. Ngài Trí Húc đời Minh, “Khởi Tín Luận liệt võng số”, sáu quyển.

14. Ngài Pháp Mẫn đời Đường, “Thích Ma-ha-diễn Luận số”, hai quyển.

15. Ngài Thánh Pháp đời Đường, “Thích Ma-ha-diễn Luận ký”, một quyển.

16. Ngài Pháp Ngộ đời Tống, “Thích Ma-ha-diễn Luận tán huyền số”, năm quyển.

17. Ngài Phổ Quan đời Tống, “Thích Ma-ha-diễn Luận ký”, sáu quyển.

18. Ngài Chí Phúc đời Tống, “Thích Ma-ha-diễn thông huyền sao”, bốn quyển.

19. Pháp sư Bảo Tịnh, “Khởi Tín Luận diễn nghĩa” xuất bản năm 1967 (Phật lịch 2510).

...

Như vậy có rất nhiều nhà giảng giải tiếng Hán về quyển Đại Thừa Khởi Tín Luận này.





# ĐẠI THỪA KHỞI TÍN LUẬN GIẢNG GIẢI

**T**ôi giảng bản luận Đại Thừa Khởi Tín này dựa theo bản dịch của ngài Tam Tạng Chân Đế. *Đại Thừa Khởi Tín* tức là khởi niềm tin về Đại thừa. Tăng ni và hàng Phật tử tu hành theo đạo Phật ở Trung Hoa, Nhật Bản, Việt Nam, Triều Tiên... gọi là hệ thống Phật giáo Đại thừa hay gọi là Phật giáo Bắc truyền.

Chúng ta tin Đại thừa là sao? Như nghe trong kinh Pháp Hoa nói “người nào tụng kinh Pháp Hoa nhiều có phước vô lượng vô biên, cầu con trai được con trai, cầu con gái được con gái, cầu tài lợi được tài lợi...” thế nên tụng hoài mỗi tháng. Chúng ta tin và gắng tụng xong một bộ kinh, cho vậy là đã đủ niềm tin Đại thừa, vì Pháp Hoa là kinh Đại thừa. Như vậy có đúng không? Nếu thật tình chúng ta tin Đại thừa thì đâu có những

câu nói “tụng kinh Pháp Hoa thì mát mẻ, muốn cầu tài lợi... cầu cái gì được cái đó, còn tụng kinh Kim Cang thì nóng bức khô khan, rồi sanh sân hận...” Nói như thế chỉ là mê tín chứ không phải tin Đại thừa. Luận Đại Thừa Khởi Tín là bộ luận do tổ Mã Minh viết để người tu học Đại thừa có đầy đủ niềm tin về Đại thừa đúng như lời Phật dạy, chứ không phải tin một cách lệch lạc sai lầm.

**Âm:**

**Quy mạng tận thập phương  
Tối thắng nghiệp biến tri  
Sắc vô ngại tự tại  
Cứu thế đại bi giả,  
Cập bĩ thân thể tướng  
Pháp tánh chân như hải  
Vô lượng công đức tạng  
Như thật tu hành đẳng.  
Vị dục linh chúng sanh  
Trừ nghi xả tà chấp  
Khởi Đại thừa chánh tín  
Phật chủng bất đoạn cố.**

**Dịch:**

*Quy mạng cùng tột cả mười phương  
Đáng nghiệp tối thắng, trí biết khắp  
Sắc hình đều vô ngại tự tại  
Là đức Đại bi cứu giúp đời,*

*Và với thể tướng của thân kia  
 Biến pháp tánh chân như rộng lớn  
 Là kho tàng vô lượng công đức  
 Cùng các vị như thật tu hành.  
 Vì muốn khiến tất cả chúng sanh  
 Trừ hết nghi ngờ bỏ tà chấp  
 Phát khởi chánh tín về Đại thừa  
 Cho hạt giống Phật không đoạn dứt.*

**Giảng:**

Những vị Bồ-tát, những đệ tử lớn của Phật, muốn viết những quyển luận giải thích về kinh Phật, trước hết đều tán dương Tam bảo. Vì vậy, mở đầu quyển luận này tổ Mã Minh cũng tán dương Tam bảo.

*Quy mạng tận thập phương  
 Tối thắng nghiệp biến tri  
 Sắc vô ngại tự tại  
 Cứu thế đại bi giả.*

*Dem hết thân mạng quy hướng về mười phương  
 chư Phật, là những đấng nghiệp đã tối thắng và biết  
 khắp. Trước hết quy mạng Phật. Phật là một vị trí tuệ  
 sáng suốt, hành động, ngôn ngữ, ý niệm đều thù thắng  
 hơn tất cả. Thân được tự tại, phát lòng cứu hộ tất cả  
 chúng sanh, nên nói ngài là Nghiệp tối thắng, là Biến tri,  
 là Sắc tự tại, là Cứu thế đại bi.*

*Cập bỉ thân thể tướng  
 Pháp tánh chân như hải  
 Vô lượng công đức tạng  
 Như thật tu hành đẳng.*

Và với thể tướng của thân kia: chỉ cho từ nơi đức Phật ba nghiệp đã thanh tịnh thù thắng. *Biển pháp tánh chân như rộng lớn*: ngài tuyên dương chánh pháp, lưu lại cho đời sau, mới nói ra biển pháp tánh chân như đầy đủ. Là kho tàng vô lượng công đức. Ba câu này là quy mạng Pháp. Cùng các vị như thật tu hành là quy mạng về Tăng. Tăng là những vị hiền thánh y theo pháp của Phật tu hành chân thật.

Đó là ngài đem hết tâm thành kính cần quy hướng về Tam bảo trước khi viết quyển luận. Kế đến ngài nói về bản ý tạo luận.

*Vị dục linh chúng sanh  
 Trừ nghi xả tà chấp  
 Khởi Đại thừa chánh tín  
 Phật chủng bất đoạn cố.*

Vì muốn khiến tất cả chúng sanh, trừ hết nghi ngờ bỏ tà chấp, phát khởi chánh tín về Đại thừa, cho hạt giống Phật không đoạn dứt. Ngài làm luận này là muốn khiến cho tất cả chúng sanh hết nghi ngờ và bỏ tà chấp, cùng khởi lòng tin Đại thừa một cách chân chánh, hạt giống Phật luôn luôn được tiếp nối sanh trưởng chứ không bị tiêu mất. Đó là mục tiêu chính mà ngài tạo luận.

**Âm:**

**Luận viết:** Hữu pháp năng khởi Ma-ha-diễn tín căn, thị cố ứng thuyết.

**Dịch:**

*Luận nói: Có pháp hay khởi về tín căn Đại thừa, thế nên phải nói.*

**Giảng:**

Có pháp làm cho chúng ta khởi được niềm tin sâu về Đại thừa. Vì muốn người tin Đại thừa, mà không có phương pháp thì làm sao tin được, nên ngài phải nói ra để chúng ta nhận mà tin.

**Âm:**

**Thuyết hữu ngũ phân. Vân hà vi ngũ? Nhất giả nhân duyên phân. Nhị giả lập nghĩa phân. Tam giả giải thích phân. Tứ giả tu hành tín tâm phân. Ngũ giả khuyến tu lợi ích phân.**

**Dịch:**

*Nói có năm phân. Thế nào là năm?*

*Một là phân nhân duyên. Hai là phân lập nghĩa. Ba là phân giải thích. Bốn là phân tín tâm tu hành. Năm là phân khuyến tu lợi ích.*

**Giảng:**

Quyển luận này chia làm năm phân:

- Phần thứ nhất nói về nhân duyên.
- Phần thứ hai nói về lập nghĩa.

- Phần thứ ba giải thích.
- Phần thứ tư nói về tín tâm tu hành.
- Phần thứ năm khuyên tu lợi ích.

Như trong kinh Lăng-nghiêm mở đầu cũng là *phân nhân duyên*, ngài A-nan hỏi Phật. Kế là *phân lập nghĩa*, đức Phật muốn chỉ ra nơi chúng ta có cái bất sanh bất diệt, nên ngài hỏi A-nan về tâm để A-nan đưa ra những cái chấp sanh diệt. Ngài phá hết những cái chấp đó, sau mới chỉ ra cái chân thật. Đến *phần giải thích*, đức Phật giải thích rõ để A-nan ngộ. Sau khi ngộ A-nan hỏi đường lối tu hành, giống như phần thứ tư *tín tâm tu hành* của luận này. Cuối cùng là *khuyên tu*.

Thế nên Phật tổ đều không khác ý, nghĩa là chư tổ đều theo ý Phật mà lập những quyển luận tương tự. Mở đầu nói nhân duyên làm luận, kế lập nghĩa cho vững. Sau khi lập nghĩa, giải thích đầy đủ, người ta tin nhận rồi, mới dạy chuyên tu. Khi dạy tu rồi mới kết luận lại là khuyên tu có lợi ích gì... Đó là năm phần của quyển luận này.



## PHẦN NHÂN DUYÊN

**Âm:**

**Sơ thuyết nhân duyên phân.**

**Vấn viết:** Hữu hà nhân duyên nhi tạo tử luận?

**Đáp viết:** Thị nhân duyên hữu bát chủng. Vân hà vi bát? Nhất giả nhân duyên tổng tướng, sở vị vi linh chúng sanh ly nhất thiết khổ đăc cứu cánh lạc, phi cầu thế gian danh lợi cung kính cố. Nhị giả vi dục giải thích Như Lai căn bản chi nghĩa, linh chư chúng sanh chánh giải bất mậu cố. Tam giả vi linh thiện căn thành thực chúng sanh ư Ma-ha-diễn pháp kham nhậm bất thối tín cố. Tứ giả vi linh thiện căn vi thiếu chúng sanh, tu tập tín tâm cố. Ngũ giả vi thị phương tiện tiêu ác nghiệp chướng, thiện hộ kỳ tâm, viễn ly si mạn, xuất tà vọng cố. Lục giả vi thị tu tập chỉ quán, đối trị phàm phu Nhị thừa tâm quá cố. Thất giả vi thị chuyên niệm phương tiện

sanh ư Phật tiền, tất định bất thối tín tâm cố. Bát giả vị thị lợi ích khuyến tu hành cố. Hữu như thị đẳng nhân duyên sở dĩ tạo luận.

**Dịch:**

*Ban đầu nói về phần nhân duyên.*

*Hỏi: Có nhân duyên gì mà tạo luận này?*

*Đáp: Nhân duyên ấy có tám. Thế nào là tám?*

*Một là nhân duyên chung, nghĩa là vì khiến chúng sanh lìa tất cả khổ được cứu cánh an vui, chẳng phải cầu danh lợi cung kính thế gian.*

*Hai là vì muốn giải thích nghĩa căn bản của Như Lai, khiến cho chúng sanh hiểu một cách rõ ràng đúng đắn không lầm lẫn.*

*Ba là vì khiến những chúng sanh có thiện căn thành thực, đối với pháp Đại thừa kham nhận không lui sụt niềm tin.*

*Bốn là vì khiến chúng sanh thiện căn kém mỏng tu tập tín tâm.*

*Năm là vì chỉ bày phương tiện để tiêu trừ nghiệp chướng ác, khéo hộ niệm tâm tu hành của mình, xa lìa si mạn, ra khỏi lưới tà chấp.*

*Sáu là vì chỉ bày tu tập chỉ quán, đối trị tâm bệnh của phàm phu và Nhị thừa.*

*Bảy là vì chỉ bày phương tiện chuyên niệm sanh về trước Phật, quyết định tín tâm không lui sụt.*

***Tám là vì chỉ bày sự lợi ích để khuyên tu hành.  
Vì những nhân duyên như thế mới tạo ra luận này.***

**Giải:**

Đây nói về các nhân duyên.

*Một là nhân duyên chung, nghĩa là vì khiến chúng sanh lìa tất cả khổ được cứu cánh an vui, chẳng phải cầu danh lợi cung kính thế gian.*

Sở dĩ ngài làm quyển luận này là muốn khiến cho chúng sanh lìa tất cả những đau khổ và được an vui tột cùng, chứ không phải vì cầu danh lợi cung kính ở thế gian.

Chúng ta thấy rõ, người xưa làm một điều gì để lưu lại hậu thế là vì lợi ích cho chúng sanh, không phải vì tham cầu danh. Nếu người làm việc gì vì muốn có tiếng tăm với hậu thế, đó là vì danh chứ không phải vì đạo. Ở đây, vì đạo tức là làm cho chúng sanh hết khổ, đem lại an lạc cho mọi người. Làm với lòng từ bi thương xót, cứu khổ ban vui cho chúng sanh, không phải làm vì danh vì lợi, vì muốn người cung kính mình. Đó là ý nghĩa của nhân duyên thứ nhất.

*Hai là vì muốn giải thích nghĩa căn bản của Như Lai, khiến cho chúng sanh hiểu một cách rõ ràng đúng đắn không lầm lẫn.*

Mục đích thứ hai của bộ luận này, tổ Mã Minh cố tình giải thích nghĩa cội gốc của Phật dạy, khiến cho chúng ta nghe và nhận hiểu đúng. Vì từ trước đến nay chúng ta nghe lời Phật dạy mà không hiểu đến nơi, hoặc hiểu sai lầm nên không thấy được lợi ích an lạc.

*Ba là vì khiến những chúng sanh có thiện căn thành thực, đối với pháp Đại thừa kham nhận không lui sụt niềm tin.*

Những người tu hành thiện căn đã chín muồi, khi nghe luận này, có thể gánh vác được pháp Đại thừa, lòng tin của họ không còn lui sụt. Đó là nhân duyên thứ ba.

*Bốn là vì khiến chúng sanh thiện căn kém mỏng tu tập tín tâm.*

Những người thiện căn kém mỏng, nghe luận Đại Thừa Khởi Tín này rồi, cũng có được niềm tin mà tu tập theo Đại thừa, không đến nỗi phải bỏ cuộc. Đó là nhân duyên thứ tư.

*Năm là vì chỉ bày phương tiện để tiêu trừ nghiệp chướng ác, khéo hộ niệm tâm tu hành của mình, xa lìa bệnh si mạn, ra khỏi lưới tà chấp.*

Ngài chỉ cho chúng ta những phương tiện để dẹp trừ chướng ác, ủng hộ tâm lành của chúng ta, xa lìa bệnh si mạn và dứt hết những tà chấp. Đó là nhân duyên thứ năm.

*Sáu là vì chỉ bày tu tập chỉ quán, đối trị tâm bệnh của phàm phu và Nhị thừa.*

*Bảy là vì chỉ bày phương tiện chuyên niệm sanh về trước Phật, quyết định tín tâm không lui sụt.*

*Tám là vì chỉ bày sự lợi ích để khuyến tu hành.*

Tám nhân duyên này nói lên mục đích tạo ra bộ luận, tất cả vì chỉ dạy cho chúng sanh tùy theo căn cơ sâu cạn đều đạt được lợi ích thiết thực.

Sau khi đã nói về nhân duyên tạo luận rồi, ngài lại đặt câu hỏi như có người cật vấn, để chúng ta thấy rõ ý nghĩa tạo luận càng tường tận hơn.

**Âm:**

**Vấn viết:** Tu-đa-la trung cụ hữu thử pháp, hà tu trùng thuyết?

**Đáp viết:** Tu-đa-la trung tuy hữu thử pháp, dĩ chúng sanh căn hạnh bất đẳng, thọ giải duyên biệt. Sở vị Như Lai tại thế chúng sanh lợi căn, năng thuyết chi nhân sắc tâm nghiệp thắng, viên âm nhất diễn dị loại đẳng giải, tác bất tu luận. Nhược Như Lai diệt hậu, hoặc hữu chúng sanh năng dĩ tự lực, quảng văn nhi thủ giải giả. Hoặc hữu chúng sanh diệc dĩ tự lực, thiếu văn nhi đa giải giả. Hoặc hữu chúng sanh vô tự tâm lực, nhân ư quảng luận nhi đắc giải giả. Tự hữu chúng sanh phục dĩ quảng luận văn đa vi phiền, tâm nhạo tổng trì thiếu văn nhi nhiếp đa nghĩa năng thủ giải giả.

Như thị, thử luận vị dục tổng nhiếp Như Lai quảng đại thâm pháp vô biên nghĩa cố, ưng thuyết thử luận.

**Dịch:**

**Hỏi:** Trong kinh điển đã có đầy đủ pháp này vì sao còn nói lại?

**Đáp:** Trong kinh điển tuy có pháp này, nhưng do chúng sanh căn hạnh chẳng đồng nên nhận hiểu có sai khác. Nghĩa là khi Như Lai còn ở đời,

*chúng sanh lợi căn, người nói pháp có nghiệp thân tâm thù thắng, viên âm một thời diễn ra, những loài khác nhau thấy đều hiểu được, không cần làm luận.*

*Sau khi Như Lai diệt độ, hoặc có chúng sanh hay do tự lực, nghe rộng nhiều mà nhận hiểu. Hoặc có chúng sanh cũng do tự lực, nghe ít lại hiểu được nhiều. Hoặc có chúng sanh không có sức của tự tâm, nên nhân nói rộng mới được hiểu. Hoặc có chúng sanh lại cho những bộ luận nói rộng nhiều là phiền toái, tâm ưa tổng trì (gom lại) ít văn mà nhiếp được nhiều nghĩa mới hay nhận hiểu.*

*Như thế, luận này vì muốn tổng nhiếp nghĩa vô biên và pháp sâu xa rộng lớn của Như Lai, nên nói ra luận này.*

### **Giảng:**

Sau khi nghe ngài nói những nhân duyên tạo luận, có người đặt câu hỏi: Trong kinh điển đã có đầy đủ pháp này vì sao ngài còn lập lại?

Ý nghi rằng, trong kinh đức Phật đã nói đầy đủ ý nghĩa Đại thừa, tại sao ngài còn làm luận nói cho người ta tin Đại thừa? Cái không có thì mình phải làm, còn cái đã có mà làm có phải là thừa hay không?

Ngài đưa ra nhiều trường hợp để giải thích lý do tạo luận. Trường hợp thứ nhất, khi đức Phật còn tại thế, lúc đó hạng chúng sanh lợi căn gặp Phật, tâm cơ bén nhạy, nghe lời Phật nói liền nhận hiểu. Đó là đứng về người nghe pháp, đứng về người nói pháp là đức Phật,

nơi ngài sắc tâm đều thù thắng. Bây giờ chúng ta cũng nói pháp, nhưng sắc tâm không thù thắng nên người nghe khó nhận khó hiểu, không có sự cảm ứng mãnh liệt như đối với đức Phật. Ngay nơi đức Phật, một khi tiếng ngài nói ra các loài khác nghe đều biết được hết. Kinh Phật nói đã đủ, nên không cần tạo luận.

*Sau khi Như Lai diệt độ, hoặc có chúng sanh hay do tự lực, nghe nhiều mà nhận hiểu. Hoặc có chúng sanh cũng do tự lực, nghe ít lại hiểu được nhiều.*

Trường hợp sau khi Phật diệt độ, có những chúng sanh do sức tự lực mạnh, nên nghe nhiều liền nhận hiểu. Hoặc có chúng sanh cũng do tự lực nghe ít lại hiểu nhiều. Đây là hai trường hợp tuy không gặp Phật nhưng căn cơ người nghe mạnh mẽ nên nghe kệ kinh cũng hiểu không cần tạo luận.

*Hoặc có chúng sanh không có sức của tự tâm, nên nhân nói rộng mới được hiểu. Hoặc có chúng sanh lại cho những bộ luận nói rộng nhiều là phiền toái, tâm ưa tổng trì (gom lại) ít văn mà nhiếp được nhiều nghĩa mới hay nhận hiểu.*

Trường hợp thứ tư, có những chúng sanh ngay tự tâm họ không có sức mạnh, nhưng nhờ chư tổ giảng giải rộng, sau khi đọc các bộ luận của chư tổ, họ sẽ nhận hiểu được.

Trường hợp thứ năm, có những chúng sanh đọc những quyển luận dài, ngán quá đọc không nổi, còn những quyển luận nhỏ tóm kết lại thì đọc dễ hiểu.

Như nếu bảo chúng ta đọc luận Đại Trí Độ cả trăm quyển, nhìn thấy dày cộm, không đọc nổi. Còn luận Đại Thừa Khởi Tín rất gọn, chỉ đọc vài tiếng đồng hồ là hết, tuy văn ít nhưng thâm tóm nhiều nghĩa, có thể đọc hiểu được. Do đó ngài tạo luận là nhắm vào hạng chúng sanh này.

Bởi văn ít mà nghĩa nhiều, nên chư tổ sau này thấy cô đọng quá, phải sớ giải rất công phu. Ở đây chúng tôi giảng thẳng chánh văn của tổ Mã Minh là muốn dành riêng cho những người đọc văn ít mà có chứa đựng nhiều nghĩa, mới thấy thâm thúy, hiểu rồi tu.

*Như thế, luận này vì muốn tổng nhiếp nghĩa vô biên và pháp sâu xa rộng lớn của Như Lai, nên nói ra luận này.*

Trong phần nhân duyên, tổ Mã Minh đã nói rõ tám nhân duyên và mục đích tạo luận. Bộ luận này ngài viết rất gọn, cô đọng nghĩa vô biên thâm sâu của kinh điển Đại thừa, để chúng ta ngay nơi đó nhận được thâm ý của Phật, phát khởi lòng tin mà tiến tu.



## PHẦN LẬP NGHĨA

**Âm:**

**Dĩ thuyết nhân duyên phần. Thứ thuyết lập nghĩa phần.**

**Ma-ha-diễn giả tổng thuyết hữu nhị chủng. Vân hà vi nhị? Nhất giả pháp, nhị giả nghĩa. Sở ngôn pháp giả, vị chúng sanh tâm. Thị tâm tắc nhiếp nhất thiết thế gian pháp xuất thế gian pháp, y ư thủ tâm hiển thị Ma-ha-diễn nghĩa. Hà dĩ cố? Thị tâm chân như tướng, tức thị ma-ha-diễn thể cố; thị tâm sanh diệt nhân duyên tướng, năng thị ma-ha-diễn tự thể tướng dụng cố.**

**Dịch:**

***Đã nói phần nhân duyên. Kế nói phần lập nghĩa.***

***Đại thừa (Ma-ha-diễn) gồm có hai thứ. Thế nào là hai? Một là pháp, hai là nghĩa. Nói là pháp đó, nghĩa là tâm chúng sanh. Tâm ấy gồm tất cả pháp***

*thế gian và xuất thế gian, y nơi tâm này mà hiển bày nghĩa Đại thừa. Vì có sao? Vì tâm ấy là tướng chân như, tức hiển bày thể Đại thừa. Tâm ấy là tướng nhân duyên sanh diệt, hay hiển bày tướng dụng của tự thể Đại thừa.*

### **Giảng:**

Phân lập nghĩa này, tổ Mã Minh đã chỉ cho chúng ta biết về Đại thừa. *Đại thừa có hai thứ, một là pháp hai là nghĩa.*

Đứng về mặt pháp mà nói, pháp Đại thừa tức là chỉ cho tâm chúng sanh. Mỗi chúng ta đều có bản tâm, bản tâm đó gọi là pháp Đại thừa. Tại sao gọi tâm ấy là pháp Đại thừa? Ngài giải thích: *Vì tâm ấy hay nhiếp tất cả pháp thế gian và xuất thế gian.* Tâm chúng ta bao trùm khắp thế gian và xuất thế gian, không một pháp nào ngoài tâm mà có, tâm rộng lớn vô cùng nên gọi là Đại thừa. Đây là điều khó hiểu khó tin, chúng ta học Đại thừa bao nhiêu năm rồi, đến đó vẫn chưa tin. Vì thế Tổ phải tạo luận này để đình ninh chỉ dạy.

*Y nơi tâm này hiển bày nghĩa Đại thừa.* Nếu không tin được tâm bao trùm cả pháp thế gian và xuất thế gian, là không bao giờ hiểu được nghĩa Đại thừa.

Ý nghĩa này phù hợp với kinh Phật. Như trong kinh Lăng-nghiêm, Phật nói: “Hư không sanh trong biển đại giác, chẳng khác nào hòn bọt ở trong biển cả.” Hư không ở trong tâm đại giác của chúng sanh như là hòn bọt trong biển cả, vậy tâm chúng sanh bao lớn?

Hư không bao trùm tất cả thế gian, mà ở trong tâm đại giác còn như hòn bọt trong biển cả. Tâm đại giác rất rộng lớn, tin được tâm đó mới gọi là tin Đại thừa.

*Vì có sao? Vì tâm ấy là tướng chân như, tức hiển bày thể Đại thừa.* Đại thừa tức là tâm thể thanh tịnh như như bất động của mỗi chúng ta. Tinh thần Đại thừa là tinh thần chỉ cho chúng ta nhận ra ngay chính nơi mình có tánh thể rộng lớn vô cùng vô tận.

Chúng ta thử nghiệm xét điều này. Trong lúc ngồi thiền hoặc đi đứng nằm ngồi, lúc tâm không dấy niệm, khi ấy tâm có tướng trạng gì không? Lúc đó tâm lặng lẽ như như, không có tướng trạng. Nếu có tướng trạng mới có phạm vi khu biệt, còn không có tướng trạng tức là trùm khắp. Muốn trở về tâm chân như chỉ cần hết niệm.

Tâm sanh diệt bị hoại luôn luôn, ví như vọng tưởng vừa mới sanh khởi liền tiêu diệt, vì thế nó không thật, nên hư vọng giả dối. Tâm chân như là tâm lặng lẽ, chân thật, *Chân* là không có cái gì làm cho nó hoại được, *Như* là trước sau không đổi dời, ba thời không thay đổi. Chính tâm chân như thanh tịnh của mỗi chúng ta đó là thể Đại thừa. Tin được điều này là tin Đại thừa. Ngay từ buổi đầu chúng ta đi vào Đại thừa phải nhận ra điều này, nếu không nhận ra thì chưa phải là tin Đại thừa.

*Tâm ấy là tướng nhân duyên sanh diệt, hay hiển bày tướng dụng của tự thể Đại thừa.* Tâm ấy gồm cả hai mặt, một mặt là chân như, là tướng bất sanh bất diệt,

nên là thể của Đại thừa. Mặt khác lại gồm hết những nhân duyên sanh diệt, nên hiển bày tướng dụng của tự thể Đại thừa.

Trong đây dùng chữ pháp Đại thừa để chỉ cho tâm chúng sanh, nhưng tâm này không phải là tâm suy nghĩ tính lường. Nếu cho tâm suy nghĩ tính lường đó là tâm chúng sanh, thì chỉ nhận có một phần sanh diệt, chưa nhận ra phần chân như. Ở đây nói Đại thừa là gồm cả hai phần: chân như và sanh diệt. Tất cả pháp thế gian đều nằm trong sanh diệt, còn tất cả pháp xuất thế gian đều trở về chân như. Tâm này bao trùm hết pháp thế gian và xuất thế gian, gồm hết pháp sanh diệt và bất sanh diệt, là chân như. Như vậy, tâm này lớn vô cùng vô tận, tin được tâm này là tin Đại thừa.

Chư Phật và chư tổ dạy không khác. Như bài kệ truyền pháp của đức Phật cho ngài Ca-diếp có câu: “Pháp bổn pháp vô pháp”, chữ Pháp là chỉ cho tâm này gồm cả thế gian và xuất thế gian, nên nói pháp mà không phải pháp. Vì sao? Vì tất cả pháp thế gian mà mình biết, đối với pháp đó không sánh bằng, nên nói pháp mà không phải pháp. Nhưng vì nó bao trùm hết cả pháp thế gian và xuất thế gian nên tạm nói là Pháp, mà không phải như pháp thế gian và xuất thế gian chúng ta thấy.

Chúng ta thấy Phật dạy như vậy, tổ Mã Minh thừa hưởng gia bảo của Phật để lại cũng nói rõ như vậy. Tổ nói pháp Đại thừa cũng chỉ cho tâm chúng sanh, bao trùm cả pháp thế gian và xuất thế gian. Tâm đó mọi người đều có sẵn, phù hợp với kinh Hoa Nghiêm nói: “Quyển kinh lượng bằng tam thiên đại thiên thế giới,

nhét trong một hạt bụi nhỏ.” Tâm chúng ta không phải nhỏ, vì lượng bằng tam thiên đại thiên, nhưng vì theo vọng niệm nên bị nhét trong hạt bụi nhỏ. Khi hết vọng niệm trở về chân như gọi là Phật tánh hay pháp thân, mới thật là rộng lớn.

### **Âm:**

**Sở ngôn nghĩa giả, tác hữu tam chủng. Vân hà vi tam? Nhất giả Thế đại, vị nhất thiết pháp chân như bình đẳng bất tăng giảm cố. Nhị giả Tướng đại, vị Như Lai tạng cụ túc vô lượng tánh công đức cố. Tam giả Dụng đại, năng sanh nhất thiết thế gian xuất thế gian thiện nhân quả cố.**

**Nhất thiết chư Phật bản sở thừa cố, nhất thiết Bồ-tát giai thừa thừa pháp đáo Như Lai địa cố.**

### **Dịch:**

*Nói về nghĩa, có ba. Thế nào là ba? Một là Thế đại, nghĩa là vì tất cả pháp chân như bình đẳng không thêm không bớt. Hai là Tướng đại, nghĩa là vì Như Lai tạng đầy đủ vô lượng tánh công đức. Ba là Dụng đại, vì hay sanh tất cả nhân quả thiện của thế gian và xuất thế gian.*

*Chư Phật xưa nương đây, tất cả chư Bồ-tát cũng nương pháp này mà đến được đất Như Lai.*

### **Giảng:**

Sau khi thành lập Đại thừa là tâm chúng sanh, tiếp theo nói ý nghĩa rộng lớn của tâm ấy.

*Nói về nghĩa có ba:*

*Một là thể đại, nghĩa là vì tất cả pháp chân như bình đẳng không thêm không bớt. Thể ấy lớn vô cùng vô tận, trùm khắp hết không sót không thừa, nên gọi là thể đại.*

*Hai là tướng đại, nghĩa là vì trong Như Lai tạng đầy đủ vô lượng công đức. Bao nhiêu công đức đều gồm đầy đủ trong Như Lai tạng nên gọi là tướng đại.*

*Ba là dụng đại, vì hay sanh tất cả nhân quả thiện của thế gian và xuất thế gian. Từ nơi tâm chúng sanh hay phát sanh tất cả nhân quả thế gian và xuất thế gian, đó là công dụng rất lớn của Đại thừa.*

Như vậy, nghĩa Đại thừa là thể đại, tướng đại, dụng đại. *Đại* là chỉ tâm chúng sanh có đầy đủ thể tướng dụng rộng lớn, *Thừa* là nương, là cưỡi. *Chư Phật xưa nương đây, tất cả chư Bồ-tát cũng nương nơi pháp này mà đến được đất Như Lai.* Phật sở dĩ thành Phật cũng nương nơi tâm chúng sanh đó mà thành Phật, chư Bồ-tát tu hành đến quả Phật cũng đều nương tâm chúng sanh đó. Tất cả chúng sanh nương đó tu hành cũng được thành Phật. Cho nên gọi là Đại thừa.

Tâm đó ở sẵn nơi mình, chỉ vì không dám tin nhận nên cam chịu làm Diễn-nhã-đạt-đa, ôm đầu chạy la tôi mất đầu. Nếu chúng ta tin nhận ra mình có tâm thể lớn, tướng lớn, dụng lớn, nương đó tu hành sẽ thành Phật quả. Nếu chưa được vậy là chưa nhận ra Đại thừa, cũng chưa tin Đại thừa.

Có nhiều người nói: “Con không thể hy vọng mình thành Phật được. Bây giờ tu hành để gieo nhân đời này một ít, đời sau một ít, rồi được làm người sung sướng, hoặc là gặp Phật pháp tu hành chút chút. Như vậy là đủ rồi, chứ không mong gì thành Phật.” Người như vậy gọi là chưa tin Đại thừa. Thế nên phải quả quyết tin thẳng tâm mình có thể tương dụng lớn như vậy, nương đó sẽ đi đến Phật quả. Bồ-tát Thường Bất Khinh nói: “Tôi không dám khinh các ngài, vì các ngài đều sẽ thành Phật.” Nói như thế tức là ngài làm cho chúng ta khởi niềm tin Đại thừa. Lối truyền bá pháp Đại thừa đó hết sức gọn, giản dị. Luận này dùng văn nghĩa đầy đủ, kinh Pháp Hoa chỉ dùng một câu để cho chúng ta khởi niềm tin. Khi nghe câu nói như thế, chúng ta thấy thật đơn giản mà lại vô lý, vì không dạy mình tu mà nói mình thành Phật. Nhưng sự thật đã dạy tu chưa? Chúng ta tin tâm mình có thể đại, tương đại, dụng đại, khi đó mới có thể khởi tu. Đây là chỗ thiết yếu mà tổ Mã Minh muốn dẫn dắt chúng ta từ buổi đầu để đến Phật quả.





## PHẦN GIẢI THÍCH

**Âm:**

Dĩ thuyết lập nghĩa phân. Thứ thuyết giải thích phân.

Giải thích phân hữu tam chủng. Vân hà vi tam? Nhất giả hiển thị chánh nghĩa, nhị giả đối trị tà chấp, tam giả phân biệt phát thú đạo tướng.

**Dịch:**

*Đã nói về phân lập nghĩa, kế đây nói về phân giải thích.*

*Giải thích có ba thứ. Thế nào là ba? Một là hiển bày chánh nghĩa, hai là đối trị tà chấp, ba là phân biệt phát tâm tiến đến tướng đạo.*

**Giảng:**

Trong phần giải thích này, ngài nêu lên ba ý. Ý thứ nhất giải về chánh nghĩa của Đại thừa. Ý thứ hai

dẫn giải các phương tiện dẹp trừ, đối trị tà chấp. Ý thứ ba là hướng dẫn rành rõ để phát tâm tiến đến tướng đạo.

## A- HIỂN BÀY CHÁNH NGHĨA

**Âm:**

**Hiển thị chánh nghĩa giả, y nhất tâm pháp, hữu nhị chủng môn. Vân hà vi nhị? Nhất giả tâm chân như môn, nhị giả tâm sanh diệt môn. Thị nhị chủng môn, giai các tổng nhiếp nhất thiết pháp. Thử nghĩa vân hà? Dĩ thị nhị môn bất tương ly cố.**

**Dịch:**

*Hiển bày chánh nghĩa là y một tâm pháp mà có hai thứ môn. Thế nào là hai? Một là môn tâm chân như, hai là môn tâm sanh diệt. Cả hai môn ấy mỗi cái đều tổng nhiếp tất cả pháp. Nghĩa này thế nào? Do vì hai môn ấy không lìa nhau vậy.*

**Giảng:**

Các nhà học Phật đều ca ngợi tổ Mã Minh đã thu tóm bao nhiêu kinh điển để chỉ cho chúng ta thấy ý nghĩa cụ thể, tức ngay một tâm pháp - tâm chúng sanh - ngài đưa lên hai môn là *chân như* và *sanh diệt*.

Chúng ta thường tự nghi rằng, nếu tâm mình đã thanh tịnh tại sao có vọng động dấy khởi? Nếu xưa đã có Phật tánh, tại sao lại mê đi? Vì vậy ở đây ngài nêu lên trong một tâm có hai môn, tức là hai cửa, hai lối đi.

Đó là lối chân như và lối sanh diệt. Lối đi về cửa sanh diệt là trôi lăn trong lục đạo, lối đi về cửa chân như là thành Phật, chứng quả.

Khi nhận được hai môn này, chúng ta thấy rõ đường lối sanh diệt và đường lối trở về Niết-bàn hết sức rõ ràng. Chúng ta biết rõ phương pháp tu, nếu không thì cứ lúng túng, nghi tại sao có tâm thanh tịnh mà bây giờ lại mê không thấy nữa? Đó là biết nó nằm ở bên môn chân như, hiện giờ chúng ta đang chạy theo môn sanh diệt, làm sao thấy nó được. Hai môn này là hai môn thiết yếu, gồm hết tất cả pháp thế gian và xuất thế gian. Hai môn đó tuy đặt ra là hai, nhưng chúng không bao giờ rời nhau.

Chúng ta thử nghiệm xem tâm mình lúc lạng lẽ chợt dấy niệm, cái dấy niệm ấy ở đâu đến? Nó có rời lạng lẽ mà dấy niệm hay không? Và cái dấy niệm khi lạng xuống mất đi nó chạy về đâu? Về chân như. Cái lạng lẽ tôi tạm chỉ cho chân như, dấy niệm tôi tạm chỉ cho sanh diệt. Vậy ngay nơi chúng ta có chân như và sanh diệt, hai môn đó không rời nhau. Dấy niệm cũng từ chân như, niệm lạng xuống cũng trở về chân như, chứ không đâu xa.

Tóm lại, ngay tâm mình có đầy đủ hai môn chân như và sanh diệt. Chân như là môn Bồ-đề Niết-bàn, sanh diệt là môn luân hồi trong lục đạo thập giới.

## **I. Chân như môn**

**Âm:**

**Tâm chân như giả, tức thị nhất pháp giới đại  
tổng tướng pháp môn thể, sở vị tâm tánh bất sanh**

**bất diệt. Nhất thiết chư pháp duy y vọng niệm nhi hữu sai biệt, nhược ly vọng niệm tắc vô nhất thiết cảnh giới chi tướng. Thị cố nhất thiết pháp từng bản dĩ lai ly ngôn thuyết tướng, ly danh tự tướng, ly tâm duyên tướng, tất cánh bình đẳng, vô hữu biến dị, bất khả phá hoại. Duy thị nhất tâm cố danh chân như.**

**Dĩ nhất thiết ngôn thuyết giả danh vô thật, dẫn tùy vọng niệm bất khả đắc cố.**

**Dịch:**

*Tâm chân như tức là một pháp giới, là thể của pháp môn đại tổng tướng, đó là tâm tánh chẳng sanh chẳng diệt. Tất cả các pháp chỉ y nơi vọng niệm mà có sai biệt, nếu lìa vọng niệm thì không có tướng tất cả cảnh giới. Thế nên tất cả pháp từ xưa đến nay lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng danh tự, lìa tướng tâm duyên, cứu cánh bình đẳng, không có biến đổi, không thể phá hoại, chỉ là nhất tâm nên gọi là chân như.*

*Do tất cả ngôn thuyết đều là giả danh không thật, chỉ theo vọng niệm nên không thể được.*

**Giảng:**

Tâm chân như là thể của pháp môn đại tổng tướng, đó là “Nhất chân pháp giới”. Chữ *pháp giới* này căn cứ theo kinh Hoa Nghiêm. *Nhất chân pháp giới* là chỉ cho tất cả pháp đều nằm gọn trong biển chân tâm, nên biển

chân tâm gọi là Nhất chân pháp giới. Biến chân tâm đó cũng là thể của pháp môn đại tổng tướng. Pháp môn đại tổng tướng cũng tức là pháp môn Đại thừa.

Nói như thế, chúng ta cũng còn mắc kẹt trên ngôn ngữ, chưa thấy được lẽ thật của nó.

*Đó là tâm tánh chẳng sanh chẳng diệt. Tất cả các pháp chỉ y vọng niệm mà có sai biệt. Tâm tánh là chỉ cho tâm chân như, tâm chân như vốn không sanh diệt, tại sao lại có tất cả pháp? Sở dĩ như thế là do vọng niệm mà thấy sai biệt, còn tâm tánh chân thật là bình đẳng không có sai biệt.*

*Nếu lìa vọng niệm thì không có tướng tất cả cảnh giới. Chúng ta nhìn thấy muôn hình vạn cảnh sai khác nhau, đều từ gốc vọng niệm mà ra, nếu lìa vọng niệm thì tướng cảnh giới không còn. Đây là lẽ thật của sự tu hành. Khi chúng ta lìa vọng niệm, giả sử trước mặt có hoa hồng, có đồng hồ, có đủ thứ sự vật... lúc đó có duyên theo nó hay không? Lìa vọng niệm thì không duyên theo; nó còn là vẫn có mặt, mà không dính với mình tức là không còn. Thế nên người nào lìa vọng niệm rồi tâm cảnh như như. Như như nghĩa là không dính không vướng mắc là giải thoát. Còn bị dính, bị kẹt, bị lôi nên ra đi không giải thoát. Chữ “còn” ở đây nghĩa là còn dính mắc. Lâu nay chúng ta tưởng chữ “còn” là “có” và “không” theo như thói thường.*

Tóm lại, lìa vọng niệm rồi, tướng tất cả cảnh không còn với mình. Nghĩa là giờ nào phút giây nào lìa vọng niệm thì tướng cảnh giới không dính, đừng nói

không có. Bởi vì con người lìa vọng niệm là con người vật lý, không phải vô hình. Chẳng phải do tu, lìa vọng niệm rồi chúng ta tan ra như mây như khói. Phải hiểu rõ như vậy mới nhận được chỗ tu của mình.

*Thế nên tất cả pháp từ xưa đến nay lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng danh tự, lìa tướng tâm duyên, cứu cánh bình đẳng. Tại sao? Chỉ là nhất tâm nên gọi là chân như. Khi chúng ta tu đến giai đoạn lìa vọng niệm tức là trở về nhất tâm, trở về với pháp gốc, pháp chánh yếu. Pháp đó từ xưa đến nay không có tướng ngôn thuyết, vừa dấy ngôn thuyết lên liền mất. Nó lìa tướng danh tự, lìa tướng tâm duyên, vừa đặt tên, vừa khởi tâm phân biệt là đã mất chân thật. Thế tánh của các pháp rốt ráo bình đẳng, ra ngoài mọi hý luận nên tất cả đều lìa.*

Phần nhiều khi ngồi thiền chúng ta bị động là do ngôn thuyết. Ví dụ, khi có lỗi nghe Thầy rầy dạy câu gì đó cho nên buồn giận, đó là tâm duyên theo ngôn thuyết. Đang ngồi thiền lâu lâu nhớ đến một đoạn kinh hay rồi suy tư về đoạn kinh này, đó là tướng danh tự. Vừa khởi tâm, duyên theo cảnh, lúc đó không còn ở chỗ ly niệm. Căn cứ chỗ ly niệm đó nên nói nó lìa ngôn thuyết, lìa danh tự, lìa tâm duyên. Vì tất cả tướng này đều là tướng của phân biệt vọng tưởng.

Học Luận tới đây, đôi khi chúng ta tự hỏi: “Thế nào là lìa ngôn thuyết, lìa danh tự... mà gọi đó là pháp thể? Không biết pháp thể ấy ở đâu?” Đâu biết pháp thể ấy chính là mình. Muốn trở về pháp thể cứu cánh bình đẳng chỉ cần ly niệm.

Chúng ta nhận ra điều này là thấy chỗ tu, mới biết dứt vọng niệm là trở về nhất tâm, trở về chân như. Theo vọng niệm là đi trong sanh diệt.

*Do tất cả ngôn thuyết đều là giả danh không thật, chỉ theo vọng niệm nên không thể được.*

Chúng ta muốn trở về chỗ chân thật phải thấy rõ những thứ hư giả, thấy rõ không duyên theo thì chân thật tự hiện. Vì thế Tổ nêu lên tất cả hình tướng giả danh và ngôn thuyết nếu có là có trong hư vọng chẳng phải lẽ thật.

### **Âm:**

**Ngôn Chân như giả, diệt vô hữu tướng. Vị ngôn thuyết chi cực nhân ngôn khiến ngôn, thử chân như thể vô hữu khả khiến, dĩ nhất thiết pháp tất giai chân cố; diệt vô khả lập, dĩ nhất thiết pháp giai đồng Như cố. Đương tri nhất thiết pháp bất khả thuyết, bất khả niệm cố, danh vi chân như.**

### **Dịch:**

*Nói Chân như đó, cũng không có tướng. Nghĩa là chỗ tốt cùng của lời nói là nhân lời nói để dẹp trừ lời nói, thể chân như này không thể dẹp trừ, bởi vì tất cả pháp đều là Chân; cũng không có thể lập, bởi vì tất cả pháp thấy đều là Như. Phải biết tất cả pháp không thể nói, không thể niệm, nên gọi là chân như.*

### **Giảng:**

*Nói Chân như đó, cũng không có tướng. Nghĩa là chỗ tốt cùng của lời nói là nhân lời nói để dẹp trừ lời nói.*

Chân như không có hình tướng mà mắt thường có thể thấy. Nếu có hình tướng tức là có lớn nhỏ. Ở đây nói chân như trùm khắp, không thể dùng hình tướng hay lời nói diễn đạt. Tạm dùng chữ Chân như là *mượn lời nói để dẹp lời nói*. Tại sao dẹp lời nói? Vì lời nói chỉ để diễn đạt những gì do chúng sanh thấy biết trong cái hư giả này. Vì lời nói không đến được chân như, nên mượn chữ Chân như để dẹp những lời nói khác. Chúng ta nói chân như là chỗ không còn ngôn thuyết, danh tự... đó là mượn lời nói để dẹp trừ lời nói.

*Thế chân như này không thể dẹp trừ, bởi vì tất cả pháp đều là Chân; cũng không có thể lập, bởi vì tất cả pháp thấy đều là Như.*

Chân như này khi dẹp bỏ lời nói rồi, nó không bị dẹp trừ theo, vì khi chúng ta ly niệm rồi, lúc đó thấy tất cả pháp đều là chân, cũng không có thể lập ra chân như, bởi vì tất cả pháp thấy đều là như. Kinh Pháp Hoa nói “*Thị pháp trụ pháp vị, thế gian tướng thường trụ*” là chỗ này. Mỗi pháp, pháp nào ở bản vị của pháp đó, pháp nào cũng đồng chân, cũng đồng như.

Vì chúng ta phân biệt nên thấy sự vật có lằng xằng sanh diệt, nếu khi không phân biệt thì sự vật không bị sanh diệt nữa, như thế có đúng không? Nếu tôi không phân biệt thì lẽ ra hoa hồng cũng vẫn là *như*, không bị héo tàn. Tôi không phân biệt tức là không sanh diệt, lúc đó các pháp bên ngoài cũng không sanh diệt. Tại sao tôi *như* mà pháp bên ngoài không *như*? Thật tình nó là *như*. Tại chúng ta thấy lúc nãy nó tươi giờ nó héo tức là

phân biệt, thành ra có tươi có héo. Nếu không phân biệt, nó thế nào là tùy nó, chúng ta có dính gì đâu mà nói nó *không như*. Thế nên nói rằng tất cả pháp đều là chân, tất cả pháp đều là như.

*Phải biết tất cả pháp không thể nói, không thể niệm, nên gọi là chân như.*

Có nói tức là động, có niệm tức là có nghĩ cũng là động, cả hai đều động. Động thuộc về sanh diệt. Không nói, không niệm tức là như như. Trong nhà thiền hay chê chúng ta nói nhiều vì nói tức là động, là đi trong sanh diệt. Nhà thiền cũng chê sự phân biệt, vì phân biệt thuộc về sanh diệt, nên mất như. Muốn trở về chân như phải dứt niệm, phải bớt nói. Lúc nào nói năng không cần dấy niệm, đó là dụng của trí tuệ, lúc đó hãy nói nhiều. Còn chưa được như vậy, ít nói thì tốt.

Tổ Mã Minh không giấu giếm, ngài chỉ dạy rõ ràng. Tại sao chúng ta học rồi lại tu không được? Do niệm dấy lên, chạy theo danh tướng danh ngôn danh tự nên mất *như*. Chỉ cần ly niệm, ly danh tướng, ly ngôn thuyết tức chân như hiện tiền. Vừa khởi tìm chân như đó là sai rồi.

**Âm:**

**Vấn viết:** Nhược như thị nghĩa giả, chư chúng sanh đẳng vân hà tùy thuận nhi năng đắc nhập?

**Đáp viết:** Nhược tri nhất thiết pháp tuy thuyết vô hữu năng thuyết khả thuyết, tuy niệm diệt vô năng niệm khả niệm, thị danh tùy thuận. Nhược ly ư niệm danh vi đắc nhập.

**Dịch:**

***Hỏi: Nếu nghĩa như thế thì các chúng sanh phải làm sao tùy thuận để có thể được vào chân như?***

***Đáp: Nếu biết tất cả pháp tuy nói mà không có cái hay nói và bị nói, tuy niệm cũng không có cái hay niệm và bị niệm, ấy gọi là tùy thuận. Nếu lìa niệm gọi là được vào.***

**Giảng:**

Ở trên ngài đã chỉ cho chúng ta cách tu rồi, mà sợ rằng còn ngu độn chưa thấy, nên ngài lập ra vấn đáp để chỉ rõ.

***Hỏi: Nếu nghĩa như thế thì các chúng sanh phải làm sao tùy thuận để có thể được vào chân như?***

Nếu nghĩa chân như là không thể nói, không thể suy nghĩ, chúng sanh bị hạn cuộc trong ngôn ngữ danh tự làm sao có thể tu được? Tất cả chúng sanh làm sao tùy thuận để được vào chân như?

***Đáp: Nếu biết tất cả pháp tuy nói mà không có cái hay nói và bị nói, tuy niệm cũng không có cái hay niệm và bị niệm, ấy gọi là tùy thuận. Nếu lìa niệm gọi là được vào.***

Khi nói không thấy người hay nói và việc bị nói, khi niệm không thấy người hay niệm và việc bị niệm. Dứt đối đãi (năng sở) là tùy thuận chân như, và lìa niệm là nhập chân như. Như vậy chúng ta tu là đi đứng nằm ngồi đều vào chân như. Hoặc ngồi thiền, hoặc nấu cơm,

gánh nước... không dính năng sở, đó là tùy thuận chân như. Trong mọi trường hợp, không dấy niệm là nhập chân như.

### **Âm:**

**Phục thứ, chân như giả, y ngôn thuyết phân biệt hữu nhị chủng nghĩa. Vân hà vi nhị? Nhất giả Như thật không, dĩ năng cứu cánh hiển thật cố. Nhị giả Như thật bất không, dĩ hữu tự thể cụ túc vô lậu tánh công đức cố.**

### **Dịch:**

*Lại nữa, chân như đó y ngôn thuyết phân biệt có hai thứ nghĩa. Thế nào là hai? Một là Như thật không, do hay hiển bày chân thật cứu cánh. Hai là Như thật bất không, do tự thể có đầy đủ tánh công đức vô lậu.*

### **Giảng:**

Ngài giải thích thêm cho chúng ta hiểu rõ về chân như. Chân như có hai nghĩa. Một là *Như thật không*, hai là *Như thật bất không*.

#### **1. Như thật không**

Tại sao chân như có nghĩa là Như thật không? Vì *hay hiển bày chân thật cứu cánh*.

Hiển bày chân thật cứu cánh là nếu có một pháp nào chen trong đó thì không gọi là chân như. Vì không có tất cả pháp, đó là hiển thị tướng chân như. Điều này căn cứ trên lý thuyết rất khó hiểu. Nếu không có

một pháp nào trong đó, người ta sẽ nói là không, tại sao nói là chân như? Chỗ này ngôn ngữ nói không tới được, trừ khi khéo nhận ra, chúng ta sẽ thấy rõ nơi mình sẵn có chân như.

Ví dụ khi tọa thiền, chúng ta tỉnh táo sáng suốt nghe, thấy, biết mà không tán loạn, không hôn trầm. Lúc bấy giờ trong tâm chúng ta có gì? Nếu có một pháp vừa dấy lên thì lúc đó có pháp không phải chân như, còn không dấy niệm đó là cứu cánh *Như thật không*.

## 2. Như thật bất không

Tại sao nói Như thật bất không? *Do tự thể có đầy đủ tánh công đức vô lậu.*

Đứng về mặt vọng niệm pháp trần không có, nên gọi là Như thật không. Đứng về tự tánh công đức vô lậu thì có giác tri, có thấy biết. Đó là tự thể, thuộc tánh công đức, không phải là vật có hình tướng, có trạng thái màu sắc... Chỗ chân thật vượt ngoài hình tướng ngôn ngữ, không thể nói là có hay không nên chỉ nói *Như thật bất không*.

Có người nói Niết-bàn là trạng thái tâm thanh tịnh, mới nghe qua cũng hay nhưng vẫn chưa đúng. Vì vừa gọi nó là trạng thái đã trập rồi. Hoặc nói Niết-bàn là cảnh giới an lạc cũng đều không đúng. Niết-bàn, chân như thể của nó bình đẳng, như vậy thôi, không nói trạng thái, không nói cảnh giới...

Tôi thí dụ trong thiền đường này, riêng thiền đường có động hay không? Như đến giờ giảng, chúng ta

xôn xao, kể ra người vô ngời đứng lảng xăng. Khi chúng ta vô ngời đầy trong thiền đường, như vậy trong thiền đường là có, mà có tức là động. Khi tất cả người đều ra ngoài, lúc đó trong thiền đường này không có người thì gọi là Không, Như thật không. Đứng về mặt tự thể của thiền đường thì nó Như thật bất không, không người nhưng vẫn có thiền đường.

Như thế, chân như khi không có mặt của pháp trần sanh diệt, lúc đó là Như thật không, nhưng đứng về tự thể của chân như, nó là Như thật bất không. Chân như không phải là không ngo, nếu nói không ngo là rơi vào đoạn diệt của ngoại đạo, còn nếu nói thật có thì cũng kẹt trong lỗi chấp thường của ngoại đạo.

Khi giảng rộng, Tổ thường nói nó không, là không tất cả những nhiễm pháp. Rồi nói chẳng không là chẳng không tất cả tịnh pháp. Còn nói nhiễm tịnh cũng là còn đối đãi, tịnh pháp là vô lậu, nhiễm pháp là hữu lậu. Không tất cả hữu lậu nhưng chẳng phải không cái vô lậu, đó là danh từ chuyên môn. Ở đây tôi giảng là muốn nói lên lẽ thật trong cuộc sống, không muốn dùng danh từ chuyên môn nhiều.

**Âm:**

**Sở ngôn Không giả, tòng bản dĩ lai nhất thiết nhiễm pháp bất tương ưng cố, vị ly nhất thiết pháp sai biệt chi tướng, dĩ vô hư vọng tâm niệm cố.**

**Đương tri chân như tự tánh phi hữu tướng, phi vô tướng, phi phi hữu tướng, phi phi vô tướng,**

**phi hữu vô câu tướng, phi nhất tướng, phi dị tướng, phi phi nhất tướng, phi phi dị tướng, phi nhất dị câu tướng.**

**Dịch:**

*Nói rằng Không, vì từ xưa đến nay nó không tương ứng với tất cả pháp nhiễm, nghĩa là lìa tướng sai biệt của tất cả pháp, do không có tâm niệm hư vọng.*

*Nên biết tự tánh chân như chẳng phải có tướng, chẳng phải không tướng, chẳng phải chẳng có tướng, chẳng phải chẳng không tướng, chẳng phải tướng vừa có vừa không, chẳng phải tướng một, chẳng phải tướng khác, chẳng phải tướng chẳng phải một, cũng chẳng phải tướng chẳng phải khác, chẳng phải tướng chung của một và khác.*

**Giảng:**

Phần trên nói tổng quát, đến đây giải thích tại sao chân như là không. Nói là Không, vì từ xưa đến nay nó không tương ứng với tất cả pháp nhiễm, nếu các pháp nhiễm hợp với chân như thì không phải chân như, nên nói không tương ứng, vì lìa tướng sai biệt của tất cả pháp, do không có tâm niệm hư vọng. Các pháp sở dĩ sai biệt vì tâm sanh sai biệt hư vọng, trên chân như không có tất cả tâm niệm này nên gọi là lìa.

*Nên biết tự tánh chân như chẳng phải có tướng, chẳng phải không tướng, chẳng phải chẳng có tướng, chẳng phải chẳng không tướng, chẳng phải tướng vừa có vừa không, chẳng phải tướng một, chẳng phải tướng khác,*

*chẳng phải tướng chẳng phải một, cũng chẳng phải tướng chẳng phải khác, chẳng phải tướng chung của một và khác.*

*Chẳng phải có tướng thì biết là không tướng, chẳng phải không tướng thì biết là có tướng. Hai lối lý luận này thông thường dễ hiểu. Chẳng phải chẳng có tướng tức là có tướng, chẳng phải chẳng không tướng tức là không tướng. Lập luận thứ ba là phủ nhận riêng từng tướng Có và Không. Lập luận thứ tư là phủ nhận tướng Có và Không đứng chung với nhau (hữu vô câu tướng). Có cũng trật, không cũng trật, không phải có cũng trật, không phải không cũng trật, vậy nó là gì? Chúng ta thấy khó hiểu, bởi những lối phủ nhận đảo đẽ như thế.*

Đứng về mặt không của chân như, nó không tất cả tướng, không một tướng nào có ở trong đó. Như vậy lý đáng nói là không, tại sao lại không nói không, mà nói chẳng phải có chẳng phải không, chẳng phải chẳng có, chẳng phải chẳng không, chẳng phải có không cả hai tướng, rồi chẳng phải một chẳng phải khác...? Đây là theo lý luận tứ cú của Ấn Độ để thấy trong chân như không có tứ cú. Lối lý luận tứ cú này căn cứ trên hiện tượng thế gian, trùm hết tất cả pháp. Chân như lìa hết tất cả pháp, vì vậy gọi là *ly tứ cú*. Nếu nói rộng thêm như trong kinh Lăng-già thì *tuyệt bách phi*, rời cả bách phi.

Thế gian khi nói chuyện đều nhìn theo hai chiều có hoặc không, chỉ biết có hạn lượng chừng ấy thôi, ngoài ra không thể biết thêm. Chân như không có tất cả tướng trạng đối đãi của thế gian, nhưng không phải không có

chân như giác tánh. Ngôn ngữ của thế gian không thể trình bày về chỗ chân thật này, nên mượn tạm lối lý luận tứ cú để biểu thị chỗ là tứ cú.

Nói tóm lại, tất cả những gì thế gian thường thấy thường biết đều không phải chân như. Trong kinh Bát-nhã có câu: *Không có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Không có sắc, thanh, hương vị, xúc, pháp...* Bát-nhã nói vô, luận này nói *phi*, không khác gì nhau. Sở dĩ nói không có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý... để chỉ cho chân như không tất cả tướng. Kinh Bát-nhã cũng nói: *Thị chư pháp không tướng, bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh...*, không tướng đó là nghĩa Như thật không của chân như. Chúng ta không hiểu, nghe nói không tất cả, tưởng là kinh Phật nói không có gì hết, đâu ngờ đó là nói về nghĩa Như thật không của chân như. Không tất cả tướng đối đãi theo thế gian, không phải là không có thật thể của chân như.

### **Âm:**

**Nãi chí tổng thuyết, y nhất thiết chúng sanh dĩ hữu vọng tâm, niệm niệm phân biệt giai bất tương ưng, cố thuyết vi không. Nhược ly vọng tâm thật vô khả không cố.**

### **Dịch:**

**Cho đến nói chung lại là y tất cả chúng sanh mà có vọng tâm, niệm niệm phân biệt đều không tương ưng, nên nói là không. Nếu lìa vọng tâm thật không thể có cái không.**

**Giảng:**

Ngài chỉ thẳng cho thấy, chúng ta *có vọng tâm, niệm niệm phân biệt* đều là *không tương ứng* với chân như, vì vậy *nên nói là không*. Vừa có niệm niệm dấy lên là không tương ứng, chấp có chấp không, chẳng phải có, chẳng phải không... đều là vọng tâm phân biệt. Tất cả những thứ đó đều không có trong chân như, nên nói là không.

Nếu chúng ta bỏ hết vọng tâm, chân như có thật không chẳng? Không thể là không được. Lúc đó Chân như không phải là không mà cũng không phải là có. Chúng ta nói Có nói Không đều mắc kẹt. Như vậy Phật tổ nói tới nói lui, chánh yếu là gì? Là không chấp nhận vọng tưởng. Tất cả những vọng tưởng đều không hợp với chân như. Chúng ta tùy thuận chân như thì không chấp nhận vọng, còn có vọng là không bao giờ phù hợp chân như. Tổ đã chỉ bày rành rẽ đường lối tu hành, tại sao chúng ta học mà tu không được? Rõ ràng còn một chút vọng là không hợp với chân như. Do đó chỉ có một việc tu là không theo vọng. Vọng hết thì chân như hiện rõ.

**Âm:**

**Sở ngôn Bất không giả, dĩ hiển pháp thể không vô vọng cố, tức thị chân tâm thường hằng bất biến, tịnh pháp mẫn túc, cố danh Bất không. Diệc vô hữu tướng khả thủ, dĩ ly niệm cảnh giới duy chứng tương ứng cố.**

**Dịch:**

*Nói rằng Bất không đó, đã hiển pháp thể không, vì không có vọng tức là chân tâm thường hằng chẳng biến đổi, vì pháp tịnh đầy đủ nên gọi là Bất không. Cũng không có tướng có thể thủ, do vì cảnh giới ly niệm chỉ có chứng mới tương ứng.*

**Giảng:**

Nói đến pháp thể là nói không có tất cả vọng, lúc đó chân tâm hiển lộ đầy đủ. Chân tâm này *thường hằng bất biến đầy đủ tịnh pháp nên gọi là Bất không.*

*Cảnh giới ly niệm, chỉ có chứng mới tương ứng.* Đây là chỗ khó. Chân như ly niệm nên vừa suy nghĩ về chân như là sai. Nhiều học giả nghe nói về chân như, Phật tánh cứ khởi tâm suy nghĩ, cho là suy nghĩ mãi sẽ thấy được, đâu ngờ đó chỉ là vọng tưởng điên đảo. Con đường tu Phật lạ hơn tất cả con đường khác, vì vậy những học giả quen theo kiến thức, đọc sách Phật nhiều khi đầu đầu, càng suy nghĩ lại càng xa. Như cách diễn tả rắc rối về Không, Bất không không thể dựa vào trí năng suy nghĩ mà tìm ra lẽ thật.

Thường thường tu thiền có nhiều cách, với người sơ cơ vào đạo, các thiền sư dạy dùng cách quán hơi thở như là Lục diệu pháp môn hoặc đưa ra một đề mục để hành giả nghiên ngẫm. Thí dụ nêu lên vấn đề các pháp nhân duyên sanh, hay tất cả pháp vô thường, tất cả pháp vô ngã... để quán sát tư duy cho tường tận. Các pháp thiền đó còn ở trong Chánh tư duy, chưa phải là thiền trở về chân như, chưa phải cứu cánh.

Khi nói về thiền, người ta thường nói đến Tứ thiền, ở đây chúng tôi không sử dụng danh từ chuyên môn, chỉ giải thích đơn giản dễ hiểu:

### 1. Sơ thiền

Sơ thiền là dùng một đề mục để tâm chuyên chú vào đó mà xa lìa tham dục; khi chúng ta lìa dục, tâm sanh vui mừng. Nghĩa là từ xưa đến giờ chúng ta ham mê tài, sắc, danh, lợi..., khi chuyên chú vào đề mục, tu một thời gian dài, đối với tài, sắc, danh, lợi... được xa lìa, nên cảm thấy vui thích hứng thú. Đó là đã bước vào Sơ thiền.

### 2. Nhị thiền

Ở Sơ thiền, vui mừng mạnh quá nên tâm vẫn còn động. Tu tập bước tiếp theo, xả bỏ vui thô động, tâm định vững, chỉ còn vui nhẹ nhẹ, tức là bước qua Nhị thiền.

### 3. Tam thiền

Ở Nhị thiền cũng còn vui nhẹ nhàng, tiếp tục tu tiến lên Tam thiền lìa bỏ vui nhẹ được sự an lạc tế nhị hơn.

### 4. Tứ thiền

Đến bậc thiền thứ tư tất cả an vui hỷ lạc đều xả bỏ, tức là buông hết. Tất cả niệm được lặng lẽ, chỉ còn sự thanh tịnh tràn đầy.

Tứ thiền của phàm phu mà còn phải buông niệm, huống nữa là tu mà dùng tướng này tướng kia... cho là đắc quả thánh, làm sao đắc được! Nên đến Tứ thiền, danh từ chuyên môn gọi là *Xả niệm thanh tịnh địa*.

Nghĩa là đến chỗ đó buông niệm được thanh tịnh, nhưng chưa phải là cứu cánh. Dù đi suốt tứ thiên bát định vẫn chưa thấy được Phật tánh, chưa nhận ra tâm thể của mình.

Con đường chúng ta tu tập thế nào? Ở đây biết rõ chân như không có tất cả vọng niệm, buông bỏ vọng niệm, cứ đi thẳng, vọng niệm hết là trở về chân như. chân như không phải do vọng niệm suy nghĩ, muốn chân như tự tánh hiển lộ, không gì hơn là buông hết niệm. Chỗ khôn ngoan nhất, khéo léo nhất là buông niệm thì khéo hợp. Càng suy nghĩ lại càng xa, tìm hiểu thì không bao giờ hiểu được.

Cũng như chúng ta bây giờ muốn thấy những sự vật thật trước mắt, mà được người cho cả chín mười thứ kính màu xanh, màu đỏ, màu vàng... Muốn thấy màu thật của sự vật, bỏ kính này mang kính kia, có thấy rõ không? Dù đổi tới đổi lui cả chục cái kính cũng không thấy được sự thật. Khôn ngoan nhất là lột hết các thứ kính màu xuống, sẽ nhìn thấy rõ sự thật.

Pháp tu này rất nhàn. Không cần phải suy nghĩ tìm kiếm, chỉ cần buông thôi. Học buông chứ không phải học để thêm vô, để thêm kiến thức. Có người tưởng rằng học đời thật giỏi, kinh nghiệm ngoài thế gian thật nhiều, vào tu thiên mới được, hoặc muốn tu thiên lớn tuổi hãy tu, còn nhỏ quá tu cái gì! Thật tình từ lúc mười tuổi đến lúc ba bốn mươi tuổi, nếu chúng ta cứ dồn đầy những lý thuyết thế gian, bây giờ muốn tu thiên cũng không dùng được. Còn như đứa bé mười mấy tuổi, không dồn chứa nhiều

nên bỏ dễ, tự nhiên tâm trong sáng. Khi tôi giảng, quý vị nghe hiểu, biết cái nào là gốc của sanh tử, đường nào về Niết-bàn, buông hết vọng thì chân như tự hiện, đó gọi là học mà không học.

Thiền sư Nam Ấn ở Nhật, một hôm có vị giáo sư đến hỏi thiền. Ngài rót trà vào chén của khách, chén đầy tràn mà cũng không dừng. Vị giáo sư bèn lên tiếng: “Thưa Thầy, chén đã đầy tràn rồi, không thể đựng thêm được nữa.” Thiền sư nói: “Ông cũng giống chén nước này, trong đầu đầy áp tư tưởng, làm sao có thể chứa đựng thêm.”

Thế nên học thiền này là học buông. Vì vậy có bằng cấp hay không, khi vào thiền đường rồi, coi như để bên ngoài. Những thứ đó không là gì với mình, mà chỉ cần gan dạ mạnh mẽ. Bao nhiêu vọng tưởng điên đảo bỏ hết, không thêm theo thì người đó thành công. Câu *Duy chứng tương ưng* nghĩa là lìa hết vọng tưởng, đến đó khế hợp chân như, gọi là chứng. Chỉ một cách duy nhất này mới khế hợp chân như.

## II. Sanh diệt môn

**Âm:**

**Tâm sanh diệt giả, y Như Lai tàng cố hữu sanh diệt tâm. Sở vị bất sanh bất diệt dĩ sanh diệt hòa hợp, phi nhất phi dị, danh vi a-lại-da thức.**

**Thử thức hữu nhị chủng nghĩa, năng nhiếp nhất thiết pháp, sanh nhất thiết pháp. Vân hà vi nhị? Nhất giả giác nghĩa, nhị giả bất giác nghĩa.**

**Dịch:**

*Tâm sanh diệt là y Như Lai tàng nên có tâm sanh diệt. Nghĩa là chẳng sanh chẳng diệt cùng với sanh diệt hòa hợp, không phải một không phải khác, gọi là thức a-lại-da.*

*Thức này có hai nghĩa, hay nhiếp tất cả pháp và sanh tất cả pháp. Thế nào là hai? Một là nghĩa giác, hai là nghĩa bất giác.*

**Giảng:**

Căn cứ vào chân như môn thì gọi là Như Lai tàng hay là chân như. Căn cứ vào sanh diệt môn thì gọi là a-lại-da thức. Tại sao? Chân như môn là đứng về thể bất sanh bất diệt, như như bình đẳng nên gọi là chân như. Còn sanh diệt môn dung chứa nhiễm tịnh, nên thuộc về thức a-lại-da.

*Y Như Lai tàng nên có tâm sanh diệt. Như Lai tàng tức là Như Lai bị che đậy, hay là cái kho Như Lai, nên có tâm sanh diệt. Tại sao trong kho Như Lai này lại có tâm sanh diệt? Nghĩa là không sanh diệt cùng với sanh diệt hòa hợp. Thể chân như không sanh diệt, nhưng có dụng huân tập chủng tử nên gọi là sanh diệt. Cũng như cái kho có các món đồ đem vào kho hay đem ra sử dụng, lấy ra đem vào lắng xăng, mà kho vẫn yên lặng. Do đó, đứng về kho yên lặng gọi là không sanh diệt, đứng về món đồ dời đổi gọi là sanh diệt. Trong kho Như Lai này, bởi có chứa đựng những chủng tử nên là phần sanh diệt, cái kho là phần không sanh diệt,*

hai cái đó hòa hợp, *chẳng phải một chẳng phải khác gọi là thức a-lại-da.*

Vậy, đứng về mặt thể chân như bất sanh bất diệt thì không chấp nhận vọng niệm nào xen trong đó. Nhưng đứng về mặt tàng thức tức là kho thức chứa đựng, thì trong đó có tất cả những chủng tử thiện ác sanh diệt nên gọi là a-lại-da.

Thức a-lại-da này có hai nghĩa. Nghĩa thứ nhất là *giác*, nghĩa thứ hai là *bất giác*. Hai nghĩa này gồm hết tất cả pháp thế gian và xuất thế gian. Giác tức là tịnh, bất giác tức là nhiễm. Tất cả nhiễm, tịnh, mê, ngộ đều nằm trong thức a-lại-da hay tàng thức này.

## 1. Nghĩa giác

**Âm:**

**Sở ngôn giác nghĩa giả, vị tâm thể ly niệm. Ly niệm tướng giả, đẳng hư không giới vô sở bất biến. pháp giới nhất tướng tức thị Như Lai bình đẳng pháp thân. Y thử pháp thân thuyết danh bản giác. Hà dĩ cố? Bản giác nghĩa giả, đối thủy giác nghĩa thuyết, dĩ thủy giác giả tức đồng bản giác.**

**Dịch:**

*Nói về nghĩa giác, nghĩa là tâm thể ly niệm. Tướng ly niệm đồng với hư không giới, không có chỗ nào mà chẳng khắp. Pháp giới một tướng tức là Như Lai bình đẳng pháp thân. Y nơi pháp thân này gọi là bản giác. Vì cố sao? Vì nghĩa bản giác là đối với thủy giác mà nói, do thủy giác tức đồng với bản giác.*

**Giảng:**

Nghĩa giác là nghĩa *tâm thể ly niệm*, tức là nghĩa chân như đã nói ở phần trên. Tướng ly niệm bình đẳng như hư không, trùm khắp tất cả toàn pháp giới chỉ có một tướng. Một tướng đó tức là tướng *Như Lai bình đẳng pháp thân*. *Y theo pháp thân này gọi là bản giác*.

Danh từ nhà Phật dùng, có khi gọi bản giác, Như Lai, chân như, pháp thân... tất cả đều chỉ chung cho phần bản giác sẵn có của chúng ta, đó là phần bất sanh bất diệt.

Như vậy trong kho tàng thức của chúng ta có cả sanh diệt và bất sanh diệt. Đứng về mặt bất sanh diệt thì nó ly niệm, lìa tướng, đồng với hư không, gọi đó là bản giác.

**a. Thủy giác****Âm:**

**Thủy giác nghĩa giả, y bản giác cố nhi hữu bất giác, y bất giác cố thuyết hữu thủy giác. Hựu dĩ giác tâm nguyên cố danh cứu cánh giác, bất giác tâm nguyên cố phi cứu cánh giác.**

**Dịch:**

*Nghĩa thủy giác là y nơi bản giác mà có bất giác, y bất giác nên nói có thủy giác. Lại do giác được nguồn tâm gọi là cứu cánh giác, còn không giác được nguồn tâm nên không phải cứu cánh giác.*

**Giảng:**

Đây giải thích cho chúng ta hiểu thêm hai danh từ *bản giác* và *thủy giác*. Đối với thủy giác thì gọi nó là bản giác. Chữ *bản* là xưa; chữ *thủy* là mới, là nay. Tánh giác sẵn có thì gọi là bản giác, tánh giác mới nhận được gọi là thủy giác. Nếu không có thủy giác thì bản giác có lập không? Như thế thủy hoặc bản đều chỉ cho tánh giác, tùy theo chỗ mà gọi tên, chúng không phải hai thể khác nhau.

Thí dụ lấy một ly nước trong để vào ngăn đá. Sau nước đông thành khối, không còn lỏng nữa. Nếu muốn có nước lỏng phải đem ra ngoài, một lúc sau nó tan chảy từ từ. Cái mới tan lỏng với cái lỏng của nước lúc trước không khác nhau. Cũng thế, khi bản giác theo duyên trôi lăn đâu đó, bị duyên tạo thành đủ thứ hình tướng. Đến lúc gỡ những hình tướng đó ra, nó trở lại thể giác xưa, như nhau không khác. Bởi vì thủy giác và bản giác là đồng.

Nhưng tại sao gọi thủy giác? Vì *nghĩa thủy giác là y nơi bản giác mà nói có bất giác, y bất giác nên có thủy giác*. Tại sao gọi là nước đá? Y theo nước mà nói nó là nước đá. Tại sao lại nói nước đá tan trở lại thành nước? Theo nước đá mà nói, nó tan thành nước. Cũng vậy, nguyên thể tâm chúng ta là thanh tịnh, là giác. Nhưng vì vọng động cho nên bất giác, do y bất giác đó dẫn chúng ta luân hồi không biết bao nhiêu đời kiếp. Biết được trôi lăn luân hồi là gốc tại vọng tưởng, khi chúng ta bỏ vọng không theo, đó gọi là thủy giác.

Nếu từ xưa đến giờ chúng ta không bất giác có lập thủy giác không? Thủy giác lập ra từ bất giác, rồi thủy giác trở về hợp với bản giác. Thế nên nói rằng *y bản giác mà có bất giác, rồi y bất giác nên nói có thủy giác.*

Giác là gì? Giác là *giác nguồn tâm* của chúng ta, không phải giác chuyện gì bên ngoài. Thí dụ các nhà bác học nghiên cứu những sự kiện vật lý bên ngoài, tìm ra được cũng gọi là giác, nhưng chưa phải là giác như ở đây. Họ chỉ giác khía cạnh nào đó, không giác được nguồn gốc mê lầm. Ở đây nói giác được nguồn tâm là cái gốc bất sanh bất diệt, chính là cội gốc của sự mê lầm phát khởi. Khi *giác được nguồn tâm gọi là cứu cánh giác*, mới thành Phật. Còn *không giác được nguồn tâm nên không phải cứu cánh giác.*

Chúng ta học để hiểu biết, nếu có giác chẳng là giác những khía cạnh nhỏ ở bên ngoài. Còn chúng ta tu Phật là trở về nguồn tâm. Đôi khi chúng ta nghĩ tu là tạo tác, làm những cái hay, cái khéo, cái phải cái tốt, gọi đó là tu. Nhưng chính yếu của nghĩa tu như trong kinh Lăng-nghiêm, kinh Viên Giác: *Tu là không theo vọng niệm.* Như vậy, tu nghĩa là gan dạ buông tất cả vọng tưởng điên đảo, xả hết vọng niệm, không phải làm gì khác hơn. Làm những gì khác mà cho là tu, thì nghĩa tu đó còn ở trong sanh diệt, không phải tu pháp vô lậu. Nguồn tâm sở dĩ mê là do vọng, tu dứt vọng trở về nguồn tâm, đó là chánh yếu của việc tu. Trong kinh Phật, mỗi khi ca ngợi công đức vô lậu, các ngài dùng chữ “bất tư nghi”, vì nó vượt hơn tất cả những gì thuộc về sanh diệt. Dù đem muôn ức triệu cái sanh diệt quý nhất

của nhân gian đổi cái đó cũng không được. Chúng ta thường hay quên, cứ muốn kiếm vài phước đức sanh diệt, hài lòng với những phước đức đó.

Đúng tinh thần tu thiền là vọng vừa dấy liền buông, buông không theo nên lâu ngày quên. Vọng niệm không sanh lúc đó mê hay giác? Chúng ta cứ tưởng giác là nhớ giỏi là thông minh, bây giờ quên hết kể như ngu không có giác. Nên xét kỹ chỗ này. Ở đây Phật tổ đã nói rõ vọng niệm là gốc mê lầm, hết vọng niệm thì hết mê, tức là giác. Chúng ta tưởng rằng nhớ chuyện đời xưa, chuyện năm trên năm dưới, hơn thua phải quấy thế gian, ấy là giác. So với tánh giác chân thật kia cái giác của trí khôn thế gian vẫn còn là vọng, trí thông minh hiểu biết của thế gian vẫn còn cách xa. Khi hết vọng niệm, chúng ta sống với nguồn tâm, không phải buông hết rồi trở thành người ngu khờ. Hiểu rõ chỗ này không sợ, không buồn lo, niềm tin tánh giác càng thêm mạnh.

Khi chúng ta biết nhiều chuyện lật vạt hơn thua, phải quấy, tốt xấu... đó là chỉ biết loáng thoáng những chuyện hằng ngày. Buông hết để tâm lặng lẽ thanh tịnh, khi đó chuyện lâu xa muôn đời muôn kiếp chúng ta cũng biết. Sử dụng cái biết nhỏ bằng vọng tưởng rất dễ sai lầm. Vừa mới thấy phải sau thành quấy, lý luận với người thấy mình đúng, sau gặp người giỏi hơn chỉ trích lại thấy mình sai... Biết bằng vọng tưởng nên không đến sự thật, chỉ là biết tạp nhạp trong mê. Người buông hết tất cả, khi phát ra cái thấy biết, thấy biết đó mới là tường tận rõ ràng, chân thật. Đó là giác ngộ cứu cánh. Đức Phật biết được muôn ức kiếp về trước, muôn ức kiếp về sau,

khi cần ngài nói rõ để chỉ dạy đệ tử. Như vậy, chính buông hết mới biết hết chỗ chân thật. Chúng ta phải gan dạ, đừng sợ mình ngu, cứ buông hết đáo để cho ngu đáo để rồi sẽ thành trí. Đó là ý nghĩa tu hành trở về chỗ giác nguồn tâm.

**Âm:**

**Thử nghĩa vân hà? Như phạm phu nhân giác tri tiên niệm khởi ác cố, năng chỉ hậu niệm linh kỳ bất khởi, tuy phục danh giác, tức thị bất giác cố.**

**Dịch:**

*Nghĩa này thế nào? Như người phạm phu vì giác biết niệm trước khởi ác nên dừng niệm sau khiến chẳng khởi, tuy cũng gọi là giác nhưng vẫn là bất giác vậy.*

**Giảng:**

Đoạn trước Tổ nói *giác được nguồn tâm là cứu cánh giác*, đoạn này ngài nêu lên *như người phạm phu*, đây là người biết tu, không phải phạm phu theo thế tục. Như chúng ta khi có niệm dấy lên nghĩ ác nghĩ xấu liền giác biết, không cho tiếp tục, tuy gọi giác mà vẫn là bất giác. Tại sao? Bởi vì còn giác vọng niệm. Khi nào hết vọng niệm, tâm bình đẳng như mới là cứu cánh giác.

**Âm:**

**Như Nhị thừa quán trí, Sơ phát ý Bồ-tát đẳng, giác ư niệm dị, niệm vô dị tướng, dĩ xả thô phân biệt chấp trước tướng cố, danh Tương tự giác.**

**Dịch:**

*Như trí quán của hàng Nhị thừa và Bồ-tát Sơ phát tâm... giác nơi niệm khác, niệm không có tướng khác, do xả tướng chấp trước phân biệt thô nên gọi là Tương tự giác.*

**Giảng:**

Đây là chỗ giác của hàng Nhị thừa và các vị Bồ-tát mới phát tâm. Như chúng sanh cho thế gian là vui, hàng Nhị thừa dùng trí quán thấy rõ thế gian là khổ, nhận ra khổ đế. Sức giác ấy chỉ là giác trong phân biệt, chưa phải cứu cánh giác.

*Bồ-tát Sơ phát tâm giác nơi niệm khác.* Niệm khác là niệm gì? Hàng Bồ-tát mới phát tâm thấy từng niệm sanh diệt. Thấy niệm sanh diệt là thấy tướng khác của niệm, cũng chưa thấy được chân như. *Niệm không có tướng khác*, chỗ cứu cánh vô niệm, mà còn thấy niệm này sanh niệm kia diệt là vẫn còn động. Hàng Nhị thừa và Bồ-tát sơ phát tâm mới xả được tướng chấp trước phân biệt thô, chưa thấy được chân như nên gọi là *Tương tự giác*.

Tổ dạy rõ cho chúng ta ý chỉ trong khi tu hành. Nếu nói về Nhị thừa thì dùng trí quán để thấy tất cả pháp không thật, là khổ, vô thường, vô ngã... Giác biết ấy cũng còn là giác biết của tâm dấy động, không phải giác biết của tâm như như, nên nói là tương tự. Hàng Bồ-tát mới phát tâm, thấy được tâm niệm sanh diệt của mình, dùng trí quán thấy dường như có hai, một ông chủ đang nhìn thấy tâm và một thứ vọng niệm sanh diệt

nhảy lên lặn xuống. Niệm sanh diệt là tướng khác của tâm. Vì còn thấy có niệm sanh diệt và có cái biết niệm sanh diệt, chưa phải thật giác nên gọi là *tương tự giác*.

### Âm:

**Như pháp thân Bồ-tát đẳng, giác ư niệm trụ, niệm vô trụ tướng, dĩ ly phân biệt thô niệm tướng, cố danh Tùy phân giác.**

### Dịch:

*Như hàng Bồ-tát chứng pháp thân, giác nơi niệm trụ, niệm không có tướng trụ, do lìa các tướng phân biệt niệm thô, gọi đó là Tùy phân giác.*

### Giảng:

Đây là chỗ tế nhị. Hàng pháp thân Bồ-tát từ Sơ địa trở lên, thấy được pháp thân *giác nơi niệm trụ*, tức là thấy được tâm mình dừng lặng. Thấy tâm dừng lặng là còn người hay thấy và tâm lặng lẽ bị thấy, thật ra tâm không có tướng dừng vì *niệm không có tướng trụ*. Do mới lìa niệm thô là dấy động, còn niệm tế vừa yên, gọi là *Tùy phân giác*.

Theo Thập mục ngũ đồ đây là giai đoạn nào? Như trên đến chỗ Bồ-tát biết được “niệm dị” như người nắm mũi con trâu rồi, hễ đầu nó hướng về chiều nào có lúa mạ thì giật lại liền, vẫn còn chần dốt nó trong từng tác động thay đổi. Đến đoạn này là con trâu hiền lành đang nằm ý đó, còn người chần ngồi ở gốc cây thổi sáo chơi. Như vậy là an lành, nhưng vẫn còn thấy có con trâu nằm và người chần.

**Âm:**

Như Bồ-tát địa tận, mãn túc phương tiện, nhất niệm tương ứng, giác tâm sơ khởi, tâm vô sơ tướng, dĩ viễn ly vi tế niệm cố đặc kiến tâm tánh, tâm tức thường trụ, danh Cứu cánh giác.

Thị cố Tu-đa-la thuyết, nhược hữu chúng sanh năng quán vô niệm giả, tắc vi hướng Phật trí cố.

**Dịch:**

*Như Bồ-tát địa tận, đầy đủ phương tiện, một niệm tương ứng, giác biết tâm khởi ban đầu, tâm không có tướng ban đầu, do xa lìa được niệm vi tế thấy tâm tánh, tâm tức là thường trụ, gọi là Cứu cánh giác.*

*Thế nên trong kinh nói, nếu có chúng sanh hay quán vô niệm ắt là hướng về trí Phật vậy.*

**Giảng:**

Đây đến chỗ *nhất niệm tương ứng*. Con trâu và người chăn tương hợp không còn thấy hai. Theo tranh chăn trâu của Đại thừa là bức tranh thứ mười. Vòng tròn sáng tượng trưng tánh giác, chúng ta thấy được niệm khởi ban đầu dẫn đi trong mê. Thấy được niệm đó là biết được nguồn cội sanh tử. Vì niệm ban đầu không thật nên nói *tâm không có tướng ban đầu*.

*Xa lìa niệm vi tế, được thấy tâm tánh, tâm tức là thường trụ, gọi là Cứu cánh giác. Đến đây mới thật sự trở về nguồn tâm.*

Người giữ không cho tâm nghĩ ác, chỉ nghĩ những điều thiện, gọi là Phàm phu giác. Giác này vẫn còn mê, vì còn chấp nhận niệm, nên vẫn là bất giác. Bồ-tát sơ phát tâm dùng trí quán thấy tâm sanh diệt, thấy vọng niệm luôn luôn đổi khác, gọi là Tương tự giác. Hàng Bồ-tát Sơ địa vì còn thấy tâm lặng lẽ như như, nên gọi là Tùy phần giác. Đến Bồ-tát Thập địa không còn thấy mình là người hay thấy và tâm là cái bị thấy, chỉ thuần một tâm thanh tịnh như như, lúc đó là Cứu cánh giác.

*Nếu chúng sanh hay quán vô niệm, ắt hướng về trí Phật. Tu là như vậy, không tìm gì xa xôi lạ lùng. Trong một quyển luận ngắn mà Tổ đã chỉ dạy đường tu rõ ràng, nếu từ đây về sau không chấp nhận vọng tưởng, chắc rằng chúng ta không cần học nhiều.*

#### **Âm:**

**Hựu tâm khởi giả, vô hữu sơ tướng khả tri, nhi ngôn tri sơ tướng giả, tức vị vô niệm. Thị cố nhất thiết chúng sanh bất danh vi giác. Dĩ từng bản lai niệm niệm tương tục vị tăng ly niệm cố, thuyết vô thủy vô minh.**

#### **Dịch:**

*Lại tâm khởi đó, không có tướng ban đầu có thể biết, mà nói biết tướng ban đầu tức là vô niệm. Thế nên tất cả chúng sanh không gọi là giác. Bởi vì từ xưa đến nay niệm niệm tiếp nối, chưa từng ly niệm, nên nói là vô thủy vô minh.*

**Giảng:**

Chúng ta nói: “Biết được tướng ban đầu của niệm khởi”, nhưng niệm khởi có tướng ban đầu không? Tướng ban đầu của niệm khởi là *vô niệm*. Lời dạy quán thoại đầu của chư tổ là tìm tột cùng tướng ban đầu của niệm. Lời nói từ niệm khởi, tìm tột cùng đầu mối của lời nói tức tột cùng đầu mối của niệm khởi, chỗ đó vô niệm.

*Thế nên tất cả chúng sanh không gọi là giác. Bởi vì từ xưa đến nay niệm niệm tiếp nối, chưa từng ly niệm, nên nói là vô thủy vô minh. Chúng sanh xưa nay chấp nhận vọng niệm, nuôi dưỡng nó không rời, nên chưa bao giờ giác. Vì nuôi dưỡng niệm, không biết manh mối bắt đầu từ đâu, nên gọi là vô thủy. Bây giờ nếu dừng lại không dấy niệm, thì vô minh vô thủy mà hữu chung.*

Tôi nhắc lại chuyện Diễn-nhã-đạt-đa, chấp bóng mình trong gương cho là đầu mặt thật. Vì khăng khăng chấp nhận bóng trong gương, không chấp nhận đầu mặt thật của mình nên gọi ông là cuồng điên. Chúng ta cũng vậy, chấp nhận vọng niệm, không chấp nhận chân như, không phải cuồng điên là gì! Thế nên Phật nói là vô minh. Khi biết như vậy rồi gắng bỏ si mê để sống tỉnh giác.

**Âm:**

**Nhược đắc vô niệm giả, tắc tri tâm tướng sanh trụ dị diệt. Dĩ vô niệm đẳng cố, nhi thật vô hữu thủy giác chi dị, dĩ tứ tướng câu thời nhi hữu giai vô tự lập, bản lai bình đẳng đồng nhất giác cố.**

**Dịch:**

*Nếu người được vô niệm thì biết tướng sanh trụ dị diệt của tâm. Bởi vì vô niệm bình đẳng mà thật không có thủy giác khác, do vì bốn tướng đồng thời mà có thì đều không tự lập, xưa nay bình đẳng đồng một giác thôi.*

**Giảng:**

*Nếu người được vô niệm thì biết tướng sanh trụ dị diệt của tâm.* Nghĩa là khi vô niệm rồi, mới biết tâm dấy lên thế nào, trụ, dị, diệt thế nào, thấy rõ không còn nghi ngờ. Như mặt nước hồ khi không có gió, không gợn sóng. Nước yên lặng nên con cá nhỏ xíu đớp bọt chúng ta cũng thấy, gợn sóng từ cái đớp bọt chúng ta cũng thấy, gợn sóng lặng chúng ta cũng thấy. Nếu mặt hồ sóng âm ỉ thì ngàn con cá đớp bọt chúng ta cũng không thấy. Như ban đêm im hết tiếng động, chúng ta mới nghe tiếng đồng hồ tích tắc. Ban ngày xe chạy ồn ào dù có nhiều đồng hồ cũng không nghe. Ở đây nói rằng sở dĩ thấy được tướng sanh trụ dị diệt của tâm là do tâm rất yên lặng thanh tịnh.

*Vô niệm bình đẳng* vì trước đó không có thủy giác khác, thủy giác đã đồng bản giác. *Do vì bốn tướng của tâm đồng thời mà có đều không tự lập*, lúc đó bốn tướng sanh trụ dị diệt của tâm không thật, chỉ còn một bản giác bình đẳng nên gọi là *nhất giác*.

Hiện nay đang tu, chúng ta dùng thủy giác. Mỗi vọng niệm dấy khởi chúng ta điếm mặt không theo, đó là thủy giác. Dùng thủy giác tri vọng đến cuối cùng

vọng không còn, dụng biết vọng cũng dẹp, chỉ còn thuần một tánh giác. Lúc đó hợp một, thế nên người chẵn và con trâu không còn nữa.

Luận này so với kinh Lăng-nghiêm chỉ khác về mặt ngôn ngữ, trên tinh thần tu hành đều cùng về một lối, không có lối thứ hai. Phật, tổ đồng đường, chúng ta học Phật học tổ cũng đường đó mà đi, nếu đi đường khác là không phải. Đường khác như là xuất hôn, là thấy những cảnh giới lạ thường... Trở về chỗ này không tất cả cảnh giới.

## **b. Bản giác**

**Âm:**

**Phục thứ, bản giác tùy nhiệm phân biệt sanh nhị chủng tướng, dữ bỉ bản giác bất tương xả ly. Vân hà vi nhị? Nhất giả Trí tịnh tướng, nhị giả Bất tư nghì nghiệp tướng.**

**Dịch:**

*Lại nữa, bản giác tùy nhiệm phân biệt sanh ra hai thứ tướng, cùng với bản giác kia không xa lìa nhau. Thế nào là hai? Một là Tướng trí tịnh, hai là Tướng nghiệp bất tư nghì.*

**Giảng:**

Phần trên nói do công năng của thủy giác mà bản giác hiển lộ, đoạn này nói khi bản giác hiển lộ, tùy theo nhiệm nên có phân biệt sanh ra hai tướng. Nhiệm là

huân tập. Huân tập cái gì nó trở thành cái đó. Vì vậy ở đây chia làm hai thứ, huân tập về trí tịnh và huân tập về nghiệp bất tư nghi.

### **b1. Tướng trí tịnh**

#### **Âm:**

**Trí tịnh tướng giả, vị y pháp lực huân tập, như thật tu hành, mãn túc phương tiện cố, phá hòa hợp thức tướng, diệt tương tục tâm tướng, hiển hiện pháp thân, trí thuần tịnh cố.**

**Thử nghĩa vân hà? Dĩ nhất thiết tâm thức chi tướng giai thị vô minh, vô minh chi tướng bất ly giác tánh, phi khả hoại phi bất khả hoại.**

#### **Dịch:**

*Tướng trí tịnh đó, nghĩa là y nơi pháp lực huân tập, như thật tu hành, đầy đủ phương tiện nên phá được tướng thức hòa hợp, diệt được tương tục tâm tướng, hiển hiện được pháp thân, gọi là trí thuần tịnh.*

*Nghĩa này thế nào? Do tất cả tướng tâm thức đều là vô minh, tướng vô minh không lìa tánh giác, không thể hoại cũng không phải chẳng hoại.*

#### **Giảng:**

Huân tập về trí tịnh là chúng ta y nơi pháp Phật dạy mà huân tập tu hành. Do như thật tu hành đầy đủ phương tiện, phá được tướng thức hòa hợp và diệt được

*tướng tâm tương tục*. Dùng sức tu tập xứng hợp chân thật nên gọi là như thật tu hành. Đến đây phá được vô minh căn bản hòa hợp trong nội thức, diệt sức tương tục vi tế của tâm. Lúc đó pháp thân hiển hiện, gọi là *trí thuần tịnh*.

Phật dạy vọng tưởng là vô minh, theo lời dạy đó, chúng ta không chấp nhận vọng tưởng, bỏ không theo, từ từ nó lặn, đến khi lặn hoàn toàn gọi là phương tiện đầy đủ. Theo kinh Lăng-nghiêm, đó là lúc sáu thức về một tinh minh, gọi là sáu căn hồ dụng. Đến đây tâm tương tục, tức là ý thức vọng tưởng tương tục của chúng ta cũng theo đó mà sạch hết. Khi ấy *hiển hiện pháp thân*, gọi là *trí thuần tịnh*.

Như thế pháp thân tức là trí. Theo kinh Lăng-già thức và trí hai nghĩa khác nhau. Chúng ta thường lầm trí là thức. Như người thông minh gọi là người trí, nhà Phật gọi trí ấy là vọng thức phân biệt lan lẹ không phải trí. Trí bất sanh bất diệt, thức sanh diệt, còn dùng sanh diệt đều là thức. Khi ngồi thiền, lặn mà tỉnh sáng, lúc không có thức phân biệt, tức là trí bất sanh diệt, trí giải thoát vô lậu, còn tâm vọng thức phân biệt là vô minh sanh tử.

*Nghĩa này thế nào? Do tất cả tướng tâm thức đều là vô minh, tướng vô minh không là tánh giác, không thể hoại cũng không phải chẳng hoại.* Nói về tướng trí tịnh, Tổ e rằng chúng ta chỉ một bề chấp nhận tánh giác không biết được thể thật của vô minh nên giảng kỹ. Do tất cả tướng tâm thức đều là vô minh, tướng vô minh

không lìa tánh giác. Tướng của tâm là sanh diệt, thể của tâm là bất sanh diệt, tướng không lìa thể. Như tâm đang yên lặng rồi dấy niệm lên, niệm ấy từ đâu có nếu không phải từ tâm yên lặng dấy lên?

### **Âm:**

**Như đại hải thủy nhân phong ba động, thủy tướng phong tướng bất tương xả ly, nhi thủy phi động tánh. Nhược phong chỉ diệt động tướng tắc diệt, thấp tánh bất hoại cố. Như thị chúng sanh tự tánh thanh tịnh tâm, nhân vô minh phong động, tâm dữ vô minh câu vô hình tướng, bất tương xả ly, nhi tâm phi động tánh. Nhược vô minh diệt tương tục tắc diệt, trí tánh bất hoại cố.**

### **Dịch:**

*Như nước biển nhân gió mà sóng động, tướng nước tướng gió không xa rời nhau, mà nước chẳng phải tánh động. Nếu gió dừng lặng thì tánh động ắt dừng, tánh ướt vẫn không hoại. Tự tánh tâm thanh tịnh của chúng sanh cũng lại như thế, nhân gió vô minh mà động, tâm cùng vô minh đều không hình tướng, không xa rời nhau mà tâm chẳng phải tánh động. Nếu vô minh diệt thì cái tương tục ắt diệt, lúc đó trí tánh không hư hoại.*

### **Giảng:**

Ngay trong tánh giác của chúng ta cũng không lìa vô minh. Tất cả tướng thức tâm là vô minh. Nghĩa vô minh rất rộng, nhưng định nghĩa tùy theo chỗ.

- Đúng về các bộ kinh A-hàm ( $\bar{A}$ gama), vô minh là không thấy biết tứ đế đúng như thật.

- Về kinh điển Đại thừa như kinh Viên Giác..., vô minh là chấp tâm huyền vọng cho là thật, chấp thân cảnh hư giả cho là thật.

- Với luận này, vô minh là vọng thức.

Phật và Tổ định nghĩa không khác, các ngài chỉ thẳng vô minh tế nhị, căn bản ở ngay trong vọng thức nội tâm chúng ta. Kinh Lăng-nghiêm nói tánh giác hẳn là minh, do vọng thành minh giác; giác không phải sở minh, nhân minh lập sở..., từ đó đi trong luân hồi. Vọng thức dấy lên là vô minh, người nào chấp nhận vọng thức, hằng ngày chạy theo vọng thức là sống với vô minh.

*Như nước biển nhân gió mà sóng động, tướng nước tướng gió không xa rời nhau, mà nước chẳng phải tánh động. Nếu gió dừng lặng thì tánh động ắt dừng, tánh ướt vẫn không hoại. Đây dùng thí dụ như sóng với nước. Khi gió thổi thì sóng dấy động, lúc đó chúng ta cảm thấy như mặt nước bị mất, vì nước cuộn từng lượn sóng. Sóng với nước là một hay hai? Sóng dấy lên từ nước, khi lặng xuống cũng trở về với nước không thể nói là hai. Khi sóng dấy lên, hình tướng của sóng không phải là tướng bằng phẳng yên lặng của nước nên không phải một. Khi gió dừng tướng sóng cũng dừng mất nhưng thể nước vẫn còn, gọi là không hoại.*

Gió là dụ cho gió nghiệp. Gió nghiệp thổi tâm thức chúng ta dấy động, lúc đó không thấy biển thanh tịnh pháp thân. Khi gió dừng sóng lặng thì biển pháp thân

thanh tịnh tròn đầy, không cần tìm kiếm đâu xa. Vì vậy tâm thức tuy nói vô minh nhưng cũng không lìa tánh giác. Nếu không có tánh giác làm sao có thức biết. Chỉ vì tâm động nên mất tánh thanh tịnh bình đẳng gọi là vô minh.

Có nhiều người ngờ vực tại sao tâm thanh tịnh rồi bất giác, tức là niệm khởi thành vô minh. Sự thật niệm khởi cũng từ tâm thanh tịnh. Vì nước không giữ tự tánh, nên gió thổi liền động. Khi gió dừng sóng hết mặt nước lại yên lặng như cũ. Đây chỉ là tạm thí dụ. Chỗ cứu cánh của cái động rất khó thấy. Nếu thấy được niệm khởi đầu dấy động thì chúng ta đã trở về giác cứu cánh.

Vì thế nói rằng tâm không phải động. *Nếu vô minh diệt thì cái tương tục diệt.* Khi thức tương tục diệt, *trí tánh bất hoại.* Bất hoại tức là bất sanh bất diệt. Như hình ảnh mặt biển và những lượn sóng. Một lượn sóng sánh với mặt biển bát ngát thì chừng bao lớn? Tâm vọng tưởng chúng ta dấy lên, nghĩ này nghĩ nọ..., đối với tâm thanh tịnh kia cũng như những lượn sóng dấy lên đối với mặt biển. Khi sóng lặng mất không phải là biển mất, đó là chỗ bất hoại. Muốn thấy tâm thanh tịnh bát ngát, chỉ đừng chấp cho những lượn sóng dấy lên là toàn thể mặt biển. Lúc ấy pháp thân thanh tịnh hiện tiền.

## **b2. Tướng nghiệp bất tư nghi**

**Âm:**

**Bất tư nghi nghiệp tướng giả, dĩ y trí tịnh tướng năng tác nhất thiết thắng diệu cảnh giới, sở vị vô lượng công đức chi tướng thường vô đoạn tuyệt,**

tùy chúng sanh căn tự nhiên tương ứng, chủng chủng nhi hiện, đắc lợi ích cố.

**Dịch:**

*Tướng nghiệp bất tư nghì là do y tướng trí tịnh mà hay tạo tất cả cảnh giới thắng diệu. Đó là tướng vô lượng công đức, thường không có đoạn dứt, tùy theo căn cơ chúng sanh, tự nhiên tương ứng mà hiện các thứ, làm cho được lợi ích.*

**Giảng:**

*Tướng nghiệp bất tư nghì* này không phải là nghiệp của chúng sanh phàm phu, mà là thiện nghiệp của bản giác.

Hằng ngày chúng ta hoạt động trong nghiệp bất tư nghì của vọng tưởng, nên tạo đủ thứ hay dở tốt xấu... Chính ngày mai cũng chưa biết tâm chúng ta sẽ nghĩ gì! Đôi khi đang là người hiền lương, ăn nói nhu hòa lịch sự, chợt nghe vài ba câu trái tai, con người tử tế nhu hòa vừa rồi trở thành người hung dữ, la lối... Có lúc chúng ta làm những chuyện mà bình thường không dám nghĩ tưởng đến, vậy mà nó phát ra không ngờ. Nghiệp đó bất tư nghì, không biết trước được, gặp duyên liền khởi không thể nghĩ lường.

Nghiệp vọng tưởng bất tư nghì, nghiệp nương vào trí thanh tịnh cũng bất tư nghì, đều do duyên khởi. Nghiệp phàm phu khởi lên gây khổ đau, nghiệp trí thanh tịnh thì tùy duyên chúng sanh cần gì liền ứng hiện, nên bất tư nghì trong sự lợi ích chúng sanh.

*Hay tạo tất cả những cảnh giới thắng diệu, như bình thường chúng ta không nghĩ đến chuyện hy sinh bố thí, thành lành gặp người cần cái gì, lúc đó có là chúng ta giúp liền. Trí thanh tịnh không cho phép chúng ta ích kỷ, xấu xa... nên gặp những gì đáng giúp liền ứng hiện giúp, thỏa theo nguyện vọng làm lợi ích cho người. Đó là tướng vô lượng công đức thường không đoan tuyệt. Các vị Bồ-tát trí tướng thuần túy thanh tịnh nên đầy đủ diệu dụng, tùy theo căn cơ chúng sanh mà hiện ra muôn ngàn sự lợi ích. Các ngài luôn luôn làm lợi ích chúng sanh không đoan dứt. Tùy theo căn cơ chúng sanh, tự nhiên tương ứng mà hiện các thứ, Bồ-tát Quan Thế Âm có ba mươi hai ứng thân. Khi gặp người cần hiện thân trưởng giả, cư sĩ, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni... để được độ, ngài liền hiện thân tùy theo sở nguyện chúng sanh.*

Chúng ta tu trở về trí thuần giác, trí ấy không suy nghĩ hơn thiệt, phải quấy, tốt xấu..., chỉ lặng lẽ như như. Lặng lẽ như như thì chúng ta hiểu lầm là không khôn ngoan, không lanh lẹ... Thật ra khi trở về thuần tịnh là khởi diệu dụng ứng hóa vô cùng. Nếu không hiểu, nghe nói trở về trí thanh tịnh càng ngày càng lặng, không nghĩ không tính, cho như vậy là tiêu cực. Ngồi trên non trên núi im lìm một mình, tu như vậy có lợi ích cho ai? Chúng ta quen theo quan niệm phàm phu, muốn làm lợi ích cho người phải suy nghĩ tính kế làm mới được. Phật, Bồ-tát không như vậy. Tâm các ngài thanh tịnh như như, nếu thấy chúng sanh cần gì, có duyên giúp được liền ứng theo căn cơ, theo sở thích của họ để giúp, không cần suy nghĩ trước. Đó là ứng dụng bất tư nghĩ,

cũng là thân thông diệu dụng. Như vậy để thấy, khi tiêu cực đáo đẽ, rồi sẽ được cái tích cực đáo đẽ.

Khi làm việc với tâm vô phân biệt, gặp việc thì ứng hiện làm, làm xong liền bỏ không dính mắc, không cần người xưng tụng hay đáp trả. Tu được như vậy là khởi đại nguyện Bồ-tát, có nghiệp dụng bất tư nghi làm lợi ích tất cả chúng sanh không chán không sợ.

**Âm:**

**Phục thứ, giác thể tướng giả, hữu tứ chủng đại nghĩa, dĩ hư không đẳng, du như tịnh kính. Vân hà vi tứ?**

**Nhất giả Như thật không kính. Viễn ly nhất thiết tâm cảnh giới tướng, vô pháp khả hiện, phi giác chiếu nghĩa cố.**

**Nhị giả Nhân huân tập kính. Vị Như thật bất không, nhất thiết thế gian cảnh giới tất ư trung hiện, bất xuất bất nhập, bất thất bất hoại, thường trụ nhất tâm, dĩ nhất thiết pháp tức chân thật tánh cố. Hựu nhất thiết nhiễm pháp sở bất năng nhiễm, trí thể bất động, cụ túc vô lậu huân chúng sanh cố.**

**Tam giả Pháp xuất ly kính. Vị bất không pháp, xuất phiền não ngại trí ngại, ly hòa hợp tướng, thuần tịnh minh cố.**

**Tứ giả Duyên huân tập kính. Vị y pháp xuất ly cố, biến chiếu chúng sanh chi tâm, linh tu thiện căn, tùy niệm thị hiện cố.**

**Dịch:**

*Lại nữa, tướng thể giác có bốn nghĩa lớn, cùng với hư không đồng, ví như gương trong sáng. Thế nào là bốn?*

*Một là gương Như thật không. Xa lìa tất cả tướng tâm và cảnh giới, không pháp nào có thể hiện, vì không phải là nghĩa giác chiếu.*

*Hai là gương Nhân huân tập. Nghĩa là Như thật bất không, tất cả cảnh giới thế gian đều hiện trong ấy, không ra không vào, không mất không hoại, thường trụ nhất tâm, do tất cả pháp tức là tánh chân thật. Lại tất cả pháp nhiễm không thể nào nhiễm được, trí thể không động, đầy đủ vô lậu huân cho chúng sanh.*

*Ba là gương Pháp xuất ly. Nghĩa là pháp bất không, ra khỏi chướng ngại của phiền não và chướng ngại của trí, lìa tướng hòa hợp, thuần tịnh sáng suốt.*

*Bốn là gương Duyên huân tập. Nghĩa là y nơi pháp xuất ly, soi khắp tâm chúng sanh, khiến người tu thiện căn tùy niệm được thị hiện.*

**Giảng:***1. Gương Như thật không*

Thể tâm giác ngộ của chúng ta có bốn nghĩa lớn lượng đồng hư không, nên ví dụ như gương trong sáng thanh tịnh. Trong bốn nghĩa thanh tịnh đó, nghĩa thứ nhất là gương Như thật không, vì thể gương trong sáng không có bụi, không có hình bóng.

Lại nữa, tại sao gọi nó là Như thật không? Vì xa lìa các tướng tâm và cảnh giới, không pháp nào có thể hiện, vì không phải là nghĩa giác chiếu. Nếu có giác chiếu tất nhiên có động tức có bóng trong gương. *Như thật không*, để chỉ cho thể của gương trong ngần không có bụi, không có bóng. Đã không có tất cả vọng niệm cũng không có dụng chiếu soi, chỉ là một thể thanh tịnh sáng ngời.

## 2. Gương Nhân huân tập

Nghĩa thứ hai là *Như thật bất không*, cũng gọi là gương Nhân huân tập. Đối trước mặt gương trong ngần, bên ngoài có những hình bóng đẹp xấu, khéo dở... đều hiện vào trong gương. Đây là trường hợp có đủ diệu dụng, vì nhờ *Như thật bất không* nên mới hiện được tất cả hình bóng. Vì thế nói *tất cả cảnh giới thế gian đều hiện trong ấy*.

Hình bóng hiện trong gương, ngoài có cảnh thì trong gương có bóng, không có tướng ra, vào, mất, hoại... gương vẫn thường trụ. Nên nói rằng *thường trụ nhất tâm, do tất cả pháp là tánh chân thật*.

Trong gương hiện đủ những hình bóng bên ngoài, cũng là ý nghĩa huân tập. Khi huân tập có đủ pháp tịnh pháp nhiễm, vì thể gương thanh tịnh, tất cả pháp hiện trong gương chỉ là bóng nên không pháp nào làm gương bị nhiễm. Vì thế nói *tất cả pháp nhiễm không thể nào làm nhiễm nó được*. Ví dụ ở ngoài có mực tàu, bóng mực tàu hiện vô gương mà không dính gương.

*Trí thể bất động, đầy đủ những công đức vô lậu mà huân cho chúng sanh.* Vậy khi nói “gương Như thật không” là đứng về mặt thể trong ngần của gương. Nói “gương Nhân huân tập” là đứng về phần dụng hiện bóng tất cả sự vật bên ngoài của gương.

Tâm tánh của chúng ta, vốn là Như thật không, chẳng có một vật. Như Lục Tổ nói:

*Bản lai vô nhất vật,  
Hà xứ nhạ trên ai?*

Dịch:

*Xưa nay không một vật,  
Chỗ nào dính bụi bặm?*

Đó là chỉ thẳng. Thấy rõ gương ấy, khi vọng tưởng hiện chỉ cần không theo, mặt gương vẫn trong như tự thuở nào. Khi gương trong hiện, chúng ta muốn khởi diệu dụng lợi ích chúng sanh bao nhiêu cũng được, không bị chướng ngại.

Những người tu hạnh Bồ-tát khi mới phát tâm, chư Phật đều khuyến khích phát nguyện mạnh mẽ độ chúng sanh. Mỗi đêm chúng ta thường nguyện “Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ”. Do nhớ bản nguyện mà phát tâm làm lợi ích chúng sanh, được công đức viên mãn. Nếu không phát nguyện, chỉ lo tự độ và an trụ trong cảnh giới tịnh, công đức không viên mãn. Vì vậy, chúng ta đừng sợ tiêu cực, hằng ngày có nguyện rồi, nên cứ tu cho tâm thật đầy đủ thanh tịnh. Khi đó khởi dụng

huân bất tư nghì lợi ích chúng sanh, không gặp chướng ngại. Đó là ý nghĩa câu sau chót, *đầy đủ vô lậu huân cho chúng sanh*.

### 3. *Gương Pháp xuất ly*

Nghĩa thứ ba là pháp bất không cũng gọi là *gương Pháp xuất ly*. Xuất ly là ra khỏi hai chướng: phiền não chướng và sở tri chướng. Khi chúng ta trở về thể thanh tịnh, lúc đó chỉ là mặt gương sáng không bị vọng tưởng điên đảo che mờ, phiền não và sở tri làm ngại.

Chúng ta luân hồi sanh tử là vì trong tạng thức có vô minh chen lẫn gọi là tướng hòa hợp. Biết mình có tâm thanh tịnh trong trời không giới hạn nhưng lại bị vướng mắc, đóng khung trong thân năm ấm, rồi do sức vô minh vọng động nên tâm không an ổn. Khi tạng thức thoát ra tướng hòa hợp này, liền thấy thanh tịnh trùm khắp cả hư không, nên nói rằng *là tướng hòa hợp, thuần tịnh sáng suốt*.

*Phiền não chướng* là chỉ cho tất cả chướng do tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến... *Sở tri chướng* là chướng về sở tri tức kiến thức của mình. Kiến thức là một pháp ái. Thí dụ chúng ta sở đắc một bộ kinh nào đó, thông thuộc rành rẽ, định về sau đi đâu sẽ đem ra giảng nói. Bây giờ nghe nói lối tu này là phải buông hết ý niệm, vậy có nở buông sở đắc của chúng ta không? Không nở buông được tức là pháp ái. Do chúng ta chấp vào cái biết đã được, đó là sở tri chướng.

Phiền não chướng thấy khó mà dễ trừ, sở tri chướng khó trừ vì nó thâm thâm, không phát lộ rõ ràng.

Đa số người tu đầu tiên bị khổ về phiền não chướng, sau đó mắc kẹt sở tri chướng. Hai chướng này có gốc từ căn bản vô minh. Vượt qua hai chướng này là phá được tướng hòa hợp của vô minh, nên gọi là giải thoát sanh tử. Gỡ tung hai chướng, phá thức hòa hợp, lúc này trí sáng bản hữu hiển hiện. Vì là tánh giác sẵn có nên gọi là *pháp bất không*, chỉ có thuần trí thanh tịnh.

#### 4. Gương Duyên huân tập

Nghĩa thứ tư là gương Duyên huân tập. Nghĩa là sau khi thuần tịnh rồi, do sức thuần tịnh của mình nên chúng ta hay làm duyên huân tập lại cho kẻ khác, nên nói *y nơi pháp xuất ly soi khắp tâm chúng sanh*, thấy những chúng sanh có thiện căn thế nào, tùy đó mà ứng hiện để làm duyên cho họ huân tập pháp vô lậu. Đây là thuận lợi tha.

Tóm lại, trong bốn gương này, gương thứ nhất là Như thật không, trở về tự thể không nhiễm. Gương thứ hai là Nhân huân tập, có đầy đủ tất cả những công đức thắng diệu. Gương thứ ba là Pháp xuất ly, ra khỏi những chướng ngại để cho trí thuần tịnh. Gương thứ tư là Duyên huân tập, huân tập lợi ích cho tất cả chúng sanh. Bốn gương vừa nêu, là do khi trở về bản giác thanh tịnh có những diệu dụng như vậy.

## 2. Nghĩa bất giác

**Âm:**

**Sở ngôn bất giác nghĩa giả, vị bất như thật tri chân như pháp nhất cố, bất giác tâm khởi nhi hữu kỳ niệm.**

**Dịch:**

***Nói nghĩa bất giác là vì không biết đúng như thật pháp chân như chỉ một, bất giác tâm khởi nên có niệm kia.***

**Giảng:**

Bất giác nghĩa là *không biết đúng như thật pháp chân như chỉ một*. Nghĩa chính của bất giác là không sáng, không giác, cũng có nghĩa là đột nhiên dấy lên.

Vì không biết được chân như đúng như thật, nên không sống với chân như, *bất giác tâm khởi nên có niệm kia*. Niệm kia là niệm vô minh, đây là khởi điểm của mê lầm. Kinh Lăng-nghiêm nói, do giác minh mà minh lại tánh giác. Minh tánh giác là *bất giác khởi tâm*, giác minh trong kinh Lăng-nghiêm, ở đây gọi là *chân như pháp nhất*. Chúng ta không biết được pháp chân như chỉ có một, không có pháp nào ngoài tâm, bất giác khởi tâm mà có niệm đây kia.

**Âm:**

**Niệm vô tự tướng bất ly bản giác. Du như mê nhân y phương cố mê, nhược ly ư phương tắc vô hữu mê. Chúng sanh diệt nhĩ, y giác cố mê, nhược ly giác tánh tắc vô bất giác.**

**Dĩ hữu bất giác vọng tưởng tâm cố, năng tri danh nghĩa, vi thuyết chân giác. Nhược ly bất giác chi tâm tắc vô chân giác tự tướng khả thuyết.**

**Dịch:**

*Niệm không có tự tướng, chẳng là bản giác. Ví như người mê, y nơi phương hướng nên mê, nếu là phương hướng thì không có mê. Chúng sanh cũng vậy, y nơi giác nên mê, nếu là tánh giác thì không có bất giác.*

*Vì có tâm vọng tưởng bất giác mới có vọng tưởng hay biết danh nghĩa, nói là chân giác. Nếu là tâm bất giác thì không có tự tướng chân giác có thể nói.*

**Giảng:**

*Niệm không có tự tướng, chẳng là bản giác.* Tổ dùng thí dụ người mê lầm trên phương hướng, căn cứ vào có phương hướng nên có mê lầm phương hướng. Chúng sanh cũng vậy, khi tâm dấy động sanh vô minh, vô minh không là bản giác. Ý nói rằng vì có giác, căn cứ vào tánh giác nên nói có bất giác, giác là thể của vô minh, của niệm khởi. Niệm đầu dấy lên, soi lại tánh giác của mình niệm đó là vọng, không có tự tướng, cũng không rời bản giác. Niệm không có tự tướng nghĩa là vốn không có thật thể, vì thế chúng ta mới phát tâm tu được, nếu có thật thể thì cái mê lầm muôn kiếp làm sao sửa đổi. Như mê lầm về phương hướng, trong phút chốc tất cả phương hướng đều mê, một khi tỉnh biết thì thấy phương hướng rõ ràng không lầm. Tánh giác trong mê không bị mất, chỉ bị che mờ, khi hết mê thì giác hiện. Đó là ý bất giác không rời bản giác.

*Vì có bất giác mới có tâm vọng tưởng hay biết danh nghĩa, nói là chân giác. Nếu là tâm bất giác thì không có tự tướng chân giác có thể nói.*

Bất giác chính là tâm vọng tưởng của chúng sanh, cũng là tâm thức phân biệt. Tuy một bề bất giác nhưng khi được chỉ dạy về tâm chân như, Phật tánh... liền hiểu được danh nghĩa mà phát tâm. Cái hiểu biết danh nghĩa này chính là tánh giác sẵn có, do đó khởi phân biệt chân vọng, khởi tâm là vọng. Khi chúng ta hoàn toàn là vọng tưởng, là mê lầm tạm gọi là giác ngộ, cũng chỉ là một lối nói gượng. Sự thật nếu là vọng tưởng mê lầm, cũng không còn tướng giác để nói. Không phải không có mà không nói được, bởi vì nói là nằm trong sanh diệt. Dấy niệm nói về tánh giác, tánh giác ấy cũng là lời nói sanh diệt. Nên đây nói đến chỗ là tâm bất giác, lạng lẽ nhất như thì không còn danh tự, không còn nói là chân giác nữa.

#### **a. Tam tế**

**Âm:**

**Phục thứ, y bất giác cố sanh tam chủng tướng, dữ bỉ bất giác tương ưng bất ly. Vân hà vi tam?**

**Nhất giả Vô minh nghiệp tướng. Dĩ y bất giác cố tâm động, thuyết danh vi nghiệp; giác tác bất động. Động tác hữu khổ, quả bất ly nhân cố.**

**Nhị giả Năng kiến tướng. Dĩ y động cố năng kiến, bất động tác vô kiến.**

**Tam giả Cảnh giới tướng. Dĩ y năng kiến cố cảnh giới vọng hiện, ly kiến tác vô cảnh giới.**

**Dịch:**

*Lại nữa, y bất giác nên sanh ra ba thứ tướng, cùng với bất giác kia tương ứng chẳng lìa nhau. Thế nào là ba?*

*Một là Vô minh nghiệp tướng. Do y bất giác nên tâm động nói là nghiệp, nếu giác tức chẳng động. Động tức có khổ, vì quả chẳng lìa nhân.*

*Hai là Năng kiến tướng. Do y nơi động nên có cái hay thấy, nếu chẳng động thì không có cái thấy.*

*Ba là Cảnh giới tướng. Do y nơi cái hay thấy mà cảnh giới vọng hiện, lìa cái thấy thì không có cảnh giới.*

**Giảng:**

Điểm đặc biệt của bộ luận này là chia chẻ sự mê lầm của chúng sanh thành hai phần: tam tế và lục thô. Từng chi tiết và tướng trạng của vô minh vi tế dẫn đến nghiệp thọ khổ được dẫn giải rõ, theo đó chúng ta nhận được đường đi của tâm từ bất giác khởi lên.

Bất giác có ba thứ tướng, luôn luôn tương ứng với bất giác không lìa nhau. Đoạn trước nói về bản giác có hai tướng trí tịnh và tướng nghiệp bất tư nghì luôn tương ứng bản giác, đoạn này nói ba tướng, mỗi tướng đều phù hợp với bất giác.

**a1. Vô minh nghiệp tướng**

Tướng thứ nhất là *vô minh nghiệp tướng y nơi bất giác*. Nghĩa là một niệm tối sơ dấy lên soi lại tánh giác

tức liền thành tâm động, tâm này gọi là nghiệp tướng. Như vậy vô minh tâm động là nghiệp tướng đầu tiên, từ đó kéo theo những động niệm khác để tạo thành dòng sanh tử lưu chuyển. Sống là động, trong thì tâm động, ngoài là hành động tạo tác, chúng ta luôn luôn làm theo cái động, tức là theo nghiệp. Muốn tâm dừng không động thật là vấn đề nan giải. Ở đây chú trọng cái động căn bản của tâm; động của thân là cái động bên ngoài. *Do tâm động gọi là nghiệp*, tâm hết động thì nghiệp theo đó hết, then chốt của nghiệp nằm ở tâm chứ không phải ở thân.

Chúng ta nói lời lành lời dữ cũng do tâm nghĩ. Như người mất trí nói lảm nhảm hoài, chúng ta không giận, họ không tạo nghiệp vì không suy nghĩ. Còn chúng ta có trí, tâm có suy nghĩ, có chiều hướng đàng hoàng, nếu nói lành thì người mến, nói dữ thì người ghét. Như vậy tâm động nên tạo khẩu nghiệp lành hay dữ, động cơ chính của nghiệp là ý là tâm.

Tất cả động đều là khổ. Tại sao? *Vì quả chẳng là nhân*. Động là khổ vì là sanh diệt, vì sanh diệt nên trái với thanh tịnh thường hằng. Chúng ta mong mỗi được trở về tánh giác thường hằng, phải dừng ngay then chốt đầu tiên là tâm động. Niệm vô minh bất giác tạo ra dòng nghiệp sanh tử luân hồi. Khi còn luân hồi không có cái vui chân thật, chỉ có cái vui đối đãi với khổ. Tất cả vui thế gian đều không thoát được sanh già bệnh chết, đó là quả khổ. Có nhân sanh diệt nên chịu quả khổ luân hồi. Biết được đầu mối ban đầu là biết được chỗ chính yếu tu hành. Thấy được gốc ra đi, chúng ta nhắm thẳng đó mà trở về.

## a2. Năng kiến tướng

Do tâm động nên có cái hay thấy. Chữ *Năng kiến* để chỉ cho phần chủ động thấy biết. Đây là chuyển biến từ tâm vô minh, mất thể chân thật sanh ra năng kiến. Có cái hay thấy tức có cảnh bị thấy, chia ra năng sở phân biệt, đường ra đi càng lúc càng xa, cái động càng nhiều. Như vậy thật rõ ràng *do y nơi động nên có cái hay thấy, nếu chẳng động thì không có cái thấy.*

## a3. Cảnh giới tướng

Do động nên dấy lên cái hay thấy, đã có cái hay thấy liền có cảnh giới bị thấy. Tướng thứ ba này chỉ rõ chỗ bắt đầu có cảnh giới vọng hiện. Thí dụ chúng ta đang ngồi thiền, tâm chưa dấy niệm khởi nghĩ. Chợt nhớ đến Sài Gòn, đó là tâm vừa động, liền có cái nghĩ về Sài Gòn. Nghĩ về Sài Gòn là cái hay thấy thì cảnh Sài Gòn liền hiện ra. Nếu chúng ta dừng cái hay thấy lại, không nghĩ về Sài Gòn thì cảnh Sài Gòn liền mất. Đó là lấy tâm niệm hiện tại để biết lui về quá khứ. Từ vô thủy đến giờ cũng giống như vậy, nghĩa là do tâm động, động nên có cái hay thấy, hay thấy liền thấy cảnh giới, do đó mà có cảnh giới chúng sanh.

Ở đây Tổ nói không khác kinh Lăng-nghiêm, từ cái giác minh rồi khởi minh lại cái giác. Đó là giai đoạn thứ nhất *Vô minh nghiệp tướng*, niệm dấy khởi ban đầu. Khi có Vô minh nghiệp tướng, liền đến tướng thứ hai là *Năng kiến tướng*. Có dấy niệm liền có cái hay thấy, tiếp theo liền có cảnh giới bị thấy, nên tướng thứ ba là *Cảnh giới tướng*. Kinh Lăng-nghiêm nói do dấy động

soi lại tánh giác nên mới có năng kiến, có vọng kiến. Bởi có vọng kiến nên có hư không, có thế giới... Chiều đi của nó là như vậy, gốc từ bất giác tâm động mà ra.

## **b. Lục thô**

**Âm:**

**Dĩ hữu cảnh giới duyên cố, phục sanh lục chủng tướng. Vân hà vi lục?**

**Nhất giả Trí tướng. Y ư cảnh giới, tâm khởi phân biệt ái dữ bất ái cố.**

**Nhị giả Tương tục tướng. Y ư trí cố sanh kỳ khổ lạc, giác tâm khởi niệm tương ưng bất đoạn cố.**

**Tam giả Chấp thủ tướng. Y ư tương tục duyên niệm cảnh giới, trụ trì khổ lạc, tâm khởi trước cố.**

**Tứ giả Kế danh tự tướng. Y ư vọng chấp, phân biệt giả danh ngôn tướng cố.**

**Ngũ giả Khởi nghiệp tướng. Y ư danh tự, tâm danh thủ trước, tạo chủng chủng nghiệp cố.**

**Lục giả Nghiệp hệ khổ tướng. Dĩ y nghiệp thọ quả bất tự tại cố.**

**Đương tri vô minh năng sanh nhất thiết nhiễm pháp, dĩ nhất thiết nhiễm pháp giai thị bất giác tướng cố.**

**Dịch:**

*Vì do có cảnh giới làm duyên nên lại sanh ra sáu thứ tướng. Thế nào là sáu?*

*Một là Trí tướng. Vì y nơi cảnh giới, tâm khởi phân biệt ưa thích cùng chẳng ưa thích.*

*Hai là Tương tục tướng. Vì y nơi trí mà sanh ra có khổ vui, vì giác tâm (tâm vọng giác) khởi niệm tương ưng không gián đoạn.*

*Ba là Chấp thủ tướng. Vì y nơi tương tục duyên niệm cảnh giới, duy trì khổ vui, tâm khởi ra đắm trước.*

*Bốn là Kế danh tự tướng. Vì y nơi vọng chấp rồi phân biệt tướng danh ngôn giả dối.*

*Năm là Khởi nghiệp tướng. Vì y theo danh tự kia rồi tìm theo danh tự mà chấp trước tạo các thứ nghiệp.*

*Sáu là Nghiệp hệ khổ tướng. Vì do y nơi nghiệp mà thọ quả báo không được tự tại.*

*Nên biết vô minh hay sanh ra tất cả pháp nhiễm, do tất cả pháp nhiễm đều là tướng bất giác vậy.*

### **Giảng:**

Khi có cảnh giới đối đãi với năng kiến, lúc đó liền có sáu tướng tiếp nối.

#### **b1. Trí tướng**

Tướng thứ nhất của lục thô là *Trí tướng*, trí này thuộc về vọng thức phân biệt, không phải tướng trí tịnh của bản giác. Vì có vọng thức, y nơi cảnh giới rồi khởi tâm

phân biệt nên mới sanh ra yêu ghét. Như khi mắt chúng ta thấy sắc thấy cảnh, có cảnh có mắt, hai cái đối đãi nhau nên khởi tâm phân biệt hay dở tốt xấu... từ đó sanh ra yêu ghét... Gọi là tướng thô vì có hình tướng hiển hiện.

### **b2. Tương tục tướng**

Tướng thứ hai là *tướng tương tục*. Y cứ vào thức phân biệt cảnh nghịch thuận sanh ra yêu ghét khổ vui. Niệm yêu ghét tiếp nối không dừng, theo niệm tạo nghiệp dẫn đi trong sanh tử. Có mặt trong sanh tử, đối cảnh lại khởi yêu ghét, vòng luân hồi sanh diệt tiếp diễn luôn nên gọi là tương tục.

### **b3. Chấp thủ tướng**

Tướng thứ ba là *tướng chấp thủ*. Y theo tâm tương tục ở trước, đối với cảnh khổ vui không biết nó là hư dối, chấp chặt vào cảnh khẳng khăng không rời. Nghĩa là vừa có khổ vui tương tục liền chấp chặt cảnh đó, dấn trước vào cảnh không bỏ được, nên gọi là Chấp thủ tướng.

### **b4. Kế danh tự tướng**

Tướng thứ tư là *tướng chấp trước danh tự*. Y nơi tâm niệm chấp thủ cảnh hư vọng, từ đó đặt ra danh tự. Thí dụ người nào làm chúng ta khổ thì đặt tên là kẻ thù, người nào giúp ta được việc thì đặt tên là người ơn. Bám vào danh tự nên từ đó về sau dấn chìm thêm trong loạn tướng.

### **b5. Khởi nghiệp tướng**

Tướng thứ năm là *tướng khởi nghiệp*. Ý nơi chấp danh tự tạo tác hành động, hành động có sức mạnh thúc đẩy chúng ta tạo nghiệp không dừng. *Y theo danh tự kia rồi tìm theo danh tự mà chấp trước tạo các thứ nghiệp*. Như chấp vào danh tự kẻ thù hay người ơn, với kẻ thù thì tìm mưu này kế nọ để trả thù, đó là tạo nghiệp. Với người ơn thì tìm cách này cách khác để đền đáp, cũng là tạo nghiệp. Trên phương diện khổ vui của thế gian cũng vậy. Chúng ta chấp cái này là khổ, phải tìm cách tránh, nhân kia là vui phải tìm cách cầu. Khi cầu vui không được tức khổ, cầu được thì tham cầu hoài, cũng đều là lối tạo nghiệp, nên nói là tướng khởi nghiệp.

Đã có tướng khởi nghiệp thì sẽ đi tới tướng thứ sáu là:

### **b6. Nghiệp hệ khổ tướng**

*Nghiệp hệ khổ tướng* là tướng khổ do nghiệp trói buộc, *do y nơi nghiệp mà thọ quả báo nên không được tự tại*. Chúng ta chấp danh tự rồi tạo nghiệp, tạo nghiệp nào thì bị nghiệp lôi dẫn tới chỗ đó, không thể trốn đâu cho khỏi. Vòng luân hồi cứ kéo đi liên miên không dứt, chính là kết quả hiện giờ chúng ta đang chịu. Kết quả này do chúng ta đi từ tam tế lần lần đến lục thô. Cái thô cuối là tướng khổ vì sự trói buộc của nghiệp, nên đi quanh trong sanh tử.

Tóm kết, người xưa có câu “Vô minh bất giác sanh tam tế, cảnh giới vi duyên sanh lục thô”. Đó là nói gọn

để chúng ta thấy rõ đầu mối từ chân ra vọng. Chúng ta tu là đi ngược con đường sanh tử trở về nguồn tâm, lối đi tắt duy nhất là nhắm ngay tướng tế thứ nhất, dùng được động cơ dấy lên, tỉnh giác trên từng niệm thì sáu tướng thô rã rời, ba tế cũng dứt sạch.

Người tu chân chính hiểu đạo rồi không lo sợ, chỉ một việc nhìn ngay đầu mối khởi đầu của tâm. Tâm động là ngại hơn hết vì nó lôi kéo chúng ta trong luân hồi, khi tâm hết động thì tự nhiên thanh tịnh, không còn cái gì lôi chúng ta nổi. Đó là gốc của sự tu. Ai muốn cầu giải thoát cứ theo đó mà thực hành.

### **c. Tướng giác và bất giác**

**Âm:**

**Phục thứ, giác dữ bất giác hữu nhị chủng tướng. Vân hà vi nhị? Nhất giả đồng tướng, nhị giả dị tướng.**

**Đồng tướng giả, thí như chủng chủng ngõa khí giai đồng vi trần tánh tướng, như thị vô lậu vô minh chủng chủng nghiệp huyễn giai đồng chân như tánh tướng. Thị cố tu-đa-la trung y ư thủ chân như nghĩa cố, thuyết nhất thiết chúng sanh bản lai thường trụ nhập ư Niết-bàn, Bồ-đề chi pháp phi khả tu tướng, phi khả tác tướng, tất cánh vô đắc, diệt vô sắc tướng khả kiến; nhi hữu kiến sắc tướng giả, duy thị tùy nhiễm nghiệp huyễn sở tác, phi thị trí sắc bất không chi tánh, dĩ trí tướng vô khả kiến cố.**

**Dị tướng giả, như chủng chủng ngũa khí các các bất đồng, như thị vô lậu vô minh tùy nhiễm huyễn sai biệt, tánh nhiễm huyễn sai biệt cố.**

**Dịch:**

*Lại nữa, giác cùng bất giác đều có hai thứ tướng. Thế nào là hai? Một là tướng đồng, hai là tướng dị.*

*Tướng đồng là, thí như các món đồ sành đều đồng tướng của tánh vi trần, như thế vô lậu và vô minh, các thứ nghiệp huyễn đều đồng tướng của tánh chân như.*

*Thế nên trong kệ kinh y theo nghĩa chân như này mà nói rằng: Tất cả chúng sanh xưa nay thường trụ, vào nơi Niết-bàn. Pháp Bồ-đề không phải tướng có thể tu, không phải tướng có thể tạo, cứu cánh không được. Lại cũng không có sắc tướng có thể thấy, mà có thấy sắc tướng đó chỉ là tùy theo nghiệp nhiễm huyễn tạo ra, không phải là tánh trí sắc bất không, do trí tướng không thể thấy được vậy.*

*Tướng khác là, như các món đồ bằng sành mỗi mỗi không đồng, như thế vô lậu và vô minh theo nhiễm huyễn mà có sai biệt, vì tánh nhiễm huyễn sai biệt.*

**Giảng:**

### **c1. Tướng đồng**

Tại sao nói rằng giác cùng bất giác tướng đồng? Vì muốn hiển bày sanh diệt cùng bất sanh diệt đều đồng một thể chân như. Tổ dùng thí dụ các món đồ gốm

hoặc sành sứ... mỗi thứ có hình dáng màu sắc khác nhau, tuy có lớn nhỏ trơn nhám... sai biệt, mà thể đất không khác. Cũng vậy, giác và bất giác tuy không phải một, nhưng bất giác không rời thể giác nên nói là đồng.

Chúng ta dùng thí dụ khác, như nhìn xuống biển thấy lớp lớp sóng, mỗi lượn sóng lớn nhỏ sai biệt, nhưng bao nhiêu sóng đó đồng một thể nước. Vì vậy, khi nói đồng là đứng về thể mà nói.

Đây dẫn lời kinh: *Tất cả chúng sanh xưa nay thường trụ, vào nơi Niết-bàn. Pháp Bồ-đề không phải tướng có thể tu, không phải tướng có thể tạo, cứu cánh không được. Lại cũng không có sắc tướng có thể thấy, mà có thấy sắc tướng đó chỉ là tùy theo nghiệp nhiễm huyễn tạo ra, không phải là tánh trí sắc bất không, do trí tướng không thể thấy được vậy.*

Chúng ta tự hỏi, tại sao mình xưa nay thường trụ, mà luân hồi? Chúng ta đang luân hồi mà nói xưa nay thường trụ, mà nói đã vào Niết-bàn là sao? Những điều kinh nói tướng chừng khó hiểu. Đứng về tự tánh, tuy chúng ta đang ở trong sanh tử đau khổ, nhưng tự tánh thanh tịnh Niết-bàn không mất. Cũng như tuy sóng đang nổi âm âm trên mặt biển, tánh nước thanh tịnh không mất. Phật nói chúng sanh thường trụ trong Niết-bàn là nói về thể tánh, không phải nói theo nghiệp tướng.

Sở dĩ có thấy sắc tướng chỉ là theo nghiệp nhiễm huyễn của chúng ta mà thấy, còn tánh của trí sắc nó là không, do trí tướng không thể thấy được vậy. Nghĩa là trí tướng là cái không thể thấy. Cũng như chúng ta thấy

sóng âm âm, đó là thấy tướng nổi dậy của sóng do gió thổi, thể của nước lặng lẽ không thể thấy. Tự thể thanh tịnh của bản tâm chúng ta không loạn động, không phải là nghiệp, không luân hồi. Vì chúng ta theo nghiệp nên thấy có luân hồi mà không biết mình đang Niết-bàn. Đó là thấy theo huyền nghiệp, không phải thấy theo trí thể.

Thí dụ hôm nào ngủ say, chúng ta chiêm bao. Khi đó bên cạnh chúng ta có năm ba người ngồi nói chuyện. Khi chiêm bao chúng ta thấy cảnh giới khác với những người đang thức, thấy những cảnh riêng hoặc vui hoặc khổ..., không hiểu gì về cảnh hiện tại của mình. Song những người đang thức nói chuyện đó biết quả quyết chúng ta ở cùng một cảnh của họ.

Nghiệp làm chúng ta luân hồi sanh tử, động cơ chính là cái động. Động không thật nên nói là huyền, chạy theo tướng huyền đó nên thấy có sai khác. Cái bất động không tướng nên không thể thấy, đó là trí thanh tịnh pháp thân.

## **c2. Tướng khác**

*Tướng khác là, như các món đồ bằng sành mỗi mỗi cái không đồng, như thế vô lậu và vô minh theo nhiễm huyền mà có sai biệt, vì tánh nhiễm huyền sai biệt.*

Bản giác cùng vô minh tuy đồng thể tánh chân như, nhưng mỗi bên đi theo mỗi hướng, vô minh là vọng huyền, bản giác là chân thật, vì thế đứng về nghiệp tướng

có khác. Như mỗi món đồ bằng sành, khi làm ra rồi thì hình dáng và công dụng khác nhau, cái nào ra cái nấy sai biệt rõ ràng.

*Như thế vô lậu và vô minh theo nhiệm huyễn mà có sai biệt. Vô lậu là thanh tịnh, vô minh là tối tăm ô nhiễm. Chân và vọng đều tùy theo sự huân tập của chúng ta, nên nói theo nhiệm huyễn. Huân tập theo nghiệp thế gian thì động không dừng, huân tập công đức xuất thế thì an lạc thường trụ. Có sai biệt như thế đều đứng trên mặt nhiệm huyễn, huân tập cũng là huân tập như huyễn, pháp tánh không huân tập cũng không sai khác.*

Biết được như vậy chúng ta sống thông thả tự nhiên, không đòi hỏi mọi người phải giống mình, cũng không trách giận vì sao nghiệp của người này dở, vì sao con tôi không giống tôi... Nghiệp đã khác thì hành động phải khác, sai khác đó là sai khác trong mê, không có gì thật. Nên hỷ xả, châm chế cho nhau. Hiểu được lý đó cuộc sống vui vẻ lạ thường.

Tóm lại, chúng ta chỉ cần dứt dòng động của tâm, hết sạch nghiệp. Trở về thanh tịnh như như, lúc đó mọi tướng đồng dị cũng tiêu mất.

#### **d. Nhân duyên sanh diệt**

**Âm:**

**Phục thứ, sanh diệt nhân duyên giả, sở vị chúng sanh y tâm, ý, ý thức chuyển cố. Thử nghĩa vân hà? Dĩ y a-lại-da thức thuyết hữu vô minh bất giác**

**nhi khởi năng kiến, năng hiện, năng thủ cảnh giới, khởi niệm tương tục, cố thuyết vi ý.**

**Thử ý phục hữu ngũ chủng danh. Vân hà vi ngũ?**

**Nhất giả danh vi Nghiệp thức, vị vô minh lực bất giác tâm động cố.**

**Nhị giả danh vi Chuyển thức, y ư động tâm năng kiến tướng cố.**

**Tam giả danh vi Hiện thức, sở vị năng hiện nhất thiết cảnh giới. Du như minh kính hiện ư sắc tượng, hiện thức diệc nhĩ, tùy kỳ ngũ trần đối chí tức hiện, vô hữu tiền hậu. Dĩ nhất thiết thời nhậm vận nhi khởi, thường tại tiền cố.**

**Tứ giả danh vi Trí thức, vị phân biệt nhiệm tịnh pháp cố.**

**Ngũ giả danh vi Tương tục thức, dĩ niệm tương ưng bất đoạn cố, trụ trì quá khứ vô lượng thế đẳng thiện ác chi nghiệp linh bất thất cố, phục năng thành thực hiện tại vị lai khổ lạc đẳng báo, vô sai vi cố, năng linh hiện tại dĩ kinh chi sự hốt nhiên nhi niệm, vị lai chi sự bất giác vọng lự.**

**Dịch:**

*Lại nữa, nhân duyên sanh diệt đó, nghĩa là chúng sanh y tâm, ý và ý thức chuyển. Nghĩa này thế nào? Do y thức a-lại-da nói có vô minh bất giác mà khởi năng kiến, năng hiện, năng thủ cảnh giới, khởi niệm tiếp nối nên nói là ý.*

*Ý này lại có năm tên. Thế nào là năm?*

*Một là Nghiệp thức, nghĩa là do sức vô minh bất giác nên tâm động.*

*Hai là Chuyển thức, do y nơi tâm động mà có tướng năng kiến.*

*Ba là Hiện thức, nghĩa là hay hiện tất cả cảnh giới. Ví như gương sáng hiện các sắc tượng, hiện thức cũng vậy, tùy theo năm trần kia đối đến liền hiện, không có trước sau. Do tất cả thời đều hồn nhiên mà khởi, thường ở trước vậy.*

*Bốn là Trí thức, nghĩa là vì phân biệt các pháp nhiệm tịnh.*

*Năm là Tương tục thức, do niệm tương ứng không đoạn, gìn giữ những nghiệp thiện ác của vô lượng đời quá khứ khiến cho không mất, lại hay thành thực những quả báo khổ vui ở đời hiện tại và vị lai bình đẳng không sai trái, hay khiến cho hiện tại những việc đã xảy ra bỗng nhiên mà nhớ, những việc chưa đến thành linh vọng nghĩ ra.*

**Giảng:**

*Nhân duyên sanh diệt của chúng sanh là do tâm, ý và ý thức chuyển. Tâm ở đây chỉ cho thức tạng gồm chứa sanh diệt và bất sanh diệt. Ý là nguyên nhân làm cho sanh diệt tiếp nối. Ý thức là động cơ khởi hoặc tạo nghiệp. Có những chuyển biến như thế nên chúng sanh đi trong sanh diệt không dừng.*

*Do y thức a-lại-da nói có vô minh bất giác mà khởi năng kiến, năng hiện, năng thủ cảnh giới.* Đầu nguồn sanh diệt nằm trong thức a-lại-da hay tạng thức. Vì vô minh bất giác nằm trong thức này, dấy khởi ba công năng. *Năng kiến* là do có chủ thể rồi mới hiện ra khách thể là *năng hiện*, chủ thể khách thể đầy đủ liền có cái chấp nhận gìn giữ... nên gọi là *năng thủ cảnh giới*.

Kiểm điểm lại, nơi chúng ta vì có năng kiến của tự tâm, mới có cảnh giới năng hiện, do đó mà chấp thủ tiếp nối không dừng. Nên đây nói *khởi niệm tiếp nối nên nói là ý*. Ý đây là chỉ về nghĩa lường xét, thường gọi là tư lương, hiểu biết, không phải là ý thức.

*Ý này lại có năm tên. Thế nào là năm?*

### 1. Nghiệp thức

Nghiệp thức cũng thuộc về ý, chỉ cho sức mạnh của vô minh bất giác tâm động ở ban đầu. Nghiệp thức có khả năng làm chúng sanh lưu chuyển trong tam giới.

### 2. Chuyển thức

Từ nghiệp thức qua chuyển thức do nghiệp tâm động. Chữ *nghiệp* đây không phải là nghiệp thiện ác do chúng ta tạo, mà là nghĩa động của đoạn trước nói *do động nên gọi là nghiệp*. Lúc ban sơ vô minh tâm động gọi là nghiệp thức, do tâm động mà có tướng hay thấy (năng kiến tướng).

### 3. Hiện thức

Hiện thức là *hay hiện tất cả cảnh giới*. Ví như gương sáng hiện các sắc tượng, hiện thức cũng vậy,

tùy theo năm trần đối trước, tự nhiên trong gương liền hiện không có trước sau. Do tất cả thời hồn nhiên dấy lên, không có chú ý dụng công.

Tóm lại, thứ nhất là Nghiệp thức tức là động cơ thúc đẩy ban đầu, do từ tâm lặng lẽ dấy lên, nên nói Nghiệp thức. Thức động là do vô minh. Thứ hai là Chuyển thức, từ nơi nghiệp sanh ra tướng hay thấy. Thứ ba là Hiện thức, từ tướng hay thấy sanh ra tất cả cảnh giới. Ba loại này phù hợp với tam tế của đoạn trước, cũng như kinh Lăng-nghiêm nói do có cái bất giác ban đầu rồi mới sanh ra năng kiến, vọng kiến; có vọng kiến rồi mới có hư không thế giới...

#### 4. Trí thức

Trí thức này là *vọng thức phân biệt các pháp nhiệm tịnh*.

#### 5. Tương tục thức

Tương tục thức là thức tiếp nối liên tục không đoạn. Vì do niệm tương ưng tiếp nối không đoạn dứt nên nó có công năng gìn giữ những nghiệp thiện ác của vô lượng đời quá khứ khiến cho không mất; cũng có công năng thành thực những quả báo khổ vui hiện tại và vị lai, các quả báo này đến thời thuận thực đều hiện ra bình đẳng không sai chạy, nghĩa là dù khổ hay vui cũng phải lãnh chịu. *Hay khiến cho những việc đã xảy ra bỗng nhiên mà nhớ, những việc chưa đến thành hình nghĩ ra*. Vì có sức tiếp nối không gián đoạn bên trong nên chúng ta có thể nhớ việc quá khứ, nghĩ việc tương lai, tất cả đều thành linh đột khởi.

Tổ Mã Minh chia ra năm thức: Nghiệp thức, Chuyển thức, Hiện thức, Trí thức và Tương tục thức, để đưa đến kết luận: Thế giới chúng sanh hiện có đây, đều do tâm thức biến hiện. Chúng ta nằm trong sức chuyển hiện đó, mà lầm tưởng là thật có. Tưởng mình thật, cảnh thật, do đó chất chứa tạo nghiệp, chịu khổ liên miên không dứt.

Trong năm thức này, cái thứ tư là Trí thức có công năng mạnh mẽ phân biệt hiểu biết các pháp nhiệm tịnh, thô trọng bên ngoài. Thứ năm là Tương tục thức có công năng gìn giữ những chủng tử thiện ác của vô lượng kiếp quá khứ. Nó cũng có công năng làm thành tựu những quả báo khổ vui... bình đẳng không sai trái. Ngày xưa chúng ta tạo những nghiệp tốt, xấu, lành, dữ..., tạo rồi tưởng chừng như mất, nhưng qua đời khác, nếu đời thứ hai chưa trả thì đến đời thứ ba, thứ tư... gặp nhân duyên đến, nó liền hiện trở lại đầy đủ. Chỗ này Tổ nói thật rõ để chúng ta thấy mà không dám khinh thường khi tạo nghiệp.

Thông thường người đời tin rằng ở địa ngục có “đài gương nghiệp cảnh”, tức là gương dùng để hiện ra nghiệp báo. Như lúc sống người ăn trộm ăn cướp giấu giếm qua mặt được chánh quyền và dân chúng, đến khi chết xuống địa ngục, bị dẫn ra trước gương đó, nó liền hiện rõ những chuyện trộm cướp ngày trước không chối cãi được. Gương đó là gương gì? Chính là gương *Tương tục thức* của chúng ta. Thức a-lại-da gìn giữ chủng tử rất kỹ, những gì đã qua không mất, gặp duyên liền hiện nên gọi là *bình đẳng không sai trái*.

Vì bình đẳng không có sai trái, nên không đáng sợ ai bên ngoài mà chỉ đáng sợ mình. Nếu chúng ta thật tình thấy rõ ràng mỗi ý niệm, lời nói, hành động đều gieo chủng tử lại trong kho tàng thức thì không ai dám lôi thôi! Có người biết hay không biết cũng vậy, lúc nào cũng dè dặt không dám làm điều xấu dở. Vì một khi huân tập thì không mất. Và cũng tùy theo sự huân tập mà có cái gieo đậm hoặc gieo nhạt. Như chúng ta đọc trong kinh, luận, sử, thấy những bài kệ hoặc bài thơ hay, khi đó muốn lưu lại thì phải đọc, đọc tới đọc lui, ngâm nga để gieo chủng tử vào trong tàng thức. Nếu ngâm nga lâu, nhắc tới nhắc lui mỗi ngày là chủng tử gieo đậm. Còn ngâm nga ít, chủng tử gieo nhạt nên ít bữa liền quên.

Có ai nhớ giữ gìn chúng ta? Cũng là chính mình. Nếu biết được chỗ này thì sự tu của chúng ta tế nhị lắm, không dám coi thường. Chỗ nào cũng phải tề chỉnh nghiêm trang, không phải đợi đến trước bàn Phật mới tề chỉnh nghiêm trang, ở chỗ vắng muốn làm gì thì làm. Ở đâu cũng có tàng thức, làm cái gì cũng có chủng tử chứa vào trong tàng thức cả. Vậy nên gắng mà thận trọng ở tất cả chỗ. Do đó đối với tinh thần tu thiền là tất cả chỗ tất cả thời đều phải chần trầu. Không có chỗ nào, không khi nào mà không chần, như thế a-lại-da thức của chúng ta mới thanh tịnh. Còn nếu chúng ta ở chỗ này giữ gìn, đến chỗ kia thả tự do thì không được. Đó là việc đáng sợ, đáng dè dặt.

**Âm:**

**Thị cố tam giới hư ngụy duy tâm sở tác, ly tâm  
tắc vô lục trần cảnh giới.**

**Dịch:**

*Thế nên ba cõi hư dối chỉ do tâm tạo, là tâm  
thì không có cảnh giới của sáu trần.*

**Giảng:**

*Ba cõi hư dối chỉ do tâm tạo, là tâm thì không  
có cảnh giới của sáu trần.* Nghĩa duy tâm của Phật giáo  
thiết yếu vô cùng, không nên hiểu theo lối thông thường  
cạn cợt. Nói duy tâm nghĩa là khi tâm chúng ta vui thì  
cảnh vui, tâm chúng ta buồn thì cảnh buồn. Do vô minh  
bất giác nên có chuyển thức, có năng kiến, đến hiện  
thức hiện ra thế giới, theo thứ lớp lần lần cho tới trí  
thức. Thức này phân biệt nhiễm tịnh nên sanh ra vui  
buồn. Cho nên duy tâm là nền tảng tạo ra tất cả sự vật,  
chúng sanh và thế giới.

Nếu nhận ra các pháp hiện tại từ tâm hiện, tức  
là từ nghiệp thức vô minh chuyển biến, chúng ta mới  
thấy cõi đời này là ảo mộng. Chữ ảo mộng của nhà Phật  
không phải do chúng ta phân tích ngoại cảnh không  
thật rồi cho là ảo mộng, mà nó từ tâm mê hiện ra, đây  
mới là gốc. Nhận được lý này sẽ không còn nhiễm thế  
gian nữa, bởi thế gian do tâm mê hiện ra thì có thật đâu  
mà nhiễm! Bây giờ chỉ còn cách duy nhất là phải gấp  
trở về cội giác. Tất cả mọi thứ tốt xấu, hơn thua... đều do  
tâm mê hiện, nên không có nghĩa lý gì hết.

Chư tổ nhận được lý này rồi, các ngài không bận bịu, dính mắc thế gian nữa. Chúng ta khi phân tích sự vật, tạm hiểu mọi thứ không thật, nhưng đến khi không phân tích nữa thì vẫn thấy nó thật như thường. Như cái bàn do nhiều duyên hợp lại mà thành nên không thật. Đến khi không phân tích nữa thấy nó cũng thật như thường. Song nếu thấy rõ người, cảnh, chúng sanh, thế giới đều do tâm mê hiện ra, đó là ảo mộng căn bản, vì thế không còn suy nghĩ, không xét lường về có không nữa, tất cả đều là ảo mộng. Đó mới là thấy tường tận ý nghĩa huyền hóa của cuộc đời.

Nhiều người lầm hiểu huyền hóa theo nghĩa vô thường, thấy nay còn mai mất nên nói huyền hóa, chứ không biết huyền hóa từ tâm mê hiện. Tinh thần Đại thừa chỉ thẳng huyền hóa do tâm mê hiện. Như cảnh trong chiêm bao, khi nó mất ta không quyến luyến gì cả. Thế nhưng cũng có người quyến luyến. Nếu là điềm chiêm bao hài lòng thì kể tới kể lui, nhắc đi nhắc lại hoài. Vì vậy chúng sanh mê từ lớp này đến lớp khác. Biết chiêm bao là do tâm mê hiện, thì cảnh chiêm bao, người chiêm bao không thật, đấm nhiễm cái gì?

Tổ Mã Minh đã chia chẻ sự biến hiện ở thế gian do năm thức hay năm ý, để chúng ta thấy rõ tất cả đều do thức, không có gì thật. Ngài kết luận *ba cõi hư dối chỉ do tâm tạo*. Tâm đây là tâm mê, ba cõi hư dối có từ tâm mê. Đó là chỗ thiết yếu cần phải nhận thấy. Trong mười hai nhân duyên, vô minh đi đầu, vô minh là tâm mê, gốc luân hồi từ đây mà có. Chúng ta muốn tìm

tướng vô minh chỉ cần trước mắt thấy từng niệm sanh ra, đó là tướng vô minh. Nếu không theo niệm thì vô minh hết, từ từ các thứ khác theo đó cũng hết. Vô minh hết thì hành hết, hành hết thì thức hết...

Tinh thần Đại thừa nói mê là giả, từ giả hiện ra thì toàn giả. Mê là giả thứ nhất, hiện ra người ra cảnh là giả thứ hai, hoàn toàn huyền hóa. Thấy biết như vậy là nhận được ý chỉ của Đại thừa.

**Âm:**

**Thử nghĩa vân hà? Dĩ nhất thiết pháp giai tùng tâm khởi vọng niệm nhi sanh, nhất thiết phân biệt tức phân biệt tự tâm, tâm bất kiến tâm vô tướng khả đắc. Đương tri thế gian nhất thiết cảnh giới giai y chúng sanh vô minh vọng tâm nhi đắc trụ trì.**

**Dịch:**

*Nghĩa này thế nào? Vì tất cả pháp đều từ tâm khởi, do vọng niệm mà sanh, nên tất cả sự phân biệt tức là phân biệt tự tâm, song tâm không thấy tâm vì không tướng có thể thấy. Vậy là biết tất cả cảnh giới ở thế gian đều y nơi vô minh vọng tâm của chúng sanh mà được gìn giữ.*

**Giảng:**

Hỏi làm sao biết tất cả pháp đều do tâm tạo, không có cảnh giới thật, Tổ dạy *Vì tất cả pháp đều từ tâm khởi, do vọng niệm mà sanh nên tất cả phân biệt là phân biệt tự tâm*. Tại sao đều từ vọng tâm sanh? Núi sông,

đất đai... ở bên ngoài, nói từ vọng tâm sanh thấy khó hiểu. Những thứ do nhân lực tạo tác có phải từ vọng tâm sanh không? Không pháp nào chẳng do vọng nghĩ mà tạo ra. Như người ta có mộng điều phục thiên nhiên, lấy cái gì điều phục? Do vọng tâm điều phục. Nếu thiên nhiên có thật thì vọng tâm không thể nào điều phục được. Thiên nhiên do mê vọng mà có, cho nên cũng lấy mê vọng mà điều phục, dẹp phá. Như cái nhà do chúng ta mê vọng nghĩ tạo nên, người khác ghét ta cũng do mê vọng, đem lửa châm cháy rụi. Như thế do mê vọng làm, mê vọng phá. Gốc đều từ mê vọng mà ra, không có gì thật hết. Bởi không thật nên rất dễ tan hoại.

Nói về con người. Chúng ta thường có quan niệm thân mình sống vững bền lâu dài. Cứ tưởng sanh ra ít nữa cũng sáu mươi tuổi trở lên mới chết. Dù có người coi tướng giỏi, nói mình chết yếu cũng không tin, vì nghĩ là phải sống lâu. Nhưng sự thật không đúng. Bởi gốc của con người là động, do động mà sanh thì cũng từ động mà tử. Bất cứ cái động nào, như trượt chân té, đập đầu xuống đất hay hòn đá rơi trúng cũng có thể chết được. Chỉ cái không do động mà thành thì không có gì làm tan hoại được, đó chính là cái chân thật. Chúng ta muốn không bị tan hoại thì đừng mắc kẹt trong cái động. Thân này luôn luôn động nên chuyện tan hoại là dĩ nhiên. Vì vậy biết tất cả các thứ động đều tạm thời, huyền hóa không thật, cái không động mới là thật. Như vậy vọng niệm là động cơ bên trong phát sinh ra muôn pháp. Cái động mê lầm từ nguyên thủy trước, rồi cái động hiện tại nối tiếp, liên miên sanh khởi.

Bởi từ tâm động mà sanh ra thế giới, chúng sanh. Bây giờ chúng ta phân biệt thế giới, chúng sanh là phân biệt cái gì? Phân biệt cái từ tâm mình sanh ra. Khởi tâm phân biệt sự vật bên ngoài, đó là phân biệt tâm chúng ta. *Song tâm không thể thấy tâm, vì không tướng có thể thấy. Vậy là biết tất cả cảnh giới thế gian đều y nơi vô minh vọng tâm của chúng sanh mà được gìn giữ.* Nói phân biệt tự tâm, mà tâm không thể thấy tâm làm sao phân biệt? Cho nên tất cả chúng sanh, thế giới hiện giờ đều không thật do vô minh vọng tâm mà có. Nên nói ra khỏi vô minh vọng tâm thì không còn chúng sanh sanh trong tam giới. Nếu có sanh cũng như một chuyện chơi xiếc thôi, không phải chuyện thật.

### **Âm:**

**Thị cố nhất thiết pháp, như kính trung tượng vô thể khả đắc, duy tâm hư vọng. Dĩ tâm sanh tắc chủng chủng pháp sanh, tâm diệt tắc chủng chủng pháp diệt cố.**

### **Dịch:**

*Thế nên tất cả pháp như hình tượng trong gương không có tự thể có thể được, chỉ do tâm hư vọng.*

*Do tâm sanh thì các thứ pháp sanh, tâm diệt thì các thứ pháp diệt.*

### **Giảng:**

Tổ chỉ thẳng cho chúng ta biết thế giới, chúng sanh do tâm mê mà hiện ra và cũng do tâm mê mà gìn giữ. *Thế nên tất cả pháp thế gian đều như những hình tượng*

*trong gương.* Hình bóng trong gương đều là huyền hóa, không thể nói có không thể nói không. Mê thì hiện, tỉnh thì không. Hình bóng trong gương lúc nhìn vào thấy mà nắm bắt không được, rõ ràng không có gì thật, *không có tự thể có thể được, chỉ do tâm hư vọng* của chúng ta hiện ra thôi.

*Do tâm sanh thì các thứ pháp sanh, tâm diệt thì các thứ pháp diệt.* Câu này có người hiểu do nghĩ cái nhà nên có cái nhà, khi không nghĩ cái nhà thì nó diệt theo cái không nghĩ, vì tâm diệt thì các pháp diệt. Ở đây chúng ta đừng cho rằng tâm là một chút vọng tưởng đang hiện hành. Đoạn trước Tổ đã nói tâm có chia ra năm loại: nghiệp thức, chuyển thức, hiện thức, trí thức và tương tục thức. Năm loại này có từ cái động ban đầu, theo thứ tự nó hiện ra đầy đủ. Bây giờ chỉ diệt một niệm nhỏ xíu ấy làm sao diệt hết tất cả năm thức, diệt hết lúc nào? Khi không còn niệm thì các pháp theo đó mà diệt.

Nói do tâm sanh các pháp sanh, tâm diệt các pháp diệt là khi vọng tâm diệt, tâm thanh tịnh không còn các pháp. Tâm diệt chứ không phải các tướng bên ngoài diệt. Nên nhớ các pháp đây là các pháp từ tâm dấy niệm. Nếu tâm chúng ta thật tình lặng lẽ, các pháp ấy không còn hiện khởi. Có người cho rằng tâm diệt là tướng bên ngoài này diệt, đó là lầm. Phải hiểu rõ rằng tâm chúng ta diệt, những pháp trần còn lưu lại trong tâm theo đó mà diệt, chứ không phải các pháp bên ngoài diệt. Như đức Phật tâm đã thanh tịnh, nếu các pháp diệt hết, sao ngài cũng đi khát thực, đắp y, ôm bát...?

Khi pháp trần hết, lúc bỏ thân này chúng ta còn gì để lăn lộn trong trần tục nữa không? Hết rồi. Vì vậy muốn lăn lộn trong trần tục phải lưu lại một vài chủng tử sanh diệt. Như người đi ngoại quốc, khi về muốn trở lại nơi ấy nữa phải giữ giấy thông hành. Nếu trả hết, muốn đi nữa không biết làm sao. Do đó nói Bồ-tát còn lưu lại một chút ít phiền não để trở lại độ sanh là vậy. Đây là chỗ chúng ta cần biết rõ.

Tóm lại, tâm đây là chỉ cho vọng tâm. Vọng tâm dấy niệm các pháp trần theo đó sanh; vọng tâm hết không có dấy niệm, pháp trần theo đó diệt. Nên nói tâm sanh pháp sanh, tâm diệt pháp diệt. Muốn giải thoát không có gì khó, chỉ hết vọng tâm là được. Tuy nhiên muốn sạch hết vọng tâm phải gan dạ lắm mới làm được.

#### e. Nói về Ý thức

**Âm:**

**Phục thứ, ngôn ý thức giả, tức thử tương tục thức, y chư phàm phu thử trước chuyển thâm kế ngã ngã sở, chủng chủng vọng chấp, tùy sự phan duyên, phân biệt lục trần danh vi ý thức, diệt danh Phân ly thức, hựu phục thuyết danh Phân biệt sự thức. Thử thức y kiến ái phiền não tăng trưởng nghĩa cố.**

**Dịch:**

*Lại nữa, gọi là ý thức đó tức là tương tục thức, y nơi hàng phàm phu chấp trước càng ngày càng sâu, chấp ngã và ngã sở, các thứ vọng chấp theo sự*

*mà phan duyên, phân biệt sáu trần gọi là ý thức, cũng gọi là Phân ly thức, lại cũng gọi là Phân biệt sự thức. Thức này có nghĩa y nơi kiến ái phiền não mà tăng trưởng.*

### **Giải:**

Ý thức chỉ cho tương tục thức. Tại sao thức này tiếp nối liên miên? Bởi vì *hàng phàm phu chấp trước càng ngày càng sâu*, không chịu buông bỏ. Chấp những gì? *Chấp ngã, ngã sở và những thứ vọng chấp khác*, theo những hình thức bên ngoài nên gọi là *tùy sự phan duyên*, rồi cứ đeo đẳng phân biệt lục trần, vì vậy gọi là ý thức. Như vậy ở đây chỉ rõ vòng sanh tử càng ngày càng sâu gốc tại ý thức.

Thí dụ mắt thấy đóa hoa hồng, nếu thấy chỉ thấy thôi, không phân biệt đẹp xấu thì không khởi yêu ghét. Do ý thức làm chúng ta yêu thích hay chán ghét, bởi thích nên muốn sở hữu, bởi ghét nên muốn từ bỏ. Chính ý thức là động cơ làm cho chúng ta chấp sâu, ghét lắm, thương nhiều... Gốc của luân hồi từ thương và ghét mà có. Do ghét nên đánh mất gây oan trái nợ nần. Do thương nên tạo ân tạo nghĩa cũng là oan trái luân hồi.

Ý thức cứ duyên theo ngoại trần không thôi, cũng gọi là *Phân ly thức*, tức thức chia lìa. Bởi vì ý thức này do nắm căn trước duyên theo các trần. Khi nắm căn không thì thức không, do căn duyên với trần mà có thức. Thức từ sáu căn khác nhau gọi là Phân ly thức.

Lại nói nó là *Phân biệt sự thức*, là thức nhận biết cả mọi sự gồm sáu đối cảnh. Vì thức này y nơi kiến ái, cái thấy mà mình yêu thích nên *phiền não tăng trưởng* càng ngày càng thêm lớn.

Tổ Mã Minh muốn cho chúng ta biết rõ công dụng đầu tiên mạnh nhất tạo thành nghiệp lực lôi cuốn chúng sanh trong luân hồi là ý thức. Do đó chúng ta nhắm thẳng ý thức mà phá trừ trước. Nếu không phá trừ nó thì khó ra khỏi dòng luân hồi sanh tử.

#### f. Nói về Tàng thức

**Âm:**

**Y vô minh huân tập sở khởi thức giả, phi phạm phu năng tri, diệc phi Nhị thừa trí tuệ sở giác. Vị y Bồ-tát tùng sơ chánh tín phát tâm quán sát, nhược chứng pháp thân đắc thiếu phần tri, nãi chí Bồ-tát cứu cánh địa bất năng tri tận, duy Phật cùng liễu.**

Hà dĩ cố? Thị tâm tùng bản dĩ lai tự tánh thanh tịnh nhi hữu vô minh, vi vô minh sở nhiễm, hữu kỳ nhiễm tâm. Tuy hữu nhiễm tâm nhi thường hằng bất biến, thị cố thử nghĩa duy Phật năng tri. Sở vị tâm tánh thường vô niệm cố danh vi bất biến, dĩ bất đạt nhất pháp giới cố tâm bất tương ưng, hốt nhiên niệm khởi danh vi vô minh.

**Dịch:**

*Y vô minh huân tập mà khởi ra thức, chẳng phải phạm phu có thể biết được, cũng không phải trí tuệ hàng Nhị thừa có thể giác được thức đó.*

***Nghĩa là y nơi Bồ-tát từ sơ chánh tín phát tâm quán sát, nếu chứng được pháp thân biết được một ít phần, cho đến Bồ-tát ở địa vị cứu cánh cũng không thể biết hết nữa, chỉ có Phật mới biết một cách cùng tột.***

***Vì có sao? Vì tâm ấy từ xưa đến nay tự tánh thanh tịnh mà có vô minh, bị vô minh nhiễm nên có tâm nhiễm, tuy có tâm nhiễm mà thường hằng không biến đổi, thế nên nghĩa này chỉ có Phật mới biết được. Nên nói tâm tánh thường vô niệm gọi là bất biến, do không đạt được một pháp giới (Nhất pháp giới) tâm không tương ứng, bỗng nhiên khởi niệm gọi là vô minh.***

### **Giảng:**

Đây là chỉ thức y vô minh huân tập khởi. Trước nói về ý thức thì phàm phu ai cũng biết, thức y vô minh huân tập khởi phàm phu không thể biết. Vì sao lại khó biết? Đây là chỉ cho Tàng thức. Tàng thức là thức do vô minh huân tập mà khởi, tức là cái bất giác ban đầu dấy động mà khởi tàng thức này. Nếu biết trọn vẹn tàng thức thì đã trở về bản giác.

Hàng phàm phu chỉ có thể thấy được thức thứ sáu và năm thức trước. Hàng Nhị thừa có thể giải quyết được thức thứ bảy là chấp ngã, nhưng đến thức thứ tám các ngài không thấy, không biết. Chỉ có Bồ-tát từ Sơ chánh tín lên đến Thập địa thì biết từng phần. Thức này dung hợp tất cả chủng tử thiện ác luôn cả giác và bất giác. Người đang sống trong sanh diệt, không thể thấy được thể giác bất sanh bất diệt, chỉ thấy cái bất giác

sanh diệt thôi. Như trong kinh Lăng-nghiêm có đoạn nói: Hành giả diệt được ý thức là qua được tướng ấm. Thức thứ bảy là hành ấm. Hành ấm uẩn sanh diệt liên miên, diệt được hành ấm rồi mới qua đến thức ấm. Thức ấm kín đáo sâu nhiệm khó thấy.

Tóm lại, khi tàng thức còn chủng tử sanh diệt lăng xăng, chúng ta không thấy được thể lặng lẽ của nó. Cũng như nhìn xuống biển thấy còn sóng, dù sóng to hay những gợn nhỏ lăn tăn cũng chưa gọi là mặt biển phẳng lặng. Chỉ bao giờ sóng yên hết, chúng ta mới thấy được mặt biển phẳng lặng.

Người tu hành muốn thấy tường tận thể của tàng thức phải không còn một tí niệm lăng xăng sanh diệt nào. Lúc đó thể tàng thức mới hiện ra, gọi là Bạch tịnh thức hay Như Lai tàng thức. Khi còn chứa chủng tử gọi là tàng thức, chủng tử sạch rồi không gọi là tàng thức nữa. Bồ-tát sạch được một phần, thấy nó được một chút, sạch được hai phần thấy thêm chút nữa..., qua đến Thập địa rồi mà thấy cũng chưa viên mãn. Chỉ có Phật mới thấy được trọn vẹn thể của a-lại-da.

Chúng ta nghe thức a-lại-da, có thể tưởng tượng nó như cái kho. Nghĩa chữ “kho” là chứa đựng, một cái kho chứa lúa, chứa bắp... Không bao giờ thấy được sự thật của nó, nên nói là khó thấy khó biết. Đó là để chỉ thẳng thức a-lại-da hay nói cách khác là do vô minh huân tập khởi thức. Thức này là thức khó biết nhất.

Tại sao tàng thức là thức khó biết nhất? Vì *tâm ấy từ xưa đến nay tự tánh thanh tịnh mà có vô minh.*

Nói thanh tịnh mà có vô minh làm sao hiểu được? Tự tánh thanh tịnh mà có vô minh, *bị vô minh nhiễm nên có tâm nhiễm, tuy có nhiễm mà lại thường hằng bất biến*. Trong thể thanh tịnh lại có vô minh dấy lên, vô minh dấy lên rồi nhiễm lại nó, tuy nhiễm nhưng thể của nó vẫn thường hằng thanh tịnh. Vì vậy *nghĩa này chỉ có Phật mới hay biết được*.

*Nên nói tâm tánh thường vô niệm, nghĩa là tâm tánh luôn luôn vô niệm*. Bởi tánh của tâm là lặng lẽ thường hằng, còn có niệm thì không phải lặng lẽ. Tâm tánh thường vô niệm gọi là bất biến.

*Một pháp giới chính là tâm tánh*. Do vì chúng ta không đạt được một pháp giới cho nên tâm không tương ứng, vì vậy *bổn nhiên khởi niệm gọi là vô minh*. Như vậy cái làm cho dấy niệm, phát sanh năng kiến sở kiến là vô minh.

Xưa nay chúng ta sẵn có tâm thanh tịnh, mà không nhận ra được nên dấy niệm, bởi dấy niệm nên đi trong sanh tử luân hồi. Khi đi trong luân hồi lại huân vào tâm thanh tịnh những chủng tử ô nhiễm. Tuy huân mà thể tâm thanh tịnh ấy lại thường hằng bất biến. Đó là chỗ thật khó hiểu.

### **g. Nói về tâm nhiễm**

**Âm:**

**Nhiễm tâm giả hữu lục chủng. Vân hà vi lục?**

**Nhất giả Cháp tương ứng nhiễm, y Nhị thừa giải thoát cập Tín tương ứng địa viên ly cố.**

**Nhị giả Bất đoạn tương ứng nhiễm, y Tín tương ứng địa tu học phương tiện tiệm tiệm năng xả, đắc Tịnh tâm địa cứu cánh ly cố.**

**Tam giả Phân biệt trí tương ứng nhiễm, y Cụ giới địa tiệm ly, nãi chí Vô tướng phương tiện địa cứu cánh ly cố.**

**Tứ giả Hiện sắc bất tương ứng nhiễm, y Sắc tự tại địa năng ly cố.**

**Ngũ giả Năng kiến tâm bất tương ứng nhiễm, y Tâm tự tại địa năng ly cố.**

**Lục giả Căn bản nghiệp bất tương ứng nhiễm, y Bồ-tát Tận địa đắc nhập Như Lai địa năng ly cố.**

**Bất liễu nhất pháp giới nghĩa giả, từng Tín tương ứng địa quán sát học đoạn, nhập Tịnh tâm địa tùy phần đắc ly, nãi chí Như Lai địa năng cứu cánh ly cố.**

**Dịch:**

*Tâm nhiễm ấy có sáu thứ. Thế nào là sáu?*

*Một là Chấp tương ứng nhiễm, y theo hàng Nhị thừa giải thoát và Tín tương ứng địa được xa lìa.*

*Hai là Bất đoạn tương ứng nhiễm, y nơi Tín tương ứng địa tu học phương tiện lần lần xả bỏ, được Tịnh tâm địa mới cứu cánh xa lìa được.*

*Ba là Phân biệt trí tương ứng nhiễm, y nơi Cụ giới địa lần lần xa lìa, cho đến Vô tướng phương tiện địa mới cứu cánh xa lìa được vậy.*

***Bốn là Hiện sắc bất tương ưng nhiễm, y nơi Sắc tự tại địa (Bát địa) mới xa lìa được.***

***Năm là Năng kiến tâm bất tương ưng nhiễm, y nơi Tâm tự tại địa (Cửu địa) mới xa lìa được.***

***Sáu là Căn bản nghiệp bất tương ưng nhiễm, y nơi Bồ-tát Tận địa, vào Như Lai địa mới xa lìa được nó.***

***Không rõ nghĩa nhất pháp giới thì từ nơi Tín tương ưng địa quán sát tu học mà đoạn trừ, vào Tịnh tâm địa này tùy phần được lìa, cho đến Như Lai địa mới hay cứu cánh lìa.***

### **Giảng:**

Bây giờ nói về sáu thứ tâm nhiễm.

#### ***1. Cháp tương ưng nhiễm***

*Cháp tương ưng nhiễm y theo hàng Nhị thừa giải thoát và Tín tương ưng địa được xa lìa. Cháp tương ưng nhiễm tức là chấp do tương ưng theo ngoại cảnh mà dấy lên tâm nhiễm. Tâm nhiễm này đến hàng Nhị thừa giải thoát mới dẹp, còn Bồ-tát thì từ hàng Thập tín trở lên mới xa lìa được.*

#### ***2. Bất đoạn tương ưng nhiễm***

*Bất đoạn tương ưng nhiễm y nơi Tín tương ưng địa tu học phương tiện lần lần xả bỏ, được Tịnh tâm địa mới cứu cánh xa lìa được. Bất đoạn tương ưng nhiễm là nhiễm tiếp tục không dứt. Hàng Thập tín tu dần dần cho đến hết Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng,*

Tứ gia hạnh tức là qua hàng Tam hiền đến Tịnh tâm địa (Sơ địa) mới thật xa lìa.

### 3. *Phân biệt trí tương ứng nhiệm*

*Phân biệt trí tương ứng nhiệm y nơi Cụ giới địa lần lần xa lìa, cho đến Vô tướng phương tiện địa mới cứu cánh xa lìa được.*

Trước hết giải thích các danh từ khó trong câu này:

- *Cụ giới địa* là Bồ-tát trong hàng Thập địa mà tới Nhị địa là đầy đủ giới luật.

- *Vô tướng phương tiện địa* là Bồ-tát Thất địa.

Chỗ này nói *Phân biệt trí tương ứng nhiệm*, chứ thực nó là thức. Do thức phân biệt tương ứng nhiệm đó, y nơi Cụ giới địa lần lần mới xa lìa, cho đến Vô tướng phương tiện địa mới hết cái nhiệm thứ ba này.

### 4. *Hiện sắc bất tương ứng nhiệm*

Hiện sắc bất tương ứng nhiệm đến Bồ-tát Bát địa mới xa lìa được.

### 5. *Năng kiến tâm bất tương ứng nhiệm*

Năng kiến tâm bất tương ứng nhiệm đến Bồ-tát Cửu địa mới xa lìa được.

### 6. *Căn bản nghiệp bất tương ứng nhiệm*

*Căn bản nghiệp bất tương ứng nhiệm y nơi Bồ-tát Tận địa, vào Như Lai địa mới xa lìa được. Đến Thập địa rồi vào quả vị Diệu giác của Phật mới lìa hết nhiệm.*

*Không rõ nghĩa nhất pháp giới thì từ nơi Tín tương ưng địa quán sát tu học mà đoạn trừ, vào Tịnh tâm địa này tùy phân được lìa, cho đến Như Lai địa mới hay cứu cánh lìa.*

*Vì không rõ nghĩa nhất pháp giới thì từ Tín tương ưng địa quán sát tu học mà đoạn trừ. Đây là lặp lại ý ở trên nói có một pháp giới mà do chúng ta không đạt được, cho nên vọng tâm dấy khởi gọi là vô minh. Một pháp giới là chỉ cho thể nhất tâm. Muốn được trở về thể nhất tâm thì phải y vào bậc ban đầu của Bồ-tát Thập tín, dần dần quán sát tu học, đoạn trừ từ từ cho đến vào được Thập địa trở lên đến quả vị Phật mới hoàn toàn thấy nó một cách đầy đủ, mới lìa một cách rốt ráo.*

Đoạn này nói về cách dứt phiền não và chứng quả thánh. Chúng ta chưa chứng nên nghe khó hiểu, vì mỗi tầng mỗi bậc đều do sự tu chứng mà được xa lìa.

### **Âm:**

**Ngôn tương ưng nghĩa giả, vị tâm niệm pháp dị, y nhiễm tịnh sai biệt, nhi tri tướng duyên tướng đồng cố. Bất tương ưng nghĩa giả, vị tức tâm bất giác thường vô biệt dị, bất đồng tri tướng duyên tướng cố.**

### **Dịch:**

*Nói về nghĩa tương ưng đó, nghĩa là tâm niệm pháp khác, y nơi nhiễm tịnh sai biệt mà tướng biết và tướng duyên đồng. Còn nói nghĩa chẳng tương ưng đó, tức là tâm bất giác thường không có riêng khác, vì chẳng đồng tướng biết và tướng duyên.*

**Giảng:**

Đây nói về hai nghĩa tương ứng và bất tương ứng.

*1. Nghĩa tương ứng*

Nghĩa tương ứng là nói tâm niệm của chúng ta, *tâm niệm pháp khác, y nơi nhiễm tịnh sai biệt mà tướng biết và tướng duyên đồng*. Khi chúng ta duyên một pháp nào cảnh nào, hoặc thiện ác nhiễm tịnh thì cả tâm vương và tâm sở hợp nhau đồng duyên, cho nên gọi là *tướng biết và tướng duyên đồng*. Tướng biết là chỉ cho tâm vương tướng duyên chỉ cho tâm sở, cả hai phù hợp nhau gọi là tương ứng. Nếu không phù hợp nhau thì không tương ứng. Nhiễm tịnh tức chỉ cho thiện ác tốt xấu sai biệt mà cả tâm vương tâm sở đồng thời duyên theo, gọi đó là tương ứng.

*2. Nghĩa không tương ứng*

*Nghĩa không tương ứng đó, tức tâm bất giác thường không có riêng khác, vì chẳng đồng tướng biết và tướng duyên*. Không tương ứng là khi chúng ta chưa sanh ra tâm vương, tâm sở để cùng duyên theo tương ứng với cảnh bên ngoài nên nói *tâm bất giác đó thường không có cảnh khác*, do không có tâm vương (tướng biết) và tâm sở (tướng duyên) nên gọi là bất tương ứng, tức không còn tương ứng với nhau. Như vậy bất tương ứng là cái sâu kín còn nằm trong vô minh, chưa phân biệt tâm vương tâm sở, còn cái phân biệt rồi thì thuộc về tương ứng.

**Âm:**

**Hựu nhiễm tâm nghĩa giả, danh vi phiền não ngại, năng chướng chân như căn bản trí cố.**

**Vô minh nghĩa giả, danh vi trí ngại, năng chướng thế gian tự nhiên nghiệp trí cố.**

**Thử nghĩa vân hà? Dĩ y nhiệm tâm năng kiến, năng hiện, vọng thủ cảnh giới, vi bình đẳng tánh cố.**

**Dĩ nhất thiết pháp thường tính vô hữu khởi tướng, vô minh bất giác vọng dữ pháp vi cố; bất năng đắc tùy thuận thế gian nhất thiết cảnh giới chủng trí cố.**

**Dịch:**

*Lại nghĩa tâm nhiệm gọi là phiền não ngại, vì hay chướng chân như căn bản trí.*

*Nghĩa vô minh gọi là trí ngại, vì nó hay chướng ngại thế gian tự nhiên nghiệp trí. Nghĩa này thế nào? Do y theo tâm nhiệm hay thấy, hay hiện, vọng chấp cảnh giới, trái với tánh bình đẳng.*

*Do tất cả pháp thường lặng lẽ không có tướng khởi, bởi vô minh bất giác vọng cùng với pháp trái nhau, nên không thể tùy thuận theo mọi sự mà hiểu biết tất cả cảnh giới thế gian.*

**Giải:**

*Lại nghĩa tâm nhiệm gọi là phiền não ngại, vì hay chướng chân như căn bản trí. Đây là nói về nghĩa tâm nhiệm. Tâm nhiệm gọi là phiền não ngại, chỗ khác gọi là phiền não chướng. Vì sao gọi là phiền não chướng? Vì hay chướng chân như căn bản trí. Phiền não này nhiệm ô ngăn che chân như và làm cho căn bản trí không được sáng tỏ, vì vậy nên gọi là tâm nhiệm hay phiền não chướng.*

Chúng ta thường nói tu là đừng cho tâm nhiễm, nghĩa là không để phiền não che đậy căn bản trí hay che đậy chân như. Ở đây tế nhị hơn, nói vọng tưởng là phiền não dấy lên làm che mờ căn bản trí, nếu hết vọng tưởng là hết phiền não. Luận này nói phiền não là tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến...

*Nghĩa vô minh gọi là trí ngại, vì nó hay chướng ngại thế gian tự nhiên nghiệp trí.* Nghĩa vô minh là chỉ cho sở tri chướng. Ở trên nói nghĩa tâm nhiễm là chỉ cho phiền não chướng, ở đây nói sở tri chướng vì nó hay chướng ngại thế gian tự nhiên nghiệp trí, chúng ta thấy nó nặng, sâu dày hơn phiền não chướng. Thường thường sở tri chướng làm cho chúng ta không thấy được pháp tánh bình đẳng, vì đã bị sở tri ngăn che. Ví như chúng ta biết điều gì theo quan niệm của mình và cho nó là cứu cánh viên mãn thì chính cái biết đó làm chướng, khiến không nhận ra tất cả những sự thật khác. Sao gọi là *thế gian tự nhiên nghiệp trí*? Đó là trí biết các pháp thế gian một cách tự nhiên. Thấy được thể bình đẳng sẵn có của các pháp thế gian, không suy tính, không phân biệt. Nếu trí đó còn một chút sở tri thì không thấy được.

Như tôi ngồi trước tất cả quý vị, nếu tôi chú tâm nhìn một người thì những người kia tôi không thấy, như thế là còn kẹt một sở tri nên thấy không bình đẳng. Nếu tôi không chú ý người nào, nhìn tổng quát thì thấy hết, đó là cái thấy bình đẳng. Kẹt vào cái thấy riêng rẽ là không bình đẳng, cho nên nói che ngại nghiệp trí

tự nhiên của thế gian là vậy. Sở tri chướng là chấp vào cái biết của mình. Chúng ta tu hành nhận được một lẽ nào cho là cứu cánh rồi chấp vào đó, nên chưa được tự tại giải thoát.

Sở tri chướng rất khó dẹp. Như có vị hay buồn giận, chúng ta chỉ dạy giáo lý cho họ, nghe hiểu rồi họ bớt buồn giận mau lắm. Nhưng nếu người đó giỏi về một sở học nào như thuốc bắc hay thợ mộc..., họ học thành tài rồi, bây giờ biểu bỏ, dễ hay khó? Rất khó. Người bỏ công lao cực khổ học một ngành nghề gì, lại nhận ra đó là sở trường, bây giờ biểu bỏ thật là cay đắng. Vì vậy phiền não chướng bỏ dễ, sở tri chướng bỏ khó. Người tu phần nhiều mắc kẹt sở tri chướng nặng hơn phiền não chướng. Đó là mắc kẹt trong quả vị Thanh văn, Duyên giác hoặc theo kinh Lăng-nghiêm nói do thiên định, thấy được sự việc bao nhiêu kiếp về trước rồi chấp cho là cứu cánh...

*Nghĩa này thế nào? Do y theo tâm nhiễm hay thấy, hay hiện, vọng chấp cảnh giới, trái với tánh bình đẳng.*

Hỏi tại sao sở tri chướng này làm chướng nghiệp trí của tự nhiên thế gian, Tổ nói bởi vì nó y nơi tâm nhiễm, sanh ra năng kiến, năng hiện, rồi nó vọng chấp cảnh giới, do đó mà trái với tánh bình đẳng của tất cả pháp.

*Do tất cả pháp thường lặng lẽ không có tướng khởi, bởi vô minh bất giác vọng cùng với pháp trái nhau, nên không thể tùy thuận theo mọi sự để hiểu biết tất cả cảnh giới thế gian.*

Tất cả pháp tánh thường lặng lẽ không có tướng khởi, bởi vô minh bất giác nên vọng động cùng với pháp tánh trái nhau. Vô minh bất giác nên vọng động, bởi vọng động nên trái với pháp thể, là pháp thường tịnh, vì vậy không thể tùy thuận theo mọi sự để mà hiểu biết rõ tất cả cảnh giới thế gian. Đây đúng là chỗ kinh Pháp Hoa nói *thị pháp trụ pháp vị, thế gian tướng thường trụ*.

Các pháp thể gian thường lặng lẽ hay là thường động? Chỗ này nếu giải quyết được, mới thấy chỗ *phan động hay gió động* của tổ Huệ Năng. Ai cũng thấy các pháp thể gian đều là động. Sống là động, từ thế giới của mình động đến thế giới chúng sanh cũng động, như thế tại sao trong kinh nói pháp thể gian thường tịnh? Sự thật là các pháp thể gian vốn tịnh, do nhân duyên hợp mà có động, nếu nhân duyên không hợp thì không động. Như lá tràm không động, do gió thổi mới động.

Như vậy, nhân duyên hợp lại có động, tự tánh không động. Nếu không do nhân duyên thì các pháp là tịnh là lặng lẽ. Chúng ta thấy động là vọng thấy theo nhân duyên. Do đó tổ Huệ Năng nói “*Tâm nhân giả động, không phải phan động hay gió động*”. Tự thể phan không động, tự thể gió không động, tại duyên hợp nên có động. Chúng ta thấy, mình động là do tâm động, nhìn theo tướng động của các pháp thể gian.

Tóm lại, các pháp tự thể thường tịnh, không khởi tướng vì vô minh bất giác cho nên vọng. Do vọng trái với pháp thể, chúng ta muốn thấy pháp thể phải dẹp vọng, lúc đó mới được nghiệp trí tự nhiên, trí biết tất cả pháp thể gian đúng như thật. Nên nói *bởi vì vọng cùng với*

*pháp trái nhau, nên không thể tùy thuận mọi sự để hiểu biết tất cả cảnh giới thế gian. Đó là chỉ cho cái gốc động của vô minh, làm chúng ta trái với pháp thể, không biết được pháp thể.*

#### **h. Sắc thái sanh diệt**

##### **Âm:**

**Phục thứ, phân biệt sanh diệt tướng giả, hữu nhị chủng. Vân hà vi nhị? Nhất giả thô, dữ tâm tương ứng cố. Nhị giả tế, dữ tâm bất tương ứng cố.**

**Hựu thô trung chi thô, phàm phu cảnh giới; thô trung chi tế cập tế trung chi thô, Bồ-tát cảnh giới; tế trung chi tế, thị Phật cảnh giới.**

**Thử nhị chủng sanh diệt, y ư vô minh huân tập nhi hữu. Sở vị y nhân y duyên. Y nhân giả bất giác nghĩa cố, y duyên giả vọng tác cảnh giới nghĩa cố. Nhược nhân diệt tắc duyên diệt; nhân diệt cố bất tương ứng tâm diệt, duyên diệt cố tương ứng tâm diệt.**

##### **Dịch:**

*Lại nữa, tướng sanh diệt đó có hai thứ. Thế nào là hai? Một là thô, vì cùng tâm tương ứng. Hai là tế, vì cùng tâm chẳng tương ứng.*

*Lại trong thô, có cái thô trong thô là cảnh giới của phàm phu, còn cái tế trong thô và cái thô trong tế thuộc cảnh giới Bồ-tát. Cái tế trong tế là cảnh giới của Phật.*

***Hai thứ sanh diệt này y nơi vô minh huân tập mà có. Đó là y nhân y duyên. Y nhân là nghĩa bất giác, y duyên là nghĩa vọng tạo cảnh giới. Nếu nhân diệt thì duyên diệt; nhân diệt nên tâm bất tương ưng diệt, duyên diệt nên tâm tương ưng diệt.***

**Giảng:**

*Lại nữa, tướng sanh diệt đó có hai thứ. Thế nào là hai? Một là thô, vì cùng tâm tương ưng. Hai là tế, vì cùng tâm chẳng tương ưng. Trước đã giải thích tương ưng và bất tương ưng. Tương ưng là khi có tâm vương tâm sở duyên theo ngoại cảnh. Bất tương ưng là lúc còn ở trong vô minh, chưa có đầy đủ năng sở cho nên thuộc về tế.*

*Lại trong thô, có cái thô trong thô là cảnh giới của phàm phu, còn cái tế trong thô và cái thô trong tế thuộc cảnh giới Bồ-tát. Cái tế trong tế là cảnh giới của Phật. Cảnh giới của chúng ta là cảnh giới thô trong thô. Bởi vì ta chỉ thấy biết những hình tướng bên ngoài, không thấy được những cái vi tế thâm lặng bên trong, nên nói *thô trong thô là cảnh giới của phàm phu*. Thí dụ chúng ta thấy giảng đường này trống trơn, nhưng thật ra nó không có những tướng thô như cái bàn cái ghế... còn các tướng tế như vi trần chúng ta không thấy được.*

*Cảnh giới Bồ-tát thuộc về tế trong thô và thô trong tế, tức là thấy được những cái nhỏ nhiệm hơn chúng ta. Đến chư Phật, tế ở trong tế là các ngài thấu được manh mối đầu tiên của dãy niệm, nhỏ nhiệm đến chỗ cuối cùng.*

Nghĩa sanh diệt thô tế này, kết hợp với tam tế lục thô ở đoạn trước, hai thô sau cùng là Khởi nghiệp tướng và Nghiệp hệ khổ tướng là cảnh giới phàm phu. Lên đến hàng Tam hiền thì biết rõ hai thô Chấp thủ tướng và Kế danh tự tướng. Đến địa vị Bồ-tát biết được hai thô đầu tiên và hai tế cuối: Trí tướng, Tương tục tướng và Năng kiến tướng, Cảnh giới tướng. Quả vị Phật dứt trừ được món tế vi mật trên hết là Vô minh nghiệp tướng. Sai biệt giữa phàm thánh từ thô đến tế là như vậy.

*Hai thứ sanh diệt này y nơi vô minh huân tập mà có. Đó là y nhân y duyên. Y nhân là nghĩa bất giác, y duyên là nghĩa vọng tạo cảnh giới. Nếu nhân diệt thì duyên diệt; nhân diệt nên tâm bất tương ưng diệt, duyên diệt nên tâm tương ưng diệt.*

Tổ chỉ rõ nhân duyên sanh diệt. Quan trọng là nhân bất giác, nếu nhân *bất giác* hết rồi thì duyên *vọng tạo cảnh giới* không còn. Chúng ta tu là dứt nhân bất giác, vọng tâm không còn, do đó lục đạo luân hồi cũng không còn. Vọng tạo cảnh giới tức là lục đạo luân hồi.

**Âm:**

**Vấn viết: Nhược tâm diệt giả, vân hà tương tục? Nhược tương tục giả, vân hà thuyết cứu cánh diệt?**

**Đáp viết: Sở ngôn diệt giả, duy tâm tướng diệt, phi tâm thể diệt.**

**Như phong y thủy nhi hữu động tướng. Nhược thủy diệt giả, tắc phong tướng đoạn tuyệt vô sở y chỉ. Dĩ thủy bất diệt, phong tướng tương tục;**

duy phong diệt cố động tướng tùy diệt, phi thị thủy diệt. Vô minh diệt nhĩ, y tâm thể nhi động, nhược tâm thể diệt, tắc chúng sanh đoạn tuyệt vô sở y chỉ. Dĩ thể bất diệt, tâm đắc tương tục; duy si diệt cố tâm tướng tùy diệt, phi tâm trí diệt.

**Dịch:**

*Hỏi: Nếu tâm diệt, làm sao được tương tục? Nếu tương tục vì sao nói cứu cánh diệt?*

*Đáp: Nói là diệt, chỉ có tướng của tâm diệt chứ không phải thể của tâm diệt.*

*Như gió y nơi nước mà có tướng động. Nếu nước diệt thì tướng gió đoạn tuyệt, không có chỗ nương tựa. Do nước chẳng diệt nên tướng gió được tương tục; chỉ có gió diệt nên tướng động theo đó mà diệt, chẳng phải nước diệt. Vô minh cũng vậy, y nơi tâm thể mà động, nếu tâm thể diệt thì chúng sanh đoạn tuyệt, không có chỗ nương tựa. Vì tâm thể chẳng diệt nên tâm được tương tục; chỉ cái si diệt nên tâm tướng theo đó mà diệt, chứ không phải tâm trí diệt.*

**Giảng:**

Sợ chúng ta hiểu lầm, nghe nói diệt hết rồi tướng không còn gì nên Tổ đặt câu hỏi *Nếu tâm diệt làm sao được tương tục? Nếu tương tục vì sao nói cứu cánh diệt?* Đáp: Nói diệt là diệt tướng của tâm chứ không phải diệt thể của tâm. Khi vọng dấy lên là tâm bất giác vọng tạo cảnh giới thuộc về tâm tướng. Chúng ta chỉ diệt

tâm tướng chứ không diệt tâm thể. Tâm thể là cái tương tục không mất, không phải khi diệt rồi mất hết.

Thí dụ do có gió nên nước trên mặt biển đùa thành sóng. Muốn hết sóng chỉ cần gió dừng. Như vậy, diệt là gió diệt hay sóng diệt, không phải nước diệt. Nước là dụ cho thể của tâm, sóng hay gió là dụ cho tướng của tâm. Tướng của tâm diệt, thể không diệt, vì không diệt cho nên không mất. *Nếu tâm thể diệt thì chúng sanh thành đoạn tuyệt, không còn chỗ nương gá.* Vì tâm thể không diệt, nên khi dứt được vọng là không còn đi trong vòng luân hồi sanh tử, lúc ấy sống với pháp thân, tùy nguyện hóa độ chúng sanh... Thế nên nói *do tâm thể không diệt nên tâm được tương tục* là vậy.

Tổ kết luận: *Chỉ cái si diệt thì tâm tướng theo đó mà diệt, chứ không phải tâm trí diệt.* Nghĩa là vô minh vọng động diệt nên tướng vọng tâm theo đó diệt, còn tâm trí thanh tịnh không diệt. Nếu diệt thì thành ra ngoại đạo đoạn kiến. Hiểu như vậy để thấy rằng vọng niệm vô minh diệt mà không phải hết. Đó là chỗ chân thật cần phải biết.

### **i. Pháp tịnh nhiễm huân tập**

**Âm:**

**Phục thứ, hữu tứ chủng pháp huân tập nghĩa cố, nhiễm pháp tịnh pháp khởi bất đoạn tuyệt. Vân hà vi tứ? Nhất giả tịnh pháp, danh vi chân như. Nhị giả nhất thiết nhiễm nhân, danh vi vô minh. Tam giả vọng tâm, danh vi nghiệp thức. Tứ giả vọng cảnh giới, sở vị lục trần.**

**Dịch:**

*Lại nữa, nghĩa huân tập có bốn thứ pháp nên pháp nhiệm pháp tịnh sanh khởi không đoạn dứt. Thế nào là bốn? Một là pháp tịnh gọi là Chân như. Hai là nhân của tất cả pháp nhiệm gọi là Vô minh. Ba là Vọng tâm gọi là Nghiệp thức. Bốn là Vọng cảnh giới gọi là Lục trần.*

**Giảng:**

Đây nói về tịnh nhiệm để biết nghĩa huân tập. Nói nghĩa huân tập tức là nói cách tu.

Nơi chúng ta có bốn pháp. *Một là pháp tịnh gọi là Chân như. Hai là nhân của tất cả pháp nhiệm gọi là Vô minh. Ba là Vọng tâm gọi là Nghiệp thức. Bốn là Vọng cảnh giới tức là lục trần. Vọng cảnh giới tức cảnh giới hư vọng không có thật. Các pháp sanh khởi không đoạn dứt là do có bốn thứ nhiệm tịnh này.*

**i1. Pháp tịnh (Chân như) huân tập****Âm:**

**Huân tập nghĩa giả, như thế gian y phục thật vô ư hương, nhược nhân dĩ hương nhi huân tập cố tắc hữu hương khí. Thử diệc như thị, chân như tịnh pháp thật vô ư nhiệm, đản dĩ vô minh nhi huân tập cố tắc hữu nhiệm tướng. Vô minh nhiệm pháp thật vô tịnh nghiệp, đản dĩ chân như nhi huân tập cố tắc hữu tịnh dụng.**

**Dịch:**

*Nghĩa huân tập là, như áo mặc ở thế gian thật không có mùi thơm, nhân người ta dùng hương thơm mà huân tập nó thì có mùi thơm. Đây cũng như thế, chân như pháp tịnh thật không có nhiễm, chỉ do vô minh huân tập thì có tướng nhiễm. Vô minh pháp nhiễm thật không có nghiệp tịnh, chỉ do chân như huân tập thì có cái dụng tịnh.*

**Giảng:**

Tổ nêu lên cho chúng ta thấy tường tận cả hai thứ tịnh và nhiễm đều có thể huân được nhau.

Huân tập là gì? Ví dụ cái khăn không có mùi gì hết, khi để gần hoa lài thì có mùi thơm, để gần một thứ gì rất hôi sẽ có mùi hôi. Như vậy cái khăn có thể thành thơm hay hôi là do sự huân tập. Hiểu được nghĩa huân tập rồi, ngài mới phân tích về huân tập tịnh và huân tập nhiễm cho chúng ta biết.

*Chân như pháp tịnh thật không có nhiễm, chỉ do vô minh huân tập thì có tướng nhiễm.* Chân như pháp tịnh không có nhiễm, nhưng do vô minh huân tập mãi rồi tướng nhiễm hiện ra. Cũng như chúng ta do vô minh huân tập nên tướng nhiễm hiện đầy hết, không còn thấy chân như nữa.

*Vô minh pháp nhiễm thật không có nghiệp tịnh, chỉ do chân như huân tập thì có dụng tịnh.* Vô minh nhiễm thì không có nghiệp tịnh của chân như, nếu dùng chân như mà huân tập thì tự nhiên có nghiệp tịnh.

Khi chúng ta biết vọng là giả không theo, đó là huân cái gì? Vọng động là tướng của vô minh, không theo nó tức là trở về chân như. Đây là đem tịnh pháp huân vào vô minh, vô minh đó từ từ biến thành chân như. Còn nhiễm pháp lúc ban sơ huân thế nào không biết, nay đã sâu dày quá rồi. Nếu người nào muốn huân nữa thì hằng ngày cứ tính chuyện lợi hại, phải quấy... rồi tham sân si càng ngày càng tăng. Nếu huân như vậy mãi thì chân như bị che lấp, chỉ thấy toàn là tướng nhiễm của vô minh. Đó gọi là huân pháp nhiễm.

Như thế, huân tịnh hay nhiễm là do chúng ta. Nhiều người tưởng rằng mình sanh ra đời, cứ làm việc rồi chết, không có quyền chủ động. Không phải như vậy. Sanh tử hay chấm dứt sanh tử là quyền của chúng ta. Muốn sanh tử thì huân pháp nhiễm, còn muốn dứt sanh tử thì huân pháp tịnh. Chúng ta nắm quyền quyết định trọn vẹn về số phận của mình, chứ không ai chen vô quyết định cho chúng ta được.

## **i2. Pháp nhiễm (Vô minh) huân tập**

**Âm:**

**Vân hà huân tập khởi nhiễm pháp bất đoạn? Sở vị dĩ y chân như pháp cố hữu ư vô minh, dĩ hữu vô minh nhiễm pháp nhân cố tức huân tập chân như. Dĩ huân tập cố tác hữu vọng tâm. Dĩ hữu vọng tâm tức huân tập vô minh. Bất liễu chân như pháp cố, bất giác niệm khởi hiện vọng cảnh giới. Dĩ hữu vọng cảnh giới nhiễm pháp duyên cố, tức huân tập vọng tâm, linh kỳ niệm trước tạo chủng chủng nghiệp, thọ ư nhất thiết thân tâm đẳng khổ.**

**Dịch:**

*Thế nào là huân tập khởi pháp nhiệm chẳng dứt? Nói rằng do y pháp chân như mà có vô minh, vì có vô minh làm nhân của pháp nhiệm nên huân tập lại chân như. Do sự huân tập này nên có vọng tâm. Do có vọng tâm tức huân tập nơi vô minh. Và do chẳng rõ pháp chân như nên bất giác niệm khởi, hiện cảnh giới hư vọng. Do có cảnh giới hư vọng rồi pháp nhiệm làm duyên liền huân tập nơi vọng tâm, khiến cho khởi niệm đả trước tạo các thứ nghiệp và chịu tất cả khổ ở nơi thân tâm.*

**Giảng:**

Đây giải thích nghĩa *huân tập pháp nhiệm*. Trước hết là y nơi pháp chân như, lấy chân như làm thể, từ thể chân như vô minh dấy khởi. Vô minh làm nhân cho pháp nhiệm, pháp nhiệm huân tập trở lại chân như. Từ sự huân tập này mà có vọng tâm. Ví như biển vốn lặng lẽ, bất ngát mênh mông không có bờ mé, bất chợt gió thổi, sóng nổi lên. Sóng dấy lên từ đâu? Từ mặt biển lặng lẽ. Nếu không có biển thì sóng không chỗ nơi. Sóng dụ cho vô minh. Vô minh dấy lên từ chân như, nên nói *Y chân như mà có vô minh*. Khi lượn sóng vô minh nổi lên rồi, thì lượn này tiếp nối lượn kia, cứ như vậy mà liên tục, nên nói *vì có vô minh làm nhân của pháp nhiệm nên huân tập lại chân như*. Vô minh là dụ cho những lượn sóng nổi dậy lúc đầu, đùa đẩy cho những lượn sóng sau liên miên tiếp tục... Những lượn sóng sau là dụ cho vọng tâm huân trở lại vô minh, khiến biển tâm mất thể tính lặng lẽ.

Đó là thí dụ bên ngoài, bây giờ nói về trong tâm. Như chúng ta tự trong tâm đang thanh tịnh lặng lẽ, bỗng nhiên nghe tiếng nói cười của người gần bên, tâm lặng lẽ liền duyên theo tiếng cười nói kia, rồi động tâm suy nghĩ thế này thế nọ... Như vậy, từ niệm dấy động ban đầu khởi phân biệt, phân biệt rồi huân trở lại cái dấy động ban đầu, vọng tưởng lôi kéo liên tiếp không dừng. Đó là sự huân tập bên trong.

Hoặc khi chúng ta đang bình an vô sự, chợt có người đến nói chuyện, rồi tỏ vẻ bất bình với chúng ta, khiến chúng ta nổi sân nói bậy, cãi qua cãi lại đưa đến đánh đập nhau... Từ cái sân thứ nhất dấy lên đến cái sân thứ hai... Lúc nổi sân dụ cho giai đoạn thứ nhất là vô minh. Như vậy để thấy từ vô minh dấy lên, rồi khởi vọng huân trở lại vô minh, cứ thế mà liên miên khó dừng được. Muốn dừng phải có ý chí thật mạnh mới dừng nổi.

Tại sao có khởi vô minh ban đầu? *Bởi do chẳng rõ pháp chân như*. Nghĩa là vì chúng ta không sống thật được với pháp chân như, cho nên bất giác niệm khởi lên. Điểm này trong kinh Lăng-nghiêm, ngài Phú-lâu-na cũng nghi: Tại sao chúng ta không sống với chân như, bất giác niệm khởi làm chi? Ở đây tổ Mã Minh dùng chữ *bất liễu*, là chẳng rõ, làm ý nghĩa sáng tỏ hơn. Sở dĩ có bất giác dấy lên, vì chúng ta *chẳng rõ*. Như lúc chúng ta dấy niệm giận người chung quanh, vì lúc đó không sống được với tâm thanh tịnh nên không làm chủ. Nếu lúc nào chúng ta cũng sống với tâm thanh tịnh và làm chủ mình, khi một niệm vừa móng khởi, chúng ta biết liền thì không dấy niệm giận. Ý nghĩa *bất liễu* là như vậy.

Chúng ta thường nghi, trước đã là chân như tại sao bất giác niệm khởi, bây giờ trở về chân như, lâu lâu cũng bất giác nữa, vậy tu hoài cũng thành vô ích? Ở đây Tổ khéo dùng *Do bất liễu chân như pháp, bất giác niệm khởi*, tức là nếu chúng ta liễu rồi thì không có bất giác niệm khởi. Tổ chỉ rõ chân như ban đầu chưa thuần, nghĩa là chưa phải do công tu hành gạn lọc. Sau khi luyện lọc tu hành, đã liễu đạt và sống được với chân như, lúc ấy không có bất giác dấy niệm. Như thế, sau khi thành Phật rồi thì không khởi vô minh nữa.

Khi bất giác vọng khởi thì theo đó liền *hiện cảnh giới vọng*, cảnh giới vọng này làm duyên cho pháp nhiễm, nên có năng kiến năng hiện. Năng kiến là mình, tức chủ thể. Năng hiện là cảnh giới vọng do bất giác niệm khởi tức khách thể. Đã có chủ khách thì khách thể làm duyên để chủ bị nhiễm... cứ như thế mà tiếp tục liên miên.

Thí dụ một họa sĩ được nhờ vẽ bức tranh về địa ngục, cảnh người bị đâm, kẻ bị đánh, bị trói trong cột đồng cháy..., ông cố tưởng tượng vẽ cho đúng. Khi vẽ xong nhìn lại ông hoảng sợ. Mình vẽ ra, rồi mình sợ! Giả sử người ta nhờ vẽ hình một thiếu nữ đẹp. Ông cố vẽ thật đẹp rồi đứng ngắm, ông cũng sẽ mẩn luôn. Như thế làm cho sợ hay làm cho mẩn, gốc từ chúng ta không có ai khác!

Lúc tôi ở Bảo Lộc, cất được một cái thất cũng dễ thương. Cái thất dễ thương đó là mình tưởng tượng làm ra, nó khang trang vừa ý, nên khi có chuyện bất ổn muốn bỏ đi thì trong lòng thấy nao nao. Như vậy, chúng ta

quyến luyến cái gì? Cái chúng ta tạo ra. Rõ ràng tự mình tạo rồi tự huân lại để làm duyên quyến luyến. Cho nên đây nói *do chẳng rõ pháp chân như nên bất giác niệm khởi, hiện cảnh giới hư vọng. Do có cảnh giới hư vọng rồi pháp nhiệm làm duyên liền huân tập nơi vọng tâm.* Như thế cứ huân tập tới lui mãi, *khiến cho khởi niệm đắm trước tạo các thứ nghiệp và chịu tất cả khổ ở nơi thân tâm.* Chúng ta chịu khổ muôn ngàn là vì chạy theo vọng niệm. Vọng niệm duyên theo cảnh, mà cảnh là do chúng ta tạo ra, tạo ra rồi duyên theo, duyên theo rồi quyến luyến tạo nghiệp, tạo nghiệp rồi chịu khổ. Cứ vậy mà liên miên mãi không cùng tận. Đó là mê lầm trong mê lầm!

### **i3. Vọng cảnh giới huân tập**

**Âm:**

**Thủ vọng cảnh giới huân tập nghĩa tác hữu nhị chủng. Vân hà vi nhị? Nhất giả tăng trưởng niệm huân tập, nhị giả tăng trưởng thủ huân tập.**

**Dịch:**

*Vọng cảnh giới huân tập có hai thứ nghĩa. Thế nào là hai? Một là tăng trưởng niệm huân tập, hai là tăng trưởng thủ huân tập.*

**Giảng:**

*Tăng trưởng niệm huân tập.* Như ở trên tôi thí dụ, ông họa sĩ vẽ ra bức tranh đẹp rồi ngắm nhìn từng nét vẽ khéo và hài lòng vui thích. Từ niệm vui thích ấy

kéo ông ngắm kỹ bức tranh, phân tích từng đường nét của bức tranh, càng nhìn càng thích, càng đặc ý với từng nét vẽ. Đó là *tăng trưởng niệm huân tập*.

Đến khi nhìn tổng quát bức tranh thấy nó hoàn toàn đẹp, bèn đặt tên cho nó. Từ đó về sau khi nói chuyện với ai ông đều nói về bức tranh. Ai khen thì hài lòng, ai chê thì buồn giận. Vì chấp thủ danh tướng huân tập sâu đậm không bỏ được, nên giai đoạn này gọi là *tăng trưởng thủ huân tập*.

Do hai nghĩa huân tập này khiến sức mê càng mạnh, thấy vọng cảnh giới là thật, là thường còn, không bị hư hoại.

#### **i4. Vọng tâm huân tập**

**Âm:**

**Vọng tâm huân tập nghĩa tác hữu nhị chủng. Vân hà vi nhị? Nhất giả nghiệp thức căn bản huân tập, năng thọ A-la-hán, Bích-chi Phật, nhất thiết Bồ-tát sanh diệt khổ cố. Nhị giả tăng trưởng phân biệt sự thức huân tập, năng thọ phàm phu nghiệp hệ khổ cố.**

**Dịch:**

*Nghĩa vọng tâm huân tập có hai thứ. Thế nào là hai?*

*Một là nghiệp thức căn bản huân tập hay thọ nhận cái khổ sanh tử của A-la-hán, Bích-chi Phật và tất cả Bồ-tát.*

***Hai là tăng trưởng phân biệt sự thức huân tập, nghĩa là hay thọ nhận tất cả cái khổ của phàm phu do nghiệp thức trói buộc.***

**Giảng:**

Vọng tâm huân tập có hai nghĩa:

***1. Nghiệp thức căn bản huân tập***

Nghiệp thức căn bản huân tập là huân tập ban sơ tế nhị, làm cho hàng A-la-hán, Bích-chi Phật và Bồ-tát bị khổ sanh tử. A-la-hán là Vô sanh song ở đây nói còn sanh tử, nghĩa là nếu bậc hồi tâm đại A-la-hán thì lên đến quả vị Bồ-tát, không dừng ở Niết-bàn tịch tịnh, nên các ngài cũng bị *biến dịch sanh tử* như Bồ-tát. Khổ biến dịch sanh tử là cái khổ vi tế, tức là mỗi lần chuyển ngôi vị gọi là biến dịch sanh tử.

***2. Tăng trưởng phân biệt sự thức huân tập***

Nghiệp thức căn bản và phân biệt sự thức, hai thứ khác nhau. Nghiệp thức là chỉ cho gốc vô minh, do vọng động tế nhị ban sơ, thuộc về cái khổ của hàng thánh nhân. *Phân biệt sự thức* tức chỉ cho ý thức vọng tưởng phân biệt chạy theo ngoại cảnh, hay dẫn chúng sanh chịu các khổ do nghiệp trói buộc, thuộc về phàm phu.

Như thế, cũng đồng thời thức huân tập mà hai thứ thô tế khác nhau. Tế gọi là A-la-hán, Bích-chi Phật, Bồ-tát; thô gọi là phàm phu. Nghiệp tế thì sanh tử cũng tế, tức chỉ cho sự biến dịch dời đổi. Nghiệp thô sanh tử

cũng thô, chúng ta chết đời này sanh ra đời khác, từng phần từng đoạn, nên gọi là *phần đoạn sanh tử*. Vì vậy phàm phu thuộc phần đoạn sanh tử, còn hàng Nhị thừa hay Bồ-tát thuộc biến dịch sanh tử. Đó là chỉ cho hai phần huân tập của vọng tâm.

#### **i4.1. Vô minh huân tập**

**Âm:**

**Vô minh huân tập nghĩa hữu nhị chủng. Vân hà vi nhị?**

**Nhất giả căn bản huân tập, dĩ năng thành tựu nghiệp thức nghĩa cố.**

**Nhị giả sở khởi kiến ái huân tập, dĩ năng thành tựu phân biệt sự thức nghĩa cố.**

**Dịch:**

*Nghĩa vô minh huân tập có hai thứ. Thế nào là hai?*

*Một là căn bản huân tập, do hay thành thực nghĩa nghiệp thức.*

*Hai là khởi kiến ái huân tập, do hay thành thực nghĩa phân biệt sự thức.*

**Giảng:**

*Căn bản huân tập, bởi ban đầu bất giác dấy niệm, tạo thành nghiệp thức, hiện ra cảnh giới có năng kiến năng hiện, cũng gọi là *Vô minh vô thủy* hay là *Căn bản vô minh*.*

*Khởi kiến ái huân tập*, tức là sau khi có cảnh giới, rồi y theo cảnh giới đó mà sanh ra yêu ghét, huân tập ở trong tâm thành phân biệt sự thức, gọi đó là *Chi mạng vô minh*.

Vô minh có hai thứ là căn bản vô minh và chi mạng vô minh. Căn bản vô minh chỉ cho vô minh ban đầu từ chân như dấy niệm để rồi theo luân hồi. Chi mạng vô minh, chỗ khác gọi là *Nhuận sanh vô minh*, là vô minh sau khi luân hồi, sống trong cảnh có mình có vật, lúc ấy trở lại yêu mến sự vật sanh ra chấp thủ.

Trong mười hai nhân duyên, vô minh tức là căn bản vô minh; ái, thủ... là chi mạng vô minh. Vô minh của ái, thủ là vô minh của hiện hữu. Hiện hữu chúng ta thấy cảnh sanh yêu ghét mà có chấp thủ, làm cho chúng ta trôi lăn trong luân hồi không dứt. Như thế gọi là phần huân tập thứ hai của vô minh.

#### **i4.2. Pháp tịnh huân tập**

Trước tiên nói về lẽ thường. Hằng ngày chúng ta thấy cái nhà, cái bàn... thấy mọi sự vật, đều tưởng là thật, là thường còn. Niệm tưởng đó cứ chấp giữ in sâu trên mọi vật. Vì cho thân chúng ta và sự vật chung quanh là thật là thường còn, nên ai xúc phạm đến thân, làm hư hao đến sự vật thì chúng ta liền nổi giận. Huân theo lối này gọi là *pháp nhiễm huân tập*.

Ngược lại, nếu chúng ta thấy thân là vô thường, sự vật chung quanh là hư giả, thì khi có gì xúc phạm đến mình không buồn không giận. Huân tập như thế gọi là

*pháp tịnh huân tập*. Đó là tu. Tu không có gì lạ, mà chỉ khéo dụng công phu huân tập lời Phật dạy, từ từ lâu ngày thành thực. Ví như đóa hoa thơm để vào cái khăn, để vô lấy ra liền nó có thơm không? Phải để một khoảng thời gian, tự nhiên mùi hoa thấm vào khăn, hoa có mùi gì khăn có mùi ấy. Sở dĩ thấm được là nhờ để lâu, phút giây nào cũng có sự xông ướp, lâu ngày tự nhiên thấm dần. Sự tu tập của chúng ta cũng như vậy.

Chúng ta từ ngàn kiếp đến giờ cứ huân tập sai lầm, luôn cho thân này, cảnh này là thật, theo đó mà tham sân si đủ thứ bệnh. Huân tập sai lầm đã thấm tận xương tủy, thớ thịt nào cũng có sai lầm! Bây giờ nhờ đức Phật dạy chúng ta biết đó là bệnh, là gốc của luân hồi. Nhưng mới biết một lần, thì đâu thể hết cái ngàn năm huân tập kia. Một khi biết rồi, muốn không còn nhiễm nữa thì phải từ từ huân cái khác vào, đi đứng nằm ngồi, lúc nào cũng chăm chăm, nhớ thân này là hư giả, sự vật là hư giả, đừng buồn giận, đừng tham luyến. Đó là huân tập theo chiều giải thoát, ngược lại với ngày xưa là huân tập theo chiều luân hồi. Tỷ dụ trước kia chúng ta huân đồ hôi thối vào khăn, bây giờ muốn hết mùi hôi đó, thì trước phải giặt sạch, rồi để gần đồ thơm, lâu ngày thấm dần chứ không thể thơm ngay được. Sự huân tập như thế đâu có đơn giản, cần phải bền chí, tuy không có hình tướng mà lâu ngày thấm dần. Việc tu ở đây cũng thế, là nghĩa *huân tập* chứ không phải nghĩa nhanh chóng.

Nhiều người sức mạnh có thừa mà bền chí thì không, học pháp muốn tu được kết quả mau chóng, dầu chết thân cũng làm, bảo nhào vô lửa mà thành Phật liền

cũng dám nhào vô, còn tu mà thủng thủng từ từ thì ngán, xem thấy thân này là giả, ai chửi đừng giận... thì họ làm không được. Hiểu như vậy thật khó tu. Có nhiều người tự hủy hoại thân mình, mới nghe dường như gan lắm, nhưng với con mắt người hiểu đạo thấy đó là kẻ nhất nhất trên đời. Bởi vì họ không dám thấy những cái khổ ở trước mắt. Người gặp tất cả cảnh khổ đều chuyển được, mới thật là anh hùng; còn gặp cảnh chuyển không nổi, rồi đầu hàng là yếu đuối, là sai lầm. Đó là thiếu cặn. Theo quan niệm của tôi, chúng ta đừng làm việc bằng cách liêu, nên làm việc bằng cách bền chí. Cõi đời này khổ, dĩ nhiên ai cũng thấy như thế, nhưng tất cả khổ đến chúng ta vẫn không sợ, phải gan dạ chịu khổ và tìm cách thoát ra bằng sự huân tập pháp tịnh. Huân tập pháp tịnh là huân tập những pháp trong sạch, nói cách khác là trí tuệ hay chân như. Cứ bền bỉ lâu dần chúng ta sẽ giải thoát.

**Âm:**

**Vân hà huân tập khởi tịnh pháp bất đoạn? Sở vị dĩ hữu chân như pháp cố năng huân tập vô minh, dĩ huân tập nhân duyên lực cố, tác linh vọng tâm yểm sinh tử khổ nhạo cầu Niết-bàn. Dĩ thử vọng tâm hữu yểm cầu nhân duyên cố, tức huân tập chân như.**

**Dịch:**

*Thế nào là huân tập khởi pháp tịnh chẳng dứt? Nghĩa là do có pháp chân như hay huân tập vô minh, do sức nhân duyên huân tập ấy khiến cho*

***vọng tâm chán khổ sanh tử, ưa cầu Niết-bàn. Vì do vọng tâm này có sức nhân duyên chán và ưa cầu liền huân tập nơi chân như.***

### **Giảng:**

Có nhiều người nghe nói nếu còn dấy niệm là vọng, vọng là vô minh, rồi không biết phải tu làm sao. Khi chúng ta nói đời là vô thường, khổ, ý nghĩ đó cũng là vọng, nhưng vọng này là *huân thành pháp tịnh*. Còn nghĩ cuộc đời là vui, là thích, cũng là vọng, mà vọng này *huân theo pháp nhiễm*. Cả hai đều là vọng, không có cái nào là chân cả, vì chân thì không có dấy khởi. Nhưng một cái huân được tịnh, gọi là trí; cái huân theo nhiễm, gọi là tình. Chúng ta đã lỡ dấy nhiễm rồi, nếu không dấy tịnh để trừ thì làm sao tu!

Ví như có chiếc áo mới sạch sẽ, chúng ta có cần đem đi giặt không? Khi chúng ta mặc vào, áo bị dính mồ hôi bụi bặm, lúc này muốn sạch phải đem đi giặt. Vậy mặc áo là dụng, áo nhiễm dơ phải dùng xà bông vò tẩy cho sạch cũng là dụng. Một cái dụng đi lần về dơ, một cái dụng đi lần đến sạch sẽ của buổi đầu. Cũng như thế, chúng ta dùng *sức nhân duyên huân tập ấy khiến cho vọng tâm chán khổ sanh tử, ưa cầu Niết-bàn* mà huân lần lần. *Vì do vọng tâm này có sức nhân duyên chán và ưa cầu, liền huân tập nơi chân như*, rồi chúng ta sẽ về với chân như.

Khi tu chúng ta dùng vọng tâm biết thân này là giả, biết cảnh là hư dối. Do biết rõ như thế, chúng ta không giận, không tham, nên bao nhiêu phiền não lần

lần lạng xuống. Lạng xuống thì tâm không động, tức trở về tịnh, gọi là chân như. Đó gọi là vọng tâm huân tập trở về chân như. Thế nên, nói tu là nói đến *vọng tâm huân tập* chứ không phải *chân như huân tập*. Chân như có cần tu không? Nếu nói chân như tu là trật. Tu là dùng vọng huân tập để gỡ những thứ ô nhiễm, khi ô nhiễm hết rồi thì trở về chân như.

**Âm:**

**Tự tín kỷ tánh, tri tâm vọng động, vô tiền cảnh giới, tu viễn ly pháp. Dĩ như thật tri vô tiền cảnh giới cố, chủng chủng phương tiện khởi tùy thuận hạnh, bất thủ bất niệm, nãi chí cứu viễn huân tập lực cố, vô minh tắc diệt. Dĩ vô minh diệt cố tâm vô hữu khởi, dĩ vô khởi cố cảnh giới tùy diệt, dĩ nhân duyên câu diệt cố tâm tướng giai tận, danh đắc Niết-bàn thành tự nhiên nghiệp.**

**Dịch:**

*Tự tin nơi tánh mình, biết tâm vọng động, không có cảnh giới trước mặt (tiền trần) và tu pháp xa lìa (viễn ly). Do biết như thật không có cảnh giới trước mặt nên dùng các thứ phương tiện, khởi hạnh tùy thuận, không chấp không dấy niệm, cho đến hàng lâu xa, do sức huân tập nên vô minh diệt. Vì vô minh diệt nên tâm không khởi, vì tâm không khởi nên cảnh giới theo đó mà diệt, do nhân và duyên đều diệt nên tâm tướng đều hết, gọi là được Niết-bàn, thành tự nhiên nghiệp (thành Phật).*

**Giảng:**

Tạm chia các giai đoạn tu huân tập tịnh pháp như sau:

1. Tự tin mình có bản tánh chân như thanh tịnh, biết tâm khởi vọng niệm là đi trong sanh tử, chúng ta không theo nó.

2. Sở dĩ không lìa được cảnh trước mặt vì thấy nó thật, bây giờ nhận rõ tiền trần là hư dối không thật, chúng ta liền tập xa lìa, khiến các pháp không làm nhiệm ô được.

3. Muốn biết đúng như thật cảnh giới trước mặt hư giả, đầu tiên chúng ta phải quán tiền cảnh huyền vọng. Đến khi sức quán đã thuần thực, không cần quán cũng thấy quả quyết cảnh giới tiền trần không thật.

4. Do dùng phương tiện tiến tu, dần dần hạnh chúng ta tùy thuận chân như, không còn chấp thủ, không còn dấy niệm, được tâm thanh tịnh hằng lâu xa.

Từ khi chúng ta tin được mình có tự tánh bất sanh bất diệt (chân như), tin được như thế, không theo vọng tâm, đó là bước vào Tín địa. Từ Tín địa dần dần xét thấy tiền cảnh không thật, nội tâm xa lìa không đắm nhiễm, là Bồ-tát Thập hạnh và Thập hướng. Tu hạnh viển ly cho đến khi thấy như thật, nghĩa là biết cảnh hư giả, không gì có thể làm chúng ta ô nhiễm, đó là đến Sơ địa. Từ Sơ địa dùng mọi phương tiện để tùy thuận chân như, tiến tu cho đến dứt hết tất cả niệm, dứt được lâu dài gọi là Bồ-tát Thập địa.

5. Do sức dứt sạch hư vọng, vô minh dần dần diệt, tâm chúng ta không khởi nên cảnh giới cũng diệt. Nhân là vô minh, duyên là cảnh giới, cả hai đều diệt, nên tâm tướng theo đó hết. Đó là Niết-bàn, là thành Phật. Theo mười bức tranh chặn trâu, đây là giai đoạn mục đồng và con trâu không còn, nên gọi là tâm tướng hết, thành tựu được tự nhiên nghiệp.

Thứ lớp tu tập như vậy, nếu chúng ta không có duyên lành lớn thì không tin được chánh pháp Đại thừa, người tin được là có chủng tử rồi, tu tập dễ dàng bước lên hàng Bồ-tát Sơ tín tâm. Đó là một lối tu hết sức gọn, chúng ta chỉ nhắm ngay con đường duy nhất đó mà đi.

Nếu người xuất gia hay tại gia hằng ứng dụng pháp này, tin tự tâm mình có khả năng thành Phật - nói cách khác là có Phật tánh chân như, biết vọng tưởng và cảnh giới bên ngoài là hư giả không thật, đó gọi là biết tu. Song, chỉ có bao nhiêu việc đó mà cũng ít người thực hành, vì không chịu tin rằng mình có khả năng thành Phật. Vì không nhận vọng tưởng là vọng, không thấy cảnh ngoài là giả, nên khi tu vẫn dễ nhiễm sáu trần, không tiến đến giải thoát. Chúng tôi mong rằng tất cả những người có duyên được nghe, hiểu rõ pháp của Tổ dạy, phải gắng nỗ lực huân tu từng ngày, chắc chắn người nào rồi cũng sẽ tiến đến cứu cánh Niết-bàn, thành tựu nghiệp trí tự nhiên.

#### **i4.3. Vọng tâm huân tập**

**Âm:**

**Vọng tâm huân tập nghĩa hữu nhị chủng. Vân hà vi nhị?**

**Nhất giả phân biệt sự thức huân tập, y chư phàm phu Nhị thừa nhân đẳng, yếm sanh tử khổ, tùy lực sở năng, dĩ tiệm thú hướng Vô thượng đạo cố.**

**Nhị giả ý huân tập, vị chư Bồ-tát phát tâm dũng mãnh tốc thú Niết-bàn cố.**

**Dịch:**

*Nghĩa vọng tâm huân tập có hai thứ. Thế nào là hai?*

*Một là phân biệt sự thức huân tập, y nơi các phàm phu, Nhị thừa... nhằm chán khổ sanh tử, tùy sức khả năng mình lần lượt xu hướng đạo Vô thượng.*

*Hai là ý huân tập, nghĩa là các vị Bồ-tát phát tâm dũng mãnh chóng tiến đến Niết-bàn.*

**Giảng:**

*Phân biệt sự thức huân tập* nghĩa là dùng ý thức huân tu, chỉ cho hàng phàm phu và thánh nhân Nhị thừa chán khổ sanh tử, nỗ lực xu hướng vô thượng Bồ-đề, hoặc xu hướng chân như. Chử xu hướng này là tùy thuận chân như một cách tự nhiên, tức là tùy thuận theo đó trở về. Còn chử xu hướng theo nghĩa tìm kiếm tức còn mắc kẹt hình thức chạy theo rượt đuổi, nếu xu hướng chân như như thế là thuộc về tà. Tú tài Trương Chuyết có câu “Xu hướng chân như tổng thị tà”. Chúng ta vì chán khổ sanh tử, không mong đắm nhiễm, nên tùy thuận trở về chân như. Tùy thuận nghĩa là không theo vọng, không theo vọng thì lần lần được như.

*Ý huân tập, nghĩa là các vị Bồ-tát phát tâm dũng mãnh chóng tiến đến Niết-bàn. Đây là dùng ý huân tu. Chữ “ý” này không phải ý thức, mà chỉ cho phần vi tế của năm nghĩa ý đã nêu lên ở trước. Các vị Bồ-tát phát tâm mạnh mẽ tiến đến Niết-bàn đều gốc từ ý huân tập này.*

#### **i4.4. Chân như huân tập**

**Âm:**

**Chân như huân tập nghĩa hữu nhị chủng. Vân hà vi nhị? Nhất giả tự thể tướng huân tập, nhị giả dụng huân tập. Tự thể tướng huân tập giả, tòng vô thủy thế lai cụ vô lậu pháp, bị hữu bất tư nghì nghiệp tác cảnh giới chi tánh. Y thử nhị nghĩa hằng thường huân tập, dĩ hữu lực cố, năng linh chúng sanh yểm sanh tử khổ nhạo cầu Niết-bàn, tự tín kỷ thân hữu chân như pháp, phát tâm tu hành.**

**Dịch:**

*Nghĩa chân như huân tập có hai thứ. Thế nào là hai? Một là tự thể tướng huân tập, hai là dụng huân tập. Tự thể tướng huân tập là từ đời vô thủy đến nay đầy đủ các pháp vô lậu, sẵn đủ nghiệp bất tư nghì làm tánh cảnh giới. Y nơi hai nghĩa này hằng thường huân tập, do vì có sức mạnh hay khiến chúng sanh nhàm chán khổ sanh tử ưa cầu Niết-bàn, tự tin nơi thân mình có pháp chân như, phát tâm tu hành.*

**Giảng:**

Chân như làm sao huân tập? Đây nói rõ chân như lúc nào cũng có khả năng huân tập, chỉ vì chúng ta không biết, không để ý. Chân như huân tập có hai phần:

**\* Tự thể tướng huân tập**

*Tự thể tướng huân tập* là sức huân tập từ bên trong, do từ vô thủy đến nay chúng ta có sẵn đủ các pháp vô lậu và tất cả nghiệp bất tư nghi, vì tự thể sẵn đủ nên y theo đó mà huân tập mãi mãi. Như thế, trước nói do vọng huân tập nên chúng ta cần quán chiếu huân tập để trở về chân, còn thể chân như bất động này làm sao huân tập? Thật ra tất cả chúng ta đều không hài lòng với cái tạm bợ hư giả nay còn mai mất nên ai cũng muốn tìm cái chân thật bất sanh bất diệt.

Nếu không có thể hằng còn, làm sao khởi dụng muốn tìm? Vì có nên mới huân tập. Tuy thể chân như có sẵn nhưng bị mây mờ vọng tưởng che lấp, chỗ nào mây mỏng thì lóe một chút sáng, do đó chúng ta mới khởi dụng tìm ánh sáng. Thế nên ngay nơi tâm tánh chúng ta có đầy đủ chân như hay Phật tánh thường còn, nó khiến chúng ta không hài lòng khi bị vô minh che lấp, thấy cần phải tìm lại nguồn chân. Bao nhiêu triết gia học giả cố công tìm kiếm, vẫn chưa biết tìm ở đâu. Nếu thật không có thể chân như bất biến, chúng ta không thể tu tập trở về nguồn chân thường hằng! Bởi sẵn có, nên khi khởi ý tìm trở lại gọi là *tự thể tướng huân*. Thế nên biết rằng, chúng ta tu hành được đều là do hai phần huân của chân như là tự thể tướng huân và nghiệp bất tư nghi huân.

Nhờ hai sức huân tập này, chúng ta có sức mạnh tìm cầu giải thoát. Chúng ta biết khởi tu là trong chân như phát ra những khả năng, những động lực khiến chúng ta thức tỉnh tu hành.

Nếu nói rằng, mỗi người đều sẵn có thể tướng chân như huân tập, vậy lý đáng người nào cũng bình đẳng được huân như nhau, do bình đẳng huân tập nên tất cả đều đồng tu được và đồng thành Phật. Nhưng ở thế gian không bình đẳng. Vì vậy đây đặt câu hỏi để giải nghi.

**Âm:**

**Vấn viết:** Nhược như thị nghĩa giả, nhất thiết chúng sanh tất hữu chân như đẳng giai huân tập, vân hà hữu tín, vô tín, vô lượng tiền hậu sai biệt? Giai ưng nhất thời tự tri hữu chân như pháp, cần tu phương tiện đẳng nhập Niết-bàn?

**Đáp viết:** Chân như bản nhất, nhi hữu vô lượng vô biên vô minh, từng bản dĩ lai tự tánh sai biệt hậu bạc bất đồng cố. Quá hăng sa đẳng thượng phiền não y vô minh khởi sai biệt, ngã kiến ái nhiễm phiền não y vô minh khởi sai biệt. Như thị nhất thiết phiền não y ư vô minh sở khởi, tiền hậu vô lượng sai biệt, duy Như Lai năng tri cố.

**Dịch:**

**Hỏi:** Nếu nghĩa như thế, tất cả chúng sanh thảy đều có chân như đồng đều được huân tập, tại sao có người tin, có người không tin, vô lượng sự sai biệt

*trước sau? Lẽ ra đều nên đồng thời tự biết có pháp chân như, siêng tu các phương tiện và đồng thời vào Niết-bàn?*

**Đáp:** *Chân như vốn là một, nhưng có vô lượng vô biên vô minh từ xưa đến nay tự tánh sai biệt, dày mỏng chẳng đồng. Lại có những phiền não bậc thượng nhiều hơn số cát sông Hằng, y nơi vô minh mà khởi sai biệt, những phiền não như ngã kiến, ngã ái, y nơi vô minh mà khởi sai biệt. Tất cả phiền não như thế y nơi vô minh mà khởi lên trước sau vô lượng sai biệt, chỉ có Như Lai mới hay biết được.*

### **Giảng:**

Thiết lập nghi vấn này để giải thích sự sai biệt trên đường tu. Nếu như mỗi người đều có tự thể chân như huân tập đồng đều, khiến cho người nào cũng được tu hành, mỗi người đều bình đẳng cùng vào Niết-bàn một lượt không có gì sai biệt. Song tại sao hiện thấy có vô lượng sự sai biệt?

Tổ đáp rằng: Chân như chỉ có một, vô minh thì có vô lượng vô biên. Tại sao? Khi chúng ta dấy niệm, mỗi niệm dấy khởi là một tướng trạng của vô minh. Khi tất cả niệm ấy lặng xuống, lúc đó tạm nói một vì đối với nhiều, sự thật một cũng không còn, vì thế nói *chân như vốn là một, mà vô minh có vô lượng vô biên* không tính hết được. Từ xưa đến nay tự tánh của vô minh sai biệt vô cùng, dấy lên trùng trùng điệp điệp. Tùy sự huân tập mà có vô minh dày hay mỏng. Nếu dày thì chân như huân rất lâu mới thấy tánh giác, mỏng thì mau thấy.

Như khi mây che bầu trời, nếu mây dày chúng ta thấy bầu trời đen nghịt, mây hơi mỏng thì thấy bầu trời sáng mờ mờ. Cũng vậy, tuy chúng ta đều có chân như huân tập, nhưng có quá nhiều vô lượng vô biên phiền não, cũng không cố định người nào giống người nào, sai biệt tùy mức độ vô minh. Vì lẽ đó nên tuy đồng có chân như huân, mà kẻ tu trước người tu sau, kẻ thành Phật trước người thành Phật sau không đồng. Luận nói: *Có những phiền não bậc thượng nhiều hơn cát sông Hằng, y nơi vô minh mà khởi sai biệt, những nhiễm phiền não như là ngã kiến, ngã ái... đều y vô minh mà khởi sai biệt. Chỉ có Như Lai mới biết được hết.* Chúng ta có thể tự mình biết được mọi người có bao nhiêu phiền não chăng? Ít ai biết được phần duyên lành và phần phiền não của chúng sanh, vì vậy chúng ta không nên khinh thường ai cả.

**Âm:**

**Hựu chư Phật pháp hữu nhân hữu duyên, nhân duyên cụ túc nãi đắc thành biện. Như mộc trung hỏa tánh thị hỏa chánh nhân, nhược vô nhân tri, bất giả phương tiện năng tự thiêu mộc, vô hữu thị xứ.**

**Chúng sanh diệc nhĩ, tuy hữu chánh nhân huân tập chi lực, nhược bất tri ngộ chư Phật Bồ-tát thiện tri thức đẳng dĩ chi vi duyên, năng tự đoạn phiền não nhập Niết-bàn giả, tắc vô thị xứ.**

**Nhược tuy hữu ngoại duyên chi lực, nhi nội tịnh pháp vị hữu huân tập lực giả, diệc bất năng cứu cánh yểm sanh tử khổ nhạo cầu Niết-bàn.**

Nhược nhân duyên cụ túc giả, sở vị tự hữu huân tập chi lực, hựu vi chư Phật Bồ-tát đẳng từ bi nguyện hộ cố, năng khởi yểm khổ chi tâm, tín hữu Niết-bàn, tu tập thiện căn. Dĩ tu thiện căn thành thực cố, tác trị chư Phật Bồ-tát thị giáo lợi hỷ, nãi năng tiến thú hướng Niết-bàn đạo.

**Dịch:**

*Lại Phật pháp có nhân có duyên, nhân duyên đầy đủ mới được thành tựu. Như trong cây có tánh lửa, lửa ấy là chánh nhân, nếu không có người biết, không nhờ phương tiện mà tự lửa đó hay đốt cây, thì trọn không có lý vậy. Chúng sanh cũng vậy, tuy có sức chánh nhân (chân như) huân tập, nếu chẳng gặp chư Phật Bồ-tát, thiện tri thức... làm trợ duyên mà hay tự đoạn phiền não vào Niết-bàn thì trọn không có lý vậy.*

*Nếu tuy có sức trợ duyên bên ngoài mà tịnh pháp bên trong chưa có sức huân tập thì cũng không thể rốt ráo nhằm chán khổ sanh tử mà ưa cầu Niết-bàn.*

*Nếu nhân duyên đầy đủ, nghĩa là tự mình có sức huân tập, lại nhờ chư Phật Bồ-tát... từ bi nguyện lực hộ trì, nên hay khởi tâm nhằm chán đau khổ, tin có Niết-bàn và tu tập những căn lành. Do tu tập những căn lành được thành thực, khi gặp chư Phật, chư Bồ-tát chỉ dạy điều lợi ích tốt lành, mới hay tiến thẳng đến đạo Niết-bàn.*

**Giảng:**

*Lại Phật pháp có nhân có duyên, nhân duyên đầy đủ mới được thành tựu.* Đứng về mặt vô minh vì dày mỏng sai biệt nên sự huân của chân như cũng có sai biệt. Đứng về nhân duyên tu hành, tuy người nào cũng có chánh nhân, nhưng không có trợ duyên thì chánh nhân không phát được. Chánh nhân là mầm chỉ cho chân như, trợ duyên là mầm chỉ cho phương tiện như thầy bạn, kinh sách... trợ giúp cho chúng ta. Nên đây nói rằng, *như biết trong cây có tánh lửa, lửa là chánh nhân, nếu không có người biết dùng những phương tiện thì lửa trong cây không thể phát ra được.* Nghĩa là chúng ta dùng hai cây cọ xát nhau, rồi nhờ bụi nhùi làm môi, lửa mới phát cháy. Như vậy, tuy sẵn có chánh nhân là lửa trong cây, nếu không có phương tiện cọ và bụi nhùi thì lửa không phát ra. Cũng thế, chúng ta tu hành tuy ai nấy đều có chân như huân tập, nếu không có trợ duyên thì khó thành tựu. Song trợ duyên có người gặp người không gặp, nên có người phát người không phát.

Nếu được trợ duyên là Phật Bồ-tát, thiện hữu tri thức... bên ngoài chỉ dạy, mà chúng ta thật không có chánh nhân tịnh pháp bên trong, dù dạy đến đâu chúng ta cũng không tu thành tựu được. Thế nên nếu *tịnh pháp bên trong chưa có sức huân tập, thì cũng không thể rốt ráo nhàm chán khổ sanh tử, biết cảnh bên ngoài là giả, biết ưa cầu vui Niết-bàn, mong muốn trở về cội gốc chân thật.*

Thí dụ chúng ta có một món trang sức quý bằng ngọc thật, có người hàng xóm đem lại cho em chúng ta một món trang sức hình dáng tương tự, nhưng là đồ giả.

Vì không biết đồ giả nên nó mừng, quý, còn chúng ta thấy đồ giả đó không ham. Cũng vậy, nhận biết mình có thể tánh chân tâm bất sanh bất diệt, chúng ta mới xem thường thân này, xem thường ngoại cảnh và xem thường vọng tâm. Vì biết nó giả dối tạm bợ mới phát tâm cầu xa lìa sanh tử khổ, mong được vui Niết-bàn.

Nhân và duyên hai thứ không thể thiếu, hai thứ ấy đầy đủ thì chuyện trở về thành công. Còn người nào không đầy đủ, người đó chưa trở về được. Vì vậy nên có kẻ trở về trước, người trở về sau. Kẻ vô minh dày tuy biết trở về nhưng trễ muộn, kẻ vô minh mỏng biết trở về liền mau đến nhà. Đó là chỗ sai biệt.

Ngoài chánh nhân và trợ duyên chúng ta còn cần được sức từ bi hộ trì của chư Phật Bồ-tát, sự tu tập sẽ mau tiến. Người được như vậy gọi là thiện căn thuần thực, vui thích tu thẳng tiến đến Niết-bàn.

### \* Dụng huân tập

**Âm:**

**Dụng huân tập giả, tức thị chúng sanh ngoại duyên chi lực. Như thị ngoại duyên hữu vô lượng nghĩa, lược thuyết nhị chủng. Vân hà vi nhị? Nhất giả sai biệt duyên, nhị giả bình đẳng duyên.**

**Dịch:**

*Dụng chân như huân tập là sức ngoại duyên của chúng sanh. Ngoại duyên như thế có vô lượng nghĩa, lược nói có hai thứ. Thế nào là hai? Một là duyên sai biệt, hai là duyên bình đẳng.*

**Giảng:**

Dụng chân như huân tập là sức ngoại duyên của chúng sanh. Sức ngoại duyên có rất nhiều, đây tạm kể có hai thứ duyên là bình đẳng và sai biệt.

**+ Duyên sai biệt****Âm:**

Sai biệt duyên giả, thử nhân y ư chư Phật Bồ-tát đẳng, tòng sơ phát ý thủy cầu đạo thời nãi chí đắc Phật, ư trung nhược kiến nhược niệm, hoặc vi quyến thuộc phụ mẫu chư thân, hoặc vi cấp sử, hoặc vi tri hữu, hoặc vi oan gia, hoặc khởi tứ nhiếp, nãi chí nhất thiết sở tác vô lượng hạnh duyên, dĩ khởi đại bi huân tập chi lực, năng linh chúng sanh tăng trưởng thiện căn, nhược kiến nhược văn đắc lợi ích cố.

**Dịch:**

*Về duyên sai biệt là, người này y nơi chư Phật Bồ-tát từ khi sơ phát ý cầu đạo cho đến khi thành Phật, ở trong khoảng đó hoặc thấy hoặc nghĩ, hoặc làm quyến thuộc, cha mẹ, những người thân, hoặc làm kẻ tôi tớ, hoặc làm bạn bè, hoặc làm kẻ oán thù, hoặc khởi tứ nhiếp pháp, cho đến tất cả việc làm vô lượng hạnh duyên, vì khởi sức đại bi huân tập, hay khiến cho chúng sanh đó tăng trưởng thiện căn, hoặc thấy hoặc nghe đều được lợi ích.*

**Giảng:**

Duyên bên ngoài là sự giúp đỡ ủng hộ của quyến thuộc hoặc thầy bạn, thiện tri thức. Người này luôn luôn

được chư Phật chư Bồ-tát hay chư thiện tri thức ở bên cạnh mình để giúp đỡ, hướng dẫn. Chư thiện tri thức có mặt trong mọi trường hợp:

1. *Cha mẹ*, như có nhiều bậc cha mẹ muốn cho con tu, dạy cho con tu.

2. *Người thân*, như bà con quyến thuộc của chúng ta phát tâm tu, nhân đó làm duyên khiến mình cũng phát tâm tu.

3. *Tôi tớ*, trường hợp này hơi khó thấy, có khi làm tôi tớ để khuyến khích chúng ta tu.

4. *Bạn bè*, cùng kết duyên với nhau để chỉ dẫn chúng ta tu.

5. *Oán thù*, trường hợp này khó nhất, cũng để giúp chúng ta tu.

Trường hợp thiện tri thức làm oán thù này chúng ta rất dễ lầm. Thí dụ có một Phật tử siêng năng sáng chiều đi chùa, nghe kinh học đạo cần mẫn, bỗng người ấy bị láng giềng chửi mắng là giả bộ đạo đức... Lúc đó người siêng năng đi chùa phải đối xử làm sao? Nếu biết người chửi là thiện tri thức của mình, nói mình giả bộ đạo đức thì mình phải đạo đức thật. Từ đây về sau có ai chửi mình cũng làm thinh, như vậy người chửi mắng là thiện hữu tri thức, tạo điều kiện cho chúng ta tiến tu.

Trường hợp khác, có người buôn bán giàu có của cải bạc tỷ, thành lành gặp một người bạn hùn hạp

làm ăn tin tưởng quá, nên đưa một số tiền lớn cho họ. Thời gian sau, người này trốn luôn không trả. Vì bị mất hết tiền bạc nên người kia buồn, vào chùa xin tu. Như vậy người giạt tiền đó là thiện tri thức, làm duyên tốt cho chúng ta tu. Tu rồi chúng ta không còn hờn giận người kia nữa, nếu còn buồn giận đó là chúng ta giận buồn Bồ-tát. Thế nên có những trường hợp chúng ta không ngờ người đó là thiện tri thức của mình. Không ngờ vì Bồ-tát thị hiện không nói trước, các ngài làm nhiều hạnh thuận nghịch khác nhau, miễn là giúp chúng ta tu được. Có khi các ngài làm chúng ta khổ, có khi lại mắng chửi, hoặc khuyến khích... Vì vậy, dù là oan gia, là kẻ thù cũng là duyên tốt cho chúng ta, nên phải mang ơn thiện tri thức. Chính cảnh đau khổ đó nuôi dưỡng ý chí giải thoát cho chúng ta. Đó là trong cái xấu biến thành tốt, trong cái dở biến thành hay. Hiểu như thế rồi thì trong trường hợp nào chúng ta cũng tu được cả.

6. Trường hợp *khởi tứ nhiếp pháp*, đó là những vị thiện tri thức ứng dụng bốn pháp, bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự để nhiếp độ chúng ta.

*Cho đến tất cả việc làm tạo vô lượng hạnh duyên, vì khởi sức đại bi huân tập, hay khiến chúng sanh đó tăng trưởng căn lành, hoặc là thấy hoặc là nghe đều được lợi ích.*

Nói về duyên sai biệt chúng ta không thể lường được. Thế nên ai bị người làm khổ, bây giờ được đi tu, phải mang ơn người ấy nhiều.

**Âm:**

**Thử duyên hữu nhị chủng. Vân hà vi nhị? Nhất giả cận duyên, tốc đắc độ cố. Nhị giả viễn duyên, cửu viễn đắc độ cố. Thị cận viễn nhị duyên, phân biệt phục hữu nhị chủng. Vân hà vi nhị? Nhất giả tăng trưởng hạnh duyên, nhị giả thọ đạo duyên.**

**Dịch:**

*Duyên sai biệt này lại có hai thứ. Thế nào là hai? Một là duyên gần vì chóng được độ. Hai là duyên xa vì lâu xa mới được độ. Hai duyên gần xa ấy, phân biệt lại có hai thứ. Thế nào là hai? Một là duyên tăng trưởng hạnh, hai là duyên thọ đạo.*

**Giảng:**

Trong duyên sai biệt đó, các ngài làm nhiều cách vì tùy theo từng trường hợp nhân duyên của chúng sanh. Trường hợp nào chúng ta thấy nghe đều là duyên tốt để tu, trong đó có duyên gần và duyên xa. Gần là gặp duyên rồi chúng ta phát tâm tu liền. Xa là phải trải qua một thời gian lâu xa chúng ta mới phát tâm tu. Thí dụ có người đến chỉ dạy đạo lý, nghe xong chúng ta liền phát tâm tu ngay. Có người biếu quyển sách để chúng ta xem, lâu ngày thấm dần, chúng ta mới phát tâm tu. Vậy người trực tiếp nói đạo lý, chúng ta phát tâm tu là *duyên gần*. Người biếu quyển sách cho chúng ta xem là *duyên xa*. Ngoài ra còn nhiều trường hợp khác cũng như thế, đó là *duyên tăng trưởng hạnh*.

*Duyên thọ đạo* là duyên làm cho chúng ta tăng trưởng những đạo đức liền, hay có khi giúp chúng ta nhận ra được đạo lý, rồi từ từ sau đó chúng ta mới phát tâm tu.

### + Duyên bình đẳng

#### Âm:

**Bình đẳng duyên giả, nhất thiết chư Phật Bồ-tát giai nguyện độ thoát nhất thiết chúng sanh, tự nhiên huân tập hằng thường bất xả. Dĩ đồng thể trí lực cố, tùy ứng kiến văn nhi hiện tác nghiệp. Sở vị chúng sanh y ư tam-muội, nãi đắc bình đẳng kiến chư Phật cố.**

#### Dịch:

*Duyên bình đẳng là tất cả chư Phật Bồ-tát đều nguyện độ thoát tất cả chúng sanh, tự nhiên thường hằng huân tập không rời bỏ. Do dùng sức trí đồng thể, tùy ứng hợp thấy nghe mà hiện ra các việc làm. Đó gọi rằng chúng sanh y nơi tam-muội mới được bình đẳng thấy chư Phật.*

#### Giảng:

Duyên bình đẳng là duyên thể nguyện độ tất cả chúng sanh của chư Phật chư Bồ-tát, các ngài không nguyện độ riêng một người nào, nên gọi là thể nguyện bình đẳng. Song hiện tại trên sự tương chúng ta thấy Phật độ có bình đẳng không?

Như theo kinh A-hàm, có ngoại đạo đến hỏi Phật: Cù-đàm! Ngài có đại bi đại nguyện độ tất cả chúng sanh phải không? Phật đáp: Phải. Ông liền bẻ lại: Nếu ngài có đại bi nguyện độ tất cả chúng sanh, vì sao đi đâu ngài cũng dẫn theo các đệ tử, cũng chỉ nói pháp cho họ nghe, còn tất cả những người khác ngài không nói và họ cũng chưa được nghe? Phật hỏi lại: Như người nông phu làm ruộng, ruộng của họ có nhiều thửa, hoặc ở dưới sâu, hoặc trên gò, hoặc phì nhiêu, hoặc chai cằn..., vậy người nông phu biết làm ruộng, trước phải lo làm những thửa ruộng nào? Ngoại đạo đáp: Nếu đầu mùa mưa phải lo làm thửa ruộng dưới sâu trước, cày cấy mảnh ruộng phì nhiêu trước, còn những mảnh ruộng chai cằn hoặc ở trên gò dần dần làm sau. Phật nói: Cũng thế, ta có đại nguyện độ tất cả chúng sanh. Những chúng sanh nào có duyên thuận thực ta độ trước, những chúng sanh duyên chưa thuận nhiều hay thuận thực một phần nào, ta độ kế đó, những chúng sanh duyên rất mỏng ít, từ từ ta sẽ độ sau, và làm duyên để cho họ được độ. Như vậy, ta đều có nguyện độ tất cả.

Chư Phật lúc nào cũng bình đẳng, chỉ vì căn cơ chúng sanh không đồng. Người có duyên nói họ nghe thì nói với họ trước, còn người chưa chịu nghe thì thủng thảng từ từ, đến khi nào họ phát tâm chịu nghe chúng ta mới nói. Cho nên nguyện thì khắp nhưng độ thì tùy duyên tùy căn cơ. Ý nghĩa duyên bình đẳng của chư Phật là vậy.

Như tôi đang nói pháp đây, đối với tất cả quý vị đều bình đẳng, nhưng không chắc quý vị về tu giống hệt nhau.

Có người tu tiến, có người chậm chậm, có người thả rề, nước chảy lên trôi lên, nước chảy xuống trôi xuống... Khi người tinh tấn đến xin tôi chỉ dạy, tôi khuyến khích họ tu thêm. Còn người thả rề đến, lâu lâu gặp mặt thì chào, không biết nói gì! Như thế không trách Phật bất công. Tại sao thấy như người này được sự ủng hộ của Phật còn người kia vô phần? Đó là tại chúng ta, vậy nên trách mình đừng trách người khác.

*Chúng sanh y nơi tam-muội mới được bình đẳng thấy chư Phật.* Khi chúng ta ở trong chánh định, lúc đó mọi người đều bình đẳng thấy Phật, nếu còn chạy theo phân biệt lăng xăng là còn ở trong sai biệt, mỗi người có cái thấy khác nhau.

**\* Thể dụng huân tập**

**Âm:**

**Thử thể dụng huân tập, phân biệt phục hữu nhị chủng. Vân hà vi nhị?**

**Dịch:**

*Thể dụng huân tập này phân biệt lại có hai thứ. Thế nào là hai?*

**+ Chưa tương ứng**

**Âm:**

**Nhất giả vị tương ứng, vị phạm phu Nhị thừa, Sơ phát ý Bồ-tát đẳng, dĩ ý, ý thức huân tập, y tín lực cố nhi năng tu hành, vị đắc vô phân biệt tâm dữ thể tương ứng cố, vị đắc tự tại nghiệp tu hành dữ dụng tương ứng cố.**

**Dịch:**

*Một là chưa tương ứng, nghĩa là hàng phàm phu, Nhị thừa, Sơ phát ý Bồ-tát... do ý, ý thức huân tập, y nơi sức tin mà tu hành, chưa được tâm vô phân biệt cùng với thể tương ứng và chưa được tu hành nghiệp tự tại cùng với dụng tương ứng.*

**Giảng:**

Chưa tương ứng chỉ cho hàng phàm phu, Nhị thừa và Bồ-tát mới phát tâm... vì khi tu dùng ý, ý thức huân tập, y nơi sức tin mà tu, nên chưa được tâm vô phân biệt, vì vậy chưa tương ứng với thể chân như. Các vị này cũng chưa được sức tu hành tự tại, nhà thiền gọi là hôn nhiên mặc áo ăn cơm, vì vậy cũng chưa được tương ứng với dụng chân như.

Như thế, chúng ta muốn cùng với thể dụng chân như tương ứng thì phải được tâm vô phân biệt. Song hiện nay chúng ta còn dùng ý và ý thức để gián trạch thật giả nên chưa được tâm vô phân biệt.

**+ Đã tương ứng****Âm:**

**Nhị giả dĩ tương ứng, vị Pháp thân Bồ-tát đắc vô phân biệt tâm, dĩ chư Phật trí dụng tương ứng, duy y pháp lực tự nhiên tu hành, huân tập chân như, diệt vô minh cố.**

**Dịch:**

*Hai là đã tương ứng, nghĩa là Pháp thân Bồ-tát được tâm vô phân biệt cùng với trí dụng của chư Phật*

***tương ứng, chỉ y nơi pháp lực tự nhiên tu hành, huân tập chân như và diệt vô minh.***

**Giảng:**

Đã tương ứng chỉ cho hàng Bồ-tát từ Sơ địa trở lên, phá một phần vô minh, chứng một phần pháp thân, nên gọi là Pháp thân Bồ-tát. Do được một phần pháp thân, dần dần các ngài được tâm vô phân biệt, liền cùng với trí dụng của chư Phật tương ứng.

Có nhiều vị ngòi thiên sau thời gian năm bảy tháng, đến than với tôi rằng ngòi thiên cứ thấy vọng tưởng hoại, không hết. Hết vọng tưởng là được tâm vô phân biệt, là Bồ-tát Sơ địa. Mới tu có mấy tháng mà muốn làm Bồ-tát Sơ địa! Đâu có đơn giản như vậy. Phải bền chí tu tập, vọng tưởng sẽ mỏng dần, đến khi được vô phân biệt lặng lẽ như như, lúc đó bắt đầu thấy pháp thân, là Bồ-tát Sơ địa. Chúng ta phải hiểu rõ, đừng chán sợ vọng tưởng. Biết được vọng tưởng là quá hay rồi, hồi xưa không biết vọng tưởng, không biết buông bỏ, bây giờ lại muốn nó hết liền là quá tham.

*Chỉ y theo pháp lực tự nhiên tu hành, huân tập chân như và diệt vô minh.* Diệt hết vô minh là thành Phật. Nên hiểu đường lối tu hành của chúng ta là lối đi thẳng tắt, không có những hình ảnh mâu nhiệm hấp dẫn, chỉ hết vọng tưởng là xong việc. Cứ tu tập một đường như thế, chừng nào được tâm vô phân biệt, dứt vô minh thì tâm sáng ngời. Còn nghe tu ít tháng có thần thông, vài tháng thấy Phật Bồ-tát hiện... nghe như hay lắm nhưng là con đường quanh co, không có thật.

## j. Nghĩa huân tập của pháp nhiệm và pháp tịnh

### Âm:

Phục thứ, nhiệm pháp tùng vô thủy dĩ lai huân tập bất đoạn, nãi chí đắc Phật hậu tắc hữu đoạn. Tịnh pháp huân tập tắc vô hữu đoạn, tận ư vị lai. Thử nghĩa vân hà? Dĩ chân như pháp thường huân tập cố, vọng tâm tắc diệt, pháp thân hiển hiện, khởi dụng huân tập, cố vô hữu đoạn.

### Dịch:

*Lại nữa, pháp nhiệm từ vô thủy đến nay huân tập không dứt, cho đến được thành Phật thì có dứt. Pháp tịnh huân tập thì tột đời vị lai không có đoạn dứt. Nghĩa này thế nào? Do pháp chân như thường huân tập nên vọng tâm phải diệt, pháp thân hiển hiện, khởi dụng huân tập nên không có dứt.*

### Giảng:

Nghĩa huân tập của pháp nhiệm có cùng tận, pháp tịnh huân tập không cùng tận. Vô minh thì vô thủy hữu chung, chân như thì vô thủy vô chung. Tại sao? Vì pháp nhiệm huân tập khởi lên từ vô thủy, đến khi chúng ta tu hành thành Phật, pháp nhiệm chấm dứt. Nhân của vô minh nhiệm ô do mê chân mà khởi, hết nhiệm thì chân hiện nên sự huân tập của pháp nhiệm phải dứt. Nếu không hết pháp nhiệm không gọi là Phật. Như thế, trước kia bản giác là thanh tịnh, đến khi thành Phật càng thuần tịnh hơn. Vì *pháp chân như thường huân tập, nên vọng tâm phải diệt, pháp thân được hiển hiện.*

Do pháp thân hiển bày nên sự huân tập của pháp tịnh không bao giờ đoạn diệt. Pháp tịnh luôn luôn tăng trưởng, vì thế chư Phật Bồ-tát có đại dụng bất tư nghì, độ sanh vô cùng tận.

### **k. Thể đại và Tướng đại của chân như**

**Âm:**

**Phục thứ, chân như tự thể tướng giả, nhất thiết phàm phu, Thanh văn Duyên giác, Bồ-tát chư Phật vô hữu tăng giảm, phi tiền tế sanh phi hậu tế diệt, tất cánh thường hằng. Tùng bản dĩ lai tánh tự mãn túc nhất thiết công đức.**

Sở vị tự thể hữu đại trí tuệ quang minh nghĩa cố, biến chiếu pháp giới nghĩa cố, chân thật thức tri nghĩa cố, tự tánh thanh tịnh tâm nghĩa cố, thường lạc ngã tịnh nghĩa cố, thanh lương bất biến tự tại nghĩa cố. Cụ túc như thị quá ư hằng sa bất ly, bất đoạn, bất dị, bất tư nghì Phật pháp, nãi chí mãn túc vô hữu sở thiếu nghĩa cố, danh vi Như Lai tàng, diệc danh Như Lai pháp thân.

**Dịch:**

*Lại nữa, tự thể tướng chân như ở nơi tất cả phàm phu, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, chư Phật, không có thêm bớt, không phải mé trước có sanh, không phải mé sau có diệt, cứu cánh thường hằng. Xưa nay tự tánh đầy đủ tất cả công đức.*

*Nghĩa là tự thể chân như vì có nghĩa đại trí tuệ quang minh, vì có nghĩa soi khắp pháp giới, vì có nghĩa nhận biết chân thật, vì có nghĩa tự tánh*

*thanh tịnh tâm, vì có nghĩa thường lạc ngã tịnh, vì có nghĩa thanh lương bất biến tự tại, đầy đủ Phật pháp không thể nghĩ bàn như thế quá số cát sông Hằng, không lìa, không đoạn, không khác, cho đến vì các nghĩa đầy đủ không chỗ thiếu nên gọi là Như Lai tàng, cũng gọi là Như Lai pháp thân.*

### **Giảng:**

Tự thể tướng chân như là tự thể tướng Đại thừa. Tự thể tướng này nơi tất cả hàng phàm phu, Nhị thừa, Bồ-tát, chư Phật không thêm bớt, không phải trước sanh sau có diệt, cũng không phải trước diệt bây giờ sanh. Tự tánh cứu cánh này thường hằng, xưa nay đầy đủ tất cả công đức, không riêng Phật mới có, phàm phu cũng có đầy đủ. Sở dĩ sai biệt vì Phật giác ngộ hoàn toàn Phật tánh, phàm phu thì mê hoàn toàn Phật tánh ấy.

Phật tánh đầy đủ vô lượng công đức, vì có các nghĩa *trí tuệ lớn sáng suốt, soi khắp cả pháp giới...* cho đến sau cùng là nghĩa *thanh lương bất biến tự tại*. Chân như đầy đủ vô lượng công đức, vô minh cũng đầy đủ vô lượng vô biên nghiệp sai biệt, biến hiện đủ thứ. Vô minh là tối tăm si mê, ngược lại chân như là đại trí tuệ quang minh. Bản chất của chân như và vô minh ngược nhau, khi vô minh khởi thì che lấp tất cả diệu dụng của chân như, khi vô minh hết thì bao nhiêu diệu dụng của chân như đều hiển lộ. Chân như có đầy đủ tất cả Phật pháp như cát sông Hằng, gọi là *Như Lai tàng*, là pháp thân hay *Như Lai pháp thân*. Như thế không phải khi trở về chân như là lặng yên không ngợ, mà lúc ấy đầy đủ vô lượng vô biên công đức.

**Âm:**

**Vấn viết:** Thượng thuyết chân như, kỳ thể bình đẳng ly nhất thiết tướng, vân hà phục thuyết thể hữu như thị chủng chủng công đức?

**Đáp viết:** Tuy thật hữu thử chư công đức nghĩa, nhi vô sai biệt chi tướng, đẳng đồng nhất vị, duy nhất chân như. Thử nghĩa vân hà? Dĩ vô phân biệt ly phân biệt tướng, thị cố vô nhị.

**Dịch:**

*Hỏi: Trước nói thể chân như bình đẳng là tất cả tướng, nay tại sao lại nói thể ấy có những công đức như thế?*

*Đáp: Tuy thật có các nghĩa của những công đức này mà tướng của nó không có sai biệt, thấy đồng một vị, chỉ một chân như. Nghĩa này thế nào? Bởi do vô phân biệt là tướng phân biệt nên không có hai.*

**Giảng:**

Ý câu hỏi là pháp thân Như Lai vốn bình đẳng, vì sao lại có vô lượng công đức diệu dụng như thế.

Đứng về mặt lý thể thì chân như đầy đủ công đức mà vẫn bình đẳng vì không có tướng sai biệt. Đứng về phương diện diệu dụng thì tuy có nhiều công đức nhưng không có tướng sai biệt.

Thí dụ mặt biển có nhiều lượn sóng dấy lên, dụng của nó không lường được. Các lượn sóng hình tướng

cao thấp sai khác, có những đợt sóng nhỏ lao xao hoặc sóng lớn làm chìm ghe tàu, hoặc khi sóng đùa giúp ghe tàu đi nhanh... Khi lặng sóng trở về thể nước không còn tướng nào của sóng, chỉ còn nước nâng đỡ tàu thuyền. Cũng như vậy, cái dụng của mê dấy lên bao nhiêu thứ sai biệt, khi mê hết diệu dụng của trí cũng đầy đủ bấy nhiêu thứ tốt đẹp. Thế nên khi trở về chân như là vô phân biệt, vì vô phân biệt nên bình đẳng, bình đẳng mà có đầy đủ tất cả công đức.

### **Âm:**

**Phục dĩ hà nghĩa đặc thuyết sai biệt? Dĩ y nghiệp thức, sanh diệt tướng thị. Thử vân hà thị? Dĩ nhất thiết pháp bản lai duy tâm, thật vô ư niệm, nhi hữu vọng tâm bất giác khởi niệm, kiến chư cảnh giới cố thuyết vô minh. Tâm tánh bất khởi, tức thị đại trí tuệ quang minh nghĩa cố. Nhược tâm khởi kiến, tắc hữu bất kiến chi tướng. Tâm tánh ly kiến, tức thị biến chiếu pháp giới nghĩa cố.**

### **Dịch:**

*Lại do nghĩa gì mà nói sai biệt? Vì y nơi nghiệp thức mà có tướng sanh diệt hiện bày. Chỗ này làm sao tỏ bày? Do tất cả pháp xưa nay chỉ là tâm, thật không có niệm, mà có vọng tâm bất giác niệm dấy khởi, thấy các cảnh giới, nên gọi là vô minh. Tâm tánh không khởi tức nghĩa đại trí tuệ quang minh. Nếu tâm khởi thấy thì có tướng chẳng thấy. Tâm tánh là cái thấy tức là cái nghĩa soi khắp cả pháp giới vậy.*

**Giảng:**

Đây lại đặt câu hỏi, tại sao có các tướng sai biệt.

Sở dĩ có các tướng sai biệt là căn cứ trên nghiệp thức sanh diệt. Tất cả pháp xưa nay chỉ là tâm, không có niệm sai biệt. Do *vọng tâm bất giác niệm dấy khởi*, nên mới thấy có cảnh giới bên ngoài. Dấy niệm là vô minh, vô minh bèn có năng sở, có cảnh giới bên ngoài và người năng kiến bên trong. Khi vọng niệm lặng xuống trở về thanh tịnh, gọi là *đại trí tuệ quang minh*.

*Nếu tâm khởi thấy thì có tướng chẳng thấy.* Không khởi thấy mới có tướng chẳng thấy, tại sao khi khởi thấy lại có tướng chẳng thấy? Thí dụ trong thiền đường này có trăm người, nếu tôi chú tâm vào một người thì không thấy bao nhiêu người khác. Cũng vậy, khi tâm chúng ta vừa dấy niệm lên nghĩ một vấn đề gì, lúc đó chỉ biết vấn đề ấy, ngoài ra không thấy biết những việc khác. Đó gọi là khi tâm khởi thấy là có cái chẳng thấy.

Khi tâm lìa cái thấy một, nghĩa là thấy tất cả pháp giới, còn khi tâm lặng không duyên theo một pháp nào, lúc đó thấy bao xa? Nếu còn dính với một pháp trần, dù pháp trần đó lớn như quả núi cũng có hạn lượng của nó. Nếu không dính một pháp trần nào cả, thì sẽ thấy tâm mình trùm khắp vũ trụ. Đó là chỗ thiết yếu của sự tu hành. Nên nói, *tâm tánh lìa cái thấy tức là cái nghĩa chiếu soi khắp pháp giới*. Chúng ta tu, muốn biết khắp hết các pháp thì đừng duyên theo bất cứ cái gì. Trong kinh nói Phật biết tất cả chúng sanh trong bao nhiêu pháp giới, bao nhiêu cõi Phật nhiều như

số cát bụi ngài đều biết hết. Ngài không có cái biết bị dính vào một pháp nào, còn chúng ta biết từng niệm riêng tư, do duyên với pháp trần, hoặc duyên với ngoại cảnh, nên tâm bị mờ tối. Đây là nghĩa cần yếu của đoạn này.

### **Âm:**

**Nhược tâm hữu động, phi chân thức tri, vô hữu tự tánh, phi thường, phi lạc, phi ngã, phi tịnh, nhiệt não suy biến tắc bất tự tại, nãi chí cụ hữu quá hằng sa đẳng vọng nhiễm chi nghĩa. Đối thử nghĩa cố, tâm tánh vô động tắc hữu quá hằng sa đẳng chư tịnh công đức tướng nghĩa thị hiện.**

Nhược tâm hữu khởi, cánh kiến tiên pháp khả niệm giả tắc hữu sở thiếu. Như thị tịnh pháp vô lượng công đức, tức thị nhất tâm, cánh vô sở niệm, thị cố mãn tú. Danh vi pháp thân Như Lai chi tàng.

### **Dịch:**

*Nếu tâm có động thì không phải là thật hiểu biết, không có tự tánh nên không phải thường, không phải lạc, không phải ngã, không phải tịnh, nhiệt não suy biến nên không tự tại, cho đến đầy đủ những nghĩa vọng nhiễm nhiều hơn số cát sông Hằng. Đối với nghĩa này, tâm tánh không động ắt có đủ nghĩa tất cả tướng tịnh công đức nhiều hơn số cát sông Hằng được hiển bày.*

*Nếu tâm có khởi, liền thấy các pháp tiền trần có thể tư duy phân biệt, tức có thiếu sót. Còn pháp tịnh*

*vô lượng công đức như thế tức là nhất tâm, không có “sở niệm” nên được đầy đủ, gọi là kho pháp thân Như Lai.*

### **Giảng:**

Nếu tâm khởi động niệm thì không phải là thật hiểu biết, do không có tự tánh nên không phải thường lạc ngã tịnh. Hiểu biết theo niệm là biết theo nghiệp, không biết đúng sự thật. Khi lặng lẽ như như, hiểu biết theo trí tuệ giác ngộ mới là thật sự biết. Vì vậy các kinh A-hàm luôn luôn nhắc rằng, muốn biết được lẽ thật thì tâm phải định.

Khi ngồi thiền tâm yên tịnh lặng lẽ, lúc đó có biết hay không? Chỉ có tánh giác hiện tiền, vừa có đối tượng là đã mắc kẹt rồi, chúng ta biết theo vọng niệm theo duyên nên lúc biết lúc không, chân như thể giác đầy đủ nên lúc nào cũng biết khắp tất cả.

Muốn được tánh biết như thật chúng ta phải làm sao? Chỉ không có suy nghĩ mới biết hết. Đó là nguyên tắc lạ lùng nhất, ở thế gian khó có người biết ứng dụng. Thông thường khi chúng ta muốn biết điều gì cứ suy nghĩ hoài, nghiền ngẫm, bóp đầu bóp trán tìm cho ra lẽ, càng suy nghĩ càng rối. Chỉ buông hết đi thì tự nhiên biết. Thế nên tôi nói chúng ta phải gan, vì điều này ngược ngạo lạ thường quá. Không suy nghĩ mới thật là khôn ngoan, đức Phật gọi đó là đại trí, còn biết lằng xằng là phàm phu trí. Lão Tử nói “Đại trí nhược ngu”, người đại trí dường như ngu. Đến chỗ tột cùng, không cho suy nghĩ tính toán, mới gọi là đại.

Tâm tánh không động hiển bày tất cả tướng tịnh công đức. Chúng ta đừng tìm công đức ở đâu cả, chỉ cần tâm không động là đầy đủ tất cả công đức. Tự tánh công đức vô lậu này hiển lộ khi chúng ta buông hết tất cả vọng tưởng. Trong khi tu, tuy vọng tưởng chưa lặn hoàn toàn, nhưng có lặn thưa đi là đã có tự tánh công đức hiển lộ một ít, tu dần dần đến lúc lặn hết, tự tánh công đức hiển lộ đầy đủ. Vì thế luận nói *khi tâm tánh không động, công đức nhiều hơn số cát sông Hằng*. Đây gọi là công đức vô lậu, chân thật thoát ly sanh tử. Nếu chúng ta chạy tìm công đức sanh diệt, đời sau được hưởng phước nơi cõi người cõi trời, chưa phải chỗ giải thoát.

*Nếu tâm có khởi, liền thấy các pháp trước mặt, đó là đối tượng khiến chúng ta chú ý, suy nghĩ tức là còn thiếu sót. Tâm bị hạn cuộc trong phạm vi nhỏ, nên nói là công đức ít. Pháp tịnh có vô lượng công đức như thế, tức là nhất tâm, không có “sở niệm” nên được đầy đủ, gọi là kho pháp thân Như Lai. Khi tâm chúng ta không động là trở về chân như thanh tịnh, còn gọi là Như Lai tàng.*

## 1. Dụng đại của chân như

**Âm:**

**Phục thứ, chân như dụng giả, sở vị chư Phật Như Lai, bản tại nhân địa phát đại từ bi, tu chư ba-la-mật, nhiếp hóa chúng sanh, lập đại thế nguyện, tận dục độ thoát đẳng chúng sanh giới, diệt bất hạn kiếp số tận ư vị lai. Dĩ thủ nhất thiết chúng sanh**

**như kỹ thân cố, nhi diệc bất thủ chúng sanh tướng. Thủ dĩ hà nghĩa? Vị như thật tri nhất thiết chúng sanh cập dĩ kỹ thân chân như bình đẳng vô biệt dị cố.**

**Dịch:**

*Lại nữa, dụng chân như tức là chư Phật Như Lai khi xưa ở tại nhân địa phát đại từ bi, tu các pháp ba-la-mật, nhiếp hóa chúng sanh, lập đại thệ nguyện, muốn độ thoát tất cả thế giới chúng sanh không có hạn lượng kiếp số, tột đời vị lai. Do xem tất cả chúng sanh như thân mình, nhưng cũng chẳng chấp tướng chúng sanh. Tại sao? Vì như thật biết tất cả chúng sanh cùng với thân mình là chân như bình đẳng không có sai biệt.*

**Giảng:**

Đây nói về đại dụng của chư Phật. Chư Phật Như Lai được đại dụng bất tư nghì là do nhân địa tu hành của các ngài thuở xưa luôn luôn tu Bồ-tát hạnh. Các ngài do lòng từ bi nên tu các pháp ba-la-mật, nhiếp hóa tất cả chúng sanh, lập thệ nguyện lớn là *muốn độ thoát tất cả thế giới chúng sanh* không có chừng hạn, không giới hạn kiếp số, tột đến đời vị lai.

Chư Phật thấy thân chúng sanh như thân mình, không thấy có tướng chúng sanh riêng. Đây là tinh thần đặc biệt của Đại thừa, Đại thừa là *tâm chúng sanh tức tự tánh chân như*. Nhận được tự tánh rồi từ đó phát tâm rộng lớn, vì thế phát nguyện độ sanh không hạn lượng, trùm khắp thời gian không gian.

Nhận được tự tánh chân như, chúng ta sẽ thấy chúng sanh cũng có tự tánh chân như, mọi người bình đẳng như nhau. Đến chỗ này không còn mắc kẹt trên tướng chúng sanh, nếu mắc kẹt thì nguyện độ sanh không khắp. Do đó chúng ta sẽ không ngạc nhiên tại sao Bồ-tát lúc nào cũng phát nguyện rộng lớn. Như thường ngày chúng ta chưa phải Bồ-tát, mỗi lần ngồi thiền xong đều nguyện:

*Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ,  
Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn,  
Pháp môn vô lượng thệ nguyện học,  
Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.*

Nói về số lượng thì nguyện độ chúng sanh vô biên, nói về thời gian, như ngài A-nan nguyện *Như nhất chúng sanh vị thành Phật, chung bất ư thử thủ nê-hoàn* (Còn một chúng sanh chưa thành Phật, trọn không ở nơi đây vào Niết-bàn).

Vì các ngài xứng thể tánh khởi dụng độ sanh, không phải theo tướng chúng sanh mà độ. Xứng với tánh thì không lệ thuộc thời gian không gian, hình tướng riêng biệt.

*Tại sao? Vì như thật biết tất cả chúng sanh cùng với thân mình là chân như bình đẳng không sai biệt vậy.* Vì biết rõ tất cả mọi người đều có chân như, mình và chúng sanh không khác. Khi nhận hiểu như vậy mới tu tất cả pháp ba-la-mật.

Bồ-tát thấy được tự tánh chân như bình đẳng, xem thân này như bèo bọt, hạt bụi, không có nghĩa gì nên các ngài làm tất cả việc. Chúng ta còn thấy thân quan trọng, chưa nhận được tự tánh nên không thể thực hành lục độ ba-la-mật. Như khi phát tâm bố thí, gặp trường hợp dễ còn bố thí được, gặp trường hợp không dễ chẳng những khó bố thí mà còn nổi sân là khác. Do vì chưa sống được với tự tánh chân như, còn đang sống với tứ đại ngũ uẩn này nên không làm đến rốt ráo. Thế nên tất cả Bồ-tát hay chư Phật thực hiện được bản nguyện đại từ đại bi, làm được việc ba-la-mật, do các ngài đã thấy được tất cả chúng sanh đồng một chân như bình đẳng.

### **Âm:**

**Dĩ hữu như thị đại phương tiện trí, trừ diệt vô minh, kiến bản pháp thân, tự nhiên nhi hữu bất tư nghì nghiệp chủng chủng chi dụng, tức dữ chân như đẳng biến nhất thiết xứ, hựu diệt vô hữu dụng tướng khả đắc.**

**Hà dĩ cố? Vị chư Phật Như Lai duy thị pháp thân trí tướng chi thân, đệ nhất nghĩa đế vô hữu thế đế cảnh giới, ly ư thi tác, đản tùy chúng sanh kiến văn đắc ích cố thuyết vi dụng.**

### **Dịch:**

*Do có đại trí phương tiện như thế, trừ diệt được vô minh, thấy được gốc pháp thân, tự nhiên có các thứ dụng của nghiệp bất tư nghì, tức cùng với chân như đồng khắp tất cả chỗ, lại cũng không có tướng dụng có thể được.*

***Vì có sao? Nghĩa là chư Phật Như Lai chỉ là pháp thân, trí tướng thân, đệ nhất nghĩa đế, không có cảnh giới thế đế, là các tạo tác thi vi, chỉ tùy chúng sanh thấy nghe liền được lợi ích nên nói là dụng.***

### **Giảng:**

Khi được trí phương tiện rộng lớn, lúc đó trừ sạch vô minh, thấy được chân như bình đẳng, nên hằng sống với pháp thân, *tự nhiên có diệu dụng bất khả tư nghì*. Đây dùng chữ diệu dụng thay cho chữ nghiệp bất tư nghì. Tuy có dụng bất tư nghì mà *không có tướng dụng có thể được*.

Tại sao nói dụng mà không có tướng dụng? Vì khi nhập được pháp thân, lúc đó thuần là trí tướng. Trí tướng chư Phật khác với trí tướng phàm phu chúng ta. Trí tướng phàm phu là cái suy nghĩ nhiều, nhớ giỏi... đó là có tướng. Trí chư Phật là trí của pháp thân thanh tịnh, cho nên tướng mà không tướng. Đó là đệ nhất nghĩa đế, chỗ cứu cánh chân thật không còn sanh diệt, nên dụng mà không có tướng dụng.

Đại dụng của chư Phật *là tất cả tạo tác thi vi, chỉ tùy chúng sanh thấy nghe liền được lợi ích*. Đại dụng này không có tướng mạo, không có hình trạng, vậy chúng sanh thấy nghe như thế nào liền được lợi ích? Chúng ta thường dùng trí dụng của thế gian để suy nghĩ chuyện phải quấy hơn thiệt. Như người mua bán xét tính kỹ, biết cái này lời thì mua, cái kia thì không mua, nên buôn bán trúng, nếu suy nghĩ trật thì mua bán lỗ lã. Như vậy người thế gian biết dùng trí suy nghĩ đúng thì có lợi ích, bàn tính điều gì cũng không sai quấy. Trí dụng

của chư Phật là trí dụng không động, không suy nghĩ. Trên thể lặng lẽ như như không động, chúng sanh vừa khởi nghĩ đến các ngài thì ngay đó các ngài liền biết chúng sanh cần gì, theo căn cơ của họ mà làm lợi ích.

Chỗ không tương ứng dụng thì muôn ngàn thứ lợi ích chúng sanh; chỗ có tướng cố định, tướng đó bị đóng khung nên lợi ích bị giới hạn. Do đó biết rằng vọng trí phàm phu là vọng trí bị đóng khung trong những hình ảnh theo pháp trần. Trí Như Lai thanh tịnh nên không bị đóng khung, tùy theo căn cơ của chúng sanh liền làm cho họ được lợi ích. Luận nói *thấy nghe liền được lợi ích nên nói là dụng*. Khiến chúng sanh thấy nghe liền được lợi ích, các ngài không có dụng ý dụng tâm nên nói là dụng. Chỗ dùng của chư Phật, dùng mà không có dùng; còn chỗ dùng của chúng ta, đem hết tâm ý lo lắng sắp đặt, nên dùng mà có tướng có dụng.

## 11. Phân biệt sự thức

**Âm:**

**Thử dụng hữu nhị chủng. Vân hà vi nhị?**

**Nhất giả y phân biệt sự thức, phàm phu Nhị thừa tâm sở kiến giả, danh vi ứng thân. Dĩ bất tri chuyển thức hiện cố kiến tòng ngoại lai, thủ sắc phần tề bất năng tận tri cố.**

**Dịch:**

*Dụng này có hai thứ. Thế nào là hai?*

*Một là y phân biệt sự thức, là chỗ mà tâm phàm phu Nhị thừa thấy được, gọi là ứng thân. Vì do*

*không biết chuyển thức hiện ra, thấy từ ngoài đến, nhận lấy sắc tướng có chừng hạn nên không thể biết tột cùng.*

**Giảng:**

Ứng dụng của chư Phật chia ra làm ba thân: ứng thân, báo thân và pháp thân. Tâm của hàng phàm phu và Nhị thừa y theo phân biệt sự thức nên chỉ thấy ứng thân của Phật. Vì không biết sự chuyển hiện của thất thức bên trong nên thấy ứng thân Phật bên ngoài, thấy sắc tướng có giới hạn.

Tất cả kinh A-hàm đều nhìn Phật theo con mắt của phàm phu và Nhị thừa, nên nói Phật sanh ra ở Ấn Độ, ngài có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, mười chín tuổi xuất gia, ba mươi tuổi thành đạo, giáo hóa chúng sanh bốn mươi chín năm, tám mươi tuổi nhập Niết-bàn. Phật cũng bị đau lưng, có khi đi khát thực về bát không...; đó là ứng thân Phật có sắc tướng chừng hạn.

Các kinh Đại thừa như kinh Niết-bàn, Hoa Nghiêm, Duy-ma-cật... lại có cái nhìn về Phật pháp thân. Như trong kinh Duy-ma-cật, khi ngài A-nan đi xin sữa cho Phật uống trị bệnh, bị Duy-ma-cật quở nặng, ông nói rằng thân Phật là thân kim cương, không có sanh già bệnh chết. Đó là theo quan niệm Đại thừa. Vì thế khi chúng ta thấy kinh nói Như Lai tuổi thọ vô lượng vô biên không tính kể, không bao giờ chết, không bao giờ ăn uống... thì biết đó là tinh thân Phật pháp thân.

## 12. Nghiệp thức

**Âm:**

Nhi giả y ư nghiệp thức, vị chư Bồ-tát tòng Sơ phát ý, nãi chí Bồ-tát Cứu cánh địa, tâm sở kiến giả, danh vi báo thân.

Thân hữu vô lượng sắc, sắc hữu vô lượng tướng, tướng hữu vô lượng hảo, sở trụ y quả diệt hữu vô lượng chủng chủng trang nghiêm tùy sở thị hiện, tức vô hữu biên bất khả cùng tận ly phần tế tướng, tùy kỳ sở ứng, thường năng trụ trì bất hủy bất thất. Như thị công đức, giai nhân chư ba-la-mật đẳng vô lậu hạnh huân, cập bất tư nghì huân chi sở thành tựu, cụ túc vô lượng lạc tướng cố, thuyết vi báo thân.

**Dịch:**

*Hai là y nơi nghiệp thức, nghĩa là các vị Bồ-tát từ Sơ phát ý cho đến Bồ-tát Cứu cánh địa do tâm thấy, gọi là báo thân.*

*Thân có vô lượng sắc, mỗi sắc có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng vẻ tốt đẹp, chỗ trụ (y báo) y nơi quả cũng có vô lượng thứ trang nghiêm, tùy chỗ thị hiện không có ngăn mé, không thể cùng tận, là tướng chùng ngăn, tùy chỗ ứng hiện, thường hay trụ trì không bị hủy hoại, không hư mất. Những công đức như thế đều nhân nơi các ba-la-mật, những hạnh vô lậu huân, và sự huân bất tư nghì mà thành tựu, đầy đủ vô lượng tướng vui nên gọi là báo thân.*

**Giảng:**

Hàng Bồ-tát y theo nghiệp thức mà được thấy Phật, nghiệp thức này là vô minh bất giác ban đầu, không phải nghiệp thức thường của chúng sanh. Chỗ thấy của các ngài vi tế hơn so với phàm phu, Nhị thừa. Thấy Phật báo thân có vô lượng sắc tướng, mỗi sắc tướng có vô lượng vẻ đẹp. Chư Phật có báo thân, chúng ta cũng có báo thân. Báo thân chúng ta do nghiệp ác tích lũy, nên sanh ra chịu tất cả bệnh khổ, trong và ngoài đều là tướng khổ. Còn báo thân Phật do công đức tu hành tích lũy nên phát ra toàn những tướng tốt. *Thân có vô lượng sắc, sắc có vô lượng tướng hảo...* Cảnh bên ngoài cũng toàn là lưu ly, pha lê, xa cừ... trang nghiêm, tùy theo công đức mà hiện.

Những công đức báo thân của chư Phật là do tu tất cả *pháp ba-la-mật, những hạnh vô lậu huân tập và sự huân bất tư nghi mà thành tựu được*. Nên báo thân của chư Phật tốt đẹp trang nghiêm vi diệu.

**Âm:**

**Hựu vi phàm phu sở kiến giả, thị kỳ thô sắc, tùy ư lục đạo các kiến bất đồng, chủng chủng dị loại phi thọ lạc tướng cố, thuyết vi ứng thân.**

**Dịch:**

*Lại, chỗ phàm phu thấy thân Phật là thấy tướng thô kia, tùy theo trong lục đạo mỗi loài thấy không đồng nhau, bao nhiêu các loài khác không thể thấy được các tướng vui, nên nói là ứng thân.*

**Giảng:**

Ứng thân là tùy theo các loài trong lục đạo (phàm phu và dị loại) mỗi loài theo nghiệp mà thấy có sai biệt, nên không thấy được tướng tốt đẹp trang nghiêm của Phật, chỉ thấy được tướng ứng hiện theo nghiệp của mỗi loài, thế nên *không thấy được các tướng vui*. Nếu thấy báo thân Phật là thấy tướng vui tướng đẹp.

**Âm:**

**Phục thứ, Sơ phát ý Bồ-tát đẳng sở kiến giả, dĩ thâm tín chân như pháp cố, thiếu phần nhi kiến, tri bỉ sắc tướng trang nghiêm đẳng sự, vô lai vô khứ, ly ư phần tề, duy y tâm hiện, bất ly chân như. Nhiên thử Bồ-tát do tự phân biệt, dĩ vị nhập pháp thân vị cố. Nhược đắc tịnh tâm, sở kiến vi diệu kỳ dụng chuyển thắng, nãi chí Bồ-tát Địa tận kiến chi cứu cánh. Nhược ly nghiệp thức tắc vô kiến tướng, dĩ chư Phật pháp thân vô hữu bỉ thử sắc tướng diệt tướng kiến cố.**

**Dịch:**

*Lại nữa, Sơ phát ý Bồ-tát... thấy được là do thâm tín pháp chân như nên thấy được một ít phần, biết các sắc tướng trang nghiêm kia không đến không đi, lìa các chùng ngăn, chỉ y nơi tâm mà hiện, không lìa chân như. Song các Bồ-tát này còn tự phân biệt, vì chưa vào được ngôi vị pháp thân. Nếu được tịnh tâm, chỗ thấy vi diệu, dụng kia càng chuyển thêm thù thắng, cho đến Bồ-tát Địa tận thì thấy*

*thân Phật được cứu cánh. Nếu lìa nghiệp thức thì không có thấy tướng, vì pháp thân chư Phật không có những sắc tướng kia đây thứ lớp thay nhau mà thấy.*

### **Giảng:**

Vì chưa hoàn toàn nhập được ngôi vị pháp thân, các Bồ-tát Sơ phát tâm... vẫn còn tự phân biệt nên thấy báo thân Phật không tương tện, dù biết rằng báo thân không lìa pháp thân.

Chúng ta thấy Phật tùy theo sự huân tập, theo thói quen. Như người tu theo hai phái Bắc tông Nam tông, chùa Nam tông phần nhiều thờ tượng Phật ốm và nghiêm trang, chùa Bắc tông thờ tượng Phật mập mập và mỉm cười. Đó là tùy theo cái nhìn của mỗi tông phái. Mỗi quốc gia dân tộc đều có cái nhìn riêng, theo nghiệp riêng nên tạo hình tượng Phật theo bản sắc của mình. Vì thế nói, ứng thân sai biệt của chư Phật là tùy theo lục đạo chúng sanh thấy. Chúng sanh nhìn Phật cũng nhìn theo nghiệp. Người học về chính trị thấy đức Phật là nhà chính trị, người học về xã hội thấy đức Phật là nhà xã hội, người học về y dược thấy đức Phật là nhà y dược... Vì không thấy pháp thân bình đẳng của Phật nên có nhiều cái nhìn sai khác.

*Nếu được tịnh tâm, chỗ thấy vi diệu, cái dụng kia càng chuyển thêm thù thắng, cho đến Bồ-tát Địa taten thì thấy thân Phật được cứu cánh. Hàng Thập địa mãn tâm thấy Phật, tâm các ngài đã vi diệu, nên thấy tướng Phật càng thêm thù thắng cứu cánh. Nghĩa là khi*

chư Bồ-tát lia được vô minh nghiệp thức, lúc đó không còn thấy Phật bằng những tướng mạo của ứng và báo nữa, chỉ thấy Phật pháp thân.

Khi mới học tu, chúng ta chỉ biết đức Phật lịch sử, ngài sanh ra đi bảy bước... rồi nhập Niết-bàn. Khi nhận được lý thanh tịnh pháp thân rồi, mới biết đến đức Phật bất sanh bất diệt, chưa từng nhập Niết-bàn mà cũng không bao giờ rời Niết-bàn. Đó là đức Phật quan trọng, chưa từng rời chúng ta giây phút nào. Đức Phật lịch sử kia ở Ấn Độ xa quá, nếu có đến nơi cũng chỉ còn lại di tích thôi, không thấy ngài đâu cả. Nghĩa là có tu, dần dần chúng ta thay đổi quan niệm, ngày xưa thấy khác, bây giờ thấy khác tức là đã cõi được biết bao thứ nghiệp rồi.

**Âm:**

**Vấn viết:** Nhược chư Phật pháp thân ly ư sắc tướng giả, vân hà năng hiện sắc tướng?

**Đáp viết:** Tức thử pháp thân thị sắc thể cố năng hiện ư sắc. Sở vị tòng bản dĩ lai sắc tâm bất nhị. Dĩ sắc tánh tức trí cố sắc thể vô hình, thuyết danh trí thân. Dĩ trí tánh tức sắc cố, thuyết danh pháp thân biến nhất thiết xứ. Sở hiện chi sắc vô hữu phân tề, tùy tâm năng thị thập phương thế giới, vô lượng Bồ-tát vô lượng báo thân, vô lượng trang nghiêm các các sai biệt, giai vô phân tề nhi bất tương phương. Thử phi tâm thức phân biệt năng tri, dĩ chân như tự tại dụng nghĩa cố.

**Dịch:**

**Hỏi:** *Nếu pháp thân chư Phật là các sắc tướng, tại sao hay hiện sắc tướng?*

**Đáp:** *Tức nơi pháp thân này là thể của sắc, nó hay hiện ra sắc. Nghĩa là từ xưa đến nay sắc và tâm không hai.*

*Do sắc tánh tức là trí, nên sắc thể không hình gọi là trí thân, do trí tánh tức là sắc, nên gọi là pháp thân cùng khắp tất cả chỗ. Chỗ hiện ra hình sắc không có chướng ngại, tùy tâm hay thị hiện mười phương thế giới, vô lượng Bồ-tát, vô lượng báo thân, vô lượng trang nghiêm, mỗi mỗi khác nhau, đều không chướng ngại, không ngăn ngại nhau. Đây không phải tâm thức phân biệt có thể biết được, vì là nghĩa tự tại dụng của chân như vậy.*

**Giải:**

Tổ giả thiết lập câu hỏi, nếu pháp thân chư Phật là sắc tướng, tại sao có thể hiện sắc tướng cho chúng sanh thấy.

*Tức nơi pháp thân này là thể của sắc nên hay hiện ra sắc. Nghĩa là từ xưa đến nay sắc và tâm không hai. Sắc tức là hình sắc, tâm chỉ cho tâm thể không tướng, cùng với sắc không hai. Pháp thân không tướng là tên khác của nhất tâm, là thể của hình sắc, từ thể khởi dụng nên hiện ra báo thân và ứng thân.*

Chỗ tột cùng của sắc là *sắc tánh*, vốn không hình tướng nên gọi là *trí thân*, đây là chỗ Bát-nhã gọi “sắc tức

thị không”. Chỗ tột cùng của không là sắc, nên hay hiện tất cả tướng trùm khắp mọi nơi, Bát-nhã gọi là “không tức thị sắc”.

Thí dụ khi chúng ta ngồi yên, tâm không động, bỗng dưng dấy niệm nhớ một con voi hay con trâu mà lúc trước đã thấy. Khi nhớ đến, dường như hình ảnh con voi hay con trâu hiện ra trước mắt chúng ta. Hình ảnh đó là pháp trần, bóng dáng của sắc tướng lưu lại nơi tâm, hiện ra từ tâm. Tâm chúng ta có phải hình ảnh (sắc trần) đó không? Nếu không phải, tại sao hiện ra hình ảnh? Như vậy sắc đâu có rời tâm. Hình ảnh dấy lên từ tâm thể, lặng xuống cũng trở về tâm thể. Từ pháp trần do tâm duyên chúng ta đã thấy như thế, thì sắc trần do ngũ căn duyên cũng như vậy, do tự tâm hiện ra mà chúng ta không biết.

Kinh Lăng-nghiêm nói, khi phân tích tất cả vật đến chỗ rốt ráo thành không. Nếu một sự vật do vật này vật kia tạo thành, thì khi phân tích sự vật ấy, nó trở về vật đã tạo ra nó, nhưng khi phân tích sự vật đến chỗ không còn phân tích được nữa thì nó thành không. Thí dụ chúng ta chia chẻ một món đồ thành nhiều mảnh nhỏ, chia chẻ một mảnh nhỏ thành một hạt bụi thật nhỏ, con mắt còn thấy được; rồi hạt bụi nhỏ đó đập một lần nữa thành cái không thấy được gọi là không. Mượn hình ảnh đó để nói lên sắc trần cũng không rời không, không ấy là chỗ hàm chứa tất cả sắc trần.

Từ pháp thân hiện ra vô lượng hình sắc sai biệt, không có chùng ngăn, không ngăn ngại nhau, chỗ đó không thể dùng tâm thức phân biệt mà biết. Vì sao?

Vì do nghĩa chân như tự tại dụng. Chỗ này đoạn thất đại trong kinh Lăng-nghiêm chỉ rất rõ, đất nước gió lửa... khi phân tích ra đều là huyễn hóa, kết luận: “Tánh sắc là chân không, tánh không là chân sắc, thanh tịnh sẵn như vậy, trùm khắp pháp giới. Gốc từ Như Lai tàng mà lưu xuất, tùy tâm chúng sanh đáp ứng với lượng hay biết (sở tri lượng), theo nghiệp mà phát hiện.” Kinh Lăng-nghiêm giải thích tường tận cho thấy tất cả hình sắc không rời tâm, cho đến thất đại cũng như thế. Tột cùng thể của nó là Như Lai tàng, là pháp thân. Ngài A-nan nghe đến đây liền lãnh hội được mình có pháp thân trùm khắp rộng lớn vô lượng vô biên, là thể của tất cả pháp.

### **III. Hiện bày từ môn sanh diệt hội nhập môn chân như**

#### **Âm:**

**Phục thứ, hiển thị tòng sanh diệt môn tức nhập chân như môn. Sở vị thối câu ngữ âm sắc chi dĩ tâm, lục trần cảnh giới tất cánh vô niệm. Dĩ tâm vô hình tướng thập phương cầu chi chung bất khả đắc. Như nhân mê cố vị đông vi tây, phương thật bất chuyển; chúng sanh diệt nhi, vô minh mê cố vị tâm vi niệm, tâm thật bất động. Nhược năng quán sát tri tâm vô niệm, tức đắc tùy thuận nhập chân như môn cố.**

#### **Dịch:**

*Lại nữa, hiển bày từ môn sanh diệt liền vào môn chân như. Nghĩa là suy tìm ngữ âm, sắc cùng với tâm và cảnh giới sáu trần đều vô niệm. Do tâm*

*không hình tướng nên tìm cầu mười phương trọn không thể được. Như người mê vì lầm mà cho phương đông là phương tây, phương hướng thật không dời đổi; chúng sanh cũng vậy, vì vô minh mê lầm cho tâm là niệm, tâm thật không có động. Nếu hay quán sát biết tâm vô niệm liền được tùy thuận vào cửa chân như.*

### **Giảng:**

Môn sanh diệt tức là đi trong vòng luân hồi, môn chân như là trở về con đường giải thoát. Sanh diệt tức chân như, không rời nhau.

Đây là cốt tủy của sự tu hành. Thấu được cốt tủy này, chúng ta thấy chư vị tổ Ấn Độ và Trung Hoa đồng dạy như nhau, không sai khác. Luận nói, *suy tìm ngũ ấm, sắc cùng với tâm và cảnh giới sáu trần đều vô niệm*. Xét cho tột cùng thấy sắc, thọ, tưởng, hành, thức là không thật, tứ đại cũng không thật, tất cả các pháp đều không thật, tức là vô niệm. Vô niệm là thấy tất cả pháp không thật.

Thí dụ, khi chúng ta khởi tưởng, hỏi tưởng ấy từ đâu sanh. Ngay khi hỏi nó liền biến mất, lúc ấy là vô niệm. Hành, thức... cũng vậy. Khi các pháp dấy lên, chúng ta tìm lại nguồn gốc của nó, tất cả đều trở về vô niệm. Cho nên nói, tìm tột cùng tất cả pháp cứu cánh là vô niệm. Vô niệm là thể của các pháp.

*Do tâm không hình tướng nên tìm cầu mười phương trọn không thể được. Làm sao thấy được tâm? Càng tìm*

lại càng không thấy. Chỗ này nếu khéo một chút thì biết nó không bao giờ mất, còn không khéo thì tìm hoài không ra. Tâm luôn hiện tiền chẳng bao giờ vắng mặt, người thấy nó rồi cười hoài. Vậy mà từ trước đến giờ chúng ta tưởng tâm ở đâu xa xôi, chạy đi tìm kiếm.

Ngài Huệ Khả đến hỏi tổ Bồ-đề-đạt-ma:

- Tâm con chưa an, xin Thầy dạy con phương pháp an tâm.

Tổ bảo:

- Đem tâm ra đây ta an cho.

Ngài Huệ Khả tìm đáo để, thưa:

- Con tìm tâm không thể được.

Tổ gật đầu nói:

- Ta đã an tâm cho ngươi rồi.

Chỗ an tâm đó đâu khác câu *tìm cầu mười phương trọn không thể được* của tổ Mã Minh dạy. Ở đây chúng ta thấy được thuật ứng biến của tổ Bồ-đề-đạt-ma, ngài không dạy gì cả, chỉ bảo đem tâm ra ta an cho. Chúng ta quen cho những cái lằng xằng là tâm của mình nên bất an, nghe bảo đem tâm ra, khi đó mới sững sốt nhìn lại tìm, tìm đáo để mà không thấy nó. Không thấy nó thì tự nhiên an rồi, còn tìm kiếm gì khác nữa! Tại sao lại được như thế? Bởi vì tâm không có hình tướng cho nên tìm khắp không được, mà không được tức là vô niệm. Vô niệm tức là an tâm.

Tổ Huệ Khả lãnh hội được rồi, ngài đem ra chỉ dạy và tiếp tục truyền mãi cho đến bây giờ. Như tổ Huệ Năng nói *Bản lai vô nhất vật, hà xứ nhạ trần ai?* (Xưa nay không một vật, chỗ nào dính bụi nhơ?) cùng một ý với câu *Tìm cầu mười phương trọn không thể được*. Đã không thể được thì có vật gì mà dính bụi bặm? Cho đến sau này ngài Khuê Phong Tông Mật nói: *Biết vọng là tu*. Tại sao? Vì vọng tưởng là không thật. Chính ngay khi biết vọng không thật, đó là tu, là an tâm rồi.

Lối tu này rất đặc biệt, không cần phải tìm kiếm đâu xa. Bao lâu nay chúng ta làm cho vọng tưởng là mình, tưởng nó là thật, bây giờ thấy rõ nó không thật là trở về nơi an lành tự tại. Điều này mỗi người tự thâm nhận, không ai chỉ được cả, tùy chỗ khéo léo của mỗi người. Nhận ra rồi thì không bao giờ vắng mặt, chỉ tại chúng ta bỏ quên chân tâm thôi.

*Như người lầm hướng đông làm hướng tây*, vì chúng ta lầm hay tại phương hướng đổi dời? Khi lầm mê cho đông là tây, đó là tại chúng ta, còn phương hướng vẫn cố định. Vì vô minh mê lầm cho tâm là niệm, tâm thật không có động. Chúng ta chấp vọng niệm suy nghĩ là tâm, như thế là động. Khi tìm không thấy niệm thì vô minh vọng động không còn, lúc ấy tâm lặng lẽ như như.

Nếu hay quan sát biết tâm là vô niệm liền được tùy thuận vào cửa chân như. Tổ đã chỉ chúng ta phương pháp tu thiền, vào cửa chân như. Nghĩa là biết vọng niệm không phải tâm. Lâu nay chúng ta chấp vọng niệm

là tâm tức vô minh, bây giờ biết niệm không phải tâm liền không theo, đó là trở về cửa chân như, không còn lối nào khác. Đây là một lối tu hết sức giản dị thẳng tắt mà cứu cánh tận nguồn gốc, phá ngay đầu mối vô minh, không đi quanh co.

## **B- ĐỐI TRỊ TÀ CHẤP**

Phần đối trị tà chấp dưới đây là do không hiểu đúng ý kinh Phật nên có những lối chấp sai lầm. Tổ dẫn lời trong kinh và giải thích rõ ràng để chúng ta hiểu thấu, tránh khỏi các bệnh chấp.

### **Âm:**

**Đối trị tà chấp giả, nhất thiết tà chấp giai y ngã kiến, nhược ly ư ngã tắc vô tà chấp. Thị ngã kiến hữu nhị chủng. Vân hà vi nhị? Nhất giả nhân ngã kiến, nhị giả pháp ngã kiến.**

### **Dịch:**

*Đối trị tà chấp là, tất cả tà chấp đều y nơi ngã kiến, nếu lìa ngã thì không có tà chấp. Ngã kiến ấy có hai thứ. Thế nào là hai? Một là nhân ngã kiến, hai là pháp ngã kiến.*

### **Giải:**

Sở dĩ có tà chấp là do bệnh vực cái thấy của mình (ngã kiến), nếu lìa cái thấy riêng mình thì tà chấp hết. Ngã kiến có hai thứ: nhân ngã kiến và pháp ngã kiến. *Nhân ngã kiến* là chấp ngã nơi mình. *Pháp ngã kiến* là chấp pháp bên ngoài.

## I. Nhân ngã kiến

**Âm:**

Nhân ngã kiến giả, y chư phàm phu thuyết hữu ngũ chủng. Vân hà vi ngũ?

Nhất giả văn tu-đa-la thuyết: Như Lai pháp thân tất cánh tịch mịch du như hư không. Dĩ bất tri vi phá trước cố, tức vị hư không thị Như Lai tánh.

Vân hà đối trị? Minh hư không tướng thị kỳ vọng pháp, thể vô bất thật, dĩ đối sắc cố hữu, thị khả kiến tướng linh tâm sanh diệt. Dĩ nhất thiết sắc pháp bản lai thị tâm, thật vô ngoại sắc. Nhược vô sắc giả, tắc vô hư không chi tướng. Sở vị nhất thiết cảnh giới duy tâm vọng khởi cố hữu, nhược tâm ly ư vọng động tắc nhất thiết cảnh giới diệt, duy nhất chân tâm vô sở bất biến. Thử vị Như Lai quảng đại tánh trí cứu cánh chi nghĩa, phi như hư không tướng cố.

**Dịch:**

*Nhân ngã kiến là, y theo các phàm phu nói nên có năm thứ. Thế nào là năm?*

*Một là nghe kế kinh nói: Pháp thân Như Lai lặng lẽ ví như hư không. Do không biết là vì phá chấp trước, liền nói rằng hư không là tánh Như Lai.*

*Làm sao đối trị? Nói rõ tướng hư không là pháp hư đối, không có thể thật, do đối với sắc mà có,*

*tướng có thể thấy được này khiến cho tâm sanh diệt. Do tất cả sắc pháp xưa nay là tâm, thật không có ngoài sắc. Nếu không có sắc thì không có tướng hư không. Nên nói tất cả cảnh giới chỉ do tâm hư vọng dậy khởi mà có. Nếu tâm lìa vọng động thì tất cả cảnh giới theo đó mà diệt, chỉ một chân tâm, không chỗ nào mà chẳng khắp. Đây là nói nghĩa cứu cánh Như Lai trí tánh rộng lớn, không phải như tướng hư không.*

### **Giảng:**

Chúng sanh không hiểu thấu nghĩa pháp thân vô tướng, khởi ý chấp thân Phật là tướng chất ngại, nên kinh nói pháp “thân như hư không” để phá chấp sắc tướng. Khi nghe như vậy, không hiểu ý phá chấp bèn trở lại chấp pháp thân Phật là hư không.

*Làm sao đối trị bệnh này? Cần phải chỉ rõ tướng hư không là pháp hư đối, tự nó không có thể thật, do đối với sắc mà có, tướng có thể thấy này khiến cho tâm sanh diệt. Chúng ta lầm tưởng hư không là thể chân thật, để đối trị bệnh này, phải hiểu rõ hư không không có thể thật. Do đối với sắc mà nói không, sắc không đối đãi nhau là pháp hư đối. Pháp thân không phải pháp hư vọng, thế nên nói:*

*Do tất cả sắc pháp xưa nay là tâm, thật không có ngoài sắc. Nếu không có sắc thì không có tướng hư không. Nên nói tất cả cảnh giới chỉ do tâm hư vọng dậy khởi mà có. Nếu tâm lìa vọng động thì tất cả cảnh giới*

*theo đó mà diệt, chỉ một chân tâm, không chỗ nào mà chẳng khắp. Đây là nói nghĩa cứu cánh Như Lai trí tánh rộng lớn, không phải như tướng hư không.*

Muốn phá tà chấp của người chấp pháp thân Phật là hư không, chúng ta cần phải chỉ rõ tướng hư không là đối với sắc mà có. Không và sắc đối đãi nhau gốc từ vọng tâm dấy động mà có, nếu vọng tâm mê lầm dứt, không và sắc cũng theo đó mà hết, lúc đó tất cả cảnh giới đều diệt và trí thể Như Lai được hiển bày.

### **Âm:**

**Nhị giả văn tu-đa-la thuyết: Thế gian chư pháp tất cánh thể không, nãi chí Niết-bàn chân như chi pháp diệt tất cánh không, tòng bản dĩ lai tự không ly nhất thiết tướng. Dĩ bất tri vi phá trước cố, tức vị chân như Niết-bàn chi tánh duy thị kỳ không.**

**Vân hà đối trị? Minh chân như pháp thân tự thể bất không, cụ túc vô lượng tánh công đức cố.**

### **Dịch:**

*Hai là nghe kệ kinh nói: Các pháp thế gian thể nó là không, cho đến pháp Niết-bàn chân như cũng là không, xưa nay tự không, là tất cả tướng. Do không biết thấu là vì phá chấp trước, liền bảo rằng tánh chân như Niết-bàn chỉ là không.*

*Làm sao đối trị? Nói rõ chân như pháp thân tự thể nó không thể là không (bất không), vì nó có đầy đủ vô lượng tánh công đức.*

**Giảng:**

Chúng ta không biết các pháp thế gian và xuất thế gian là giả danh, chấp cho là thật nên kinh Bát-nhã nói nhân nhĩ tỹ thiệt thân ý đều là không, cho đến mười hai nhân duyên, tứ đế, trí đặc cũng không. Kinh phủ nhận các pháp đều không là để phá chấp có, chúng sanh không biết, nghe kinh nói như vậy bèn trở lại chấp tất cả các pháp thế gian và xuất thế gian đều không ngờ, cho đến Niết-bàn, chân như cũng không ngờ. Phương tiện đối trị là giải thích cho họ rõ *chân như pháp thân tự thể nó không phải là không, vì nó có đầy đủ vô lượng tánh công đức*, khiến cho họ đừng lầm. Ý này đã giải thích trong đoạn chân như bất không ở trên.

**Âm:**

**Tam giả văn tu-đa-la thuyết: Như Lai chi tàng vô hữu tăng giảm, thể bị nhất thiết công đức chi pháp. Dĩ bất giải cố, tức vị Như Lai chi tàng hữu sắc tâm pháp tự tướng sai biệt.**

**Vân hà đối trị? Dĩ duy y chân như nghĩa thuyết cố, nhân sanh diệt nhiễm nghĩa thị hiện thuyết sai biệt cố.**

**Dịch:**

*Ba là nghe khế kinh nói: Như Lai tàng không có thêm bớt, tự thể đầy đủ tất cả pháp công đức. Vì không hiểu thấu liền bảo kho tàng Như Lai có pháp sắc và tâm tự tướng sai biệt.*

*Làm thế nào đối trị? Do vì y nơi nghĩa chân như mà nói như thế và nhân nơi nghĩa nhiễm sanh diệt bày hiện mà nói có sai biệt.*

**Giảng:**

Chúng sanh khi nghe nói trong Như Lai tàng có đầy đủ tất cả các pháp công đức, lại lầm chấp trong Như Lai tàng có tướng sai biệt của sắc và tâm. Chúng ta phải giải thích nói như vậy là căn cứ vào nghĩa chân như. Trong nghĩa chân như không có sắc tâm sai biệt, nhưng nhân nơi nghĩa nhiễm sanh diệt ở trong Như Lai tàng thì có tướng sai biệt, không phải tự thể chân như có sai biệt. Đây là phá lầm chấp thứ ba.

**Âm:**

**Tứ giả văn tu-đa-la thuyết: Nhất thiết thế gian sanh tử nhiễm pháp giai y Như Lai tàng nhi hữu, nhất thiết chư pháp bất ly chân như. Dĩ bất giải cố, vị Như Lai tàng tự thể cụ hữu nhất thiết thế gian sanh tử đẳng pháp.**

**Vân hà đối trị? Dĩ Như Lai tàng từng bản dĩ lai duy hữu quá hằng sa đẳng chư tịnh công đức, bất ly, bất đoạn, bất dị chân như nghĩa cố. Dĩ quá hằng sa đẳng phiền não nhiễm pháp, duy thị vọng hữu, tánh tự bản vô, từng vô thủy thế lai vị tàng dĩ Như Lai tàng tương ứng cố. Nhược Như Lai tàng thể hữu vọng pháp, nhi sử chứng hội vĩnh tức vọng giả, tác vô thị xứ cố.**

**Dịch:**

*Bốn là nghe khế kinh nói: Tất cả pháp nhiệm sanh tử thế gian đều y Như Lai tàng mà có, tất cả các pháp không lìa chân như. Bởi vì không hiểu thấu nên cho rằng Như Lai tàng tự thể có đủ tất cả pháp sanh tử thế gian.*

*Làm thế nào đối trị? Như Lai tàng từ xưa đến nay chỉ có các công đức thanh tịnh nhiều hơn số cát sông Hằng, không lìa, không đoạn, không khác nghĩa chân như. Còn các pháp nhiệm phiền não nhiều hơn số cát sông Hằng, chỉ là do vọng tưởng mà có, tánh nó vốn tự là không, từ vô thủy đến nay chưa từng cùng với Như Lai tàng tương ưng. Nếu thể Như Lai tàng tự có các pháp hư vọng mà khiến người chứng hội, hằng dứt vọng thì không có lẽ phải vậy.*

**Giảng:**

Hàng phàm phu nghe trong kinh nói: *Tất cả pháp nhiệm sanh tử đều y Như Lai tàng mà có, tất cả pháp không lìa chân như.* Họ tưởng lầm tất cả các pháp ô nhiễm sanh tử thế gian đều là chân như. Thế nên, chúng ta phải nói rõ rằng *Như Lai tàng chỉ có những công đức thanh tịnh nhiều hơn số cát sông Hằng, không lìa, không đoạn, không khác nghĩa chân như.* Chân như có tất cả pháp công đức thanh tịnh, không phải là tất cả pháp nhiệm. Nếu Như Lai tàng tương ưng với pháp nhiệm, Phật không dạy chúng ta dẹp vọng để phù hợp với Như Lai tàng. Trong Như Lai tàng không có pháp nhiệm

của thế gian. Câu cuối nói *nếu thể Như Lai tàng tự có các pháp hư vọng mà khiến người chứng hội, hằng dứt vọng thì không có lẽ phải vậy*. Nghĩa là pháp nhiệm từ vọng sanh, nếu Như Lai tàng có pháp nhiệm mà bảo dứt vọng để chứng thì chuyện đó vô lý. Vậy trong Như Lai tàng chỉ có các công đức vô lậu, không có tất cả pháp nhiệm sanh tử. Đây là phá lầm chấp thứ tư.

### **Âm:**

**Ngũ giả văn tu-đa-la thuyết: Y Như Lai tàng cố hữu sanh tử, y Như Lai tàng cố đắc Niết-bàn. Dĩ bất giải cố, vị chúng sanh hữu thủy. Dĩ kiến thủy cố, phục vị Như Lai sở đắc Niết-bàn, hữu kỳ chung tận, hoàn tác chúng sanh.**

**Vân hà đối trị? Dĩ Như Lai tàng vô tiền tế cố, vô minh chi tướng diệt vô hữu thủy. Nhược thuyết tam giới ngoại cảnh hữu chúng sanh thủy khởi giả, tức thị ngoại đạo kinh thuyết. Hựu Như Lai tàng vô hữu hậu tế, chư Phật sở đắc Niết-bàn dĩ chi tương ưng tác vô hậu tế cố.**

### **Dịch:**

*Năm là nghe kế kinh nói: Vì y Như Lai tàng nên có sanh tử, vì y Như Lai tàng mà được Niết-bàn. Do không hiểu thấu nên bảo rằng chúng sanh có mối đầu (hữu thủy). Vì thấy có mối đầu tiên nên gọi Niết-bàn mà Như Lai đã chứng được, có lúc cũng phải hết (hữu chung) và Như Lai sẽ trở lại làm chúng sanh.*

*Làm sao đối trị? Như Lai tàng không có mé trước, tướng vô minh cũng không có ban đầu. Nếu nói ngoài ba cõi lại có mỗi ban đầu để chúng sanh sanh khởi tức là kinh sách ngoại đạo nói. Lại Như Lai tàng không có mé sau, nên Niết-bàn mà chư Phật được, cùng với Như Lai tàng tương ứng, không có mé sau vậy.*

### **Giảng:**

Có người chấp rằng chúng sanh hữu thủy, Như Lai hữu chung, được Niết-bàn rồi cũng trở lại làm chúng sanh. Do vì trước kia nghe nói vì y Như Lai tàng nên có sanh tử, tất cả chư Phật đều y Như Lai tàng mà được Niết-bàn. Sanh tử y Như Lai tàng thì mỗi đầu của sanh tử là Như Lai tàng, là hữu thủy. Khi được Niết-bàn là trở về Như Lai tàng, lâu lâu lại dấy niệm không thường ở Niết-bàn, vì có lúc trở lại làm chúng sanh.

Đối trị lối chấp này phải giải thích Như Lai tàng không có mé trước, tướng vô minh cũng không có ban đầu. Có mé trước mé sau là nói về thời gian, trên thể Như Lai tàng không có thời gian. Được Niết-bàn là trở về tánh Như Lai tàng không có chung tận, nên nói không có mé sau. Nếu nói ngoài ba cõi lại có cái manh mối ban đầu là không phù hợp với kinh Phật. Nhà Phật gọi vô minh là vô thủy, không phải hữu thủy. Tại sao vô minh không có cái manh mối ban đầu? Đã do dấy niệm mà có vô minh là có mỗi đầu, tại sao nói không? Vì dấy niệm nên gọi vô minh, vô minh là không sáng, không sáng làm sao biết mỗi ban đầu của nó. Thí dụ chúng ta bắt đầu

ngồi thiền lúc bốn giờ, ngồi một hồi ngủ gục, giật mình mở mắt ra không biết gục lúc nào! Không lý mình gục lúc bốn giờ? Bắt đầu gục lúc nào, không biết, vì khi đó mê làm sao biết, nếu biết thì đâu có gục. Thế nên nói mê mà có manh mối ban đầu là không mê. Tất cả sanh tử đều từ gốc mê lầm vô minh, vô minh không có mối đầu, nên nói *vô minh vô thủy*.

## II. Pháp ngã kiến

**Âm:**

**Pháp ngã kiến giả, y Nhị thừa độn căn cố, Như Lai dẫn vi thuyết nhân vô ngã, dĩ thuyết bất cứu cánh, kiến hữu ngũ ấm sanh diệt chi pháp, bố úy sanh tử, vọng thủ Niết-bàn.**

**Vân hà đối trị? Dĩ ngũ ấm pháp tự tánh bất sanh tác vô hữu diệt, bản lai Niết-bàn cố.**

**Dịch:**

*Pháp ngã kiến ấy là, y nơi Nhị thừa độn căn, nên Như Lai chỉ vì họ nói nhân vô ngã, do nói không rốt ráo nên họ thấy có pháp ngũ ấm sanh diệt, kinh sợ sanh tử, vọng nhận Niết-bàn.*

*Làm sao đối trị? Do pháp năm ấm tự tánh nó là chẳng sanh nên không diệt, xưa nay là Niết-bàn.*

**Giảng:**

*Pháp ngã kiến là gì? Đức Phật vì hàng Nhị thừa căn cơ không lanh lẹ nên dạy quán sát lý nhân vô ngã để thoát sanh tử. Hàng Nhị thừa thấy sanh tử là thật có*

sanh diệt đau khổ nên chán sợ, thấy Niết-bàn là an vui nên vọng cầu. Hai pháp này đều nằm trong đối đãi, sanh tử đối với Niết-bàn, vì vậy gọi là *pháp kiến*. Pháp kiến tức còn chấp pháp, chấp có Niết-bàn để trụ và sanh tử đáng sợ, đó là còn thấy có pháp thật. Thấy có pháp thật thì chưa phải cứu cánh.

Để đối trị pháp chấp của hàng Nhị thừa, nên khiến họ hiểu rằng, ngay nơi thân năm ấm này tự tánh là không, là bất sanh. Nói có sanh chỉ là duyên hợp huyễn có, tự bản chất năm ấm là không sanh diệt, xưa nay hằng Niết-bàn, không cần tìm Niết-bàn. Đó là chuyển hướng từ mê chấp Niết-bàn bên ngoài và sợ hãi sanh tử, thẳng đến Đại thừa. Thấy ngay nơi sanh diệt là Niết-bàn, không cầu Niết-bàn ở ngoài sanh diệt. Thấy sanh tử là Niết-bàn, đó là cứu cánh không còn đối đãi. Nhưng không nên hiểu lầm như ngoại đạo, nghe nói ngay sanh tử là Niết-bàn rồi cho rằng trong sanh tử tiếp nối là Niết-bàn. Ngay sanh tử thấy tự tánh sanh tử là không, là không sanh, không sanh nên không diệt, không lúc nào rời Niết-bàn. Đây là chỗ thiết yếu.

### III. Cứu cánh lià tất cả vọng chấp

**Âm:**

**Phục thứ, cứu cánh ly vọng chấp giả, đương tri nhiệm pháp tịnh pháp giai tất tương đãi, vô hữu tự tướng khả thuyết, thị cố nhất thiết pháp tòng bản dĩ lai phi sắc phi tâm, phi trí phi thức, phi hữu phi vô, tất cánh bất khả thuyết tướng. Nhi hữu ngôn thuyết giả, đương tri Như Lai thiện xảo phương tiện,**

giả dĩ ngôn thuyết dẫn đạo chúng sanh, kỳ chỉ thú giả, giai vi ly niệm quy ư chân như, dĩ niệm nhất thiết pháp linh tâm sanh diệt bất nhập thật trí cố.

**Dịch:**

*Lại nữa, cứu cánh lìa vọng chấp nên biết pháp nhiệm pháp tịnh thủy đều là đối đãi nhau, không có tự tướng có thể nói được, thế nên tất cả pháp từ xưa đến nay chẳng phải sắc chẳng phải tâm, chẳng phải trí chẳng phải thức, chẳng phải có chẳng phải không, không có tướng có thể nói. Mà có lời nói nên biết Như Lai khéo dùng phương tiện, mượn lời nói để dẫn đường cho chúng sanh, song chỉ thú kia đều là lìa niệm trở về chân như, bởi vì niệm tất cả pháp là khiến cho tâm sanh diệt không vào được thật trí.*

**Giảng:**

Đến chỗ lìa chấp rốt ráo là phải thấy rõ các pháp không còn đối đãi nhau. Như trong lý Bát-nhã, sắc tức là không, không chẳng rời sắc, sắc chẳng rời không. Sắc không chẳng hai, không thể chấp đây là sắc kia là không. Tất cả pháp tự tánh là không, không phân biệt thật giả, uế tịnh... Vì phàm phu chấp sắc ở ngoài tâm, tâm lìa sắc, nên Phật mới nói *phi sắc phi tâm*. Như hiện giờ, người đời chia thân này thành hai phần vật chất và tinh thần riêng biệt, nhưng thử rời vật chất tìm tinh thần, rời tinh thần tìm vật chất được không? Thân này là sắc chất tứ đại, đất nước gió lửa không biết đau, nhưng khi đánh vào thân thì biết đau. Thân là vật chất,

biết đau là tâm, là tinh thần, đánh trên thân tại sao tâm đau? Chúng ta thấy cái này là tinh thần, cái kia là vật chất, đó là thấy chưa tột, vì nó không lìa nhau.

Thí dụ cái bàn chúng ta nói là vật chất đặc kín, nhưng khi dùng kính hiển vi nhìn thì thấy có những khoảng trống, ngay trong cái đặc kín có cái không. Hư không chúng ta nói là không, nhưng lấy kính hiển vi nhìn thì thấy bụi lăng xăng, là có vật ở trong không. Như vậy không thể tách rời đây là không kia là có.

Đức Phật muốn chỉ thẳng chỗ đó nên nói *Không phải sắc không phải tâm*, tâm không rời sắc, sắc không rời tâm, trí không ngoài thức, thức không ngoài trí, nên *phi trí phi thức*, có không ngoài không, không không ngoài có, nên *chẳng phải có chẳng phải không*. Chỗ chân lý không có một cái riêng, chỉ dùng một chữ *phi*. *Phi* nghĩa là không chấp nhận một cái riêng thật, tánh thể và tướng dụng không rời nhau, rốt ráo đều do tâm mê vọng phát khởi, chỗ cứu cánh không thể nói, chỉ dùng một chữ *phi* để biểu thị.

Cứu cánh *không có tướng có thể nói*, nhưng *Như Lai khéo dùng phương tiện mượn lời nói để dẫn đường cho chúng sanh*. Chỉ thú chánh yếu đức Phật muốn chỉ cho chúng ta là *lìa niệm trở về chân như*, do niệm tất cả pháp khiến tâm chúng ta theo đó sanh diệt, không thể vào được thật tướng. Người còn để tâm duyên theo những sự vật ở thế gian, duyên theo pháp sanh diệt thì không có thật trí. Người học giỏi, nghiên cứu nhiều cũng chưa phải thật trí. Thật trí là trí dứt hết vọng niệm,

còn dùng vọng niệm để biết pháp thế gian thì đều là trí thế gian, muốn được thật trí thì phải ly niệm. Người học đạo nắm được điều này là nắm được nguyên tắc căn bản mà tổ Mã Minh chỉ dạy. Điều chánh yếu là nhắm thẳng vào chỗ ly niệm, cứu cánh trở về chân như.

### C- PHÂN BIỆT PHÁT TÂM TIẾN ĐẾN ĐẠO QUẢ

**Âm:**

**Phân biệt phát thú đạo tướng giả, vị nhất thiết chư Phật sở chứng chi đạo, nhất thiết Bồ-tát phát tâm tu hành thú hướng nghĩa cố. Lược thuyết phát tâm hữu tam chủng. Vân hà vi tam? Nhất giả tín thành tựu phát tâm, nhị giả giải hạnh phát tâm, tam giả chứng phát tâm.**

**Dịch:**

*Phân biệt tướng phát tâm tiến đến đạo quả, là đạo của tất cả chư Phật đã chứng, là chỗ tất cả Bồ-tát phát tâm tu hành hướng đến. Lược nói phát tâm có ba thứ. Thế nào là ba? Một là tín thành tựu phát tâm, hai là giải hạnh phát tâm, ba là chứng phát tâm.*

**Giảng:**

Phần *phát tâm tiến đến đạo quả* này là đoạn thứ ba, cũng là đoạn cuối của *Phần Giải Thích*. Tôi xin nhắc lại ý các phần trước, để chúng ta thấy rõ kết cấu chặt chẽ của bộ luận. Trước tiên là *Phần Nhân Duyên* nêu rõ lý do tạo luận, kế đến là *Phần Lập Nghĩa* nói về ý chánh

của luận, lập nghĩa Đại thừa là tâm chúng sanh, tâm chúng sanh có thể đại, tướng đại và dụng đại. Sau phần lập nghĩa là *Phân Giải Thích*, chỉ rõ tâm chúng sanh có hai phần, phần chân như và phần sanh diệt, hay phần tịnh và phần nhiễm, vì vậy nêu lên *Chân như môn* và *Sanh diệt môn*.

Tổ giải thích cho chúng ta nhận rõ đâu là chân như, đâu là sanh diệt. Thế nào là theo sanh diệt lưu chuyển, thế nào để trở về chân như? Trở về chân như là trở về Đại thừa là nhập pháp giới Như Lai tạng. Điều kiện chính yếu đã nói xong, nhưng còn sợ chúng sanh nghi ngờ khởi cái hiểu lầm lạc, Tổ chỉ dạy thêm phần đối trị tà chấp. Khi chúng ta hiểu được tâm chúng sanh, hiểu được Đại thừa, dẹp sạch nghi lầm thì không dừng ở chỗ hiểu suông mà phải bắt đầu tiến tu. Đây là giai đoạn phát tâm tiến đến đạo quả. Người phát tâm có ba hạng: Hạng thứ nhất là do lòng tin, hạng thứ hai là do giải hạnh tức là hiểu rồi thực hành, hạng thứ ba là chứng chân như.

## I. Tín thành tựu phát tâm

### 1. Nhóm chánh định

**Âm:**

**Tín thành tựu phát tâm giả, y hà đẳng nhân, tu hà đẳng hạnh, đắc tín thành tựu kham năng phát tâm? Sở vị y bất định tụ chúng sanh, hữu huân tập thiện căn lực cố, tín nghiệp quả báo, năng khởi thập thiện, yểm sanh tử khổ, dục cầu Vô thượng Bồ-đề.**

**Đắc trí chư Phật, thân thừa cúng dường tu hành tín tâm, kinh nhất vạn kiếp tín tâm thành tựu cố. Chư Phật Bồ-tát giáo linh phát tâm, hoặc dĩ đại bi cố năng tự phát tâm, hoặc nhân chánh pháp diệt, dĩ hộ pháp nhân duyên năng tự phát tâm. Như thị tín tâm thành tựu đắc phát tâm giả, nhập chánh định tụ, tất cánh bất thối, danh trụ Như Lai chủng trung chánh nhân tương ưng.**

**Dịch:**

*Tín thành tựu phát tâm là y những hạng người nào, tu những hạnh gì được tín thành tựu có khả năng phát tâm? Nghĩa là y những chúng sanh nhóm bất định, vì có sức huân tập thiện căn, tin được nghiệp quả báo, khởi tu thập thiện, nhằm chán khổ sanh tử, muốn cầu Vô thượng Bồ-đề.*

*Những người ấy được gặp chư Phật, gần gũi thờ phụng cúng dường, tu hành tín tâm trải qua muôn kiếp nên lòng tin thành tựu. Được chư Phật Bồ-tát dạy khiến cho họ phát tâm, hoặc do lòng đại bi hay tự phát tâm, hoặc nhân nơi chánh pháp muốn diệt, do nhân duyên hộ pháp mà tự phát tâm. Tín tâm thành tựu được phát tâm như thế thì vào nhóm chánh định, rốt ráo không thối chuyển, gọi là trụ trong hạt giống Như Lai, chánh nhân được tương ưng.*

**Giảng:**

Đây là nói về hạng thứ nhất. Tín thành tựu phát tâm là y nơi những hạng người trong nhóm bất định, được sức huân tập thiện căn, đầy đủ lòng tin đối với

nghiệp quả báo và khởi tu thập thiện, nhằm chán khổ sanh tử, muốn cầu Vô thượng Bồ-đề, nên gọi là tín thành tựu. Có những trường hợp sau:

- Được gặp chư Phật, chính bản thân mình thờ phụng cúng dường, tu hành trải qua muôn kiếp được lòng tin thành tựu.

- Hoặc được chư Phật Bồ-tát chỉ dạy khiến phát tâm.

- Hoặc vì lòng đại bi thấy chúng sanh đau khổ rồi tự phát tâm.

- Hoặc là nhân gặp đời chánh pháp sắp diệt, vì nhân duyên ủng hộ gìn giữ chánh pháp mà tự phát tâm.

*Khi tín tâm được thành tựu, những người này được vào nhóm chánh định, từ đó về sau không lui sụt, gọi là ở trong hạt giống Như Lai.*

Như thế ban đầu từ nhóm bất định, chỉ cho những người xưa nay chưa hướng tâm đến pháp tu nào, khi có duyên gặp Phật pháp tu hành thiện căn... rồi phát tâm, đến lúc phát tâm quyết định không lui sụt, tức là từ nhóm bất định sang nhóm chánh định. Từ đây tu tập không còn lui sụt là đã trụ vững vàng nơi hạt giống Phật, đứng vào hàng Bồ-tát bất thối chuyển.

Với chúng ta, khi hỏi tin Phật pháp chưa thì nói tin, hỏi đã thành tựu tín tâm chưa thì không ai dám trả lời. Vì nghe nói phải trải qua muôn kiếp tu mới thành tựu, không biết mình đã tu được mấy đời hay mới đời này! Tổ Quy Sơn nói “Không ai lường được thiện căn của mình”. Nhiều khi chúng ta tự khinh mình,

cứ nghĩ mới tu đây đâu có biết gì! Sự thật hiện đời được gặp Phật pháp, nghe được chánh pháp, phát tâm tu hành là biết xưa kia đã có tu rồi. Có nhiều người thông minh khôn ngoan chưa từng bước chân đến chùa, chưa từng đọc một quyển kinh, những người này tuy được có phước giàu sang thông minh nhưng phước về đạo lý chưa có. Người biết phát tâm tu hành, tối thiểu cũng đã trồng duyên lành được một hoặc vài ba đời về trước, bây giờ ra đời gặp Phật pháp tiếp tục tu nữa.

Trước đã có gieo chủng tử Phật pháp, có tu chút ít nên bây giờ được kết quả như thế này, nếu tiếp tục gắng nữa, nhất định về sau sẽ kết quả nhiều hơn, đó là điều chắc chắn. Nếu tu vài ba đời rồi bỏ mất thì không có Phật, không có Bồ-tát. Bởi vì tu vài ba đời rồi để mất, trở lại làm phàm phu, làm sao tiến lần lên thành Phật, thành Bồ-tát. Các ngài tu tiến từ phàm lên thánh, chúng ta cũng vậy, tại sao lại nói mình mất hạt giống lành? Trừ trường hợp chúng ta quá ỷ lại công đức của mình. Thí dụ do đời trước có căn lành, đời này sanh ra gặp được Phật pháp mà không chịu tu, buông lung tâm ý làm các việc xấu, phá hoại thiện căn của mình nên mất công đức không thành tựu lòng tin.

Những người trẻ có duyên tốt tu hành, đó là những người ưu tú có hạt giống Bồ-đề vừa no đủ lại vừa tốt, phải gắng tinh tấn nuôi dưỡng nó, đừng để những loại sâu độc rúc rĩa, làm hư hại, chắc chắn những hạt giống đó sẽ lên cây tốt và có kết quả tốt. Tuổi trẻ phát tâm tu phải mừng rằng chúng ta đã có căn lành nên gặp Phật pháp sớm. Ngày xưa khôn mới tạo căn lành này, bây giờ

chẳng lẽ ngu si hủy hoại căn lành của mình! Thế nên phải nỗ lực vun bồi để nó được tăng trưởng phát triển, như thế mới xứng công chúng ta vun trồng nhiều đời. Chúng ta khéo gìn giữ căn lành, tinh tấn nỗ lực tiến tu, nhất định sẽ được gặp Phật pháp mãi mãi, không thể nói mình tu đời này rồi đời sau bị mất hạt giống lành.

Tóm lại, những người từ phát tâm tin rồi đi thẳng vào nhóm chánh định là những người đã cúng dường chư Phật, gặp Phật được muôn kiếp. Vì vậy người nào phát tâm vào chùa, tu thường suôn sẻ không có chướng ngại, tu cho đến già chết, càng ngày càng tiến là biết họ đã gặp Phật khá nhiều rồi.

## 2. Nhóm bất định

**Âm:**

**Nhược hữu chúng sanh thiện căn vi thiếu, cứu viễn dĩ lai phiên não thâm hậu, tuy trị ư Phật diệt đắc cúng dường, nhiên khởi nhân thiên chủng tử, hoặc khởi Nhị thừa chủng tử. Thiết hữu cầu Đại thừa giả, căn tác bất định, nhược tiến nhược thoái.**

**Hoặc hữu cúng dường chư Phật vị kinh nhất vạn kiếp, ư trung ngộ duyên diệt hữu phát tâm. Sở vị kiến Phật sắc tướng nhi phát kỳ tâm, hoặc nhân cúng dường chúng tăng nhi phát kỳ tâm, hoặc nhân Nhị thừa chi nhân giáo linh phát tâm, hoặc học tha phát tâm. Như thị đẳng phát tâm tất giai bất định, ngộ ác nhân duyên, hoặc tiện thoái thất đọa Nhị thừa địa.**

**Dịch:**

*Nếu có chúng sanh thiện căn kém ít, từ lâu xa đến giờ phiền não sâu dày, tuy gặp được Phật, cũng cúng dường, nhưng khởi chủng tử nhân thiên hoặc khởi chủng tử Nhị thừa. Giả sử những người ấy có cầu Đại thừa thì căn lành ắt không nhất định, hoặc tiến tới hoặc thối lui.*

*Hoặc có người cúng dường chư Phật chưa trải qua muôn kiếp, ở trong khoảng giữa gặp duyên cũng có phát tâm. Đó là thấy sắc tướng của Phật mà phát tâm, hoặc nhân cúng dường chúng tăng mà phát tâm, hoặc nhân hàng Nhị thừa dạy khiến cho phát tâm, hoặc nhân người khác chỉ dạy mà phát tâm. Những phát tâm như thế thảy đều không nhất định, gặp nhân duyên xấu hoặc là thối chuyển rồi rơi trong lãnh vực của Nhị thừa.*

**Giảng:**

Đây là hạng chúng sanh thuộc nhóm bất định không đi thẳng vào nhóm chánh định. Do *thiện căn kém ít, phiền não lại sâu dày*, những chúng sanh này gặp Phật cúng dường, nhưng lại khởi tâm cầu quả báo cõi trời cõi người, hoặc cầu quả báo Nhị thừa. Cũng có người muốn phát tâm Đại thừa mà không nhất định, hoặc lui hoặc tiến. Sở dĩ như vậy là vì thiện căn kém mỏng mà phiền não lại sâu dày, cho nên tuy đồng gặp Phật mà không hưởng được trọn vẹn tinh thần viên mãn của Đại thừa. Đó là một trường hợp.

Trường hợp khác, hoặc có người cúng dường Phật chưa trải qua muôn kiếp, ở trong khoảng giữa gặp duyên cũng phát tâm. Hoặc thấy sắc tướng Phật, hoặc cúng dường chư tăng, hoặc nhân hàng Nhị thừa dạy khiến phát tâm, hoặc nhân người khác chỉ dạy mà phát tâm. Những phát tâm như vậy đều nằm trong nhóm bất định vì không chắc chắn đủ niềm tin Đại thừa. Vì duyên lành chưa đầy đủ, hoặc có khi tiến khi thoái thất, có khi rơi vào lãnh vực của Nhị thừa.

Chúng ta tu hành, đối với chánh pháp Đại thừa có đủ niềm tin suốt đời không bao giờ lui sụt thì không lo sợ gì cả. Ở đây nói muôn kiếp cúng dường Phật, chúng ta ít ra cũng có mười kiếp rồi. Mười kiếp đã ở trong chánh pháp Đại thừa, do đó chúng ta mới không lui sụt, nhân duyên tu hành của chúng ta đã ở trong nhóm chánh định, thì từ đây về sau nhất định không thoái chuyển nữa, lần lần tiến lên quả vị Phật mới thôi.

### 3. Phát tâm Đại thừa

**Âm:**

**Phục thứ, tín thành tựu phát tâm giả, phát hà đẳng tâm? Lược thuyết hữu tam chủng. Vân hà vi tam? Nhất giả trực tâm, chánh niệm chân như pháp cố. Nhị giả thâm tâm, nhạo tập nhất thiết chư thiện hạnh cố. Tam giả đại bi tâm, dục bạt nhất thiết chúng sanh khổ cố.**

**Dịch:**

*Lại nữa, tín thành tựu phát tâm là phát những tâm gì? Lược nói có ba thứ. Một là trực tâm,*

***do chánh niệm pháp chân như. Hai là thâm tâm, là vì ưa nhóm họp tất cả hạnh lành. Ba là đại bi tâm, là vì muốn cứu khổ cho chúng sanh.***

### **Giảng:**

Khi lòng tin được thành tựu mà phát tâm, phát những tâm nào? Có ba tâm:

#### *1. Trục tâm*

Trục tâm là *do chánh niệm chân như*. Pháp tu của chúng ta hiện nay thường bị mọi người cho là tiêu cực ích kỷ, vì thường quen quan niệm rằng, ngồi trên núi tu một mình, đó là hàng Nhị thừa tiêu nha bại chủng. Nhưng khi chúng ta tu an định, nhận ra được tâm chân như thanh tịnh nơi mình, chánh niệm chân như không buông lỏng, đó là *tín thành tựu phát tâm*. Hiểu rõ chỗ này, khi nghe phê bình lối *tu nhập thất, tu thiền buông vọng* là tiêu cực..., chúng ta có lập trường vững vàng không e sợ. Chúng ta trở về chân như, chân như đầy khắp không chỗ nào thiếu làm sao nói tiêu cực được? Khi chúng ta đã trở về rồi, lúc đó ứng dụng tự tại, độ bao nhiêu chúng sanh lại chẳng được!

Thí dụ có năm bảy người tắm biển, thành linh bị sóng cuốn ra ngoài khơi, họ la cầu cứu. Lúc đó nhiều người đứng trên bờ, có người sốt sắng nhảy ào ra cứu. Vì không biết bơi nên loay hoay bị người níu kéo, rốt cuộc không cứu được người mà mình bị chết chìm. Có người cũng sốt sắng như thế, nhưng lập thế tìm chiếc thuyền chèo ra, nắm người này kéo bỏ lên thuyền, nắm người kia kéo bỏ lên thuyền. Vậy hai người đó ai khôn hơn?

Như vậy, rõ ràng nếu chưa được tự tại mà lo cứu người sớm quá, sẽ bị người kéo chúng ta chìm luôn cả đám. Mặc dù đó là việc tốt, song cái tốt đó chỉ làm nguy hại, còn cái tốt kia mới là tốt thật sự, bảo đảm cho mình và bảo đảm cho người. Chánh niệm chân như là lối tu đúng theo lời Phật dạy, thực hành xong thì lợi lạc vô cùng. Như đức Phật phát đại bi tâm vì thương chúng sanh đau khổ, ngài đi vào rừng quyết chí tu cho đến sáng đạo mới ra hóa độ chúng sanh. Thế nên không có ai làm mê hoặc ngài được, do đó ngài độ viên mãn. Vì vậy phải hiểu rõ tinh thần Đại thừa, nếu không chúng ta sẽ lầm lẫn. Đó là *trực tâm do chánh niệm pháp chân như*.

### 2. *Thâm tâm*

Thâm tâm tức là chúng ta *nhóm họp tất cả hạnh lành*. Nghĩa là bất cứ ở đâu, trường hợp nào làm được việc lành lớn nhỏ gì cũng làm, đó gọi là thâm tâm.

### 3. *Đại bi tâm*

Đại bi tâm nghĩa là chúng ta *muốn nhổ hết gốc khổ cho tất cả chúng sanh*, vì khởi tâm thương xót người là đã có phát tâm, đã hướng về ý niệm lợi tha rộng lớn. Đó là phát tâm thuộc hạng thứ ba.

Như vậy, trực tâm do chánh niệm chân như là hạng thứ nhất. Bởi vì chân như mênh mông rộng lớn, nếu chánh niệm chân như là nhập được chân như. Nhập được chân như rồi thì tùy theo dụng của chân như mà độ chúng sanh. Cái dụng đó thật vô lượng vô biên. Do đó chúng ta không thể ức thuyết rằng người đang tu tập là Tiểu thừa hay Đại thừa mà cần hiểu rõ tinh thần Đại thừa là thế nào.

**Âm:**

**Vấn viết:** Thượng thuyết pháp giới nhất tướng, Phật thể vô nhị, hà cố bất duy niệm chân như, phục giả cầu học chư thiện chi hạnh?

**Đáp viết:** Thí như đại ma-ni bảo, thể tánh minh tịnh, nhi hữu khoáng uế chi cấu. Nhược nhân tuy niệm bảo tánh, bất dĩ phương tiện chủng chủng ma tri, chung vô đắc tịnh. Như thị chúng sanh chân như chi pháp, thể tánh không tịnh, nhi hữu vô lượng phiền não nhiễm cấu. Nhược nhân tuy niệm chân như, bất dĩ phương tiện chủng chủng huân tu, diệc vô đắc tịnh. Dĩ cấu vô lượng biến nhất thiết pháp cố, tu nhất thiết thiện hạnh dĩ vi đối trị. Nhược nhân tu hành nhất thiết thiện pháp, tự nhiên quy thuận chân như pháp cố.

**Dịch:**

**Hỏi:** Ở trên nói pháp giới một tướng, Phật thể không hai, tại sao không chỉ niệm chân như, lại nhờ cầu học những hạnh lành?

**Đáp:** Thí như có hạt châu ma-ni lớn, thể tánh trong sáng mà có những nhơ bẩn lẫn trong đó. Nếu người tuy nhớ tánh của hạt châu này mà không dùng các thứ phương tiện lau chùi hay mài giũa thì trọn không có được trong sạch. Chúng sanh đối với pháp chân như cũng như thế, thể tánh nó là trong sáng, nhưng có vô lượng phiền não nhơ uế làm nhiễm. Nếu người chỉ niệm chân như thôi, không dùng các thứ phương tiện huân tu cũng không có được sự

*trong sạch. Do vô lượng cấu nhiễm cùng khắp tất cả pháp, nên cần tu tất cả hạnh lành để đối trị. Nếu người tu làm tất cả pháp lành tự nhiên trở về tùy thuận theo pháp chân như.*

### **Giảng:**

Người Tín thành tựu phát tâm chỉ cần phát một trực tâm, nghĩa là chỉ chánh niệm chân như là đầy đủ, tại sao phải phát thâm tâm và đại bi tâm?

Tổ giải thích, nếu chúng ta chỉ chánh niệm chân như thôi mà không ưa nhóm họp tất cả hạnh lành và không phát tâm đại bi cứu khổ chúng sanh, thì chánh niệm chân như đó cũng khó thành tựu.

Thí dụ như viên ngọc sáng mà lẫn chất khoáng như bần trong đó, muốn nó trong sáng lại, nếu không có phương tiện để lau, giũa hay dùng đá để mài, thì khó được sáng sạch như xưa. Chúng ta đối với pháp chân như cũng thế, tuy biết mình có sẵn đủ, chỉ cần phát tâm tu thẳng môn chân như là xong, nhưng tập khí phiền não nhiễm như sâu dày, nếu không tu tất cả hạnh lành, không phát tâm cứu độ, dùng sức huân của tâm đại bi rửa sạch cấu nhiễm, cũng khó phát sáng chân tâm.

Phát tâm tu hạnh lành không câu nệ ở việc lớn hay việc nhỏ, chỉ cần tâm phát nguyện thâm sâu vững chắc. Ngồi yên trong thất, tâm kiên cố một bề lo tu đến sáng đạo, vì thương chúng sanh khổ lâu xa nên phải tu lâu xa để cứu độ viên mãn, đó là đại nguyện rộng lớn; không phải chỉ đem tiền cúng chùa, làm việc từ thiện nhiều mới có giá trị rộng lớn. Đừng nghĩ rằng muốn

làm việc lành chỉ có làm từ thiện xã hội, còn ngôi yên tu là không làm việc lành, không trở về chân như. Khi chúng ta nỗ lực tu mà tâm không quên chúng sanh đang bị mê chạy theo vọng niệm chịu khổ, xong việc sẵn sàng theo nguyện cứu giúp, đó là phương tiện lành để trở về chân như.

#### **4. Phương tiện độ sanh của chư Bồ-tát**

##### **a. Phương tiện tu hành căn bản**

**Âm:**

**Lược thuyết phương tiện hữu tứ chủng. Vân hà vi tứ?**

**Nhất giả hành căn bản phương tiện. Vị quán nhất thiết pháp tự tánh vô sanh, ly ư vọng kiến, bất trụ sanh tử. Quán nhất thiết pháp nhân duyên hòa hợp, nghiệp quả bất thất, khởi ư đại bi tu chư phước đức, nhiếp hóa chúng sanh bất trụ Niết-bàn, dĩ tùy thuận pháp tánh vô trụ cố.**

**Dịch:**

*Lược nói phương tiện có bốn thứ. Thế nào là bốn?*

*Một là phương tiện tu hành căn bản. Nghĩa là quan sát tất cả pháp tự tánh vô sanh, lìa nơi vọng kiến, không trụ trong sanh tử. Quán tất cả pháp nhân duyên hòa hợp thì nghiệp quả không mất, khởi lòng đại bi tu các phước đức để nhiếp hóa chúng sanh, không trụ Niết-bàn, do tùy thuận pháp tánh mà không trụ vậy.*

**Giảng:**

Nói rộng về phương tiện độ sanh của chư Bồ-tát, có những phương tiện tu hành như sau:

*Phương tiện tu hành căn bản* nghĩa là chúng ta *thấy tất cả pháp tự tánh vô sanh*. Biết các pháp tự tánh vô sanh, thể nó là Không nên không sanh diệt, thấy được điều này chúng ta lìa vọng chấp, không kẹt trong sanh tử. Kế đó lại *quán tất cả pháp do nhân duyên hòa hợp, nghiệp quả không mất*. Như vậy phần trước là quán tự tánh các pháp, phần sau quán về nghiệp tướng các pháp. Tuy tự tánh các pháp là vô sanh nhưng trên nghiệp tướng thì quả báo không mất, vì vậy chúng ta mới *khởi lòng đại bi tu các phước đức, giáo hóa chúng sanh, không trụ Niết-bàn*.

Trước hết nói về phần tu. Chúng ta luôn thấy tất cả sự vật hiện có đều do nhân duyên hòa hợp nên tự thể nó là không. Bởi tự thể không, sanh không thật sanh, hoại không thật hoại, biết vậy rồi tâm chúng ta không dính mắc, không vướng kẹt. Đó là đứng về phần lý trí nhìn thẳng vào tự tánh các pháp. Nhìn như vậy lâu ngày thành thói quen, thấy ai khổ chúng ta không thấy khổ, vì khổ tự tánh là không; thấy vui, vui tự tánh nó cũng là không. Như vậy khổ vui mặc họ độ làm gì, không cần khởi tâm thương xót! Lý trí mạnh mà không khéo vận dụng từ bi thì trở nên khô khan. Nên đến giai đoạn thứ hai phải quán nghiệp tướng của các pháp. Tuy rằng tự tánh các pháp là không, thân ngũ uẩn tự tánh không, nhưng duyên hợp vẫn không mất quả báo. Chúng sanh

theo duyên nghiệp, quả báo khổ vẫn không mất. Vì thế nên khởi lòng đại bi phát tâm thương xót cứu độ tất cả chúng sanh, muốn tất cả đều được giác ngộ như chúng ta, không riêng an trụ Niết-bàn. Đó gọi là *tùy thuận pháp tánh vô trụ*.

## **b. Phương tiện năng chỉ**

**Âm:**

**Nhị giả năng chỉ phương tiện. Vị tầm quý hối quá, năng chỉ nhất thiết ác pháp bất linh tăng trưởng, dĩ tùy thuận pháp tánh ly chư quá cố.**

**Dịch:**

*Hai là phương tiện ngăn dừng. Nghĩa là hổ thẹn hối lỗi, hay dừng tất cả pháp ác không cho nó tăng trưởng, do vì tùy thuận pháp tánh là các lỗi lầm.*

**Giảng:**

Phương tiện thứ nhất là thấy thẳng pháp tánh, khởi lòng từ độ chúng sanh; phương tiện thứ hai là phân tự kỷ, nghĩa là đối với chính mình, chúng ta luôn luôn biết hổ thẹn cải hối các lỗi lầm, sửa đổi những điều xấu hổ làm. Không ai là người hoàn toàn, không thể tránh sơ suất, khi có lỗi thì sanh tâm hổ thẹn chừa bỏ. Do đó hay dứt được tất cả pháp ác, khiến nó không tăng trưởng, nhờ đó chúng ta tùy thuận pháp tánh, là những lỗi lầm.

Tôi thường cảm động khi thấy người có lỗi mà biết nhận, đó là điều tốt, điều đáng vui mừng. Người có lỗi mà che giấu thì thật đáng buồn, như vậy làm sao sửa được!

Chúng ta muốn chỉ lỗi để họ biết sửa đổi, mới vừa nêu lên đã nổi sân liên, nên thôi đành chịu. Thế nên, tu hành biết lỗi để sửa đổi chừa bỏ là điều rất quý. Không ai có thể cho rằng mình suốt đời không phạm lỗi, vì chúng ta chưa phải là Phật, Bồ-tát. Phương tiện ngăn ngừa các lỗi xấu ác là phương tiện rất cần thiết trên đường tu của chúng ta.

### **c. Phương tiện phát khởi tăng trưởng thiện căn**

**Âm:**

**Tam giả phát khởi thiện căn tăng trưởng phương tiện. Vị cần cúng dường lễ bái Tam bảo, tán thán tùy hỷ, khuyến thỉnh chư Phật, dĩ ái kính Tam bảo thuần hậu tâm cố, tín đặc tăng trưởng, nãi năng chí cầu Vô thượng chi đạo. Hựu nhân Phật pháp tăng lực sở hộ cố, năng tiêu nghiệp chướng, thiện căn bất thối, dĩ tùy thuận pháp tánh ly si chướng cố.**

**Dịch:**

*Ba là phương tiện phát khởi tăng trưởng thiện căn. Nghĩa là siêng năng cúng dường lễ bái Tam bảo, tán thán tùy hỷ, khuyến thỉnh chư Phật, do tâm yêu kính Tam bảo rất thuần hậu nên lòng tin được tăng trưởng, mới hay có chí cầu đạo Vô thượng. Lại, nhân được sức Phật pháp tăng gia hộ, hay tiêu trừ được nghiệp chướng nên thiện căn không bị lui sụt, do đó mà tùy thuận pháp tánh là những si chướng.*

**Giảng:**

Phương tiện thứ ba là *phát khởi tăng trưởng căn lành*. Đối với Tam bảo chúng ta hằng lễ bái cúng dường, khen ngợi, tùy hỷ những người làm việc lành, khuyến thỉnh chư Phật giáo hóa chúng sanh. Do lòng mến kính Tam bảo thuần hậu đó mà thiện căn dễ tăng trưởng, do đó mới hay có chí cầu đạo Vô thượng.

Tuy chúng ta tu luôn luôn lúc nào cũng trở về tự tánh chân như, nhưng bên ngoài đối với Tam bảo bao giờ cũng có lòng kính mến chân thật. Chính nhờ lòng chí thành của chúng ta, lại nhận được gia hộ của Tam bảo, nên nghiệp chướng ngày càng tiêu mỏng, dễ tùy thuận với pháp tánh chân như và dễ lìa được những si mê ám chướng.

**d. Phương tiện đại nguyện bình đẳng****Âm:**

**Tứ giả đại nguyện bình đẳng phương tiện. Sở vị phát nguyện tận ư vị lai, hóa độ nhất thiết chúng sanh sử vô hữu dư, giai linh cứu cánh vô dư Niết-bàn, dĩ tùy thuận pháp tánh vô đoan tuyệt cố. Pháp tánh quảng đại, biến nhất thiết chúng sanh, bình đẳng vô nhị, bất niệm bỉ thử, cứu cánh tịch diệt cố.**

**Dịch:**

*Bốn là phương tiện đại nguyện bình đẳng. Đó là phát nguyện hóa độ tất cả chúng sanh tột đời vị lai, không còn thừa sót và khiến cho họ đều cứu cánh vào vô dư Niết-bàn, do tùy thuận pháp tánh*

***không đoạn không dứt, pháp tánh rộng lớn cùng khắp tất cả chúng sanh, bình đẳng không hai, không nghĩ kia đây, cứu cánh đều lặng lẽ.***

**Giảng:**

Phương tiện thứ tư là *phát đại nguyện bình đẳng*, nguyện độ tất cả chúng sanh. Tất cả người thân sơ, thương ghét đều gắng độ hết, không phân biệt kia đây. Vì trong chân như bình đẳng không hai, nên chúng ta nguyện độ tất cả người ủng hộ giúp đỡ chúng ta, và cũng độ người tìm cách gây khó khăn làm cho chúng ta phải khốn khổ. Như thế mới là đại nguyện bình đẳng. Vì xứng với pháp tánh rộng lớn nên nguyện độ không sót bất cứ một chúng sanh nào.

Chúng ta học theo hạnh của đức Phật, tuy ngài nguyện độ hết, nhưng chúng sanh gần gũi và thuần thực thì độ trước, người chưa thuần thực thì dần dần tạo duyên để độ. Như khi tôi đang giảng kinh được nhiều người hưởng ứng nghe, nhưng tôi chỉ hứa giảng ba năm rồi nghỉ. Có người trách tôi ích kỷ, không nguyện độ khắp vì chỉ có những người hiện tại được lợi ích, còn những người sau bị bỏ sót. Thật ra bây giờ tôi cố tình chỉ dạy những người tôi tin tưởng để ngày mai họ có thể thay thế cho tôi. Điều gì làm được thì chúng ta làm trực tiếp, điều gì không làm được thì tạo duyên để người khác phụ giúp với chúng ta. Đức Phật nhập Niết-bàn hơn hai ngàn năm, giáo lý của ngài bây giờ vẫn còn độ chúng sanh. Ngài không có mặt ở đây, song ngài đã làm duyên để lại, các đệ tử thay ngài độ chúng sanh đời sau. Cho nên đừng tưởng trực tiếp độ mới là độ.

Phát tâm bình đẳng là điều thiết yếu, nhưng việc làm thì không bình đẳng một lượt. Như câu chuyện đức Phật nói về người nông phu biết làm ruộng, với những mầu đất đình phải làm trước, để mưa sâu quá không làm kịp, những đám ruộng phì nhiêu trồng tủa trước, đám nào chai gò thủng thẳng làm sau. Người biết làm ruộng phải nắm nguyên tắc đó. Còn người bình đẳng gò với đình làm một lượt đó là người chưa biết làm ruộng. Chủ yếu của người tu phải hiểu thời cơ, việc làm tuy giới hạn nhưng có thể là việc làm vĩnh viễn, còn không biết thời cơ, việc làm coi như bao trùm hết, rốt cuộc không được việc gì. Đây là điều quan trọng.

#### e. Tùy nguyện độ sanh

**Âm:**

**Bồ-tát phát thị tâm cố, tác đắc thiếu phần kiến ư pháp thân. Dĩ kiến pháp thân cố, tùy kỳ nguyện lực năng hiện bát chủng lợi ích chúng sanh. Sở vị tùng Đâu-suất thiên thối, nhập thai, trụ thai, xuất thai, xuất gia, thành đạo, chuyển pháp luân, nhập ư Niết-bàn.**

**Dịch:**

*Bồ-tát phát tâm ấy thì thấy được ít phần pháp thân. Do thấy được pháp thân nên tùy theo nguyện lực, hay hiện tám việc làm lợi ích chúng sanh. Đó là: từ cung trời Đâu-suất xuống, vào thai mẹ, trụ trong thai, ra khỏi thai, xuất gia, thành đạo, chuyển pháp luân, nhập Niết-bàn.*

**Giảng:**

Bồ-tát được tín tâm thành tựu rồi, y theo những hạnh phương tiện tu hành như trên, sẽ thấy được ít phần pháp thân tức là đã bước vào Sơ địa. Các ngài tùy theo nguyện lực tăng trưởng quả vị đến chỗ còn một đời thành Phật gọi là Nhất sanh bổ xứ, lúc ấy sẽ thị hiện tám việc lợi ích chúng sanh: *từ cung trời Đâu-suất xuống cõi Diêm-phù-đề, vào thai mẹ, trụ trong thai mẹ, đản sanh, xuất gia, thành đạo, chuyển pháp luân, nhập Niết-bàn.*

Vì sao nhập Niết-bàn mà lợi ích chúng sanh? Trong kinh Pháp Hoa Phật dùng thí dụ ông thầy thuốc, vì muốn lợi ích cho con ở nhà bị điên không chịu uống thuốc, nên đi xa. Ông cho người nhắn tin về nói rằng ông đã chết, mấy đứa con điên hoảng hồn, cha mình chết rồi không ai cứu giúp, lúc ấy chúng mới tự nghĩ tìm thuốc uống, tự nhiên hết bệnh. Như vậy Phật nhập Niết-bàn cũng làm lợi ích chúng sanh. Nhờ ngài nhập Niết-bàn nên bây giờ giáo lý ngài mới bủa khắp nơi, và chúng ta mới lạy hoài không chán. Nếu ngài còn hoài mà ngài người Ấn Độ, nhiều khi chúng ta kỳ thị không biết quý. Chính ngài nhập Niết-bàn rồi hết kỳ thị, chúng ta mới kính nể giáo lý của ngài.

**Âm:**

**Nhiên thị Bồ-tát vị danh pháp thân, dĩ kỳ quá khứ vô lượng thế lai hữu lậu chi nghiệp vị năng quyết đoạn, tùy kỳ sở sanh dữ vi khổ tương ưng; diệt phi nghiệp hệ, dĩ hữu đại nguyện tự tại lực cố.**

**Dịch:**

*Nhưng Bồ-tát ấy chưa gọi là pháp thân, vì từ quá khứ vô lượng đời đến nay, những nghiệp hữu lậu chưa có thể đoạn dứt, tùy các ngài sanh ở chỗ nào, còn cùng với cái khổ vi tế tương ứng; cũng không phải do nghiệp trôi buộc, mà do có sức tự tại của đại nguyện.*

**Giảng:**

Bồ-tát chưa sống hoàn toàn với pháp thân, vì còn những nghiệp hữu lậu của vô lượng đời quá khứ. Các ngài tuy thấy một phần pháp thân nhưng sanh nơi nào vẫn còn chịu khổ vi tế. Tuy có *khổ vi tế* mà *chẳng phải do nghiệp trôi buộc, đều do sức đại nguyện tự tại*. Như Bồ-tát ở cung trời Đâu-suất, xuống cung vua thọ sanh, không phải do nghiệp mà đó là nguyện lực. Khi thọ sanh cũng bị những cái khổ nhỏ về đói, lạnh... Vì có thân nên chịu các khổ của thân, song hoàn toàn không phải bị nghiệp lôi. Chúng sanh thì hoàn toàn phó thác cho nghiệp lôi, không thể cưỡng lại.

Khi xuất gia chúng ta gắng chống lại tập nghiệp của mình, hiện tại chống được thì tương lai cũng chống được, chắc chắn không bị nghiệp lôi. Người xuất gia hiện tại là *cưỡng nghiệp sanh tử*. Nghiệp sanh tử lớn nhất là tạo gia đình, sanh con cái nối dòng dõi thế gian. Từ sự tiếp nối này lôi kéo chúng sanh luân hồi không dừng. Ngay khi xuất gia, chúng ta đã cưỡng lại nghiệp gia đình, đó là cái tự chủ quý nhất.

Người xuất gia sống theo giới luật, hạn chế sự tiếp xúc giữa sáu căn sáu trần, những gì buông lung thích ý đều chống lại không theo. Miệng thích ăn ngon, bây giờ chúng ta bắt nó chay lạt là đã cưỡng lại nghiệp của miệng. Tai thích nghe nhạc, bây giờ cưỡng lại không nghe. Mũi thích mùi thơm cũng không cho theo. Mắt ưa nhìn sắc đẹp, chúng ta quán tất cả hư giả nên không chạy theo sắc. Thân thích xúc chạm mềm mại trơn láng, đồ mặc tốt đẹp, bây giờ cũng không ưa thích. Đồ xấu mặc cũng được, nằm giường hư cũng xong...

Chúng ta đang làm việc chống lại nghiệp mà không ngờ. Nếu đủ sức mạnh nắm trong tay quyền làm chủ, không để nghiệp sai sử lôi kéo. Một đời tu như vậy, nhiều đời sau mạnh mẽ tự tại, đến lúc làm chủ hẳn nghiệp lực thì sanh nơi đâu là do nguyện, không phải do nghiệp. Đó là con đường của Bồ-tát.

### **Âm:**

**Như tu-đa-la trung, hoặc thuyết hữu thối đọa ác thú giả, phi kỳ thật thối, đản vi sơ học Bồ-tát vị nhập chánh vị nhi giải đãi giả, khủng bố linh sử dũng mãnh cố.**

### **Dịch:**

*Như trong kệ kinh hoặc nói có những vị Bồ-tát thối đọa vào ác thú, chẳng phải có sự thối đọa thật sự, chỉ vì những vị Bồ-tát mới tu học chưa vào chánh vị còn hay lười biếng, dùng lối nói khủng bố để khiến dũng mãnh hơn lên.*

**Giảng:**

Chư Bồ-tát không thật sự đọa vào đường ác. Trong kinh Phật khéo dùng phương tiện, vì các Bồ-tát sơ học chưa vào chánh vị, sợ có lúc giải đãi nên nói “Khi tu phát tâm Bồ-tát mà không khéo tu là đọa vào đường ác”, đó là khủng bố để cho các ngài dũng mãnh tinh tấn.

Bồ-tát sơ phát tâm còn không đọa đường ác, các Bồ-tát đẳng địa có thể thị hiện vào khắp các loài để độ sanh. Như Bồ-tát Quan Thế Âm được ứng thân tự tại, khi cần hiện thân cư sĩ, thân sĩ phu, thân Tỳ-kheo... ngài đều có thể ứng hiện tùy loại, tùy duyên để độ chúng sanh. Cũng có khi các ngài làm người ngoại đạo, hoặc làm quan, làm vua..., tất cả là hạnh Bồ-tát để độ sanh đầy đủ.

Sở dĩ Bồ-tát độ sanh tùy nguyện vì các ngài đã được sức tự tại, tự chủ. Chúng ta tu cũng cốt là để cưỡng lại nghiệp sanh tử, khi quả quyết chắc chắn không còn bị lôi trong sanh tử, trở về tự tánh chân như, sẽ phát đại nguyện độ sanh như chư Bồ-tát. Con đường của chúng ta chắc chắn như thế, không sợ thối đọa.

**Âm:**

**Hựu thị Bồ-tát nhất phát tâm hậu, viễn ly khiếp nhược, tất cánh bất úy đọa Nhị thừa địa. Nhược văn vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp cần khổ nan hành nãi đắc Niết-bàn, diệc bất khiếp nhược, dĩ tín tri nhất thiết pháp tùng bản dĩ lai tự Niết-bàn cố.**

**Dịch:**

*Lại Bồ-tát ấy sau khi phát tâm rồi, liền xa lìa sự khiếp nhược, cứu cánh không rơi vào lãnh vực*

*Nhị thừa. Dù nghe nói rằng phải siêng năng khổ nhọc, khó khăn tu hành trong vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp mới được Niết-bàn, các ngài cũng không có khiếp nhược. Tại sao? Bởi vì các ngài tin biết tất cả pháp từ xưa đến nay tự là Niết-bàn.*

### **Giảng:**

Chúng ta nghe nói gặp chư Phật Bồ-tát, thờ phụng cúng dường một muôn năm mới được tin tâm thành tựu, muốn được Niết-bàn phải tu trải qua ba a-tăng-kỳ kiếp, nghe như vậy có ngán không? Nếu có ngán thì sanh ra khiếp nhược sợ sệt. Đây lại nói Bồ-tát nghe trải qua vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp siêng năng khổ nhọc mới được Niết-bàn. Nghe vậy mà các ngài không sợ. Tại sao? Vì các ngài biết tự tánh các pháp xưa nay là Niết-bàn, không chờ đợi Niết-bàn ở đâu xa. Hiện tại nếu chúng ta thấy thân huyễn hóa này tự tánh vô sanh tức vô diệt, đó là Niết-bàn ngay nơi đây, cứ an tâm tiến tu.

Hàng Nhị thừa trông được Niết-bàn, nên nghe nói trải qua ba vô số kiếp tự sanh chán mỏi. Bồ-tát thấy các pháp tự tánh là không, không sanh không diệt, ngay nơi thân tứ đại ngũ uẩn này tự tánh vô sanh tức Niết-bàn, thế nên các ngài yên ổn, bao lâu cũng được, cứ làm cứ tiến không nghĩ lâu xa.

## **II. Giải hạnh phát tâm**

### **Âm:**

**Giải hạnh phát tâm giả, đương tri chuyển thắng.**

**Dịch:**

*Giải hạnh phát tâm thì nên biết càng thêm thù thắng hơn trước.*

**Giảng:**

Phần trên là nói về sự phát tâm do lòng tin, đoạn này nói về sự phát tâm sau khi hiểu và thực hành. Có hiểu và có thực hành rồi phát tâm thì sự phát tâm càng thù thắng hơn.

**Âm:**

Dĩ tri Bồ-tát tùng sơ chánh tín dĩ lai, ư đệ nhất a-tăng-kỳ kiếp tương dục mãn cố, ư chân như pháp trung, thâm giải hiện tiền, sở tu ly tướng. Dĩ tri pháp tánh thể vô xan tham cố, tùy thuận tu hành đàn ba-la-mật. Dĩ tri pháp tánh vô nhiễm, ly ngũ dục quá cố, tùy thuận tu hành thi ba-la-mật. Dĩ tri pháp tánh vô khổ, ly sân não cố, tùy thuận tu hành sần-đề ba-la-mật. Dĩ tri pháp tánh vô thân tâm tướng, ly giải đãi cố, tùy thuận tu hành tỳ-lê-da ba-la-mật. Dĩ tri pháp tánh thường định, thể vô loạn cố, tùy thuận tu hành thiên ba-la-mật. Dĩ tri pháp tánh thể minh, ly vô minh cố, tùy thuận tu hành Bát-nhã ba-la-mật.

**Dịch:**

*Do Bồ-tát ấy từ chánh tín ban đầu trở đi ở trong a-tăng-kỳ kiếp thứ nhất sắp đầy đủ, đối với pháp chân như, sự thâm hiểu được hiện tiền và chỗ tu đều là là tướng. Do biết pháp tánh thể không*

*xan tham, nên tùy thuận tu hành về bố thí ba-la-mật. Do biết pháp tánh không nhiễm, là các lỗi ngũ dục, nên tùy thuận tu hành trì giới ba-la-mật. Do biết pháp tánh không khô, là sân não, nên tùy thuận tu hành nhẫn nhục ba-la-mật. Do biết pháp tánh không có tướng thân tâm, là giải đãi, nên tùy thuận tu hành tinh tấn ba-la-mật. Do biết pháp tánh là thường định, thể không có loạn, nên tùy thuận tu hành thiền ba-la-mật. Do biết pháp tánh tự thể sáng suốt, vì là các vô minh, nên tùy thuận tu hành Bát-nhã ba-la-mật.*

### **Giảng:**

Các vị Bồ-tát tu về *Giải hạnh phát tâm* này là sắp mãn được a-tăng-kỳ thứ nhất rồi, các ngài đã thấy được pháp tánh, nên tu đầy đủ sáu pháp ba-la-mật, thể theo pháp tánh mà tu, không có bị chướng ngại.

### **III. Chứng phát tâm**

#### **Âm:**

**Chứng phát tâm giả, từng Tịnh tâm địa nãi chí Bồ-tát Cứu cánh địa, chứng hà cảnh giới? Sở vị chân như, dĩ y chuyển thức thuyết vi cảnh giới, nhi thử chứng giả vô hữu cảnh giới, duy chân như trí danh vi Pháp thân.**

#### **Dịch:**

*Chứng phát tâm là các vị Bồ-tát từ Tịnh tâm địa cho đến Cứu cánh địa chứng những cảnh giới gì?*

***Đó là chân như. Bởi do y chuyển thức mà nói là cảnh giới, chứ chỗ chứng này không có cảnh giới, chỉ là trí chân như gọi là Pháp thân.***

**Giảng:**

Đây là nói về *Chứng phát tâm*. Chứng phát tâm là Bồ-tát từ Bát địa cho đến Thập địa. Sở dĩ nói *chứng cảnh giới* là căn cứ vào chuyển thức, chỗ chứng này là *chứng trí chân như* nhận được *pháp thân*.

**Âm:**

Thị Bồ-tát ư nhất niệm khoảnh năng chí thập phương vô dư thế giới, cúng dường chư Phật, thỉnh chuyển pháp luân, duy vị khai đạo lợi ích chúng sanh, bất y văn tự. Hoặc thị siêu địa tốc thành chánh giác, dĩ vị khiếp nhược chúng sanh cố. Hoặc thuyết ngã ư vô lượng a-tăng-kỳ kiếp đương thành Phật đạo, dĩ vị giải mạn chúng sanh cố.

Năng thị như thị vô số phương tiện bất khả tư nghì, nhi thật Bồ-tát chủng tánh căn đẳng, phát tâm tác đẳng, sở chứng diệc đẳng, vô hữu siêu quá chi pháp. Dĩ nhất thiết Bồ-tát giai kinh tam a-tăng-kỳ kiếp cố, dẫn tùy chúng sanh thế giới bất đồng, sở kiến sở văn căn dục tánh dị, cố thị sở hành diệc hữu sai biệt.

**Dịch:**

*Các vị Bồ-tát này ở trong khoảng một niệm có thể đến mười phương thế giới không thiếu sót, cúng dường chư Phật, thỉnh chuyển pháp luân, chỉ vì*

*dẫn đường làm lợi ích cho chúng sanh, chứ không y nơi văn tự. Hoặc các ngài thị hiện siêu việt các địa chóng thành chánh giác, là vì những chúng sanh khiếp nhược. Hoặc nói ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp sẽ thành Phật đạo, cũng vì những chúng sanh giải đãi ngã mạn mà nói.*

*Các ngài hay thị hiện vô số phương tiện như thế không thể nghĩ bàn, nhưng thật ra Bồ-tát chứng tánh và thiện căn bình đẳng, phát tâm cũng bình đẳng, chỗ chứng cũng bình đẳng, không có pháp siêu quá. Do tất cả Bồ-tát đều trải qua ba a-tăng-kỳ kiếp, chỉ tùy chúng sanh thế giới chẳng đồng, nên chỗ thấy chỗ nghe, các căn dục tánh có khác, vì vậy các ngài thị hiện các việc làm cũng sai biệt.*

### **Giảng:**

Các vị Bồ-tát từ Bát địa đến Thập địa chứng nhập pháp thân, diệu dụng độ sanh như chư Phật, có đầy đủ phương tiện làm lợi ích. Bồ-tát có khi thị hiện thành Phật, có khi các ngài lại nói vô lượng a-tăng-kỳ mới thành Phật... Sở dĩ các ngài thị hiện thành Phật mau chóng là vì những chúng sanh khiếp nhược, lòng dạ yếu kém, thấy được mau thành Phật nên gắng tu. Khi các ngài nói trải qua vô lượng a-tăng-kỳ mới thành Phật là vì những chúng sanh lười biếng và ngã mạn. Nếu nói mau, dễ quá, họ dễ sanh ý lại lười nhác, nên nói khó, tu phải lâu dài, nỗ lực lắm mới thành Phật, để họ cố gắng lên. Tùy theo bệnh của chúng sanh mà Bồ-tát thị hiện không thể nghĩ bàn, bao nhiêu phương tiện không tính hết được.

Thật ra chủng tánh của Bồ-tát đồng nhau, nên chỗ phát tâm cũng đồng, chỗ chứng cũng đồng không có người nào trước người nào sau. Sở dĩ thấy có sớm muộn trước sau tại vì chỗ giáo hóa chúng sanh tùy theo bệnh, các ngài thị hiện sai biệt mà thôi.

#### IV. Sự hoàn tất của chứng phát tâm

**Âm:**

Hựu thị Bồ-tát phát tâm tướng giả, hữu tam chủng tâm vi tế chi tướng. Vân hà vi tam? Nhất giả chân tâm, vô phân biệt cố. Nhị giả phương tiện tâm, tự nhiên biến hành, lợi ích chúng sanh cố. Tam giả nghiệp thức tâm, vi tế khởi diệt cố.

Hựu thị Bồ-tát công đức thành mãn, ư Sắc cứu cánh xứ thị nhất thiết thế gian tối cao đại thân. Vị dĩ nhất niệm tương ưng tuệ, vô minh đốn tận, danh Nhất thiết chủng trí, tự nhiên nhi hữu bất tư nghì nghiệp, năng hiện thập phương lợi ích chúng sanh.

**Dịch:**

*Lại tướng phát tâm của Bồ-tát này có ba thứ tâm tướng vi tế. Thế nào là ba? Một là chân tâm, vì không có phân biệt. Hai là phương tiện tâm, vì tự nhiên làm lợi ích cho chúng sanh. Ba là nghiệp thức tâm, vì còn những khởi diệt vi tế.*

*Lại Bồ-tát ấy công đức được thành tựu viên mãn, ở cõi trời Sắc cứu cánh thị hiện thân cao lớn*

*nhất thế gian. Nghĩa là do nhất niệm tương ưng với tuệ, vô minh liền hết, gọi là Nhất thiết chủng trí, tự nhiên mà có bất tư nghì nghiệp, có thể hiện khắp mười phương làm lợi ích chúng sanh.*

**Giảng:**

Bồ-tát phát tâm vẫn còn có ba tướng nhỏ nhiệm. Tướng *chân tâm* là tâm không có phân biệt, tướng *phương tiện tâm* là tâm làm lợi ích chúng sanh và tướng *nghiệp thức tâm* là tâm còn những khởi diệt vi tế.

Lại, các vị Bồ-tát sắp viên mãn công đức thì các ngài hay thị hiện ở trên cõi trời Sắc cứu cánh. Các ngài hiện thân cao lớn vô cùng, trong khoảng chốc lát tương ưng với tuệ, tức là tương ưng Nhất thiết chủng trí, đầy đủ tất cả bất tư nghì nghiệp dụng, hiện khắp mười phương lợi ích chúng sanh.

**Âm:**

**Vấn viết:** Hư không vô biên cố thế giới vô biên, thế giới vô biên cố chúng sanh vô biên, chúng sanh vô biên cố tâm hạnh sai biệt diệt phục vô biên. Như thị cảnh giới bất khả phân tề, nan tri nan giải. Nhược vô minh đoạn vô hữu tâm tướng, vân hà năng liễu, danh Nhất thiết chủng trí?

**Đáp viết:** Nhất thiết cảnh giới, bản lai nhất tâm ly ư tưởng niệm, dĩ chúng sanh vọng kiến cảnh giới cố tâm hữu phân tề, dĩ vọng khởi tưởng niệm bất xứng pháp tánh cố bất năng quyết liễu.

**Chư Phật Như Lai ly ư kiến tướng vô sở bất biến, tâm chân thật cố, tức thị chư pháp chi tánh. Tự thể hiển chiếu nhất thiết vọng pháp, hữu đại trí dụng vô lượng phương tiện, tùy chư chúng sanh sở ưng đắc giải, giai năng khai thị chủng chủng pháp nghĩa, thị cố đắc danh Nhất thiết chủng trí.**

**Dịch:**

*Hỏi: Vì hư không vô biên nên thế giới vô biên, vì thế giới vô biên nên chúng sanh vô biên, vì chúng sanh vô biên nên tâm hành sai biệt cũng lại vô biên. Những cảnh giới như thế không có chướng ngại, khó biết khó hiểu. Nếu vô minh dứt không có tâm tưởng, làm sao mà hay hiểu rõ gọi là Nhất thiết chủng trí?*

*Đáp: Tất cả cảnh giới xưa nay là nhất tâm, là các tướng niệm, do chúng sanh vọng thấy cảnh giới nên tâm có chướng ngại, do vọng khởi tướng niệm chẳng xứng hợp với pháp tánh nên không thể hiểu rõ.*

*Chư Phật Như Lai xa lìa nơi kiến tướng, không chỗ nào chẳng khắp, vì tâm chân thật chính là tánh của các pháp. Tự thể hiển bày chiếu soi tất cả vọng pháp, có vô lượng phương tiện của cái dụng đại trí, tùy theo các chúng sanh chỗ cần đáng được hiểu thì đều hay mở bày chỉ dạy các thứ pháp nghĩa, thế nên được gọi là Nhất thiết chủng trí.*

**Giảng:**

Chúng ta nghe nói Nhất thiết chủng trí là trí biết tất cả chủng loại liền khởi nghi: *Hư không vô biên*

*nên thế giới vô biên, thế giới vô biên nên chúng sanh vô biên, chúng sanh vô biên nên tâm hành sai biệt cũng vô biên; hư không, thế giới, tâm hành chúng sanh sai biệt vô biên, làm sao có thể biết hết hạn lượng của thế giới, của chúng sanh? Đây lại nói nếu vô minh dứt, lúc đó không có tâm tưởng, đã không có tâm tưởng làm sao hay hiểu được tất cả chủng loại? Phàm phu chúng ta cứ quan niệm có nghĩ có tưởng mới biết, bây giờ dứt hết vô minh không còn suy nghĩ, không còn tâm tưởng làm sao biết tất cả? Không biết được tất cả thì sao gọi là Nhất thiết chủng trí?*

Tổ giải thích nói là cảnh giới vô biên, tâm hành chúng sanh vô biên, nhưng *tất cả cảnh giới đó xưa nay là nhất tâm, là tất cả tướng niệm. Do chúng sanh vọng thấy cảnh giới* nên mới có tâm phân biệt chùng ngăn. Nếu dứt hết vọng tưởng dấy khởi, lúc đó xứng với pháp tánh mới hay rõ biết được tất cả. Vọng niệm là cái suy nghĩ phân biệt có giới hạn, thay đổi theo đối tượng, không xứng hợp pháp tánh rộng lớn nên không thể hiểu biết tận cùng. Khi hết vọng niệm là trở về nhất tâm, tâm ấy đầy khắp, hàng bao trùm vạn tượng chúng sanh, xứng với pháp tánh nên gọi là hiểu biết vô lượng vô biên.

Chư Phật Như Lai lìa hết những kiến tướng, tức là lìa các thứ tâm duyên theo cảnh, chân tâm trùm khắp tất cả, tự thể của tâm chiếu sáng dứt tất cả vọng, có trí dụng vô lượng vô biên, tùy chúng sanh cần thì các ngài đều theo đó mà chỉ dạy các thứ pháp nghĩa. Thế nên gọi là Nhất thiết chủng trí.

**Âm:**

**Hựu vấn viết:** Nhược chư Phật hữu tự nhiên nghiệp, năng hiện nhất thiết xứ lợi ích chúng sanh giả, nhất thiết chúng sanh nhược kiến kỳ thân, nhược đồ thân biến, nhược văn kỳ thuyết, vô bất đắc lợi. Vân hà thế gian đa bất năng kiến?

**Đáp viết:** Chư Phật Như Lai pháp thân bình đẳng biến nhất thiết xứ, vô hữu tác ý cố nhi thuyết tự nhiên, dẫn y chúng sanh tâm hiện. Chúng sanh tâm giả du ư như kính, kính nhược hữu cấu sắc tượng bất hiện. Như thị chúng sanh tâm nhược hữu cấu, pháp thân bất hiện cố.

**Dịch:**

*Lại hỏi rằng: Nếu chư Phật có nghiệp tự nhiên, có thể hiện tất cả chỗ làm lợi ích chúng sanh, tất cả chúng sanh hoặc thấy thân Phật, hoặc xem thấy thân thông biến hóa của Phật, hoặc được nghe lời Phật dạy, ai cũng đều được lợi ích cả. Tại sao thế gian này có nhiều người không thấy được?*

*Đáp: Chư Phật Như Lai pháp thân bình đẳng cùng khắp tất cả chỗ, không có tác ý nên nói là tự nhiên, chỉ y theo tâm chúng sanh mà hiện. Tâm chúng sanh ví như cái gương, nếu gương có bụi phủ lấp thì những sắc tượng không hiện được. Tâm chúng sanh cũng như thế, nếu có bụi nhơ thì pháp thân không hiện.*

**Giảng:**

Đây là nghi chú Phật dường như thiên vị. Phật đã có nghiệp trí tự nhiên, nghĩa là tất cả chỗ đều làm lợi ích chúng sanh. Tất cả chúng sanh hoặc thấy thân ngài, hoặc thấy thần thông biến hóa của ngài, hoặc nghe ngài nói pháp đều được lợi ích. Vì sao thế gian này có người không thể thấy ngài, không được lợi ích gì cả? Như thế ngài không có lợi ích cùng khắp.

Thân Phật lúc nào cũng trùm khắp, chúng sanh nào tâm thanh tịnh liền thấy, ngay đó được lợi ích. Còn nếu tâm không thanh tịnh, muốn thấy cũng thấy không nổi. Ví như trước tất cả hình tượng có mười, hai mươi, hoặc một trăm cái gương, có gương sáng trong, có gương bị bụi lấp, hoặc có gương bị sơn mực đen... Gương nào hiện được hình tượng đầy đủ? Chỉ có gương sáng. Hình tượng không lựa gương mà phản ảnh, do lỗi gương không sáng, không phải lỗi tại hình tượng bất công. Phật thì vô tác ý mà tùy tâm chúng sanh, tâm chúng sanh nào thanh tịnh, hướng về Phật thì thấy có Phật, tâm chúng sanh nào mờ tối quá thì không thấy Phật. Tâm Phật không thiên vị lựa chọn chúng sanh, chỉ vì chúng sanh không nỗ lực đồng đều trở về chân như bình đẳng, nên không cảm ứng được sự hóa độ đồng đẳng của chú Phật.





## **TU HÀNH TÍN TÂM**

**Âm:**

**Dĩ thuyết giải thích phần, thứ thuyết tu hành tín tâm phần. Thị trung y vị nhập chánh định chúng sanh cố, thuyết tu hành tín tâm.**

**Hà đẳng tín tâm? Vân hà tu hành? Lược thuyết tín tâm hữu tứ chủng. Vân hà vi tứ?**

**Nhất giả tín căn bản, sở vị nhạo niệm chân như pháp cố.**

**Nhị giả tín Phật hữu vô lượng công đức, thường niệm thân cận cúng dường cung kính, phát khởi thiện căn, nguyện cầu Nhất thiết trí cố.**

**Tam giả tín Pháp hữu đại lợi ích, thường niệm tu hành chư ba-la-mật cố.**

**Tứ giả tín Tăng năng chánh tu hành tự lợi lợi tha, thường nhạo thân cận chư Bồ-tát chúng, cầu học như thật hạnh cố.**

**Dịch:**

*Đã nói xong phần giải thích, kế nói phần tu hành tín tâm. Trong đó y nơi những chúng sanh chưa vào nhóm chánh định, nên nói tu hành tín tâm.*

*Những gì là tín tâm? Thế nào là tu hành? Lược nói tín tâm có bốn thứ. Thế nào là bốn?*

*Một là tin căn bản, nghĩa là ưa niệm pháp chân như.*

*Hai là tin Phật có vô lượng công đức, thường nhớ nghĩ, gần gũi, cúng dường, cung kính, để phát khởi căn lành, mong cầu Nhất thiết trí.*

*Ba là tin Pháp có lợi ích lớn, thường nhớ nghĩ tu hành các pháp ba-la-mật.*

*Bốn là tin Tăng hay chân chánh tu hành tự lợi lợi tha, thường ưa gần gũi các chúng Bồ-tát, cầu học những hạnh như thật.*

**Giảng:**

Đề mục lớn của bộ luận có năm phần, từ trước đến đây đã giảng giải xong ba phần Nhân duyên, Lập nghĩa và Giải thích. Tiếp theo là giảng về phần thứ tư *Tu hành tín tâm*, cho những chúng sanh chưa vào nhóm chánh định.

*Lược nói tín tâm có bốn thứ.*

**1. Tin căn bản**

Tin căn bản là ưa niệm pháp chân như. Nếu nghe nói niệm pháp chân như, chúng ta đi đứng nằm ngồi

đều niệm “Nam-mô chân như”, như thế không đúng. Niệm pháp chân như là không theo vọng. Không theo vọng là trở về chân như, gọi là niệm pháp chân như.

### 2. Tin Phật

*Phật có vô lượng công đức* nên chúng ta thường nhớ nghĩ mong được thân cận, cúng dường, cung kính, để phát khởi thiện căn và *mong cầu được Nhất thiết trí* như Phật.

### 3. Tin Pháp

Thường nhớ các pháp lục độ, cố gắng tu hành.

### 4. Tin Tăng

Tin chư tăng tu hành chân chánh để tự lợi và lợi tha, nên chúng ta ưa gần gũi. Chữ Tăng là chỉ Bồ-tát tăng. Các vị phát tâm vì tin vào thể tánh chân thật của mình, đồng thời nguyện làm các hạnh lợi ích chúng sanh. Hạnh nguyện của chư Bồ-tát khiến chúng sanh ưa muốn gần gũi, cầu học các hạnh lành như thật.

## A- NĂM CỬA ĐỂ THÀNH TỰU TÍN TÂM

### Âm:

**Tu hành hữu ngũ môn, năng thành thử tín. Vân hà vi ngũ? Nhất giả thí môn, nhị giả giới môn, tam giả nhẫn môn, tứ giả tấn môn, ngũ giả chỉ quán môn.**

### Dịch:

*Tu hành có năm cửa hay thành tựu được tín tâm này. Thế nào là năm? Một là bố thí, hai là*

*trì giới, ba là nhẫn nhục, bốn là tinh tấn, năm là chỉ quán.*

## I. Cửa bố thí

**Âm:**

Vân hà tu hành thí môn? Nhược kiến nhất thiết lai cầu sách giả, sở hữu tài vật tùy lực thí dĩ, dĩ tự xả xan tham linh bỉ hoan hỷ. Nhược kiến ách nạn khủng bố nguy bức, tùy kỹ kham nhậm thí dĩ vô úy. Nhược hữu chúng sanh lai cầu pháp giả, tùy kỹ năng giải phương tiện vi thuyết. Bất ưng tham cầu danh lợi cung kính, duy niệm tự lợi lợi tha hồi hướng Bồ-đề cố.

**Dịch:**

*Thế nào là tu hành cửa bố thí? Nếu thấy tất cả người đến cầu xin, thì tùy theo sức mình mà cho những tài vật, để tự xả lòng xan tham và khiến người kia được hoan hỷ. Nếu thấy người bị ách nạn, khủng bố, áp bức thì tùy theo khả năng của mình, thí giúp họ sự không sợ sệt. Nếu có chúng sanh đến cầu pháp, tùy theo chỗ hiểu của mình, phương tiện vì họ nói. Không nên tham cầu danh lợi cung kính, chỉ nghĩ tự lợi lợi tha rồi hồi hướng Bồ-đề.*

**Giảng:**

Phần thành tựu tín tâm này rất quan trọng, vì khi đã hiểu Đại thừa là chính tâm thể của mình mà không phát khởi được lòng tin thì chưa xong việc. Phương tiện thành tựu lòng tin đã có chánh nhân là thể chân như,

tu tập nhận thẳng tự thể chính mình, ngoài ra cần các duyên bên ngoài yểm trợ. Các phương tiện bên ngoài là tu tập các hạnh BỒ-tát như bố thí, trì giới... Vì tâm thể rộng lớn tương ứng với hạnh nguyện rộng lớn nên cần tu tập lợi tha. Phương tiện tu đầu tiên là cửa bố thí, chia làm ba: tài thí, vô úy thí và pháp thí. Tổ dạy:

- Tài thí: Nếu chúng ta thấy có người đến cầu xin, thì tùy sức mình mà cho. Chúng ta bố thí như vậy trước hết là xả bỏ lòng xan tham của mình, kế đó là làm cho người kia được sanh hoan hỷ.

- Vô úy thí và pháp thí: Tùy theo khả năng của chúng ta có được, đem ra ứng dụng bố thí để tự lợi lợi tha rồi hồi hướng Bồ-đề, không nên cầu danh lợi cung kính ở thế gian.

## II. Cửa trì giới

**Âm:**

**Vân hà tu hành giới môn? Sở vị bất sát, bất đạo, bất dâm, bất lưỡng thiệt, bất ác khẩu, bất vọng ngôn, bất ỷ ngữ, viễn ly tham tật, khi trá, siểm khúc, sân khuể, tà kiến. Nhược xuất gia giả vị chiết phục phiền não cố, diệt ứng viễn ly hội náo, thường xử tịch tĩnh, tu tập thiếu dục tri túc đầu-đà đẳng hạnh. Nãi chí tiểu tội tâm sanh bố úy, tầm quý cải hối. Bất đắc khinh ư Như Lai sở chế cấm giới, đương hộ cơ hiêm, bất linh chúng sanh vọng khởi quá tội cố.**

**Dịch:**

*Thế nào là cửa tu hành trì giới? Đó là chẳng giết hại, chẳng trộm cướp, chẳng tà dâm, chẳng nói hai lưỡi, chẳng nói lời ác, chẳng nói lời dối trá, lường gạt, xa lìa xan tham tật đố, giả dối, dua nịnh quanh co, sân nhuế, tà kiến. Nếu người xuất gia vì dẹp trừ phiền não cũng nên xa lìa chỗ ồn náo, thường ở chỗ vắng lặng, tu tập ít muốn biết đủ, thực hành theo hạnh đầu-đà... Cho đến những tội nhỏ, tâm cũng sanh kinh sợ, hổ thẹn cải đổi. Không được khinh thường đối với giới cấm của Phật đã chế, phải hộ trì gìn giữ đừng để có sự chê bai, không khiến chúng sanh vọng khởi các tội lỗi.*

**Giảng:**

Trì giới là điều kiện căn bản để thành tựu hạnh thanh tịnh. Người tại gia giữ năm giới hoặc tu thập thiện. Người xuất gia phải tuân giữ cẩn thận nhiều giới luật thuộc về thân khẩu ý. Vì dẹp trừ phiền não cho mình, nên tránh những chỗ ồn náo, ở nơi vắng lặng, luôn luôn ít muốn biết đủ để tập theo hạnh đầu-đà. Nếu lỡ có tội nhỏ cũng phải sanh hổ thẹn, kinh sợ để sửa đổi. Không dám coi thường giới luật của Phật, phải hộ trì gìn giữ, đừng để người trông thấy chúng ta lười thôi, khiến họ nghĩ lầm mà mang tội.

**III. Cửa nhẫn nhục****Âm:**

**Vân hà tu hành nhẫn môn? Sở vị ứng nhẫn tha nhân chi não, tâm bất hoài báo, diệc đương nhẫn ư lợi, suy, hủy, dự, xưng, cơ, khổ, lạc đẳng pháp cố.**

**Dịch:**

*Thế nào là cửa tu hành nhẫn nhục? Đó là nên nhẫn những người nã loạn mình, tâm không ôm lòng trả thù lại, và cũng phải nhẫn những điều như là: lợi, suy, hủy, dự, xưng, cơ, khổ, lạc...*

**Giảng:**

Nhẫn nhục là cửa phương tiện thứ ba, tạo cho chúng ta có tâm độ lượng. Chẳng những chúng ta nhẫn với người hành phật mình hay nói lời mắng nhiếc chửi bới, chúng ta không có tâm trả thù lại; cũng phải nhẫn khi gặp việc lợi không mừng, việc suy không buồn, bị hủy nhục chẳng khổ, được đề cao đừng thích, được khen ngợi đừng vui, bị chê gièm không bực bội, gặp khổ không rơi nước mắt, gặp vui không đắc chí. Ngoại cảnh và nội tâm an định, việc tu không bị chướng nã.

**IV. Cửa tinh tấn****Âm:**

**Vân hà tu hành tấn môn? Sở vị ư chư thiện sự tâm bất giải thối, lập chí kiên cường viễn ly khiếp nhược. Đương niệm quá khứ cửu viễn dĩ lai, hư thọ nhất thiết thân tâm đại khổ vô hữu lợi ích! Thị cố ưng cần tu chư công đức, tự lợi lợi tha viễn ly chúng khổ.**

**Phục thứ, nhược nhân tuy tu hành tín tâm, dĩ tòng tiên thế lai đa hữu trọng tội ác nghiệp chướng cố, vi ma tà chư quỷ chi sở nã loạn, hoặc vi thế gian sự vụ chúng chủng khiên triền, hoặc vi bệnh**

khổ sở nào. Hữu như thị đẳng chúng đa chướng ngại, thị cố ưng đương dũng mãnh tinh cần, trú dạ lục thời lễ bái chư Phật, thành tâm sám hối, khuyến thỉnh, tùy hỷ hồi hướng Bồ-đề, thường bất hưu phế, đắc miễn chư chướng thiện căn tăng trưởng cố.

### Dịch:

*Thế nào là cửa tu hành tinh tấn? Đó là đối với các việc thiện, tâm không lười mỏi mà thối lui, lập chí vững chắc xa lìa khiếp nhược. Phải nghĩ từ quá khứ lâu xa đến giờ, luống chịu tất cả khổ lớn nơi thân tâm, không có lợi ích gì! Nên cần phải siêng năng tu các công đức tự lợi lợi tha, chóng lìa các khổ.*

*Lại nữa, nếu có người tuy tu hành tín tâm, nhưng do từ các đời trước đến giờ có nhiều nghiệp chướng, tội ác nặng nề, hoặc bị tà ma và các loài quỷ mị làm não loạn, hoặc bị những sự việc thế gian lôi kéo trôi buộc, hoặc bị bệnh khổ làm bức não. Có những chướng ngại nhiều như thế thì nên cần phải dũng mãnh siêng năng tinh tấn, ngày đêm sáu thời lễ bái chư Phật, thành tâm sám hối, khuyến thỉnh, tùy hỷ, hồi hướng Bồ-đề, thường không biếng trễ để được khỏi các chướng và tăng trưởng thiện căn.*

### Giảng:

Tất cả phương tiện tu đều cần thiết và bổ sung cho nhau. Nếu thiếu phần tinh tấn thì không thể mau chóng thành tựu.

Trong cửa tinh tấn có hai phần:

1. Chúng ta tinh tấn làm tất cả những việc lành, không bê bối trẽ nải, lập chí cho thật vững chắc, dù trải qua thời gian lâu xa cũng không khiếm nhược. Phải nghĩ rằng chúng ta đã sanh trong vô lượng kiếp rồi, không làm lợi ích gì cho ai, luống chịu đau khổ, sanh ra đời này nếu cũng lồi thoi lại tiếp tục đau khổ. Nếu ngày xưa chúng ta tinh tấn thì bây giờ không chịu khổ, nhớ điều này nên chúng ta nỗ lực cố gắng tu hành tinh tấn.

2. Đối với những người bị nghiệp chướng ngăn trở, hoặc nhiều tội trọng, hoặc nghiệp chướng ác nên khi tu tập bị tà ma làm nhiễu loạn, hoặc bị việc thế gian ràng buộc gỡ không ra, hoặc bị bệnh hoạn tu không yên. Gặp những chướng ngại như vậy nên biết rằng mình là kẻ tội trọng, ác chướng nhiều, nên nỗ lực ngày đêm sám hối, tinh tấn tu hành lần lần nghiệp chướng hết, thiện căn được tăng trưởng.

Cả hai trường hợp đều phải nhờ sức tinh tấn dũng mãnh để vượt lên.

## V. Cửa chỉ quán

**Âm:**

**Vân hà tu hành chỉ quán môn? Sở ngôn chỉ giả vị chỉ nhất thiết cảnh giới tướng, tùy thuận xa-ma-tha quán nghĩa cố. Sở ngôn quán giả, vị phân biệt nhân duyên sanh diệt tướng, tùy thuận tỳ-bát-xá-na quán nghĩa cố.**

**Vân hà tùy thuận? Dĩ thử nhị nghĩa, tiệm tiệm tu tập bất tương xả ly, song hiện tiền cố.**

**Dịch:**

*Thế nào là cửa tu hành chỉ quán? Chỉ nghĩa là không theo tất cả tướng cảnh giới, tùy thuận nghĩa quán xa-ma-tha. Quán nghĩa là phân biệt các tướng nhân duyên sanh diệt, tùy thuận theo nghĩa quán tỳ-bát-xá-na.*

*Thế nào là tùy thuận? Do hai nghĩa đó lần lần tu tập không lìa nhau, để cả hai đều song song hiện tiền.*

**Giảng:**

Phương tiện thứ năm là tu chỉ quán, tức là thiền định. Tu thiền định trước hết dùng Chỉ. Chỉ tức là dừng lại, không theo tất cả tướng cảnh giới bên ngoài. Phương pháp Chỉ giúp tâm dễ an định, không bị cảnh trần lôi dẫn. Quán nghĩa là xét rõ tất cả tướng bên ngoài đều là tướng nhân duyên sanh diệt như huyễn không thật.

Nếu sức Chỉ mong manh, không giúp chúng ta dừng vọng niệm thì áp dụng sức Quán nhìn sâu sự vật, khởi trí tỉnh giác, thấy rõ các pháp đều do duyên hợp, rốt cuộc không bền chắc. Quán như thế dần dần tâm không theo cảnh, sức quán mạnh hơn, vọng niệm dừng dứt. Vọng tâm càng dừng thì trí càng sáng. Đó là tu tập chỉ quán không lìa nhau, cả hai đều song song hiện tiền.

## 1. Nói rộng về tu Chỉ

**Âm:**

Nhược tu chỉ giả, trụ ư tịnh xứ đoan tọa chánh ý, bất y khí tức, bất y hình sắc, bất y ư không, bất y địa thủy hỏa phong, nãi chí bất y kiến văn giác tri; nhất thiết chư tướng tùy niệm giai trừ, diệt khiến trừ tướng. Dĩ nhất thiết pháp bản lai vô tướng, niệm niệm bất sanh, niệm niệm bất diệt. Diệt bất đắc tùy tâm ngoại niệm cảnh giới, hậu dĩ tâm trừ tâm. Tâm nhược trì tán, tức đương nhiếp lai trụ ư chánh niệm. Thị chánh niệm giả, đương tri duy tâm, vô ngoại cảnh giới. Ký phục thử tâm diệt vô tự tướng, niệm niệm bất khả đắc.

**Dịch:**

*Nếu người tu chỉ thì trụ ở chỗ vắng lặng, ngồi ngay thẳng chánh ý, chẳng y nơi hơi thở, chẳng y nơi hình sắc, cũng chẳng y nơi không, chẳng y nơi đất, nước, gió, lửa, cho đến chẳng y nơi thấy nghe hiểu biết; tất cả các tướng tùy niệm đều trừ, cũng dẹp trừ cái tướng đoan trừ. Do tất cả pháp xưa nay là không tướng, mỗi niệm chẳng sanh mỗi niệm chẳng diệt. Cũng không được tùy tâm mà niệm cảnh giới bên ngoài, sau dùng tâm mà trừ tâm. Nếu tâm có chạy rong ruổi phải nhiếp nó lại, trụ nơi chánh niệm. Nói chánh niệm đó nên biết chỉ có tâm, không có cảnh giới bên ngoài. Lại chính tâm này cũng không có tự tướng, niệm niệm không thể được.*

**Giảng:**

Pháp tu chỉ, trước hết chọn cảnh vắng vẻ để ngồi yên, tâm ý chân chánh. Lúc đó không áp dụng pháp quán hơi thở, không theo hình sắc, không quán tứ đại, không theo tất cả những thấy nghe hiểu biết. Tất cả vọng tưởng đều trừ tức là biết vọng không theo, cũng dẹp luôn tâm khởi tưởng đoạn trừ. *Do tất cả pháp xưa nay là không tướng, mỗi niệm chẳng sanh, mỗi niệm chẳng diệt.* Vì biết tất cả vọng tưởng đều không tướng, không chỗ sanh khởi không chỗ diệt mất. Không sanh không diệt tức là chân như, đó là chỗ tu chánh yếu.

Tổ nói như vậy, nhưng còn sợ chúng ta dính cảnh bên ngoài nên nói tiếp: *Cũng không được tùy tâm mà duyên cảnh bên ngoài, sau dùng tâm mà trừ tâm. Nếu tâm có chạy rong ruổi phải nhiếp nó lại, trụ nơi chánh niệm.* Nghĩa là khi tâm khởi thì biết, biết thì dừng nó lại, đó là chánh niệm, là chỉ biết có tâm. Tâm là cái không dấy niệm, chứ không phải là cái dấy niệm. Ngoài tâm không có cảnh giới gì cả. *Lại chính tâm này cũng không có tự tướng, niệm niệm không thể được.*

**Âm:**

**Nhược tùng tòa khởi khứ lai tiến chỉ hữu sở thi tác, ư nhất thiết thời thường niệm phương tiện tùy thuận quán sát. Cữu tập thuần thực kỳ tâm đắc trụ, dĩ tâm trụ cố tiệm tiệm mãnh lợi, tùy thuận đắc nhập chân như tam-muội, thâm phục phiền não tín tâm tăng trưởng, tốc thành bất thối. Duy trừ nghi hoặc, bất tín, phỉ báng, trọng tội, nghiệp chướng, ngã mạn, giải đãi, như thị đẳng nhân sở bất năng nhập.**

**Dịch:**

*Nếu từ chỗ ngồi đứng dậy, đi lại lui tới, có làm những việc gì thì trong tất cả thời, thường nhớ dùng phương tiện tùy thuận mà quán sát. Tập lâu thuần thực thì tâm kia được trụ; vì tâm trụ nên dần dần được mạnh mẽ bén nhạy, mới tùy thuận vào chân như tam-muội, dẹp sâu các phiền não, tín tâm được tăng trưởng, chóng thành bất thối. Chỉ trừ người nghi hoặc, không tin, phỉ báng, tất cả tội nặng, nghiệp chướng, ngã mạn, giải đãi, những người như thế không vào được.*

**Giảng:**

Sau khi ngồi thiền, lúc đối duyên xúc cảnh, đi đây đi kia làm việc, làm thế nào giữ tâm? Có hai trường hợp:

1. Nếu làm việc nhẹ thấy tâm khởi, chúng ta biết đó là vọng không theo, niệm khởi tự dừng.

2. Nếu làm việc nặng thì cứ làm và biết như huyễn không thật, đừng để tâm chạy theo sáu trần. Trong hai trường hợp cứ tu tập như thế, lâu ngày thuần thực trở về chân như.

Song, trừ ra những người nhiều lòng nghi, người không tin, người chê bai, người có nghiệp chướng nặng, người ngã mạn, người giải đãi... không thể nhập chân như. Người tinh tấn tu hành chân chính, huân tập như thế lâu ngày sẽ nhập chân như.

**Âm:**

**Phục thứ, y như thị tam-muội cố, tắc tri pháp giới nhất tướng. Vị nhất thiết chư Phật pháp thân dĩ chúng sanh thân bình đẳng vô nhị, tức danh Nhất hạnh tam-muội. Đương tri chân như thị tam-muội căn bản, nhược nhân tu hành, tiệm tiệm năng sanh vô lượng tam-muội.**

**Dịch:**

*Lại nữa, y tam-muội này nên biết pháp giới một tướng. Nghĩa là pháp thân chư Phật cùng với thân chúng sanh bình đẳng không hai, tức gọi là Nhất hạnh tam-muội. Nên biết chân như là cội gốc của tam-muội, nếu người tu hành dần dần hay sanh vô lượng tam-muội.*

**Giảng:**

Chân như tam-muội là cội gốc của tất cả tam-muội, cũng gọi là Nhất hạnh tam-muội. Nếu chúng ta y đó tu hành dần dần đầy đủ tất cả chánh định. Như vậy chỉ cần trở về chân như tam-muội là đầy đủ tất cả.

Hiện tại chúng tôi hướng dẫn quý vị tu đều nhắm vào chân như tam-muội, mà không dùng phương tiện trụ tâm nơi đất, nước, gió, lửa, hay trụ tâm nơi hơi thở... Chỉ cần biết những niệm khởi không theo, tức là dẹp trừ bao nhiêu niệm, khi niệm hết là tùy thuận chân như tam-muội.

Lúc ngồi thiền chúng ta tu như thế, khi làm việc cũng luôn luôn quán chiếu, hoặc chẵn trâu là làm chủ

không chạy theo vọng, hoặc đối cảnh biết như huyễn không chấp trước. Cứ như thế lâu ngày thuần thục tự nhiên vào chân như tam-muội. Đường lối của tổ Mã Minh và chư tổ dạy không khác, chỉ hướng về nhất tâm.

### **a. Nói về ma sự của tu Chỉ**

#### **Âm:**

**Hoặc hữu chúng sanh vô thiện căn lực, tác vi chư ma, ngoại đạo, quỷ thần chi sở hoặc loạn. Nhược ư tọa trung hiện hình khủng bố, hoặc hiện đoan chánh nam nữ đẳng tướng, đương niệm duy tâm, cảnh giới tắc diệt, chung bất vi nào.**

#### **Dịch:**

*Hoặc có chúng sanh không có sức thiện căn, ắt bị tà ma, ngoại đạo, quỷ thần làm não loạn. Hoặc trong lúc ngồi thiền chúng hiện hình tướng khủng bố, hoặc hiện tướng nam nữ xinh đẹp, phải nhớ chỉ là tâm thì cảnh giới ắt diệt, trọn không bị nào hại.*

#### **Giảng:**

Khi ngồi thiền gặp ma sự dấy lên, chúng ta làm sao đối trị? Do thiện căn đời trước kém mỏng, nên khi ngồi thiền, thỉnh thoảng thấy quỷ thần hoặc ma bên ngoài đến nhiễu loạn. Dù thấy hình tướng thật hung dữ chúng ta cũng đừng sợ, thấy thân hình tốt đẹp của người nam người nữ cũng đừng mừng đừng thích. Chỉ nhớ nghĩ rằng tất cả hình ảnh đó đều không thật, do tâm mình tạo, do tâm bị đè ép mà hiện ra chứ không thật. Nhớ như vậy thì các cảnh giới đó dần dần diệt mất,

không làm não loạn chúng ta được. Nếu cho các hình tướng bên ngoài là thật có, chúng ta sanh sợ hãi hay yêu thích, đó là bệnh chướng.

Người tu thiền cần ghi nhớ lời chỉ dạy này để đối trị ma chướng. Nếu sức thiện căn sẵn đủ thì không gặp các hình tướng não loạn, nếu lòng tin vững chắc thì ma bên ngoài không phá được.

### **Âm:**

**Hoặc hiện thiên tượng, Bồ-tát tượng, diệc tác Như Lai tượng tướng hảo cụ túc, nhược thuyết đà-la-ni, nhược thuyết bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiên định, trí tuệ, hoặc thuyết bình đẳng, không, vô tướng, vô nguyện, vô oán vô thân, vô nhân vô quả, tất cánh không tịch thị chân Niết-bàn. Hoặc linh nhân tri túc mệnh quá khứ chi sự, diệc tri vị lai chi sự, đắc tha tâm trí biện tài vô ngại, năng linh chúng sanh tham trước thế gian danh lợi chi sự.**

### **Dịch:**

*Hoặc hiện hình tướng chư thiên, hình tướng Bồ-tát, cũng hiện hình tướng Phật tướng tốt đầy đủ, hoặc nói thân chú, hoặc nói bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiên định, trí tuệ, hoặc nói bình đẳng, không, không tướng, không nguyện, không oán không thân, không nhân không quả, cứu cánh vắng lặng là chân Niết-bàn. Hoặc khiến cho người biết việc quá khứ, cũng biết các việc vị lai, được tha tâm trí, được biện tài vô ngại, hay khiến chúng sanh đắm trước danh lợi thế gian.*

**Giảng:**

Ma sự có nhiều cách. Khi đang ngồi thiền, giai đoạn đầu ma hiện thân hung dữ khủng bố hay hiện thân nam nữ tốt đẹp, chúng ta có thể biết chắc đó là ma nên không trở ngại. Giai đoạn sau chúng ta phải đề phòng, như được thấy chư thiên chư Bồ-tát, như Bồ-tát Phổ Hiền cưỡi voi trắng sáu ngà đến ủng hộ, chúng ta liền nghĩ do tu hành có công phu nên được Bồ-tát đến xoa đầu... Hoặc thấy thân Phật đầy đủ tướng tốt, đó là niềm khao khát của người tu, nên sanh tâm mừng rỡ. Lại được nghe Phật nói thần chú, nói các ba-la-mật rất đúng chánh pháp. Ngồi thiền lâu lại phát sanh thần thông, thấy biết việc quá khứ vị lai, biết tâm trí người khác nghĩ gì... Tất cả hiện tượng đó dễ làm chúng ta sanh tâm đắm trước, cho là mình thật được diệu dụng mà không biết là lạc vào đường tà.

Trong khi tu thấy bất cứ hiện tượng gì chúng ta đều không chấp nhận. Nhà thiền có câu “Gặp ma giết ma, gặp Phật giết Phật”. Nếu chúng ta chấp nhận Phật, ma có thể hiện tướng Phật gạt người lầm lạc. Nhiều người không biết đạo lý sâu, như ham dựa vào cơ bút, cơ bút về cũng nói đạo lý, cũng dạy làm lành bỏ dữ... cho đó là chánh chứ không phải tà. Giai đoạn đầu ma nói Phật pháp, lâu dần khi chúng ta tin rồi, nó liền đưa ra danh lợi, phong cho chức vị ở cõi vô hình. Chúng ta không mắc kẹt danh lợi thế gian, lại mắc kẹt danh lợi trong cõi vô hình. Kinh Lăng-nghiêm Phật nói về năm mươi thứ bệnh do ma hiện, ở đây Tổ cũng nhắc lại cho chúng ta biết những loại ma hiện, có đủ thần thông,

có đủ khả năng phi thường. Nên cẩn thận dè dặt, đừng cho rằng mình tu đến chỗ cao siêu mâu nhiệm rồi ỷ lại, cũng đừng quên rằng ma có thể nói lời Phật. Những gì trái với giới luật Phật đều là ma, dù nói pháp hay đến đâu cũng là ma. Nhớ thật kỹ chỗ này.

### **Âm:**

**Hựu linh sử nhân sở sân sở hỷ, tánh vô thường chuẩn. Hoặc đa từ ái đa thù đa bệnh, kỳ tâm giải đãi. Hoặc thốt khởi tinh tấn, hậu tiện hựu phế, sanh ư bất tín đa nghi đa lự. Hoặc xả bản thắng hạnh cánh tu tập nghiệp, nhược trước thế sự chủng chủng khiên triền.**

### **Dịch:**

*Lại hay khiến cho người lúc giận lúc mừng, tánh tình không nhất định. Hoặc nhiều từ ái, ngủ nhiều, bệnh nhiều, tâm sanh giải đãi. Hoặc là chợt khởi tinh tấn rồi sau lại bỏ phế, sanh lòng chẳng tin, đa nghi đa lự. Hoặc xả bỏ những hạnh thù thắng trước, lại tu những tạp nghiệp, làm cho mắc vào nhiều thứ ràng buộc của thế gian.*

### **Giảng:**

Nếu khi tu mà tâm sanh nóng nảy hoặc mừng giận bất thường, đó cũng là ma bệnh, phải chấn chỉnh lại. Những gì bất thường đều không đúng chánh pháp, hoặc tinh tấn ngòai thiền rồi sau đó lười nhác bỏ phế cũng không tốt. Hoặc đang tu tập thiền định lại khởi tâm đi làm việc này việc kia, tức là mắc vào tạp nghiệp thế gian.

**Âm:**

**Diệp năng sử nhân đắc chư tam-muội thiếu phân tương tự, giai thị ngoại đạo sở đắc, phi chân tam-muội.**

**Dịch:**

*Cũng hay khiến cho người được một ít phân tương tự những tam-muội, nhưng đều là sở đắc ngoại đạo, không phải tam-muội chân thật.*

**Giảng:**

Đôi khi trong định chúng ta được chút phân tam-muội, tưởng như được tam-muội chân chánh nhưng đó cũng là sự sai khiến của ma. Vì vậy tu hành phải tỉnh táo sáng suốt, điềm đạm, không nên có những tướng trạng bất thường. Khi có những tướng trạng bất thường phải nỗ lực đuổi nó, không nuôi dưỡng tiếp tục.

**Âm:**

**Hoặc phục linh nhân nhược nhất nhật nhược nhị nhật nhược tam nhật, nãi chí thất nhật trụ ư định trung, đắc tự nhiên hương mỹ ẩm thực, thân tâm thích duyệt bất cơ bất khát, sử nhân ái trước. Hoặc diệp linh nhân thực vô phân tề, sạ đa sạ thiếu nhan sắc biến dị.**

**Dĩ thị nghĩa cố, hành giả thường ứng trí tuệ quán sát, vật linh thử tâm đọa ư tà vọng. Đương cần chánh niệm bất thủ bất trước, tắc năng viễn ly thị chư nghiệp chướng.**

**Dịch:**

*Hoặc lại khiến cho người hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày cho đến bảy ngày, ở trong định tự nhiên được thức ăn thơm ngon, thân tâm vui thích, không đói không khát, khiến cho người mên đắm. Hoặc khiến cho người ăn không có chừng mực, thoát nhiều thoát ít, nhan sắc biến đổi.*

*Bởi do những nghĩa ấy, hành giả thường nên dùng trí tuệ quan sát, chớ để cho tâm mình rơi vào lưới tà. Phải siêng năng chánh niệm, không chấp nhận không đắm trước, mới hay xa lìa được các nghiệp chướng ấy.*

**Giảng:**

Người ngòi thiên được an trụ từ một ngày đến bảy ngày, ở trong định tự nhiên thấy cơm thơm ngon dâng đến, thật là thích thú. Chỗ này tôi nhắc lại chuyện của thiên giả Đạo Ứng.

Đệ tử của thiên sư Động Sơn là Đạo Ứng có thất tu ở đỉnh Tam Phong. Ngài nhập thất trải qua tuần nhật không thấy xuống lấy cơm, nên ngài Động Sơn lên, hỏi:

- Sao nhiều ngày không thấy người xuống thọ trai?

Ngài Đạo Ứng thưa:

- Bạch Hòa thượng, con được chư thiên mỗi trưa đem đồ cúng dường.

Ngài Động Sơn nói:

- Như vậy là người vẫn còn kiến giải, chiều xuống dưới ta bảo.

Đến chiều ngài Đạo Ứng xuống, ngài Động Sơn nghiêm chỉnh nói:

- Không nghĩ thiện, không nghĩ ác, cái gì là bản lai diện mục của thượng tọa Ứng?

Ngài Đạo Ứng lui về thất ngồi yên lặng lẽ, chư thiên tìm mãi không thấy, trải qua ba ngày như thế mới thôi cúng dường.

Đây là chỗ quan trọng mà tất cả người tu thiên đều phải biết. Dù được thật sự cúng dường cũng còn bị Tổ quả, huống là ma cúng dường. Nếu hài lòng ở chỗ này rất nguy hiểm.

## **b. Sự khác nhau giữa chánh định và tà định**

**Âm:**

**Ứng tri ngoại đạo sở hữu tam-muội, giai bất ly kiến ái ngã mạn chi tâm, tham trước thế gian danh lợi cung kính cố.**

**Chân như tam-muội giả, bất trụ kiến tướng, bất trụ đặc tướng, nãi chí xuất định diệt vô giải mạn, sở hữu phiền não tiệm tiệm vi bạc. Nhược chư phàm phu bất tập thử tam-muội pháp, đặc nhập Như Lai chủng tánh, vô hữu thị xứ.**

**Dĩ tu thế gian chư thiên tam-muội đa khởi vị trước, y ư ngã kiến hệ thuộc tam giới, dĩ ngoại đạo cộng. Nhược ly thiện tri thức sở hộ, tắc khởi ngoại đạo kiến cố.**

**Dịch:**

*Nên biết các thứ tam-muội ngoại đạo có, đều không lìa tâm kiến ái và ngã mạn, do còn tham trước danh lợi cung kính ở thế gian.*

*Chân như tam-muội thì không trụ tướng thấy, không trụ tướng sở đắc, cho đến khi xuất định cũng không lười biếng, ngã mạn, những phiền não đã có từ trước dần dần mỏng ít. Nếu hàng phàm phu không tu tập pháp tam-muội này mà được vào chủng tánh Như Lai, thì trọn không có lẽ phải vậy.*

*Do tu các thiên định tam-muội của thế gian, phần nhiều khởi đắm trước, lại y nơi ngã kiến, rồi hệ thuộc ở trong tam giới, cùng chung với ngoại đạo. Nếu lìa những hộ trì của thiện hữu tri thức, thì khởi các kiến chấp ngoại đạo vậy.*

**Giảng:**

Các tam-muội của ngoại đạo không lìa tâm kiến ái và ngã mạn, vì tham trước danh lợi cung kính ở thế gian. Như có người ngời thiên xuất hồn đi ngoa du cõi này cõi kia được mọi người bái phục. Họ thấy chúng ta tu bình thường liền khởi nghĩ cho là mình tu cao, được pháp hơn người. Do thấy có ta và có pháp tu thù thắng nên sanh tâm khinh người, say mê trong định và sanh tâm ngã mạn... Kết cuộc đắm chìm trong danh lợi cung kính ở thế gian.

*Chân như tam-muội thì không trụ tướng thấy, không trụ tướng sở đắc, đối với tất cả tướng chúng ta đều không dính mắc, không chấp có tướng sở đắc, đó là*

tam-muội chân chánh, hợp với thể chân như. *Nếu hàng phàm phu không tu tập pháp chân như này, mà được vào chủng tánh Như Lai, điều đó trọn không đúng.* Chúng sanh nào rời pháp tu chân như tam-muội, nghĩa là còn thấy có pháp tu khác hơn người, có tướng tốt đẹp hơn người... những người đó không được gọi là vào chủng tánh Phật.

*Do tu các thiện định tam-muội của thế gian, phân nhiều khởi ra đằm trước, lại y nơi ngã kiến, rồi hệ thuộc ở trong tam giới, cùng chung với ngoại đạo. Nếu là những hộ trì của thiện hữu tri thức, thì khởi các kiến chấp ngoại đạo vậy. Tu tập theo các định của ngoại đạo... tức là cái nhân ở trong tam giới không ra khỏi. Nếu người tu không được sức hộ trì của thiện tri thức sẽ dễ rơi vào các kiến chấp của ngoại đạo. Học kinh luận của chư Phật chư tổ, được sự chỉ dạy đúng đắn của thầy bạn, đó là được sức hộ trì của thiện tri thức.*

### **c. Lợi ích của chánh định chân như**

**Âm:**

**Phục thứ, tinh cần chuyên tâm tu học thử tam-muội giả, hiện thế đương đắc thập chủng lợi ích. Vân hà vi thập?**

**Nhất giả thường vi thập phương chư Phật Bồ-tát chi sở hộ niệm. Nhị giả bất vi chư ma ác quỷ sở năng khủng bố. Tam giả bất vi cửu thập ngũ chủng ngoại đạo quỷ thần chi sở hoặc loạn. Tứ giả viễn ly phi báng thậm thâm chi pháp, trọng tội nghiệp chương tiệm tiệm vi bạc. Ngũ giả diệt nhất thiết**

nghe chửi ác giác quán. Lục giả ư chư Như Lai cảnh giới tín đắc tăng trưởng. Thất giả viễn ly ưu hối, ư sanh tử trung dũng mãnh bất khiếp. Bát giả kỳ tâm nhu hòa, xả ư kiêu mạn, bất vi tha nhân sở nã. Cửu giả tuy vị đắc định, ư nhất thiết thời nhất thiết cảnh giới xứ, tác năng giảm tổn phiền não, bất nhạo thế gian. Thập giả nhược đắc tam-muội, bất vi ngoại duyên nhất thiết âm thanh chi sở kinh động.

**Dịch:**

*Lại nữa, người siêng năng tinh tấn chuyên tâm tu học tam-muội này, hiện đời sẽ được mười điều lợi ích. Thế nào là mười?*

*Một là thường được chư Phật Bồ-tát mười phương hộ niệm. Hai là không bị các tà ma ác quỷ khủng bố. Ba là không bị chín mươi lăm thứ ngoại đạo và quỷ thần làm nhiễu loạn. Bốn là xa lìa sự chệch bại các pháp thâm sâu, và những tội nặng nghiệp chướng lần lần được mòn mỏng. Năm là diệt tất cả các điều nghi và các giác quán ác. Sáu là đối với cảnh giới chư Phật, lòng tin được tăng trưởng. Bảy là xa lìa các buồn bã hối hận, ở trong sanh tử dũng mãnh không khiếp nhược. Tám là tâm kia được nhu hòa, xả bỏ tánh kiêu mạn, không bị người khác làm nhiễu loạn. Chín là tuy chưa được định, mà trong tất cả thời, tất cả cảnh giới vẫn hay giảm tổn các phiền não, không ưa thích thế gian. Mười là nếu được chánh định rồi thì không bị các duyên bên ngoài, tất cả âm thanh làm cho kinh động.*

**Giảng:**

Tất cả những điều lợi ích này để bảo đảm cho người chuyên tâm tu chánh định luôn luôn tiến tới. Trong đó, điều thứ chín cho thấy hiệu quả rõ ràng. *Tuy chưa được định mà ở trong tất cả thời, tất cả cảnh giới vẫn hay giảm tổn phiền não, tức là phiền não đã bớt, không đắm nhiễm ưa thích theo thế gian. Cách tu của chúng ta, tuy chưa được định nhưng có lợi ích lớn thực tế như vậy, nên khi tu chân chánh chắc chắn không sợ lầm lạc.*

**2. Nói rộng về tu Quán****Âm:**

**Phục thứ, nhược nhân duy tu ư chỉ, tắc tâm trầm một hoặc khởi giải đãi, bất nhạo chúng thiện, viễn ly đại bi, thị cố tu quán.**

**Dịch:**

*Lại nữa, nếu người chỉ tu về pháp chỉ, thì tâm chìm lặng, hoặc khởi lười biếng, hoặc không thích các việc thiện và xa lìa tâm đại bi, thế nên phải tu quán.*

**a. Quán khổ****Âm:**

**Tu tập quán giả, đương quán nhất thiết thế gian hữu vi chi pháp, vô đắc cứu đình tu du biến hoại, nhất thiết tâm hành niệm niệm sanh diệt, dĩ thị cố khổ.**

**Dịch:**

*Người tu pháp quán là phải quán tất cả pháp hữu vi ở thế gian không được lâu bền, trong chốc lát đã biến hoại, tất cả tâm hành đều niệm niệm sanh diệt, do đó nên khổ.*

**Giảng:**

Nếu chúng ta chỉ chuyên tu một pháp Chỉ, tâm trở nên chìm lặng, không khởi tâm đại bi làm các việc lành, cứu giúp mọi người, trái ngược hạnh Bồ-tát. Vì thế cần tu tập pháp Quán. Thứ nhất, quán về khổ, quán tất cả pháp hữu vi ở thế gian đều vô thường, tất cả tâm hành đều niệm niệm sanh diệt, thế nên khổ.

**b. Quán vô thường****Âm:**

Ứng quán quá khứ sở niệm chư pháp hoảng hốt như mộng, ứng quán hiện tại sở niệm chư pháp du như điện quang, ứng quán vị lai sở niệm chư pháp, du như ư vân hốt nhĩ nhi khởi.

**Dịch:**

*Nên quán các pháp quá khứ có thể nghĩ nhớ được, thấp thoáng như mộng. Nên quán các pháp hiện tại có thể nghĩ nhớ, ví như ánh chớp. Nên quán các pháp vị lai có thể nghĩ nhớ, ví như mây nổi bỗng nhiên dấy lên.*

**Giảng:**

Thứ hai là quán các pháp vô thường mau chóng, không có thật thể. Đối với tất cả các pháp hữu vi

thuở trước chúng ta đã gây tạo, bây giờ nhớ lại cũng như mộng. Đối với các pháp hiện tại chúng ta thấy như ánh chớp chợt lóe lên rồi tắt. Đối với các pháp vị lai thì thấy như mây nổi, chớp có chớp không, không tích tụ lâu bền.

### c. Quán bất tịnh

**Âm:**

**Ứng quán thế gian nhất thiết hữu thân tất giai bất tịnh, chủng chủng uế ô vô nhất khả nhạo.**

**Dịch:**

*Nên quán tất cả thân có ra ở thế gian đều là bất tịnh, nhiều thứ ô uế, không một chút gì đáng ưa thích.*

**Giảng:**

Thứ ba là quán bất tịnh, xét quán ở thế gian này tất cả thân tứ đại đều như bản ô uế, không có gì đáng ưa thích.

### d. Quán đại bi

**Âm:**

**Như thị đương niệm: Nhất thiết chúng sanh tùng vô thủy thế lai, giai nhân vô minh sở huân tập cố linh tâm sanh diệt, dĩ thọ nhất thiết thân tâm đại khổ. Hiện tại tức hữu vô lượng bức bách. Vị lai sở khổ diệt vô phần tề, nan xả nan ly nhi bất giác tri. Chúng sanh như thị, thậm vi khả mẫn.**

**Dịch:**

*Như thế, phải nhớ tất cả chúng sanh từ đời vô thủy đến nay đều nhân nơi vô minh huân tập, khiến cho tâm sanh diệt, đã chịu tất cả khổ lớn nơi thân tâm. Hiện tại cũng có vô lượng cái khổ bức bách. Vị lai những sự khổ cũng không có ngăn mé, khó bỏ khó lìa mà không hay biết. Chúng sanh như thế rất đáng thương xót.*

**Giảng:**

Sau khi quán tất cả pháp khổ, vô thường, thân bất tịnh, chúng ta khởi tâm thương xót tất cả chúng sanh do vô minh nên chịu khổ lớn hiện tại cũng như vị lai.

**e. Quán đại nguyện****Âm:**

Tác thử tư duy, tức ứng dũng mãnh lập đại thế nguyện. Nguyện linh ngã tâm ly phân biệt cố, biến ư thập phương tu hành nhất thiết chư thiện công đức, tận kỳ vị lai, dĩ vô lượng phương tiện cứu bạt nhất thiết khổ não chúng sanh, linh đắc Niết-bàn đệ nhất nghĩa lạc.

**Dịch:**

*Khởi suy nghĩ như thế liền nên dũng mãnh lập đại thế nguyện: Nguyện cho tâm ta lìa hết những phân biệt, ở khắp cả mười phương tu hành tất cả công đức lành, tận đời vị lai, dùng vô lượng phương tiện để cứu bạt tất cả khổ não của chúng sanh, khiến cho được Niết-bàn là cái vui đệ nhất.*

**Giảng:**

Sau khi khởi tâm đại bi, chúng ta liền phát khởi nguyện lớn, mong cứu độ tất cả chúng sanh. Song nguyện độ mọi người trước phải nguyện cho mình được tâm lìa phân biệt, và ở khắp cả mười phương làm tất cả công đức lành. Tột đời vị lai, tùy phương tiện độ tất cả chúng sanh ra khỏi khổ não, để họ được Niết-bàn an lạc bậc nhất. Đó là chỗ chúng ta cần phải quán.

**f. Quán tinh tấn****Âm:**

**Dĩ khởi như thị nguyện cố, ư nhất thiết thời nhất thiết xứ, sở hữu chúng thiện, tùy dĩ kham năng bất xả tu học, tâm vô giải đãi, duy trừ tọa thời chuyên niệm ư chỉ. Nhược dư nhất thiết, tất đương quán sát ưng tác bất ưng tác.**

**Dịch:**

*Do khởi đại nguyện như thế, trong tất cả thời tất cả chỗ, hễ có các việc lành tùy theo khả năng không bỏ sự tu học, tâm không lười biếng. Chỉ trừ khi ngồi chuyên niệm pháp chỉ, ngoài ra tất cả thời khác, thấy đều nên quán sát việc nên làm hay không nên làm.*

**Giảng:**

Khi ngồi thiền, chúng ta luôn tu tập lối tu Chỉ là trở về chân như tam-muội. Ngoài ra nơi tất cả chỗ, trong mọi thời gian, chúng ta luôn quán sát việc nào nên làm,

việc nào không nên làm. Việc nên làm là các việc lành, tùy theo sức của mình làm tất cả các điều lợi ích không từ bỏ. Đó là hạnh tinh tấn.

### 3. Chỉ quán đồng thời

**Âm:**

**Nhược hành nhược trụ, nhược ngọa nhược khởi, giai ưng chỉ quán câu hành. Sở vị tuy niệm chư pháp tự tánh bất sanh, nhi phục tức niệm nhân duyên hòa hợp thiện ác chi nghiệp, khổ lạc đẳng báo bất thất bất hoại. Tuy niệm nhân duyên thiện ác nghiệp báo, nhi diệt tức niệm tánh bất khả đắc.**

**Dịch:**

*Hoặc đi hoặc đứng, hoặc ngồi hoặc dậy, đều nên đồng thời tu tập chỉ quán. Đó là tuy suy nghĩ các pháp tự tánh không sanh, nhưng lại nhớ nghĩ do nhân duyên hòa hợp nên nghiệp thiện ác, những quả báo khổ vui... không mất không hoại. Tuy nhớ nghĩ nhân duyên quả báo thiện ác mà cũng lại nhớ nghĩ tánh nó không có thể được.*

**Giảng:**

Tu chỉ quán đồng một lúc sẽ tránh được hai lỗi. Nếu một bề tu chỉ, tâm dễ bị chìm lặng trong cảnh tịnh, nếu một bề tu quán, tâm thường khởi nghĩ nên dễ xao động. Trong mọi hoạt động bình thường chúng ta dùng trí tuệ quán chiếu các pháp thế gian vô thường huyễn hóa.

Tuy có khởi niệm quán sát nhưng biết các pháp tự tánh là không, tâm chẳng duyên theo cảnh. Như thế tâm luôn quán sát mà không bị vướng kẹt, thường dừng lặng mà không quên nghiệp quả khổ vui nên khởi đại nguyện độ chúng sanh. Nguyện độ mà vẫn nhớ mình và người như huyễn.

Thượng tọa Tiểu Tĩnh có bài kệ:

*Huyễn nhân hưng huyễn, huyễn luân vi,  
Huyễn nghiệp năng chiêu, huyễn sở trì,  
Bất liễu huyễn sanh chư huyễn khổ,  
Giác tri như huyễn, huyễn vô vi.*

Dịch:

*Người huyễn dấy huyễn, huyễn xoay vần,  
Nghiệp huyễn hay vời quả lụy thân,  
Mê lý huyễn sanh nhiều huyễn khổ,  
Ngộ ra như huyễn, huyễn thành chân.*

#### 4. Lợi ích tu chỉ quán

**Âm:**

**Nhược tu chỉ giả, đối trị phàm phu trụ trước thế gian, năng xả Nhị thừa khiếp nhược chi kiến. Nhược tu quán giả, đối trị Nhị thừa bất khởi đại bi hiệp liệt tâm quá, viễn ly phàm phu bất tu thiện căn. Dĩ thử nghĩa cố, thị chỉ quán nhị môn cộng tương trợ thành, bất tương xả ly. Nhược chỉ quán bất cụ, tác vô năng nhập Bồ-đề chi đạo.**

**Dịch:**

*Nếu người tu pháp chỉ thì đối trị bệnh phàm phu đắm trước thế gian, hay xả được kiến chấp khiếm nhược của Nhị thừa. Nếu người tu pháp quán thì hay đối trị lỗi Nhị thừa có tâm hẹp hòi không khởi lòng đại bi, cũng lại xa lìa phàm phu không tu thiện căn. Bởi do nghĩa ấy, nên môn chỉ quán đồng giúp nhau thành tựu không rời bỏ nhau. Nếu chỉ quán không đầy đủ thì không thể vào được đạo Bồ-đề.*

**Giảng:**

Tổng kết lợi ích của pháp tu chỉ quán. Khi chúng ta tu chỉ tức là trở về chân như nên không mê luyến tất cả pháp thế gian vì biết chúng hư giả. Biết tự tánh chân như là Niết-bàn, không còn khiếm nhược sợ tu ba a-tăng-kỳ là lâu xa. Đó là lìa được sự khiếm nhược của Nhị thừa. Khi tu quán, biết các pháp thế gian là vô thường, khổ, bất tịnh mà chúng sanh mê muội chìm đắm trong đó, nên khởi lòng đại bi. Như thế siêu vượt Niết-bàn không tịch của Nhị thừa và xa lìa tất cả bệnh bất thiện của phàm phu. Do nghĩa đó nên chúng ta phải đồng tu chỉ quán, sẽ thành tựu đạo Bồ-đề.

**B- PHƯƠNG TIỆN CỨU VỚT****Âm:**

**Phục thứ, chúng sanh sơ học thị pháp dục cầu chánh tín, kỳ tâm khiếm nhược. Dĩ trụ ư thử Ta-bà thế giới, tự úy bất năng thường trị chư Phật thân**

thừa cúng dường. Cụ vị tín tâm nan khả thành tựu, ý dục thối giả, đương tri Như Lai hữu thắng phương tiện nhiếp hộ tín tâm. Vị dĩ chuyên ý niệm Phật nhân duyên, tùy nguyện đắc sanh tha phương Phật độ, thường kiến ư Phật vĩnh ly ác đạo. Như tu-đa-la thuyết: Nhược nhân chuyên niệm Tây phương Cực lạc thế giới A-di-đà Phật, sở tu thiện căn, hồi hướng nguyện cầu sanh bỉ thế giới, tức đắc vãng sanh, thường kiến Phật cố, chung vô hữu thối. Nhược quán bỉ Phật chân như pháp thân, thường cần tu tập tất cánh đắc sanh, trụ chánh định cố.

**Dịch:**

*Lại nữa, chúng sanh mới học pháp này, muốn cầu chánh tín mà tâm họ khiếp nhược. Do ở nơi thế giới Ta-bà này, tự sợ không thể thường gặp chư Phật để gần gũi thờ phụng cúng dường. Sợ rằng lòng tin khó thành tựu, ý muốn thối lui, phải biết Như Lai có phương tiện thù thắng nhiếp hộ lòng tin người ấy. Nghĩa là dùng nhân duyên chuyên tâm niệm Phật, tùy nguyện được sanh vào cõi Phật ở phương khác, thường thấy đức Phật, hằng là ác đạo. Như trong kinh nói: Nếu người chuyên niệm đức Phật A-di-đà ở thế giới Tây phương Cực lạc, tu các căn lành để hồi hướng nguyện cầu sanh về cõi nước kia, liền được vãng sanh và nhờ thường thấy Phật, trọn không thối lui. Nếu quán chân như pháp thân của đức Phật kia, thường siêng tu tập, cứu cánh được sanh, an trụ nơi chánh định.*

**Giảng:**

Đây là phương tiện hỗ trợ cho những người căn cơ yếu kém. Vì các chúng sanh cũng muốn được tín tâm nơi Đại thừa, nhưng tâm chí chưa thuần thực, e sợ đường luân hồi lâu xa không gặp được Phật, Tổ bèn chỉ dạy pháp môn niệm Phật. Nói rằng niệm Phật sẽ được sanh về cõi Phật, nhưng điều kiện chính yếu là phải chuyên niệm không lơ lửng, và phải tu các căn lành để hồi hướng cho nghiệp mình thành tựu. Nghĩa là dạy các phương tiện tu tập tín tâm rất ráo rồi mà làm không được, mới dạy sang phương pháp sau cùng này. Đây cũng không phải việc dễ làm, nếu không kiên cố siêng tu, thường tưởng nhớ Phật, thì không dễ thành tựu.



## **KHUYẾN TU LỢI ÍCH**

**Âm:**

**Dĩ thuyết tu hành tín tâm phần. Thứ thuyết khuyến tu lợi ích phần.**

**Như thị Ma-ha-diễn chư Phật bí tàng, ngã dĩ tổng thuyết. Nhược hữu chúng sanh dục ư Như Lai thậm thâm cảnh giới đắc sanh chánh tín, viễn ly phỉ báng nhập Đại thừa đạo, đương trì thủ luận tư lương tu tập, cứu cánh năng chí vô thượng chi đạo.**

**Nhược nhân văn thị pháp dĩ bất sanh khiếp nhược, đương trì thủ nhân định thiệu Phật chủng, tất vị chư Phật chi sở thọ ký.**

**Giả sử hữu nhân năng hóa tam thiên đại thiên thế giới mãn trung chúng sanh linh hành thập thiện, bất như hữu nhân ư nhất thực khoảnh chánh tư thủ pháp, quá tiền công đức bất khả vi dụ.**

**Dịch:**

*Đã nói phân tu hành tín tâm. Kế nói phân khuyến tu lợi ích.*

*Pháp Đại thừa như thế là kho tàng bí mật của chư Phật, tôi đã nói tổng quát xong. Nếu có chúng sanh muốn đối với cảnh giới thậm thâm của Như Lai sanh lòng chánh tín, xa lìa chê bai được vào đạo Đại thừa, nên gìn giữ luận này suy nghĩ tu tập, cứu cánh sẽ đến được đạo vô thượng.*

*Nếu người nghe pháp này rồi không sanh khiếp nhược, nên biết người này quyết định nối dòng giống Phật, ắt được chư Phật thọ ký.*

*Giả sử có người hay giáo hóa chúng sanh đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới, khiến cho tu hành thập thiện, cũng không bằng có người ở trong khoảng bữa ăn, chân chánh suy nghĩ về pháp này. Công đức của người sau hơn công đức của người trước không thể nào thí dụ được.*

**Giảng:**

Đây là phần thứ năm cũng là phần cuối của bộ luận, nói về lợi ích của sự khuyến tu thực hành theo những lời dạy trong đây. Khi tạo luận này, Tổ đã gồm nhiếp tất cả giáo pháp vi diệu sâu xa rộng lớn của chư Phật. Cảnh giới thậm thâm của Như Lai là cảnh giới Đại thừa, là chính tâm chúng sanh. Nếu chúng ta nghe xong khởi lòng tin chắc chắn, không sợ rằng mình không có phần, cứ quyết định tiến tu, Tổ bảo đảm người này quyết định nối dòng giống Phật, được Phật thọ ký.

Giả sử có người chỉ dạy tất cả người trong tam thiên đại thiên thế giới tu thập thiện, công đức lành cũng nhiều. Nhưng có người chỉ trong khoảng bữa ăn chánh niệm pháp chân như này, công đức nhiều hơn người trước không thể so sánh thí dụ. Pháp chân như là cội gốc của tất cả điều lành, là chính tâm thể chúng sanh, khi trở về đó rồi không còn pháp nào hơn nữa.

### **Âm:**

**Phục thứ, nhược nhân thọ trì thử luận quán sát tu hành, nhược nhất nhật nhất dạ, sở hữu công đức vô lượng vô biên bất khả đắc thuyết. Giả linh thập phương nhất thiết chư Phật, các ư vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp tán kỳ công đức, diệc bất năng tận. Hà dĩ cố? Vị pháp tánh công đức vô hữu tận cố, thử nhân công đức diệc phục như thị, vô hữu biên tế.**

### **Dịch:**

*Lại nữa, nếu có người thọ trì luận này, quán sát tu hành một ngày một đêm, công đức có được vô lượng vô biên không thể nói được. Giả sử tất cả chư Phật ở mười phương, mỗi vị ở vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp tán thán công đức ấy cũng không thể nào hết được. Vì có sao? Vì công đức pháp tánh không có cùng tận, nên công đức người này cũng lại như thế, không có bờ mé.*

### **Giảng:**

Người đối với luận này học hỏi ghi nhớ, quán sát và tu tập trong một ngày một đêm thì công đức vô lượng

vô biên không thể nghĩ bàn. Dù chư Phật mười phương mỗi vị đều ca tụng công đức của người này đến vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp cũng không thể nào hết được. Vì công đức của chân như pháp tánh không cùng tận nên công đức của người này cũng không cùng tận.

### **Âm:**

**Kỳ hữu chúng sanh, ư thử luận trung hủy báng bất tín, sở hoạch tội báo kinh vô lượng kiếp thọ đại khổ não. Thị cố chúng sanh đản ứng ngưỡng tín, bất ưng phỉ báng, dĩ thâm tự hại diệt hại tha nhân, đoạn tuyệt nhất thiết Tam bảo chi chủng. Dĩ nhất thiết Như Lai giai y thử pháp đắc Niết-bàn cố, nhất thiết Bồ-tát nhân chi tu hành nhập Phật trí cố.**

### **Dịch:**

*Nếu có chúng sanh đối với luận này, hủy báng không tin sẽ mắc tội báo trải qua vô lượng kiếp thọ khổ não lớn. Thế nên chúng sanh chỉ nên tín ngưỡng, không nên phỉ báng, để không tự hại mình cũng chẳng hại người khác một cách sâu sắc, hủy diệt tất cả hạt giống Tam bảo. Do tất cả Như Lai đều y pháp này mà được Niết-bàn, tất cả chư Bồ-tát đều nhân tu pháp này mà được vào trí tuệ Phật.*

### **Giảng:**

Trước nói về công đức của người tin kính và tu tập theo luận này, vô lượng vô biên lợi lành như thế. Ngược lại nếu chê bai không tin cũng sẽ chịu vô lượng vô biên

khổ não. Chư Phật chư Bồ-tát đều y nơi pháp này tức y chân tâm tu tập và đắc Niết-bàn, người phỉ báng không tin tức tự làm hoại diệt căn lành, đoạn mất chủng tử vô thượng Bồ-đề, như thế là tự hại mình và hại người.

**Âm:**

**Đương tri quá khứ Bồ-tát dĩ y thử pháp đắc thành tịnh tín. Hiện tại Bồ-tát kim y thử pháp đắc thành tịnh tín. Vị lai Bồ-tát đương y thử pháp đắc thành tịnh tín. Thị cố chúng sanh ưng cần tu học.**

**Chư Phật thậm thâm quảng đại nghĩa,  
Ngã kim tùy phân tổng trì thuyết,  
Hồi thử công đức như pháp tánh,  
Phổ lợi nhất thiết chúng sanh giới.**

**Dịch:**

*Nên biết trong thời quá khứ chư Bồ-tát đã y pháp này mà được thành tựu lòng tin thanh tịnh. Hiện tại chư Bồ-tát đang y pháp này mà thành tựu lòng tin thanh tịnh. Vị lai chư Bồ-tát cũng sẽ y pháp này mà thành tựu được lòng tin thanh tịnh. Thế nên chúng sanh cần siêng năng tu học.*

*Nghĩa sâu rộng lớn của chư Phật,  
Nay tôi tùy thuận nói tổng quát,  
Hồi hướng công đức như pháp tánh,  
Lợi ích tất cả chúng sanh giới.*

**Giảng:**

*Nghĩa thâm thâm rộng lớn của chư Phật* tức là nghĩa rộng lớn của thể, tướng, dụng Đại thừa, cũng là tướng chung của pháp giới. Ý theo nghĩa này, Tổ đã nói gồm hết trong bộ luận, có khoảng hơn mười ngàn lời, đó gọi là văn ít mà nghĩa nhiều, vì các chúng sanh thích đọc gọn và đầy đủ ý. Cuối cùng ngài *hồi hướng công đức như pháp tánh*, pháp tánh rộng lớn nên công đức rộng lớn, phổ cập lợi ích tất cả chúng sanh giới rộng lớn. Đây là thành tựu viên mãn như ý nghĩa Đại thừa.

